

UBND TỈNH THÁI NGUYÊN
SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

LỊCH SỬ

NGÀNH GIÁO DỤC TỈNH THÁI NGUYÊN (1945 - 2015)

THÁI NGUYÊN - NĂM 2020

Ban chủ nhiệm đề tài:

1- PHẠM VIỆT ĐỨC

Tỉnh ủy viên, Giám đốc Sở Giáo dục và Đào tạo: *Chủ nhiệm*

2- NGUYỄN MẠNH SƠN

Phó Giám đốc Sở Giáo dục và Đào tạo: *Phó Chủ nhiệm*

3- NGUYỄN VĂN HÙNG

Phó Giám đốc Sở Giáo dục và Đào tạo: *Phó Chủ nhiệm*

4- NHÂM QUỐC HÙNG

Chuyên viên Phòng Giáo dục Trung học: *Thư kí*

Tham gia cung cấp tư liệu:

1- NHÂM QUỐC HÙNG

2- NGUYỄN MẠNH SƠN

Biên soạn:

1- NGUYỄN XUÂN MINH (Chủ biên): *Chương IV và Kết luận*

2- NGUYỄN THANH BÌNH: *Mở đầu và Chương I*

3- NGUYỄN VĂN THẮNG: *Chương II và Phụ lục*

4- VŨ THANH KHÔI: *Chương III*

5- NGUYỄN ĐỨC HẠNH: *Phụ lục*

Biên tập:

NGUYỄN XUÂN MINH

LỜI GIỚI THIỆU

Sau Cách mạng Tháng Tám năm 1945, Ty Tiểu học vụ tỉnh Thái Nguyên do đồng chí Nguyễn Minh Tụng phụ trách và Ty Bình dân học vụ tỉnh Thái Nguyên do đồng chí Phạm Duy Nhuận làm Trưởng ty được thành lập, đánh dấu sự ra đời ngành Giáo dục tỉnh Thái Nguyên. Ty Tiểu học vụ và Ty Bình dân học vụ tỉnh là các cơ quan tham mưu, chuyên trách giúp cấp ủy và chính quyền địa phương lãnh đạo, chỉ đạo công tác giáo dục trên địa bàn tỉnh. Đây chính là hai cơ quan tiền thân của Sở Giáo dục và Đào tạo Thái Nguyên ngày nay.

Trải qua 70 năm xây dựng và phát triển (1945 - 2015), ngành Giáo dục tỉnh Thái Nguyên không ngừng lớn mạnh về mọi mặt, hoàn thành xuất sắc chức năng, nhiệm vụ tham mưu, giúp các cấp ủy đảng, chính quyền trong tỉnh lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện thắng lợi các chủ trương, đường lối của Trung ương, địa phương về công tác giáo dục và đào tạo, được Đảng và Nhà nước ghi nhận, tặng thưởng 3 Huân chương Lao động các hạng Nhất, Nhì, Ba và Huân chương Độc lập hạng Ba cùng nhiều phần thưởng cao quý khác.

Thực hiện chỉ thị của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về công tác nghiên cứu, biên soạn lịch sử đảng bộ các cấp và lịch sử các ban, ngành trong tỉnh; nhân dịp kỉ niệm 75 năm Ngày truyền thống của ngành Giáo dục Việt Nam và Ngày Nhà giáo Việt Nam (20/11/1945 - 20/11/2020), Đảng ủy - Ban Giám đốc Sở Giáo dục và Đào tạo Thái Nguyên tổ chức nghiên cứu, biên soạn và xuất bản cuốn sách *Lịch sử ngành Giáo dục tỉnh Thái Nguyên (1945 - 2015)*.

Cấu trúc cuốn sách gồm các phần: *Lời giới thiệu, Mở đầu*, 4 chương nội dung, *Kết luận* và *Phụ lục*. Nội dung cuốn sách dựng lại một cách tương đối đầy đủ, khách quan và trung thực quá trình xây dựng, phát triển của ngành Giáo dục tỉnh Thái Nguyên; ghi lại công lao đóng góp của các thế hệ lãnh đạo và đội ngũ cán bộ, giáo viên, công chức, viên chức, học sinh, sinh viên trong Ngành cho sự

ngành giáo dục và đào tạo của tỉnh từ năm 1945 đến năm 2015. Trên cơ sở đó, cuốn sách góp phần khơi dậy và phát huy niềm tự hào, động viên đội ngũ cán bộ, giáo viên, nhân viên, học sinh, sinh viên trong Ngành nâng cao tinh thần trách nhiệm, đoàn kết, phấn đấu hoàn thành và hoàn thành xuất sắc mọi nhiệm vụ được giao vì thắng lợi của sự nghiệp công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước trên địa bàn tỉnh.

Chúng tôi chân thành cảm ơn các đồng chí nguyên lãnh đạo Ngành qua các thời kì, các nhà khoa học, các cơ quan, đơn vị... đã cung cấp tư liệu, góp ý và tạo điều kiện cho việc hoàn thành cuốn sách *Lịch sử ngành Giáo dục tỉnh Thái Nguyên (1945 - 2015)*.

Do có nhiều khó khăn về nguồn tư liệu, nhất là các tư liệu từ thời kì kháng chiến chống Mỹ, cứu nước (1954 - 1975) về trước, nên chắc chắn nội dung cuốn sách không tránh khỏi thiếu sót. Đảng uỷ - Ban Giám đốc Sở Giáo dục và Đào tạo Thái Nguyên rất mong các thể hệ lãnh đạo, nhà giáo, cán bộ, công chức, viên chức, học sinh, sinh viên đã và đang công tác trong Ngành cùng đồng đạo bạn đọc góp ý, phê bình.

Thay mặt Đảng uỷ, Ban Giám đốc Sở Giáo dục và Đào tạo Thái Nguyên, tôi xin trân trọng giới thiệu cuốn sách *Lịch sử ngành Giáo dục tỉnh Thái Nguyên (1945 - 2015)* với các thể hệ lãnh đạo, nhà giáo và cán bộ, công chức, viên chức, học sinh, sinh viên trong Ngành cùng các bạn đọc.

PGS.TS PHẠM VIỆT ĐỨC

Bí thư Đảng uỷ - Giám đốc

Sở Giáo dục và Đào tạo Thái Nguyên.

MỘT SỐ PHẦN THƯỞNG CAO QUÝ



NGÀNH GIÁO DỤC TỈNH ĐƯỢC TẶNG:

Huân chương Lao động hạng Ba (1985)

Huân chương Lao động hạng Nhì (1995)

Huân chương Lao động hạng Nhất (2002)



Huân chương Độc lập hạng Ba (2011)

(Theo Quyết định số 190/KT-CTN, ngày 15/2/2011
của Chủ tịch nước)



Cờ thi đua của Chính phủ tặng Ty Giáo dục tỉnh Bắc Thái năm 1966



Cờ thi đua của Chính phủ tặng Sở Giáo dục và Đào tạo Thái Nguyên năm 2000



Cờ thi đua của Chính phủ tặng Sở Giáo dục và Đào tạo Thái Nguyên năm học 2008 - 2009



Cờ thi đua của Chính phủ tặng Sở Giáo dục và Đào tạo Thái Nguyên năm 2014



Lễ kỷ niệm 55 năm truyền thống và đón nhận danh hiệu Anh hùng Lao động

Trường Trung học phổ thông Lương Ngọc Quyền
kỷ niệm 55 năm truyền thống và đón nhận danh hiệu
Anh hùng Lao động thời kì đổi mới (năm 1999)



Trường Trung học phổ thông Chu Văn An
đón nhận *Huân chương Độc lập hạng Ba* (19/11/2011)



Trường Trung học phổ thông Chuyên
đón nhận *Huân chương Lao động hạng Nhất* (11/10/2013)



Trường Trung học phổ thông Lương Phú
đón nhận *Huân chương Lao động hạng Ba* (2013).

MỞ ĐẦU

KHÁI QUÁT TÌNH HÌNH GIÁO DỤC TỈNH THÁI NGUYÊN THỜI THUỘC PHÁP (1884 - 1945)

I- Tỉnh Thái Nguyên: Quê hương, con người và truyền thống

Thái Nguyên là tỉnh miền núi - trung du thuộc vùng Đông Bắc Việt Nam; phía bắc giáp tỉnh Bắc Kạn, phía đông giáp tỉnh Lạng Sơn, phía đông nam giáp tỉnh Bắc Giang, phía nam giáp Thủ đô Hà Nội, phía tây nam giáp tỉnh Vĩnh Phúc, phía tây bắc giáp tỉnh Tuyên Quang.

Trong lịch sử, đất Thái Nguyên (ngày nay) đã có nhiều thay đổi về tên gọi và biến động về địa giới hành chính.

Thời các vua Hùng dựng nước, Thái Nguyên thuộc bộ Vũ Định - một trong 15 bộ của nước Văn Lang. Đời Thục Phán An Dương Vương với nước Âu Lạc, các bộ thời Hùng Vương vẫn được giữ nguyên. Thời thuộc nhà Triệu (179 - 111 tr.CN), Thái Nguyên thuộc về nước Nam Việt. Thời thuộc nhà Hán (111 tr.CN - 220 sau CN), Thái Nguyên thuộc huyện Long Biên, quận Giao Chỉ. Thời nhà Tiền Lý (544 - 602), Thái Nguyên thuộc về nước Vạn Xuân...

Dưới triều Đinh, Tiền Lê (nửa cuối thế kỉ X), nước ta được chia làm 10 đạo. Năm 1009, Lý Công Uẩn lên ngôi vua, lập ra nhà Lý, dời đô từ Hoa Lư ra Thăng Long (1010), chia lại các khu vực

hành chính trong nước, đổi 10 đạo thời Đinh - Tiền Lê thành các lộ và phủ. Dưới phủ là các huyện (miền xuôi), châu (miền núi). Thái Nguyên thuộc phủ Phú Lương gồm đất châu Tây Nông (Tur Nông, sau đổi là Phú Bình), khu vực phía Đông châu Vạn Nhai (sau đổi là Vũ Nhai) và châu Định Biên (sau là Tuyên Hóa, Định Hóa)⁽¹⁾. Đời nhà Trần, Thái Nguyên thuộc về lộ Như Nguyệt Giang; đến năm 1397, Thái Nguyên là trấn gồm các huyện: Phú Lương, Tur Nông, Vũ Lễ, Động Hi, Tuyên Hóa, Đại Từ, Yên Định, Lộng Thạch, Vĩnh Thông, Cẩm Hóa và châu Thái Nguyên. “*Đại thể thì trấn Thái Nguyên là tương đương với đất tỉnh Thái Nguyên, tỉnh Bắc Kạn và nửa phía tây tỉnh Cao Bằng ngày nay*”⁽²⁾.

Thời thuộc Minh (1407 - 1427), vào năm 1407 trấn Thái Nguyên đổi thành châu Thái Nguyên; năm 1410 châu Thái Nguyên được nâng lên thành phủ Thái Nguyên; năm 1426, đổi thành Thái Nguyên Thừa Chính ty, gồm 3 phủ: Thái Nguyên, Phú Bình, Thông Hoá.

Năm 1428, sau khi giặc Minh bị quét khỏi bờ cõi, nhà Lê được thành lập, Lê Thái Tổ chia đất nước thành 5 đạo: Tây Đạo, Đông Đạo, Bắc Đạo, Nam Đạo và Hải Tây Đạo. Thái Nguyên thuộc Bắc Đạo. Dưới đạo là trấn, lộ rồi đến phủ, huyện, châu và cuối cùng là xã. Năm 1466, Lê Thánh Tông định lại bản đồ cả nước, từ 5 đạo được chia nhỏ thành 12 đạo thừa tuyên, Thái Nguyên là một trong 12 đạo thừa tuyên ấy.

Năm 1469, Thái Nguyên thừa tuyên đổi thành Ninh Sóc thừa tuyên, gồm 3 phủ Phú Bình, Thông Hoá, Cao Bằng. Năm 1490,

(1), (2) Đào Duy Anh: *Đất nước Việt Nam qua các đời*. Nxb. Khoa học. Hà Nội 1965, tr. 90, 91, 112, 113.

Ninh Sóc thừa tuyên được đổi thành xứ thừa tuyên (xứ) Thái Nguyên. Năm 1533, xứ Thái Nguyên được đổi thành trấn Thái Nguyên.

Năm Vĩnh Trị thứ 2 (1677), phủ Cao Bằng được tách khỏi trấn Thái Nguyên để đặt riêng làm trấn Cao Bằng; trấn Thái Nguyên còn 2 phủ: Phú Bình và Thông Hoá.

Thời Gia Long nhà Nguyễn (1802 - 1819), trấn Thái Nguyên thuộc Bắc Thành. Trong 2 năm (1831 - 1832), Vua Minh Mạng tiến hành cải cách hành chính địa phương, bỏ các tổng trấn, đổi các dinh trấn thành tỉnh. Theo đó, cả nước có 30 tỉnh và 1 phủ (Thừa Thiên). Trấn Thái Nguyên được đổi thành tỉnh Thái Nguyên.

Dưới thời thuộc Pháp, từ tháng 10/1890 đến tháng 9/1892, tỉnh Thái Nguyên bị xoá bỏ, phân tán vào các địa bàn khác nhau đặt dưới quyền quản lí của giới cầm quyền quân sự Pháp.

Theo các nghị định của Toàn quyền Đông Dương kí vào các ngày 10 và 15/10/1892, tỉnh Thái Nguyên được tái lập, gồm 3 phủ: Phú Bình, Tông Hóa và Thông Hóa.

Ngày 11/4/1900, Toàn quyền Đông Dương ra nghị định thành lập tỉnh Bắc Kạn trên cơ sở toàn bộ phủ Thông Hoá của tỉnh Thái Nguyên.

Để mở rộng địa giới tỉnh Bắc Kạn, ngày 25/6/1901, chính quyền thực dân cắt tổng Yên Đĩnh khỏi huyện Phú Lương, phủ Tông Hoá (Thái Nguyên), sáp nhập về châu Bạch Thông (Bắc Kạn). Cũng trong khoảng thời gian này, 4 tổng thuộc tỉnh Bắc Giang được cắt về tỉnh Thái Nguyên. Trong những năm 1901 - 1913, việc tách, nhập giữa các châu, huyện trong tỉnh cũng diễn ra khá nhiều.

Ngày 27/2/1933, Toàn quyền Đông Dương ban hành nghị định về việc *Trung tâm đô thị Thái Nguyên được nâng lên thành Thị xã*. Ngày 23/4/1938, Thống sứ Bắc Kỳ ban hành Nghị định số 2046-1 thành lập thị xã Thái Nguyên.

Ngày 6/6/1956, theo nghị quyết của Hội đồng Chính phủ, Khu Tự trị Việt Bắc được thành lập, gồm các tỉnh: Cao Bằng, Bắc Kạn, Lạng Sơn, Tuyên Quang (trừ huyện Yên Bình), Thái Nguyên (trừ huyện Phổ Yên cắt về tỉnh Vĩnh Phúc, huyện Phú Bình cắt về tỉnh Bắc Giang)⁽¹⁾ và huyện Hữu Lũng tỉnh Bắc Giang (nhập vào tỉnh Lạng Sơn). Thị xã Thái Nguyên trở thành Thủ phủ của Khu Tự trị Việt Bắc. Tỉnh Hà Giang sáp nhập vào Khu Tự trị Việt Bắc theo Sắc lệnh số 20-SL ngày 23/3/1959 của Chủ tịch nước.

Ngày 19/10/1962, Hội đồng Chính phủ kí Quyết định số 114/CP về việc thành lập thành phố Thái Nguyên, thị trấn Trại Cau thuộc thành phố Thái Nguyên; điều chỉnh địa giới hành chính một số xã và huyện trong tỉnh Thái Nguyên. Thành phố Thái Nguyên khi mới thành lập có diện tích tự nhiên gần 100 km², dân số khoảng 60.000 người.

Thực hiện nghị quyết ngày 21/4/1965 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà, từ ngày 1/7/1965, tỉnh Thái Nguyên hợp nhất với tỉnh Bắc Kạn thành tỉnh Bắc Thái, gồm 14 đơn vị hành chính trực thuộc. Ngày 29/12/1978, Quốc hội khoá VI nước Cộng hoà Xã hội chủ nghĩa Việt Nam ra nghị quyết tách 2 huyện: Ngân Sơn và Chợ Rã khỏi tỉnh Bắc Thái, sáp nhập vào tỉnh Cao Bằng; Bắc Thái còn 11 đơn vị hành chính trực thuộc với diện

⁽¹⁾ Ngày 15/6/1957, hai huyện Phổ Yên và Phú Bình được trả về tỉnh Thái Nguyên.

tích 6.500 km². Ngày 2/4/1985, Hội đồng Bộ trưởng ra Quyết định số 102-HĐBT về việc điều chỉnh địa giới hành chính một số huyện, thành phố thuộc tỉnh Bắc Thái. Theo đó, huyện Đông Hỷ chuyển giao cho thành phố Thái Nguyên 7 xã: Phúc Hà, Phúc Xuân, Phúc Trìu, Thịnh Đán, Thịnh Đức, Tân Cương, Tích Lương; giao cho huyện Phổ Yên 2 xã Bình Sơn và Phúc Tân; tiếp nhận từ thành phố Thái Nguyên xã Đồng Bẩm, tiểu khu Chiến Thắng, thị trấn Núi Voi, thị trấn Trại Cau; tiếp nhận từ huyện Võ Nhai 4 xã: Hòa Bình, Tân Long, Quang Sơn, Vân Lăng. Huyện lỵ Đông Hỷ chuyển sang phía đông bắc sông Cầu.

Tại Quyết định số 113/QĐ-HĐBT ngày 11/4/1985 của Hội đồng Bộ trưởng, thị xã Sông Công được thành lập, gồm 3 phường: Mỏ Chè, Lương Châu, Thắng Lợi và 3 xã: Cải Đan, Tân Quang, Bá Xuyên.

Thực hiện nghị quyết ngày 6/11/1996 của Quốc hội khóa IX nước Cộng hòa Xã hội chủ nghĩa Việt Nam, từ ngày 1/1/1997, tỉnh Bắc Thái tách thành 2 tỉnh Thái Nguyên và Bắc Kạn. Tỉnh Thái Nguyên có diện tích tự nhiên 3.541,1km², gồm 9 đơn vị hành chính cấp huyện, với 177 xã, phường, thị trấn.

Ngày 15/5/2015, theo Nghị quyết số 932/NQ-UBTVQH13 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, thành phố Sông Công được thành lập trên cơ sở toàn bộ diện tích tự nhiên và dân số của thị xã Sông Công. Cũng theo Nghị quyết này, xã Lương Sơn của thành phố Thái Nguyên được chuyển thành phường Lương Sơn để sáp nhập vào thành phố Sông Công. Thị xã Phổ Yên được thành lập trên cơ sở toàn bộ diện tích tự nhiên và dân số của huyện Phổ Yên.

Vào thời điểm năm 2015, tỉnh Thái Nguyên có 9 đơn vị hành chính cấp huyện: Thành phố Thái Nguyên - trung tâm chính trị, kinh tế, văn hóa - xã hội của tỉnh; thành phố Sông Công; thị xã Phổ Yên và các huyện: Định Hóa, Đại Từ, Phú Lương, Võ Nhai, Đông Hưng, Phú Bình. Toàn tỉnh có diện tích tự nhiên 3.526,64 km², với tổng dân số 1.238.785 người⁽¹⁾.

Là trung tâm của vùng chiến lược phía bắc sông Hồng, sông núi hiểm trở, nên trong lịch sử Thái Nguyên thường xuyên phải đối mặt với các thế lực ngoại xâm. Chính hoàn cảnh lịch sử đó đã tạo nên những truyền thống tốt đẹp trong nhân dân các dân tộc Thái Nguyên. Đó là, truyền thống đoàn kết, thương yêu đùm bọc lẫn nhau; là đức tính kiên cường, bất khuất.

Cùng với truyền thống đoàn kết, kiên cường, bất khuất, nhân dân Thái Nguyên còn có truyền thống hiếu học.

Trong sự phát triển chung của Nho học qua các thời nhà Lý, nhà Trần, với vùng đất không quá xa kinh thành Thăng Long như Thái Nguyên, chắc chắn việc dạy chữ Nho ở đây cũng đã được chú ý.

Trong thời Hậu Lê, tiếp theo là các thời nhà Mạc, thời Lê Trung Hưng (thế kỉ XV - thế kỉ XVIII), cùng với sự hưng thịnh của Nho giáo, việc học ở Thái Nguyên cũng có sự tiến triển và đạt được một số thành quả đáng kể.

Xác định Thái Nguyên có vị trí chiến lược quan trọng, triều đình đã cử về đây những vị quan có học hành đỗ đạt để cai quản.

⁽¹⁾ Cục Thống kê Thái Nguyên: *Niên giám thống kê tỉnh Thái Nguyên*. Xb. tháng 6/2016, tr. 21.

Cuối thời nhà Hậu Lê, một số danh sĩ nổi tiếng trong lịch sử đã được triều đình cử về cai quản trấn Thái Nguyên. Đó là hai cha con Ngô Thì Sĩ (cha), Ngô Thì Nhậm (con) đều được cử giữ chức Đốc đồng trấn Thái Nguyên và đều để lại những áng văn thơ tuyệt tác về cảnh vật, con người Thái Nguyên. Năm 1784, Nguyễn Du⁽¹⁾ được triều đình bổ chức Chánh thủ hiệu tại trấn Thái Nguyên... Việc những vị học rộng, đỗ cao, tài năng văn học ít người sánh nổi được cử về giữ những chức vụ quan trọng ở Thái Nguyên, đã ảnh hưởng tốt đến việc học hành, thi cử của các Nho sinh địa phương.

Dù chưa có tư liệu nào nói rõ việc mở trường, việc học tập cụ thể ở trấn, ở các phủ, châu, huyện, song nhận xét của Phan Huy Chú (1782 - 1840) trong bộ sách nổi tiếng *Lịch triều Hiến chương loại chí* cũng cho ta hình dung việc học của người Thái Nguyên thời phong kiến (Lê, Mạc): “Về văn học, phủ Phú Bình⁽²⁾ tuy kém 4 thừa tuyên và các trấn Thanh Hóa, Nghệ An, nhưng 7 huyện đều có người đỗ đạt”. Theo sử sách và văn bia, thời phong kiến, Thái Nguyên có 9 người thi đỗ đại khoa. Người đầu tiên là Trình Hiến và người cuối cùng là Đồng Doãn Giai.

Trình Hiến, người làng Cổ Hắng, xứ Thái Nguyên, đỗ Minh kinh bác học năm Kỉ Dậu (1429) đời vua Lê Thái Tổ. Ông được nhà Lê bổ giữ chức Chuyên vận sứ (chức quan đặt đầu thời nhà Lê, quản lĩnh một huyện; năm 1466, chức Chuyên vận sứ đổi là Tri huyện). Về sau, ông được bổ nhiệm chức Thị ngự sử - chức quan

⁽¹⁾ Nguyễn Du: Đại thi hào, tác giả của tác phẩm *Truyện Kiều* nổi tiếng.

⁽²⁾ Tương đương với địa bàn tỉnh Thái Nguyên ngày nay.

đứng đầu Ngự sử đài. Năm 1438, ông được cử làm Phó sứ trong Đoàn sứ thần nhà Lê sang triều cống nhà Minh. Sách *Đại Việt sử ký toàn thư* viết về sự kiện này, như sau: “Mùa đông, tháng 10, ngày 13, năm Thiệu Bình thứ 5, 1438), vua sai Thẩm hình viện Phó sứ Nguyễn Đình Lịch, Thiêm Tri nội mật viện sự Trình Hiến, Thị ngự sử Nguyễn Thiên Tích sang nhà Minh nộp cống hằng năm”. Như vậy, khi tham gia Đoàn sứ thần sang Trung Quốc, Trình Hiến đang giữ chức vụ Thiêm tri nội mật viện sự - một chức vụ có vị trí thứ hai trong Nội mật viện - cơ quan giữ việc quân cơ mật trong triều đình nhà Lê⁽¹⁾.

Ngoài tư cách là một vị quan trong triều, Trình Hiến còn là một người có tài văn chương. Sách *Toàn Việt thi lục* còn lưu của ông 2 tác phẩm, là bài thơ *Dạ bạc Hoa Lư hữu cảm*, và bài văn *Ngư cư tự thuật hoài*. Đến nay, vẫn chưa biết được năm sinh, năm mất và làng Cổ Hắng quê ông là địa phương nào của tỉnh Thái Nguyên.

Nguyễn Cấu - tức Nguyễn Đình Cấu, quê ở làng Thanh Thù, tổng Tiêu Lễ, huyện Thiên Phúc, phủ Bắc Hà, xứ Kinh Bắc (nay là làng Thanh Thù, xã Đồng Tiến, thị xã Phổ Yên, tỉnh Thái Nguyên). Ông thi đỗ Đệ tam giáp Đồng Tiến sĩ xuất thân (Tiến sĩ) năm Quý Mùi (1463) đời vua Lê Thánh Tông.

Nguyễn Cấu được bổ làm quan trong triều đình nhà Lê sơ qua 6 đời vua: Lê Thánh Tông, Lê Hiến Tông, Lê Túc Tông, Lê Uy Mục, Lê Tương Dực và Lê Chiêu Tông. Chức vụ lớn nhất ông được

⁽¹⁾ Theo Đỗ Văn Ninh: *Từ điển chức quan Việt Nam*. Nxb. Thanh Niên. Hà Nội, 2002, tr. 469

giao, là chức Thị vệ (Thị vệ xứ) - Chỉ huy quân Thị vệ, Túc vệ chuyên bảo vệ, tháp tùng vua (chức quan ấy thường lấy quan đại thần ban võ kiêm quản)⁽¹⁾. Để thực hiện âm mưu đoạt ngôi nhà Lê, Mạc Đăng Dung đã cho thanh trừng nhiều triều thần thân tín của vua Lê. Ngày 27/7/1522, Thị vệ xứ Nguyễn Cấu đã bị phe phái của Mạc Đăng Dung sát hại.

Theo gia phả của dòng họ Nguyễn ở làng Thanh Thù, thời Lê Trung Hưng, triều đình đã truy phong cho Nguyễn Cấu, là: “*Lê triều Khâm sai đại thần, Chỉ huy xứ Thị vệ Long quân cấm hầu, Chánh đô đốc, Đúc Bác quận công - Thượng đẳng thần*” và sắc cho dân làng Thanh Thù thờ ông làm Thành hoàng. Đến ngày nay, Nguyễn Cấu cùng các vị Cao Sơn, Quý Minh còn được thờ tại đình Thanh Thù, xã Đồng Tiến, thị xã Phổ Yên.

Đỗ Cận - nguyên là Đỗ Viễn, tự là Hữu Khác, hiệu là Phổ Sơn - sinh năm Giáp Dần (1434); quê ở làng Thống Thượng, huyện Phổ Yên, trấn Thái Nguyên (nay là thôn Thống Thượng, xã Minh Đức, thị xã Phổ Yên, tỉnh Thái Nguyên). Ông đỗ Đệ tam giáp Đồng Tiến sĩ xuất thân (Tiến sĩ) năm 1478 đời vua Lê Thánh Tông. Cùng đỗ khoa thi này với Đỗ Cận có nhiều nho sinh tài giỏi, sau trở thành những quan lại trụ cột của triều Lê sơ, như: Nguyễn Nghiễm, Hoàng Đức Lương, Lê Hạnh Huyền, Bùi Xương Trạch, Vũ Quỳnh....

Năm 1483, Đỗ Cận cùng với Lê Đức Khánh, Nguyễn Trung được vua Lê Thánh Tông cử đi sứ nhà Minh. Về sau, ông được cử vào làm Tham nghị xứ Quảng Nam, rồi thăng tiến tới chức Thượng

⁽¹⁾ Theo Đỗ Văn Ninh: *Từ điển chức quan Việt Nam*. Nxb. Thanh Niên. Hà Nội, 2002, tr. 671.

thư đứng đầu một trong 6 bộ của triều đình nhà Lê sơ với hàm Tòng nhị phẩm⁽¹⁾.

Đỗ Cận còn là một tài năng văn học lớn. Ông là 1 trong số 28 vì sao sáng trên bầu trời thi ca (Nhị thập bát tú) Đại Việt do vị vua “*Từ trời cao siêu, anh minh quyết đoán, có hùng tài đại lược, võ giỏi văn hay... văn thơ thì vượt trên cả những khuôn mẫu của các văn thân*” Lê Thánh Tông đứng đầu.

Đỗ Cận là tác giả của *Kim Lăng ký*, viết khi đi sứ sang kinh đô của nhà Minh. Tương truyền ông là tác giả của truyện thơ *Phan Trần* viết bằng chữ Nôm rất nổi tiếng và nhiều bài thơ. Tiếc rằng, thơ của Đỗ Cận, đến nay chỉ còn lại 2 bài được chép trong sách *Toàn Việt thi lục* là: *Thái Thạch văn bạc* và *Xuân yến*. Ông đã được người dân quê hương - làng Thống Thượng, xã Minh Đức và nhân dân xã Đắc Sơn, huyện (nay là thị xã) Phổ Yên lập đền thờ.

Phạm Nhĩ, sinh năm 1450, quê ở xã Đồng Bầm, huyện Đồng Hỷ, trấn Thái Nguyên (nay là phường Đồng Bầm, thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên). Ông thi đỗ Đệ nhị giáp Tiến sĩ xuất thân (Hoàng giáp) vào năm Quý Sửu (1493) đời vua Lê Thánh Tông. Chức vụ lớn nhất mà Phạm Nhĩ được triều đình nhà Lê giao phó, là chức Phủ doãn phủ Phụng Thiên - Chức quan đứng đầu kinh thành Thăng Long, về mặt hành chính.

Đàm Sâm, quê ở làng Sa Kệ, huyện Văn Lãng, trấn Thái Nguyên (nay là xã Quyết Thắng, thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên). Theo sách *Lê triều lịch khoa tiến sỹ đề danh bi ký*, Đàm

⁽¹⁾ Theo *Từ điển chức quan Việt Nam*: Tham nghị là chức quan ở thừa chính sứ ty, quản việc tư pháp một xứ thời Lê. Trật tòng ngũ phẩm. Nhị phẩm là bậc thứ hai trong 9 bậc Phẩm trật phong cho các quan chức thời phong kiến.

Sâm thi đỗ Đệ tam giáp Đồng Tiến sĩ xuất thân (Tiến sĩ) vào năm Tân Mùi (1511) đời vua Lê Tương Dực. Ông làm quan tới chức Thượng thư, chức quan đứng đầu 1 trong 6 bộ của triều đình. Tuy nhiên, đến nay chưa xác định được ông làm Thượng thư bộ nào, sinh ra và mất vào năm nào.

Trịnh Bá, người xã Cù Đàm (có sách viết là Lệ Trạch, Phú Lương), xứ Thái Nguyên. Theo sách *Kiến văn Tiểu lục* của Bác học Lê Quý Đôn, thì Cù Đàm là vùng Cam Giá, thành phố Thái Nguyên ngày nay. Ông thi đỗ Đệ nhị giáp Tiến sĩ xuất thân (Hoàng giáp) vào năm Giáp Tuất (1514) đời vua Lê Tương Dực. Trên con đường sự nghiệp, Trịnh Bá đã được phong chức Binh bộ Hữu Thị lang (tương đương với chức Thứ trưởng Bộ Quốc phòng ngày nay).

Đến nay, chưa xác định được năm sinh, năm mất của Trịnh Bá.

Đàm Chí, quê xã Sa Khê, huyện Đồng Hỷ, trấn Thái Nguyên; sau đổi là xã Sa Cạt, nay là xã Quyết Thắng, thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên. Ông thi đỗ Đệ tam giáp Đồng Tiến sĩ xuất thân (Tiến sĩ) vào năm Ất Mùi (1535) đời vua Mạc Đăng Doanh; làm quan tới chức Thừa Chính sứ - chức quan đứng đầu một xứ, trấn thời Lê, Mạc. Ông còn được phong tước Vân Trai bá.

Đến nay, vẫn chưa xác định được năm sinh, năm mất của Tiến sĩ Đàm Chí. Phần mộ của ông được đặt tại xóm Chợ, xã Phúc Trìu, thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên.

Dương Úc, quê xã Hóa Trung, huyện Đồng Hỷ, xứ (nay là tỉnh) Thái Nguyên. Ông thi đỗ Đệ tam giáp Đồng Tiến sĩ xuất thân (Tiến sĩ) vào năm Tân Sửu (1541), dưới đời vua Mạc Phúc Hải.

Chức vụ lớn nhất của Dương Úc được bổ nhiệm, là Thừa Chính sứ - chức quan đứng đầu một xứ, trấn thời Lê - Mạc.

Đến nay vẫn chưa rõ năm sinh, năm mất của Tiến sĩ Dương Úc.

Đồng Doãn Giai, còn được gọi là Đồng Doãn Khuê (*sách Lê triều lịch khoa Tiến sĩ đề danh bi ký viết là Chu Doãn Giai*), sinh năm 1701, tại xã Hùng Sơn (sách trên viết là xã Xác Sơn) huyện Đại Từ, trấn Thái Nguyên.

Sau khi thi đỗ 4 trường, còn gọi là thi đỗ 4 kì thi Hương, Đồng Doãn Giai trở thành Giám sinh, được về học tại Quốc tử giám ở kinh thành Thăng Long. Ông thi đỗ khoa thi Hội năm Bính Thân (1736) đời vua Lê Ý Tông. Sau một thời gian ngắn, ông lại dự thi Đình, đỗ Đệ nhị giáp Tiến sĩ (Hoàng giáp). Đồng Doãn Giai được triều đình bổ chức Hàn lâm hiệu thảo, chuyên việc tu soạn Quốc sử, trật Tòng thất phẩm. Về sau, ông được bổ làm Đốc đồng trấn Lạng Sơn. Chức Đốc đồng, kể từ tháng 8/1739, thường được nhà Lê lấy những người ngang chức Thượng thư (Bộ trưởng ngày nay) để bổ nhiệm. Chức Đốc đồng trấn Thái Nguyên, cũng do những viên quan nổi tiếng như: Ngô Thì Sĩ, Ngô Thì Nhậm, Phan Huy Ôn.... đảm nhiệm.

Hoàng Giáp Đồng Doãn Giai mất khi đương chức. Ông được người dân quê hương - xóm Bàn Cờ, xã Hùng Sơn, huyện Đại Từ lập nghề thờ cúng.

Là vùng đất chỉ cách kinh thành Thăng Long khoảng 80 kilômét, được coi là *phên giậu thứ hai về phía bắc* của Kinh thành, song luôn bị xếp là ngoại trấn - nơi rừng núi ngút ngàn, dân cư thưa

thót như Thái Nguyên, mà có tới 9 người đỗ đại khoa, đã đưa vùng đất này trở thành đất “có học”. Thực tế đó cũng chứng minh cho việc học, sức học của nho sinh Thái Nguyên thời phong kiến Lê - Mạc.

Dưới triều Nguyễn, vào năm Gia Long thứ 12 (1813), trấn thành Thái Nguyên từ xã Bình Kỳ, tổng Thượng Giã, huyện Thiên Phúc, phủ Bắc Hà, xứ Kinh Bắc chuyển về xã Đồng Mỗ, tổng Túc Duyên, huyện Đồng Hỷ, phủ Phú Bình, trấn Thái Nguyên. Việc này đã mở ra những cơ hội để phát triển kinh tế, xã hội; trong đó có việc học của trấn (từ 1831 là tỉnh) Thái Nguyên.

Khi triều Nguyễn được thiết lập, các miền đất Thái Nguyên, Lạng Sơn, Cao Bằng, Tuyên Quang... bị coi là miền xa xôi, hẻo lánh, xa nơi giáo hóa. Năm 1830, nhân dịp “Tứ tuần đại khánh” (mừng Vua 40 tuổi), vua Minh Mạng ban 20 điều ân huệ trong cả nước, trong đó có điều cho đặt chức quan Đốc học ở các trấn Thái Nguyên, Quảng Yên, Ninh Bình “để dạy bảo học trò” (trước đó, Đốc học Kinh Bắc kiêm nhiệm việc học ở Thái Nguyên). Đến năm 1833, chức Đốc học ở Thái Nguyên phải bỏ vì ít học sinh, chỉ còn chức Giáo thụ ở phủ Phú Bình.

Năm 1838, vua Minh Mạng ra chỉ dụ cho các tỉnh biên giới phía Bắc đều cử người tuần tú trong tỉnh hạt. Chỉ dụ nêu rõ: “... nay chuẩn cho Tuần phủ, Bố, Án thượng ty các tỉnh đều xét con em cả thổ quan hoặc nhân dân trong hạt, không cứ học đủ văn chế ba kỳ, ai là người tuần tú thông thái thì chọn lấy đưa về kinh cho học ở Quốc tử giám”⁽¹⁾. Cùng năm, vua Minh Mạng truyền cho các Tuần phủ, Bố chánh, Án sát ở các tỉnh biên giới (trong đó có tỉnh Thái

⁽¹⁾ Dẫn theo: *Đại Nam thực lục, Đế nhị kỷ*, tập V, Nxb. KHXH. Hà Nội, 1963, tr. 365.

Nguyên): “*Tạm đặt chức Tổng giáo, liệu đặt mỗi phủ 1 hoặc 2,3 người, không phải cầu nệ người có học rộng, chỉ nên chọn người Kinh có học hành, cấp bằng, đặt cho làm Tổng giáo, hằng tháng cấp cho tiền 1 quan, gạo 1 phương, cũng không làm nhà trọ, tức cho tùy tiện trú ngụ để dạy bảo, không cứ con em thổ mục hay thổ dân, đều hằng ngày phải dạy học, khiến cho biết chữ, biết đọc sách, đợi sau văn học ngày càng nhiều, lại đặt chức dạy học ở phủ huyện cũng chưa muộn*”⁽¹⁾. Nội dung học lúc này vẫn là các sách *Tứ thư*, *Ngũ kinh* và *Toán lý đại toàn* theo Nho học Trung Hoa. Theo lệ vua, cứ 3 năm mở khoa thi Hương ở các địa phương, người đỗ cao khoa thi Hương gọi là cử nhân, người đỗ thấp là Tú tài.

Chi dụ của vua Minh Mạng đã được cụ thể hóa ở Thái Nguyên. Một trường dạy chữ Nho được mở ở khu vực phía Tây thành tỉnh Thái Nguyên khoảng nửa dặm. Sách *Đại Nam nhất thống chí*, quyển XX, mục *Tỉnh Thái Nguyên* ghi: “*Trường học phủ Phú Bình, ở địa phận xã Phù Liễn, huyện Động Hi, ngoài cửa tây tỉnh thành, năm Minh Mạng thứ 16, bỏ chức Đốc học, bỏ chức Giáo thụ*”⁽²⁾.

Cùng với việc mở trường học, bỏ chức Giáo thụ ở phủ Phú Bình, nhà Nguyễn còn lệnh cho các trấn (tỉnh) xây dựng Văn Miếu nhằm đề cao Nho giáo. Năm Minh Mệnh thứ 13 (1832) Văn Miếu tỉnh Thái Nguyên được dựng ở xã Cốt Ngạnh, huyện Phổ Yên (tại vị trí Nghĩa trang liệt sĩ thị xã Phổ Yên thuộc phường Ba Hàng ngày nay)⁽³⁾. Năm Thiệu Trị thứ 4 (1844), Văn Miếu - nơi thờ Thánh sư của Nho học là Khổng Tử và đền Khải Thánh - nơi

⁽¹⁾ *Đại Nam thực lục, Đế nhị kỷ*, tập V... Sđd, tr 366.

^{(2), (3)} *Đại Nam nhất thống chí*... Sđd, tr. 156.

thờ cha, mẹ của Không Tử, được dời đến xã Đồng Lãm, huyện Đồng Hỷ (nay là phường Đồng Bầm, thành phố Thái Nguyên).

Mặc dù nhà Nguyễn có những chính sách khuyến học rất tích cực đối với các địa phương vùng xa xôi, hẻo lánh, vùng dân tộc thiểu số như Thái Nguyên, nhưng đã không mang lại hiệu quả nào đáng kể. Tính từ khoa thi đầu tiên năm Gia Long thứ 6 (1807) đến khoa thi Nho học cuối cùng trong thời nhà Nguyễn (1918), cả nước có 5.232 người đỗ Cử nhân, nhưng không có người Thái Nguyên nào trong số đó⁽¹⁾.

II- Giáo dục tỉnh Thái Nguyên thời thuộc Pháp (1884 - 1945)

Sau khi chiếm được các tỉnh Nam Kỳ và đồng bằng Bắc Kỳ, thực dân Pháp bắt đầu mở các cuộc tấn công đánh chiếm các tỉnh thượng du.

Từ ngày 17 đến ngày 21/3/1884, quân Pháp tấn công thành Thái Nguyên lần thứ nhất. Sau đó, trong các ngày 16 - 19/4/1884, chúng tấn công thành Thái Nguyên lần thứ hai. Trong cả hai lần đánh thành Thái Nguyên, quân xâm lược đều gặp phải “*sự kháng cự mãnh liệt của quân Việt Nam*”, bị tổn thất nặng, phải bỏ thành rút về Bắc Ninh. Ngày 10/5/1884, quân Pháp đánh chiếm thành Thái Nguyên lần thứ ba. Lần này, chúng cho quân đồn trú, chiếm đóng tỉnh lỵ Thái Nguyên. Đến năm 1890, về cơ bản, thực dân Pháp mới chiếm xong tỉnh Thái Nguyên. Từ sau đó, chúng ráo riết thiết lập bộ máy cai trị và đàn áp từ tỉnh xuống đến làng xã..

Trong báo cáo gửi Toàn quyền Đông Dương ngày 1/8/1899, Thống sứ Bắc Kỳ nêu rõ: “*Kinh nghiệm của các dân tộc châu Âu khác đã chỉ rõ rằng việc truyền bá một nền học vấn đầy đủ cho*

⁽¹⁾ Theo Cao Xuân Dục: *Quốc Triều hương khoa lục*, Nxb. Trẻ Thành phố Hồ Chí Minh, 1993.

người bản xứ là hết sức đại dột”. Như vậy, ngu dân về giáo dục, đầu độc về văn hóa là một trong những biện pháp cai trị của thực dân Pháp.

Trong gần 1/4 thế kỉ kể từ khi đánh chiếm được thành Thái Nguyên (1890), thực dân Pháp không mở một trường học nào trên địa bàn tỉnh. Trong toàn tỉnh, vẫn chỉ có vài trường, lớp học chữ Nho ở tỉnh lỵ, các phủ lỵ, huyện lỵ, châu lỵ. Dưới các tổng, chỉ có một vài xã mời được thầy về mở lớp dạy chữ Nho.

Để đáp ứng yêu cầu đào tạo nhân lực cho bộ máy tay sai, đến năm 1908, thực dân Pháp mở trường Kiêm bị Thái Nguyên. Người dân Thái Nguyên thường gọi là Trường Tiểu học Thái Nguyên.

Nằm trong hệ thống giáo dục của thực dân Pháp dành cho người bản xứ (Giáo dục Pháp - Việt), Trường Kiêm bị Thái Nguyên là trường công, mô phỏng theo mô hình giáo dục phổ thông ở nước Pháp đương thời (hình thành từ thế kỉ XVIII, hoàn thiện ở đầu thế kỉ XX). Trường được xây dựng tại khu vực trung tâm tỉnh lỵ Thái Nguyên (nhìn ra đường Quyết Tiến, trong khuôn viên của Trường Tiểu học Trưng Vương và cơ quan Tiếp công dân của tỉnh Thái Nguyên ngày nay).

Cũng như các trường tiểu học Pháp - Việt dành cho người Pháp mở ở xứ Đông Dương, Trường Kiêm bị Thái Nguyên được cấu trúc theo hệ thống 5 lớp: Lớp Đồng ấu (Cours enfantin), còn gọi là lớp Năm; Lớp Dự bị (Cours préparatoire) còn gọi là lớp Tư; Lớp Sơ đẳng (Cours élémentaire) còn gọi là lớp Ba. Cuối năm học lớp Ba, học sinh phải qua một kì thi lấy *Bằng Sơ học yếu lược*, thường gọi tắt là *Bằng Yếu lược (Primaire Élémentaire)*. Học sinh sau khi đỗ *Bằng Yếu lược*, được học lên: Lớp Nhì năm thứ nhất (Cours moyen 1 ère

année); Lớp Nhì năm thứ hai (Cours moyen 2 ième année)⁽¹⁾; Lớp Nhất (Cours supérieur).

Kinh phí xây dựng trường, lớp, trang thiết bị học tập, lương giáo viên do nhà nước thực dân cấp. Các môn học chính trong trường gồm: Toán, Việt văn, Pháp văn...

Năm học 1932 - 1933 được coi là đỉnh cao của nền giáo dục thực dân ở Đông Dương, nhưng tình hình giáo dục của tỉnh Thái Nguyên cũng không mấy sáng sủa. Năm 1932, toàn bộ viên chức ngành Giáo dục Thái Nguyên chỉ có 37 người, trong đó có 1 Giáo thụ làm nhiệm vụ thanh tra các trường học, 36 giáo viên và trợ giáo (33 nam, 3 nữ). Thời gian này, toàn tỉnh có 2 trường tiểu học toàn cấp, là Trường Kiêm bị con trai và Trường Kiêm bị con gái (thường gọi tắt là Trường Con trai và Trường Con gái) tại tỉnh lỵ Thái Nguyên⁽²⁾; 1 lớp nội trú - Chi nhánh của Trường Kiêm bị con trai tại Chợ Chu (Định Hóa); 18 trường sơ học; 22 trường hàng tổng; 1 trường tư thục ở tỉnh lỵ và một số lớp đồng ấu mở tại các tổng, làng xã, nhưng hầu hết không dựng được lớp học, phải dạy và học tại các đình làng. Năm 1932, toàn tỉnh có 1.435 học sinh, chiếm xấp xỉ 1,6% dân số của tỉnh⁽³⁾.

Năm 1938, chính quyền thực dân mở thêm 2 trường sơ học không toàn cấp (Trường Sơ đẳng tiểu học: Ecole Primaire Elémentaire) ở phủ Phú Bình: 1 trường ở khu vực núi Toà (nay

⁽¹⁾ Lớp Nhì năm thứ hai (Cours moyen 2 ième année) đến năm học 1927 - 1928 mới áp dụng. Như vậy, từ năm 1927, chương trình học có 6 lớp.

⁽²⁾ Trường Kiêm bị con trai vẫn ở vị trí cũ. Trường Kiêm bị con gái nằm bên đường Pôn Be, nay là đường Đội Cấn, đối diện Trung tâm Dịch vụ và Thi đấu Thể thao tỉnh Thái Nguyên ngày nay.

⁽³⁾ Theo Alfred Echinard trong cuốn: *Tiểu chí Thái Nguyên*. Bản dịch tiếng Việt, tr.35: Dân số tỉnh Thái Nguyên năm 1932 là 90.508 người.

thuộc xóm Tân Sơn 9, xã Xuân Phương, huyện Phú Bình), gồm 3 lớp: Lớp Đồng ấu (lớp 5), lớp Dự bị (lớp Tư), lớp Sơ đẳng (lớp Ba) và 1 trường tại xóm Chùa, xã Hà Châu, gồm 2 lớp: Đồng ấu (lớp 5), lớp Dự bị (lớp Tư). Mỗi lớp của 2 trường chỉ có từ 7 đến 15 học sinh. Đa số học sinh của các trường đều là con em giai cấp thống trị (quan lại các cấp, địa chủ) và những gia đình giàu có. Tuyệt đại đa số con em nhân dân lao động không có điều kiện cấp sách đến trường.

Chính sách “ngu dân” về giáo dục của thực dân Pháp đã dẫn đến hậu quả nghiêm trọng là tuyệt đại đa số nhân dân cả nước ta nói chung, tỉnh Thái Nguyên nói riêng bị mù chữ. Cho đến năm 1945, số người mù chữ ở Thái Nguyên chiếm tới trên 95% tổng dân số; một số dân tộc thiểu số, tỉ lệ mù chữ lên tới gần 100%.

Trước tình hình thực dân Pháp bóp nghẹt sự phát triển giáo dục, đa số nhân dân mù chữ, theo sáng kiến và đề nghị của đồng chí Trường Chinh, Xứ uỷ Bắc Kỳ quyết định vận động thành lập một tổ chức công khai chống nạn mù chữ cho nhân dân. Tháng 5/1938, các đồng chí: Trần Huy Liệu, Võ Nguyên Giáp, Đặng Thai Mai cùng một số trí thức nhân sĩ tiến bộ đã đứng ra thành lập Hội Truyền bá Quốc ngữ và bầu ông Nguyễn Văn Tố - một trí thức tiến bộ có uy tín, làm Hội trưởng.

Chương trình của Hội Truyền bá Quốc ngữ là mở các lớp học cho tất cả mọi người không biết chữ, không thu học phí, in sách giáo khoa phát không cho người học. Hệ thống tổ chức của Hội được xây dựng từ Ban Vận động Trung ương đặt trụ sở tại Hà Nội, cho tới các chi nhánh ở các địa phương.

Là một tổ chức hoạt động công khai, Hội Truyền bá Quốc ngữ được chính quyền thực dân cấp giấy phép (29/7/1938). Chỉ trong thời gian ngắn, phong trào truyền bá Quốc ngữ lan rộng khắp cả nước.

Tại tỉnh Thái Nguyên, phong trào Truyền bá Quốc ngữ phát triển mạnh mẽ, từ thị xã Thái Nguyên xuống đến các châu lỵ, huyện lỵ. Nhiều làng xã trong tỉnh đã đón thầy giáo về mở lớp dạy chữ Quốc ngữ cho con em nhân dân địa phương. Hàng trăm người dân Thái Nguyên đã biết đọc, biết viết khi được học tại các lớp Truyền bá Quốc ngữ. Phong trào thực sự trở thành trường học văn hoá rộng lớn, đồng thời cũng là trường học yêu nước, cách mạng của nhân dân ta.

Phong trào Truyền bá Quốc ngữ tiếp tục phát triển sau ngày Cách mạng Tháng Tám thành công, trở thành lực lượng nòng cốt cho phong trào bình dân học vụ, thanh toán nạn mù chữ do Chính phủ lâm thời nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa phát động.

Chương I

NGÀNH GIÁO DỤC TỈNH THỜI KÌ 1945 - 1954

I- Ngành Giáo dục tỉnh trong những năm đầu kháng chiến chống thực dân Pháp (1945 - 1950)

Ngày 2/9/1945, tại Quảng trường Ba Đình (Hà Nội), Chủ tịch Hồ Chí Minh đọc bản Tuyên ngôn Độc lập, khai sinh nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà. Vừa mới ra đời, nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà đã phải đối mặt với các khó khăn, hiểm họa. Hậu quả nạn đói khủng khiếp do Nhật - Pháp gây ra hồi cuối năm 1944, đầu năm 1945 làm chết hơn 2 triệu đồng bào ta ở Bắc Bộ và Bắc Trung Bộ vẫn chưa được khắc phục. Nạn thất học đã khiến trên 90% nhân dân ta mù chữ. Khó khăn lớn nhất và nguy hiểm nhất là nạn ngoại xâm. Ở miền Nam, với dã tâm cướp nước ta một lần nữa, thực dân Pháp theo gót quân Anh vào giải giáp quân Nhật, đã nổ súng tấn công ta ngay giữa Sài Gòn. Ở miền Bắc, 20 vạn quân của Trung Hoa Dân quốc - với danh nghĩa đại diện lực lượng Đồng minh vào làm nhiệm vụ giải giáp quân Nhật, đã tràn qua biên giới, kéo theo các tổ chức phản động Việt Quốc, Việt Cách.

Trước tình hình đất nước vô cùng khó khăn, phức tạp, tại phiên họp đầu tiên diễn ra ngày 3/9/1945 tại Hà Nội, Chính phủ lâm thời nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà đã thảo luận và tán thành phải giải quyết ngay 6 vấn đề cấp bách mà Chủ tịch Hồ Chí

Minh đã nêu ra, trong đó vấn đề cấp bách thứ hai là “... mở một chiến dịch để chống nạn mù chữ”⁽¹⁾.

Tiếp đó, ngày 8/9/1945, Chính phủ lâm thời ban hành 3 sắc lệnh về xoá nạn mù chữ: Sắc lệnh số 17 về việc thành lập Bình dân học vụ và cử ông Nguyễn Công Mỹ làm Giám đốc; Sắc lệnh số 19 về việc thiết lập trên toàn cõi Việt Nam những lớp bình dân học vụ buổi tối cho nông dân và thợ thuyền, quy định trong thời hạn 6 tháng làng nào, đô thị nào cũng phải có ít nhất 1 lớp học với số lượng ít nhất là 30 người; Sắc lệnh số 20 quy định từ nay việc học chữ Quốc ngữ là bắt buộc với mọi người và không mất tiền. Trong 1 năm, dân chúng Việt Nam trên 8 tuổi phải biết đọc và biết viết chữ Quốc ngữ⁽²⁾.

Tháng 10/1945, Chủ tịch Hồ Chí Minh ra *Lời kêu gọi chống nạn thất học*. Người chỉ rõ: “*Nay chúng ta đã giành được quyền độc lập. Một trong những công việc phải thực hiện cấp tốc trong lúc này, là nâng cao dân trí... Những người đã biết chữ hãy dạy cho những người chưa biết chữ... Những người chưa biết chữ hãy gắng sức mà học cho biết đi. Vợ chưa biết thì chồng bảo, em chưa biết thì anh bảo, cha mẹ không biết thì con bảo, người ăn người làm không biết thì chủ nhà bảo, các người giàu có thì mở lớp học ở tư gia dạy cho những người không biết chữ*”⁽³⁾.

Hưởng ứng Lời kêu gọi của Chủ tịch Hồ Chí Minh, phong trào thanh toán nạn mù chữ do Ủy ban Nhân dân Cách mạng lâm

⁽¹⁾ *Văn kiện Đảng toàn tập. Tập 8 (1945-1947)*. Nxb. Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2000, tr. 2.

⁽²⁾ Ba Sắc lệnh số 17, 19, 20 ngày 8/9/1945 đều do Bộ trưởng Bộ Nội vụ Võ Nguyên Giáp thay mặt Chính phủ lâm thời nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà kí.

⁽³⁾ *Hồ Chí Minh Toàn tập. Tập 4 (1945-1946)*. Xuất bản lần thứ hai, Nxb. Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2000, tr. 23, 24.

thời trực tiếp tổ chức, chỉ đạo được phát động rộng khắp trong toàn tỉnh. Phong trào được đông đảo các tầng lớp nhân dân, các địa phương, các ngành, các giới, các đoàn thể hưởng ứng nhiệt liệt. Cùng với việc thành lập Ban Bình dân học vụ, công tác chuẩn bị giáo viên, những đồ dùng dạy học tối thiểu cho các lớp “diệt dốt” cũng được xúc tiến rất khẩn trương. Các trường lớp được mở trong phong trào Truyền bá Quốc ngữ tiếp tục hoạt động.

Để có một cơ quan chuyên trách trực tiếp chỉ đạo phong trào bình dân học vụ, Ủy ban Nhân dân Cách mạng lâm thời tỉnh quyết định thành lập Ty Bình dân học vụ và cử ông Phạm Duy Nhuận - nguyên giáo viên Trường Kiêm bị Thái Nguyên, giữ chức Trưởng ty.

Từ ngày 8 đến ngày 17/10/1945, Lãnh đạo Ty tham dự khoá huấn luyện phụ trách Bình dân học vụ các tỉnh đồng bằng, trung du Bắc Bộ mang tên Hồ Chí Minh do Nha Bình dân học vụ tổ chức tại Hà Nội. Chủ tịch Hồ Chí Minh đã đến dự Lễ khai giảng khoá huấn luyện. Phát biểu tại buổi Lễ, Người hoan nghênh phong trào chống nạn thất học của Nha, tinh thần tự nguyện làm việc không lĩnh lương của cán bộ, giáo viên Bình dân học vụ. Người nêu rõ 3 nhiệm vụ cách mạng của đất nước lúc này là: Chống nạn đói, chống nạn thất học và chống giặc ngoại xâm. Trong khoá huấn luyện, các học viên được học tập, nghiên cứu *Lời kêu gọi chống thất học* của Chủ tịch Hồ Chí Minh và các bài giảng về chính trị, về phương pháp sư phạm, phương thức hoạt động, chương trình sách giáo khoa Bình dân học vụ...

Sau khi dự khoá huấn luyện, lãnh đạo Ty Bình dân học vụ Thái Nguyên trở về địa phương tổ chức các khoá huấn luyện cho

cán bộ phụ trách và giáo viên bình dân học vụ tại các huyện, thị xã trong tỉnh.

Từ tháng 11/1945 đến tháng 2/1946, khoá học bình dân học vụ đầu tiên được mở trong toàn tỉnh Thái Nguyên. Công tác tuyên truyền, cổ động cho khoá học, cho phong trào diệt “*giặc dốt*” diễn ra liên tục, với nhiều hình thức phong phú, sôi động khắp các phố trong thị xã, xuống các huyện lỵ, các làng xã. Các khẩu hiệu: “*Đi học bình dân học vụ là yêu nước*”, “*Giặc dốt diệt, Việt Nam cường!*”, “*Chống nạn thất học cũng như chống giặc ngoại xâm*”..., được viết trên tường nhà, nong, nia và bất cứ nơi nào có đông người qua lại. Tiếng loa tay mỗi sớm, mỗi chiều truyền vào từng nhà, từng ngõ xóm, kêu gọi đồng bào mau mau đến lớp học chữ. Nhiều hội viên Hội Truyền bá Quốc ngữ, học sinh đã học xong bậc Tiểu học, thanh niên, phụ nữ biết chữ, một số viên chức chế độ cũ..., đều sốt sắng ghi tên đăng kí tham gia dạy bình dân học vụ. Đoàn viên Đoàn Thanh niên Cứu quốc, hội viên Đoàn Phụ nữ Cứu quốc, thành viên của Ban Việt Minh các địa phương hăng hái nhận nhiệm vụ tới các nhà giàu, chủ các đồn điền, chủ xưởng máy..., vận động họ cho mượn nhà, xưởng để mở lớp. Họ là những chiến sĩ tiên phong trong phong trào diệt “*giặc dốt*”. Ở nhiều nơi, nhất là các vùng nông thôn, nhân dân xẻ gỗ làm bàn ghế, bảng đen mang ra đình làng để ngồi học. Một số nhà hảo tâm còn giúp tiền mua giấy, bút, phấn cho các lớp học.

Công cuộc xoá nạn mù chữ ở Thái Nguyên nhanh chóng trở thành một phong trào quần chúng rộng lớn. Hàng vạn người dân, từ các em nhỏ 8 tuổi đến các thanh niên nam, nữ; từ những người

trung tuổi đến các cụ ông, cụ bà tóc bạc phơ; từ những người buôn thúng bán mẹt, kéo xe, bốc vác, thợ thủ công ở thành thị đến những tá điền, nông dân lam lũ nơi đồng ruộng; bà con các dân tộc thiểu số ở các bản làng vùng núi, vùng cao..., đều hăng hái đến các lớp bình dân học vụ. Hầu hết các đình làng và nhiều ngôi nhà lớn ở các địa phương trong tỉnh đã trở thành nơi mở lớp học. Ngoài sổ sách *Văn Quốc ngữ*, phấn, mực do Nhà, Ty Bình dân học vụ cung cấp, nhân dân và học sinh phải tự làm bảng đen, bàn ghế, tự mua sách, bút. Lớp học nào chưa làm được bảng đen thì tạm mang nong, nia, cánh cửa ra làm bảng; chưa đóng được bàn, ghế thì học sinh ngồi trên nền đất, bấu cửa mà học, mà viết; học sinh nào chưa có bút, giấy thì tạm lấy que viết trên nền đất.

Mặc dù thiếu thốn đủ thứ, nhưng khí thế học bình dân trong các thôn xóm, phố phường, tại các lớp học vô cùng sôi động. Tối tối, bất kể giá lạnh, mưa gió, các học trò già có, trẻ có, tay cầm đèn dầu hoả, dầu lạc, dầu sỏ, nhựa trám, hạt bưởi xâu vào que tre, tay cầm sách bút đến các lớp học bình dân, làm xôn xao thôn xóm. Cũng tối tối, trong các lớp “diệt dốt” lại vọng ra tiếng ê a học đánh vần. Được đến học các lớp bình dân để biết đọc, biết viết, những người nông dân nghèo khó, những người thuộc thành phần dân nghèo thành thị đã thực hiện được ước mơ mà bao đời cha ông họ đã không có được. Ngoài học tập đọc, tập viết là chính, học viên bình dân học vụ còn được dạy làm toán với những phép tính cộng, trừ, nhân, chia đến số 1.000.

Bên cạnh các thôn, xóm và phố, các đồn điền, trại áp, xí nghiệp, hầm mỏ, cơ quan trong tỉnh cũng mở được các lớp bình dân

học vụ ngay tại nơi làm việc. Tại một số nơi thường tập trung đông người qua lại, làm ăn buôn bán, như chợ tỉnh, các phiên chợ ở các huyện, bến xe, bến đò, một số cổng làng..., Ban Bình dân học vụ có sáng kiến tổ chức dạy đọc và viết chữ Quốc ngữ theo kiểu đồ chữ trên tấm bảng đen.

Ngày 23/12/1945, cử tri tỉnh Thái Nguyên đã hăng hái đi bầu cử đại biểu Quốc hội khoá I nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà⁽¹⁾. Nhiều học viên đang theo học các lớp bình dân học vụ đã biết đọc, biết viết tham gia tích cực vào công tác chuẩn bị và phục vụ cuộc bầu cử.

Sau thắng lợi cuộc Tổng tuyển cử bầu Quốc hội khoá I, tháng 2/1946, cử tri trong tỉnh lại nô nức tham gia cuộc bầu cử Hội đồng nhân dân 2 cấp tỉnh và xã. Sau bầu cử, Hội đồng Nhân dân tỉnh đã bầu Ủy ban Hành chính tỉnh do đồng chí Lê Trung Đình làm Chủ tịch. Tiếp đó, nhiều cơ quan chuyên môn của Ủy ban Hành chính tỉnh được thành lập, gọi là Ty; trong đó có Ty Tiểu học vụ, do đồng chí Nguyễn Minh Tụng được bổ nhiệm giữ chức Trưởng ty. Như vậy, từ tháng 2/1946, ngành Giáo dục Thái Nguyên có 2 cơ quan chuyên trách là Ty Bình dân học vụ và Ty Tiểu học vụ.

Tháng 2/1946, Ty Bình dân học vụ tỉnh tổ chức kì thi mần khoá bình dân học vụ đầu tiên trong toàn tỉnh. Theo thể lệ cuộc thi: Mỗi học viên phải viết được một bài chính tả gồm 40 đến 50 từ; đọc được một bài tập đọc chữ in và chữ số (từ 1 đến 1.000). Mấy ngàn học viên đã thi đỗ khoá này, được cấp giấy chứng nhận thoát

⁽¹⁾ Do tỉnh Thái Nguyên không nhận được Sắc lệnh số 76/SL ngày 18/12/1945 về việc hoãn cuộc Tổng tuyển cử đến ngày 6/1/1946, nên cuộc bầu cử Quốc hội khoá I vẫn được tổ chức vào ngày 23/12/1945 như quy định tại Sắc lệnh số 51/SL ngày 17/10/1945.

nạn mù chữ. Lễ bế giảng khoá học được tổ chức tại thị xã Thái Nguyên. Đến dự buổi lễ có đại biểu của Ủy ban Hành chính, Tỉnh bộ Việt Minh, các ngành, các giới, các đoàn thể Cứu quốc của tỉnh, Ban Bình dân học vụ thị xã, các huyện và nhiều học viên có thành tích trong học tập. Trong buổi Lễ, Ty Bình dân học vụ còn trưng bày một số hình ảnh, tài liệu học tập, sách báo viết về phong trào bình dân học vụ ở Thái Nguyên; tổ chức một chương trình biểu diễn văn nghệ rất rôm rả gồm những bài hát, vở kịch về phong trào “*diệt dốt*” xoá nạn mù chữ do thầy giáo - Trường ty - Nhạc sĩ Phạm Duy Nhượng sáng tác, dàn dựng. Theo báo cáo của Ty Bình dân học vụ tại Lễ bế giảng khoá học đầu tiên, đến tháng 2/1946, tỉnh Thái Nguyên đã tổ chức được 669 lớp bình dân học vụ, với 921 giáo viên⁽¹⁾ và hàng vạn học viên, trong đó có vài ngàn người đã thoát nạn mù chữ.

Giáo dục phổ thông của tỉnh Thái Nguyên từ sau ngày Cách mạng Tháng Tám thành công đến cuối năm 1946 đã có nhiều chuyển biến mới. Lễ khai giảng năm học đầu tiên của nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà (năm học 1945 - 1946), đã diễn ra trọng thể, xúc động ở các trường trong toàn tỉnh. Đây là lần đầu tiên tại các trường học, lá cờ đỏ sao vàng - Quốc kì của nước Việt Nam độc lập, tự do tung bay phấp phới trên đỉnh cột cờ. Các thầy, cô giáo và học sinh nghiêm trang hướng lên ngọn cờ thiêng liêng của Tổ quốc, miệng hát vang bài Quốc ca “*Đoàn quân Việt Nam đi, chung lòng cứu quốc, bước chân dồn vang trên đường gập ghềnh xa... Tiến*

⁽¹⁾ Nguyễn Xuân Hồng: *Công cuộc xoá nạn mù chữ ở Thái Nguyên (1945 - 1954)*. Luận văn Thạc sĩ Lịch sử, 2010. Người hướng dẫn: Tiên sĩ Nguyễn Xuân Minh.

lên, cùng tiến lên! Thái Nguyên cùng Đô Lương, Bắc Sơn”⁽¹⁾. Họ không còn phải chào cờ nước Pháp, hát Quốc ca của Pháp (bài Mácxây - Marseillaise). Thật thiêng liêng, xúc động.

Trong Lễ khai giảng, thư của Chủ tịch Chính phủ lâm thời Hồ Chí Minh gửi các em học sinh trong ngày khai giảng đã được đọc vang trước toàn trường. Thư Bác viết: “... Trước đây cha anh các em, và mới năm ngoái cả các em nữa, đã phải chịu nhận một nền học vấn nô lệ, nghĩa là nó chỉ đào tạo nên những kẻ làm tay sai, làm tôi tớ cho một bọn thực dân người Pháp. Ngày nay các em được cái may mắn hơn cha anh là được hấp thụ một nền giáo dục của một nước độc lập... Trong năm học tới đây, các em hãy cố gắng, siêng năng học tập, ngoan ngoãn, nghe thầy, yêu bạn... Non sông Việt Nam có trở nên tươi đẹp hay không, dân tộc Việt Nam có bước tới đài vinh quang để sánh vai với các cường quốc năm châu được hay không, chính là nhờ một phần lớn ở công học tập của các em”⁽²⁾. Lời của Bác thấm vào mỗi con tim, trở thành động lực thúc đẩy thầy, trò các trường học ở Thái Nguyên dạy và học thật tốt để không phụ lòng thương yêu của Bác.

Trong điều kiện khó khăn mọi mặt, nhờ sự quan tâm chỉ đạo của Bộ Quốc gia Giáo dục; sự lãnh đạo, chỉ đạo của Tỉnh uỷ lâm thời, Ủy ban Nhân dân Cách mạng lâm thời; sự cố gắng của ngành Giáo dục và chính quyền, nhân dân các địa phương, các thầy cô giáo, nên các trường tiểu học trong tỉnh đã đảm bảo được cơ sở vật chất tối thiểu cho việc giảng dạy, học tập. Các trường, các lớp đã

⁽¹⁾ Lời trong nguyên tác *Tiến quân ca* của Nhạc sĩ Văn Cao; sau này được sửa thành “*Nước non Việt Nam ta vững bền*”.

⁽²⁾ *Hồ Chí Minh toàn tập*. Tập 4... Sđd, tr.10, 11.

được nhân dân, giáo viên, học sinh tu sửa, dọn vệ sinh sạch sẽ, phong quang. Bàn ghế, bảng đen được sửa chữa và đóng thêm. Một số nơi mở thêm trường, thêm lớp được nhân dân dựng lớp học bằng tre, nứa, lá, xẻ gỗ đóng bàn, ghế. Số trường, lớp, học sinh năm học 1945 - 1946 đều tăng so với năm học 1944 - 1945.

Được học tập trong điều kiện không có chiến sự, có sự quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo của cấp uỷ, chính quyền các cấp và Ty Tiểu học vụ, sự nỗ lực vượt mọi khó khăn của thầy, trò, các trường, lớp tiểu học tỉnh Thái Nguyên đã hoàn thành tốt nhiệm vụ năm học 1945 - 1946. Ngành Bình dân học vụ và ngành Tiểu học vụ Thái Nguyên, với những kết quả đạt được thời gian này, đã đặt những viên gạch đầu tiên vững chắc cho sự nghiệp giáo dục của tỉnh trong những năm tiếp theo.

Trong bối cảnh đất nước đứng trước vô vàn khó khăn, phức tạp, Đảng và Chính phủ vẫn dành cho sự nghiệp giáo dục sự quan tâm đặc biệt. Ngày 10/8/1946, Chính phủ đã ban hành Sắc lệnh số 146/SL đặt những nguyên tắc cơ bản cho nền giáo dục Việt Nam mới là: Dân tộc hoá, khoa học hoá và đại chúng hoá. Tôn chỉ của nền giáo dục này là phụng sự lí tưởng Quốc gia và dân chủ. Sắc lệnh còn quy định: “*Ở tất cả các bậc học, học sinh không phải trả học phí và trong các kỳ thi tốt nghiệp, học sinh cũng không phải nộp một khoản nào*”; “*Học sinh xuất sắc mà nghèo sẽ được học bổng của Chính phủ cấp cho*”⁽¹⁾.

Tiếp đó, từ ngày 25 đến ngày 27/8/1946, Đại hội Giáo giới toàn quốc lần thứ nhất được long trọng tổ chức. Tham dự Đại hội

⁽¹⁾ *Việt Nam những sự kiện lịch sử (1945 - 1975)*. Nxb. Giáo dục, Hà Nội, 2002, tr. 32.

có đủ đại biểu giáo giới các cấp học cả ba miền Bắc, Trung, Nam. Đại hội đã tập trung thảo luận những vấn đề thuộc về 3 nguyên tắc căn bản của nền giáo dục Việt Nam mới (Dân tộc, Khoa học và Đại chúng) và bầu Ban Chấp hành Liên đoàn Giáo giới Việt Nam.

Sau khi dự Đại hội Giáo giới toàn quốc lần thứ nhất trở về địa phương, Lãnh đạo Ty Tiểu học vụ đã khẩn trương chỉ đạo các trường trong tỉnh sớm hoàn thành việc xây dựng, sửa chữa, vệ sinh trường lớp chuẩn bị cho khai giảng năm học 1946 - 1947. Đến cuối tháng 8/1946, một số trường đã hoàn thành việc dựng thêm lớp học bằng tre, nứa, lá hoặc lợp rạ. Toàn bộ các trường tiểu học trong tỉnh tổ chức đóng thêm bàn ghế bằng gỗ, tre. Các lớp học đều có bảng đen bằng gỗ. Đầu tháng 9/1946, Lễ khai giảng năm học 1946 - 1947 diễn ra sôi động khắp các trường tiểu học trong toàn tỉnh.

Để tạo điều kiện thuận lợi cho con em nhân dân trong tỉnh (và các tỉnh lân cận) sau khi tốt nghiệp bậc Tiểu học không phải về Hà Nội theo học bậc Trung học như trước đó, ngành Giáo dục Thái Nguyên đã tham mưu cho Ủy ban Hành chính tỉnh đề nghị Bộ Quốc gia Giáo dục cho phép mở trường trung học tại địa phương.

Được sự đồng ý của Bộ Quốc gia Giáo dục và sự hướng dẫn của Nha Trung học vụ thuộc Bộ, tháng 10/1946, Ủy ban Hành chính tỉnh quyết định thành lập trường trung học đầu tiên, với tên gọi là Trường Trung học Lương Ngọc Quyến; đồng thời bổ nhiệm nhà giáo Phạm Duy Nhuận - Trưởng Ty Bình dân học vụ, giữ chức vụ Hiệu trưởng Nhà trường⁽¹⁾. Sự kiện này đánh dấu một bước phát triển mới của ngành Giáo dục tỉnh Thái Nguyên.

⁽¹⁾ *Lịch sử Trường Trung học phổ thông Lương Ngọc Quyến (1946 - 2010)*. Xb. 2011, tr. 17, 18.

Ngay trong tháng 10/1946, Trường Trung học Lương Ngọc Quyến khai giảng năm học đầu tiên, năm học 1946 - 1947, chậm hơn một tháng so với thời gian khai giảng của các trường tiểu học trong tỉnh. Ngày khai giảng là một ngày hội không chỉ với các học sinh khoá đầu của Trường, mà còn của các tầng lớp nhân dân trong thị xã Thái Nguyên. Dự Lễ khai giảng có ông Lê Trung Đình - Chủ tịch Ủy ban Hành chính tỉnh, Lãnh đạo thị xã Thái Nguyên, đại diện các ngành, các giới trong tỉnh, các thầy, cô giáo tiểu học... Dù chưa dựng được trường lớp, Nhà trường phải đặt nhờ tại nhà ông Trần Bá Quán (nay thuộc khu vực phía Tây phường Trung Vương, thành phố Thái Nguyên), nhưng không khí buổi lễ khai giảng thật sôi động. Cờ hoa rực rỡ, tiếng trống ếch rộn ràng. Niềm vui sướng hân hoan lộ rõ trên gương mặt của mọi người trong buổi Lễ.

Trường Lương Ngọc Quyến khi thành lập chỉ có 1 lớp đệ nhất (tương đương lớp 6 ngày nay)⁽¹⁾ với khoảng 40 học sinh ở thị xã Thái Nguyên, các huyện trong tỉnh và một số ít mới tản cư từ các tỉnh dưới xuôi lên. Chương trình học tập của Trường áp dụng theo chương trình do Giáo sư Hoàng Xuân Hãn - nguyên Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Mỹ thuật trong Chính phủ Trần Trọng Kim chỉ đạo biên soạn. Giáo sư cơ hữu của Trường chỉ có thầy Phạm Duy Nhuận, vừa làm Hiệu trưởng, vừa phụ trách lớp, vừa trực tiếp giảng dạy các môn: Văn, Sử, Pháp văn, Anh văn, Nhạc, Họa; nhiều

⁽¹⁾ Cấu trúc và tên gọi các cấp học và các lớp học khi Trường Trung học Lương Ngọc Quyến thành lập (1946) như sau:

A- *Trung học phổ thông (4 năm)*: 1- Đệ nhất (tương đương lớp 6 bây giờ), 2- Đệ nhị (tương đương lớp 7 bây giờ), 3- Đệ tam (tương đương lớp 8 bây giờ), 4- Đệ tứ (tương đương lớp 9 bây giờ);

B- *Trung học chuyên khoa (3 năm)*: 1- Đệ nhất niên (tương đương lớp 10 bây giờ), 2- Đệ nhị niên (tương đương lớp 11 bây giờ), 3- Đệ tam niên (tương đương lớp 12 bây giờ).

khi còn dạy môn Toán trong trường hợp giáo viên bộ môn này đi vắng. Một số môn còn lại, Trường phải mời một số người có trình độ đến dạy. Ông Lê Văn Chung - Trưởng ty Kiểm lâm, dạy môn Hoá và Lí; ông Huệ - Trưởng ty Công chính, dạy môn Toán; ông Viêm - Trưởng ty Địa chính, dạy môn Địa lí; cụ Ký Ảnh - một nhà Nho ở thị xã Thái Nguyên, dạy chữ Hán; thầy giáo tiểu học Đào Trọng Dậu dạy Thể dục...

Từ ngày Toàn quốc kháng chiến 19/12/1946 đến tháng 10/1947, mặc dù chiến sự chưa lan đến Thái Nguyên, nhưng quân và dân trong tỉnh đã tích cực chuẩn bị mọi điều kiện cần thiết để sẵn sàng chiến đấu chống quân xâm lược khi chúng tấn công vào địa bàn.

Thực hiện chủ trương tiêu thổ kháng chiến của Trung ương Đảng và Chính phủ, Ban Phá hoại các cấp từ tỉnh xuống đến xã được thành lập và đi vào hoạt động. Trong nửa đầu của năm 1947, trên 400 ngôi nhà xây bằng gạch, trong đó có nhiều nhà xây kiên cố 2 đến 3 tầng đã bị phá huỷ, chỉ còn là những đống gạch vụn. Đường số 3, đoạn từ cầu Đa Phúc lên đến thị xã Thái Nguyên và nhiều trục đường cái từ thị xã về các huyện đã bị Ban Phá hoại phá sập mọi cây cầu; mặt đường được đào thành những hào sâu hình chữ chi, đắp ụ nhằm chặn xe cơ giới địch. Nhiều học sinh lớn của Trường Trung học Lương Ngọc Quyến, một số trường tiểu học trong thị xã và các huyện phía Nam tỉnh đã tích cực tham gia làm nhiệm vụ tiêu thổ kháng chiến.

Trong những ngày đầu tiêu thổ kháng chiến, các ngôi trường tiểu học ở thị xã Thái Nguyên (Trường Con trai, Trường Con gái xưa) bị phá huỷ hoàn toàn, một bộ phận học sinh phải theo học các

trường tư thục ở các xã ven thị xã; số đông theo gia đình tản cư về các huyện. Ngôi nhà ông Trần Bá Quán - nơi Trường Trung học Lương Ngọc Quyến mượn làm lớp học, cũng bị phá huỷ; Nhà trường di chuyển vào khu vực Nhà thờ xứ Thái Nguyên thuộc xã Đồng Mỗ (nay thuộc phường Trung Vương, thành phố Thái Nguyên) để tiếp tục hoạt động⁽¹⁾. Đến đầu tháng 3/1947, do hầu hết học sinh theo gia đình tản cư ra khỏi thị xã Thái Nguyên, nên Trường Trung học Lương Ngọc Quyến giải thể. Thầy giáo Hiệu trưởng Phạm Duy Nhuận được điều về công tác tại Ban Thông tin Tuyên truyền thị xã Thái Nguyên.

Sau khi Trường Trung học Lương Ngọc Quyến giải thể, Bộ Quốc gia Giáo dục chủ trương phải thành lập một trường trung học cho Khu I. Trong khoảng cuối quý I, đầu quý II năm 1947, theo đề nghị của Nha Trung học vụ, Bộ đã thành lập Trường Trung học Cù Vân (gọi theo tên xã nơi đặt trường: Xã Cù Vân thuộc huyện Đại Từ, tỉnh Thái Nguyên). Ông Nguyễn Hữu Tảo - Giám đốc Giáo dục Khu I, được Bộ cử giữ chức Hiệu trưởng đầu tiên của Trường⁽²⁾.

Trường Trung học Cù Vân lúc mới thành lập có 52 học sinh, chủ yếu là người các huyện Đại Từ, Phú Bình, Phổ Yên, Đồng Hỷ và tản cư từ thị xã Thái Nguyên lên, chia thành 4 lớp: Lớp đệ nhất và đệ nhị học chung, lớp đệ tam và đệ tứ học chung⁽³⁾. Trường mượn đình làng làm lớp học, học vào các buổi chiều. Giáo viên của Trường, ngoài thầy Hiệu trưởng Nguyễn Hữu Tảo, còn có các thầy:

⁽¹⁾ *Lịch sử Trường Trung học phổ thông Lương Ngọc Quyến...* Sdd, tr. 20, 21.

⁽²⁾ *Báo cáo đặc biệt về tình hình Chính quyền trong tỉnh của Hội đồng Cứu quốc tỉnh Thái Nguyên (Từ cuộc Hội nghị Tân Trào đến tháng 5/1948)* tr. 70.

⁽³⁾ *Báo cáo đặc biệt về tình hình Chính quyền trong tỉnh của Hội đồng Cứu quốc tỉnh Thái Nguyên...* Tlđđ, tr. 69.

Nguyễn Văn Quý, Trần Hữu Mai, Dương Xuân Hào, Nguyễn Văn Mô⁽¹⁾. Các thầy đều ở nhờ trong nhà dân. Những học sinh xa nhà, đều được bố trí ở trong “kí túc xá” - vốn là một kho thóc bỏ hoang, đã được vệ sinh sạch sẽ.

Mặc dù được thành lập khi năm học 1946 - 1947 đã bước sang học kì II, nhưng bằng sự nỗ lực cao độ của thầy và trò, Nhà trường vẫn tổ chức được kì thi tốt nghiệp Trung học phổ thông cho lớp ghép đệ tam - đệ tứ. Kì thi tiến hành làm 2 đợt, học sinh không đỗ đợt 1 được ghép thi đợt 2. Đây là kì thi tốt nghiệp Trung học phổ thông đầu tiên ở tỉnh Thái Nguyên.

Cùng với sự ra đời Trường Trung học Cù Vân, phong trào bình dân học vụ, xoá nạn mù chữ tiếp tục được phát triển mạnh mẽ, rộng khắp. Làng nào, thôn nào cũng có lớp bình dân học vụ. Nhiều xóm, bản đã mở được lớp xoá nạn mù chữ. Nhiều người có tri thức từ Hà Nội và các tỉnh miền xuôi lên tản cư, đã hăng hái xung phong làm giáo viên giúp cho tỉnh bớt khó khăn vì thiếu giáo viên. Công tác tuyên truyền cổ động cho phong trào diễn ra thường xuyên, liên tục, tạo khí thế thi đua chống nạn mù chữ sôi động khắp các địa bàn trong tỉnh. Tính đến đầu tháng 10/1947, trước khi thực dân Pháp mở cuộc tấn công lên Căn cứ địa Việt Bắc, toàn tỉnh đã tổ chức được 1.220 lớp bình dân học vụ, với tổng số 1.038 giáo viên, giúp cho 21.045 người thoát nạn mù chữ⁽²⁾.

Trong năm học 1946 - 1947, nhờ sự năng nổ, tích cực chỉ đạo, tổ chức hoạt động, hướng dẫn nghiệp vụ của Ty Tiểu học vụ; sự

⁽¹⁾ Báo cáo đặc biệt về tình hình Chính quyền trong tỉnh của Hội đồng Cứu quốc tỉnh Thái Nguyên... Tlđđ, tr. 70.

⁽²⁾ Báo cáo đặc biệt về tình hình Chính quyền trong tỉnh của Hội đồng Cứu quốc tỉnh Thái Nguyên... Tlđđ, tr. 68.

quyết tâm vượt mọi khó khăn của thầy và trò các trường; sự giúp đỡ của chính quyền và nhân dân các địa phương, sự nghiệp giáo dục của tỉnh có bước phát triển khá. Số trường, lớp, giáo viên, học sinh đều tăng so với năm học 1945 - 1946. Đến tháng 6/1947 (thời điểm kết thúc năm học 1946 - 1947), tỉnh Thái Nguyên có 96 trường tiểu học, trong đó có 9 trường cơ bản 4 lớp, 20 trường cơ bản 2 lớp, 67 trường hướng học, với tổng số 111 giáo viên (gồm 14 giáo viên cơ bản, 29 giáo viên sơ cấp, 68 hương sư) và 3.812 học sinh (2.992 học sinh nam, 820 học sinh nữ)⁽¹⁾.

Từ giữa năm 1947, công tác tiêu thổ kháng chiến ở Thái Nguyên đã cơ bản hoàn thành. Cùng thời gian này, các cơ quan tỉnh đã di chuyển ra khỏi thị xã Thái Nguyên, đặt trụ sở làm việc tại các khu vực rừng núi thuộc các xã: Hoá Trung, Quyết Thắng (huyện Đồng Hỷ)⁽²⁾. Trong điều kiện tản cư, Ty Tiểu học vụ vẫn cử cán bộ xuống chỉ đạo các trường chuẩn bị tốt việc tổ chức khai giảng năm học 1947 - 1948.

Tháng 9/1947, Trường Trung học Cù Vân di chuyển địa điểm về làng Phương Độ (huyện Phú Bình) với tên mới là Trường Trung học Phương Độ, kịp thời tổ chức khai giảng năm học 1947 - 1948 tại Trường Tiểu học Phương Độ⁽³⁾. Phong trào bình dân học vụ tiếp tục được đẩy mạnh; hầu hết các xã trong tỉnh đã thành lập được Ủy ban Vận động bình dân học vụ (Ban Bình dân học vụ)⁽⁴⁾.

⁽¹⁾ Báo cáo đặc biệt về tình hình Chính quyền trong tỉnh của Hội đồng Cứu quốc tỉnh Thái Nguyên... Tlđđ, tr.69.

⁽²⁾ Xã Quyết Thắng: Nay thuộc thành phố Thái Nguyên.

⁽³⁾ Lịch sử Trường Trung học phổ thông Lương Ngọc Quyến... Sđđ, tr. 29.

⁽⁴⁾ Báo cáo tình hình Thái Nguyên 3 tháng quý III năm 1948 của Ủy ban Kháng chiến Hành chính tỉnh Thái Nguyên. Số 1197-VP/BC, tr.17.

Trong khi đó, thực dân Pháp - với âm mưu chiến lược đánh nhanh thắng nhanh, từ ngày 7/10/1947 đã huy động 12.000 quân tinh nhuệ mở cuộc tấn công quân sự quy mô lớn lên Căn cứ địa Việt Bắc nhằm tiêu diệt các cơ quan đầu não kháng chiến để nhanh chóng kết thúc cuộc chiến tranh.

Trước tình hình khẩn cấp ấy, Bộ Tổng Chỉ huy Quân đội Quốc gia và dân quân tự vệ đã ra huấn lệnh chỉ rõ nhiệm vụ chiến đấu của bộ đội, dân quân du kích. Ngày 15/10/1947, Ban Thường vụ Trung ương Đảng ban hành Chỉ thị *Phải phá cuộc tấn công mùa đông của giặc Pháp*. Quân và dân Việt Bắc đã đánh cho quân xâm lược những đòn chí tử trên các mặt trận Đường số 3, Đường số 4, sông Lô... Bước một chiến dịch tấn công Việt Bắc của thực dân Pháp thất bại thảm hại.

Bị thất bại nặng nề nhưng thực dân Pháp không từ bỏ quyết tâm tiêu diệt cơ quan đầu não kháng chiến, tiêu diệt chủ lực và phá nát căn cứ địa kháng chiến của ta. Chúng mở cuộc hành quân Xanh-tuya (Ceinture) càn quét khu tứ giác Thái Nguyên - Phủ Lạng Thương - Việt Trì - Tuyên Quang. Từ ngày 20/11 đến tháng 12/1947, trong cuộc hành quân này, quân Pháp đã chiếm đóng, càn quét nhiều nơi, giết hại nhiều đồng bào ở thị xã Thái Nguyên và các huyện Đồng Hỷ, Đại Từ, Định Hoá, Võ Nhai. Quân dân Thái Nguyên phối hợp chặt chẽ với bộ đội chủ lực chiến đấu anh dũng, tiêu diệt nhiều sinh lực địch, bảo vệ an toàn các cơ quan đầu não kháng chiến.

Từ sau ngày giặc Pháp mở cuộc tấn công lên Căn cứ địa Việt Bắc, phong trào bình dân học vụ ở tỉnh Thái Nguyên “*rút hẳn*

xuống, phần đông giáo viên và học viên phải trực tiếp tham gia vào công cuộc chống giặc (phá hoại, canh gác...). Những lớp học vì vậy phải đình chỉ ở nhiều nơi, trừ một vài nơi ở Phú Bình và Phở Yên phong trào mới được củng cố lại, bắt đầu từ tháng 1/1948...⁽¹⁾. Giáo viên, học viên cơ bản đã cùng gia đình tản vào vùng rừng núi hoặc các xã xa đường cái để tránh giặc. Từ đầu năm 1948, phong trào mới dần được khôi phục; hầu hết các huyện tổ chức được nhiều hoạt động thúc đẩy phong trào. Huyện Phở Yên đã tổ chức 3 ngày “diệt dốt”(25 - 27/3/1948) và 3 cuộc mít tinh khuyến học trong các ngày: 28/3, 30/3, 1/4/1948. Huyện Đại Từ đã mở 220 lớp công cộng, 144 lớp tư gia với 337 giáo viên và 4.432 học viên. Tại các huyện: Phú Bình, Phở Yên, Phú Lương có rất nhiều các cụ phụ lão trên 50 tuổi theo học các lớp xóa nạn mù chữ. Tính đến ngày 30/4/1948, toàn tỉnh có 1.295 lớp bình dân học vụ, với 1.176 giáo viên⁽²⁾.

Trong thời gian địch tấn công lên Việt Bắc, hoạt động của Ty Tiểu học vụ gần như ngưng trệ, số học sinh đến trường giảm sút hẳn, một số trường phải tạm dừng hoạt động. Sau ngày 19/12/1947, Ty Tiểu học vụ đã tích cực chấn chỉnh lại hoạt động của các trường và ấn định một chương trình làm việc, trong đó đề ra 2 chỉ tiêu chính cho sự phát triển của giáo dục tiểu học là: Mỗi xã lớn có 1 trường cơ bản; mỗi thôn có 1 trường hương học⁽³⁾.

(1), (2) Báo cáo đặc biệt về tình hình Chính quyền trong tỉnh của Hội đồng Cứu quốc tỉnh Thái Nguyên... Tlđđ, tr. 68.

(3) Báo cáo đặc biệt về tình hình Chính quyền trong tỉnh của Hội đồng Cứu quốc tỉnh Thái Nguyên... Tlđđ, tr. 55.

Đến thời điểm tháng 4/1948, toàn tỉnh có 101 trường tiểu học, tăng 5 trường so với năm học trước (gồm 19 trường cơ bản 4 lớp, 27 trường cơ bản 2 lớp và 55 trường hương học), với tổng số 142 giáo viên, tăng 31 giáo viên so với năm học trước (gồm 21 giáo viên cơ bản, 40 giáo viên sơ cấp, 81 hương sư) và 5.776 học sinh, tăng 1.964 học sinh so với năm học trước (có 4.083 học sinh nam, 1.693 học sinh nữ). Tổng số cán bộ, nhân viên Văn phòng Ty Tiểu học vụ gồm 7 người, trong đó có 1 Thanh tra tiểu học, 2 thư kí, 2 giáo viên cơ bản, 1 giáo viên sơ cấp và 1 tuý phái⁽¹⁾. Tỷ lệ học sinh đỗ tốt nghiệp tiểu học trong năm học 1947 - 1948 đạt 48,63%⁽²⁾.

Trong năm học 1947 - 1948, Trường Trung học Phương Độ có nhiều thay đổi. Số học sinh từ thị xã Thái Nguyên, từ các tỉnh: Bắc Giang, Bắc Ninh, Hà Nội... theo học tại Trường ngày càng đông, lên tới 125 người. Do đó, Nhà trường mở thêm 1 lớp đệ nhất. Như vậy, đến năm học này, Trường Trung học Phương Độ có 5 lớp. Lãnh đạo Nhà trường cũng có sự thay đổi về nhân sự. Ngày 15/1/1948, thầy Hiệu trưởng Nguyễn Hữu Tảo chuyển lên công tác tại Bộ Quốc gia Giáo dục; thầy Dương Xuân Nghiênn được bổ nhiệm giữ chức vụ Hiệu trưởng Nhà trường. Trường Trung học Phương Độ được Bộ quyết định đổi tên là Trường Trung học Lương Ngọc Quyến. Ngoài thầy Hiệu trưởng Dương Xuân Nghiênn và các thầy: Trần Hữu Mai, Nguyễn Văn Quý, Dương Văn Hảo, Nguyễn Văn Mô, Nhà trường tiếp nhận thêm 2 giáo viên, trong đó có thầy Trần Văn Học (người Nhật Bản, nguyên Phó Giám đốc

^{(1), (2)} Báo cáo 3 tháng quý II năm 1948 của Ủy ban Kháng chiến Hành chính tỉnh Thái Nguyên, ngày 2/7/1948, tr. 28.

hãng Daimaru ở Hà Nội, đi theo Việt Minh, dạy môn Tiếng Anh và Thể dục)⁽¹⁾. Những học sinh nghèo được Bộ Quốc gia Giáo dục trợ cấp tiền ăn hằng tháng. Toàn Trường có 13 học sinh được trợ cấp 60 đồng/tháng; 12 học sinh được trợ cấp 40 đồng/tháng và 8 học sinh được trợ cấp 20 đồng/tháng. Hội Bảo trợ Trường Trung học Lương Ngọc Quyến trợ cấp cho Nhà trường 3.800 đồng để làm quỹ, dùng trong những trường hợp đặc biệt.

Trong những năm 1948 - 1950, cùng với sự phát triển đi lên của cuộc kháng chiến, ngành Giáo dục tỉnh Thái Nguyên có nhiều chuyển biến tích cực.

Phong trào bình dân học vụ, thanh toán nạn mù chữ tiếp tục được duy trì và đẩy mạnh ở khắp các địa phương. Năm 1948, Ty Bình dân học vụ sử dụng thiết bị in đá (Litô) in thơ cổ động cho công tác “diệt dốt”; phát hành thơ và nhiều tài liệu tuyên truyền cho phong trào bình dân học vụ; đồng thời mở lớp huấn luyện, đào tạo giáo viên cho 2 huyện: Đại Từ và Định Hoá. Đầu quý III, Ty tổ chức Hội nghị Cán bộ bình dân học vụ toàn tỉnh để sơ kết đánh giá, kiểm điểm kết quả của phong trào và triển khai công tác 6 tháng cuối năm.

Sự chỉ đạo tích cực, thường xuyên, liên tục của Ty Bình dân học vụ và sự phối hợp của các địa phương, cộng với sự hưởng ứng tích cực của nhân dân, phong trào bình dân học vụ trong 9 tháng đầu năm 1948 có bước phát triển mạnh mẽ.

⁽¹⁾ Báo cáo 3 tháng quý II năm 1948 của Ủy ban Kháng chiến Hành chính tỉnh Thái Nguyên, ngày 2/7/1948, tr. 28.

Tính đến cuối tháng 9/1948, tỉnh Thái Nguyên có 1.681 lớp bình dân học vụ, với 1.654 giáo viên và 25.308 học viên. Hàng ngàn người đã thoát nạn mù chữ; toàn tỉnh còn 59.330 người chưa biết chữ⁽¹⁾. Sang năm 1949, số lớp bình dân học vụ tăng lên 1.745 (tăng 64 lớp so với thời điểm tháng 9/1948), với tổng số 1.907 giáo viên (tăng 253 giáo viên) và 22.728 học viên (19.837 học viên các lớp sơ cấp và 2.891 học viên các lớp dự bị), giảm 2.580 người. Kỳ thi mãn khoá năm 1949, có 19.073 trong tổng số 19.837 học viên lớp sơ cấp (96,1%) và 59 trong tổng số 2.891 học viên các lớp dự bị (2%) đạt yêu cầu⁽²⁾. Đáng chú ý là 2 huyện: Phú Bình, Phổ Yên và 6 xã, 12 thôn ở 5 huyện khác đã hoàn thành thanh toán nạn mù chữ. Số người thoát nạn mù chữ trong toàn tỉnh chiếm 72% dân số. Thời gian này, Thái Nguyên còn 33.993 người (từ 8 tuổi trở lên) chưa biết chữ, chiếm 28% dân số toàn tỉnh (122.640 người).

Trong nửa đầu năm 1950, bộ máy lãnh đạo Ty Bình dân học vụ có sự thay đổi về nhân sự. Tháng 3/1950, Sở Bình dân học vụ Liên khu Việt Bắc điều động 1 Phó ty lên nhận công tác tại Sở; đồng thời bổ nhiệm 1 Phó ty mới thay thế. Tháng 5/1950, Sở tiếp tục điều động đồng chí Trưởng ty về Sở công tác. Như vậy, từ thời điểm này, Ty Bình dân học vụ khuyết Trưởng ty; việc điều hành công tác ở Ty do 2 Phó ty đảm nhiệm. Ty Bình dân học vụ gồm có 4 phòng⁽³⁾.

Cùng với phong trào bình dân học vụ, trong những năm 1948 - 1950, giáo dục Tiểu học tỉnh Thái Nguyên cũng có bước phát triển khá toàn diện.

⁽¹⁾ Báo cáo tình hình Thái Nguyên 3 tháng quý III năm 1948... Tlđđ, tr.17.

⁽²⁾ Ủy ban Kháng chiến Hành chính tỉnh Thái Nguyên: Báo cáo tình hình Thái Nguyên tại Hội nghị Kháng chiến Hành chính toàn quốc năm 1949. Tr. 44, 45.

⁽³⁾ Ủy ban Kháng chiến Hành chính tỉnh Thái Nguyên: Báo cáo Tình hình tỉnh Thái Nguyên 6 tháng đầu năm 1950. Số 2-BC/TN, ngày 14/8/1950, tr. 38, 39.

Năm học 1948 - 1949 là năm học có nhiều sự kiện quan trọng đối với lịch sử phát triển của ngành Giáo dục tỉnh Thái Nguyên. Đây là năm thứ 2 ngành Tiểu học vụ Thái Nguyên triển khai thực hiện chủ trương của Tỉnh ủy: “*Mỗi đại xã 1 trường cơ bản, mỗi thôn 1 trường hướng học*”⁽¹⁾. Ngay từ mùa hè năm 1948, Ty Tiểu học vụ đã làm việc với chính quyền các địa phương về việc mở thêm trường, lớp tiểu học. Kết quả, trong năm 1949, một số trường tiểu học đã được thành lập. Huyện Đại Từ mở được 2 trường: Tân Thành và Vinh Quang. Huyện Đồng Hỷ mở được 2 trường: Long Khê và Vân Hòa. Trên địa bàn tỉnh, 74 xã trong tổng số 84 xã đã có trường tiểu học (trong đó có 45 trường cơ bản), với 299 lớp (tăng so với năm học trước) và 8.719 học sinh, giảm 3.995 so với năm học trước⁽²⁾. Nguyên nhân chủ yếu dẫn đến sự giảm sút số lượng học sinh tiểu học là do đời sống kinh tế lúc này rất khó khăn. Đa số học sinh vì hoàn cảnh gia đình quá nghèo khó, đã phải nghỉ học để đi làm thuê, làm mướn cho địa chủ hoặc phụ giúp gia đình tăng gia sản xuất. Tại kì thi tốt nghiệp Tiểu học năm học 1948 - 1949, toàn tỉnh có 1.734 học sinh dự thi, trong đó có 1.231 đỗ tốt nghiệp, đạt 71%⁽³⁾.

Trong năm học 1948 - 1949, ngoài Trường Trung học (công lập) Lương Ngọc Quyến, còn có thêm Trường Trung học tư thực Ngô Quyền từ tỉnh Phúc Yên tản cư đến huyện Phổ Yên. Do chưa dựng được trường lớp, cả hai trường này đều phải nhờ đình làng

⁽¹⁾ Báo cáo đặc biệt về tình hình Chính quyền trong tỉnh của Hội đồng Cứu quốc tỉnh Thái Nguyên... Tlđđ, tr. 55.

⁽²⁾ Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Thái Nguyên: Báo cáo 1 năm hoàn thành nhiệm vụ Chuẩn bị chuyển mạnh sang tổng phản công (1950). Số 17-BC/TN, ngày 3/2/1951, tr. 18.

⁽³⁾ Báo cáo tình hình tỉnh Thái Nguyên 6 tháng đầu năm 1950 của UBKCHC tỉnh. Số 2, ngày 14/8/1950, tr. 91.

làm lớp học. Bàn ghế lớp học đều do giáo viên và học sinh tự đóng bằng những vật liệu do nhân dân địa phương giúp đỡ. Giáo viên và học sinh của hai trường đều ở nhờ nhà dân; đời sống vô cùng khó khăn, thiếu thốn.

Năm học 1948 - 1949 cũng đánh dấu sự thay đổi nội dung giảng dạy theo phương châm *Dân tộc hoá* trong các bộ môn: Văn học, Lịch sử, Địa lí Việt Nam, vốn rất bị coi nhẹ ở nhà trường thời thuộc Pháp. Với ý thức trách nhiệm, lòng tự hào dân tộc, các giáo viên Trường Trung học Lương Ngọc Quyến tập trung biên soạn giáo án các bộ môn này. Dù hầu hết giáo viên chưa được trang bị những tri thức về lí luận và thực tiễn cách mạng, nhưng những tập giáo án về Lịch sử, về Văn học cách mạng Việt Nam đã hoàn thành với chất lượng tốt. Lần đầu tiên, học sinh của Trường được học chương trình Lịch sử cách mạng Việt Nam, được nghe giảng về thơ Tố Hữu, Sóng Hồng, Hoàng Cầm, Xuân Diệu, Chính Hữu... văn của Nguyên Hồng, Nguyễn Huy Tưởng, Nam Cao, Tô Hoài...⁽¹⁾

Cùng trong năm học 1948 - 1949, Sở Giáo dục Khu I đã tổ chức kì thi học sinh giỏi cho 4 trường trung học trên địa bàn, gồm: Trường Lương Ngọc Quyến (tỉnh Thái Nguyên), Trường Ngô Quyền (từ tỉnh Phúc Yên tản cư lên huyện Phổ Yên), Trường Hàn Thuyên (của tỉnh Bắc Ninh, tản cư lên Bắc Lý, huyện Hiệp Hoà, tỉnh Bắc Giang) và Trường Ngô Sĩ Liên (tỉnh Bắc Giang). Trường Trung học Lương Ngọc Quyến có 6 thí sinh lớp đệ tứ và đệ tam dự thi các môn: Toán, Văn, Pháp văn (mỗi môn ở mỗi lớp chỉ 1 thí sinh dự thi). Kì thi này chỉ trao thưởng cho thí sinh đoạt giải Nhất.

⁽¹⁾ *Lịch sử Trường Trung học phổ thông Lương Ngọc Quyến... Sđd, tr. 46.*

Thí sinh lớp đệ tam Nguyễn Đồng Thoại của Trường Trung học Lương Ngọc Quyến giành giải Nhất môn Văn⁽¹⁾.

Bước sang năm học 1949 - 1950, Ty Tiểu học vụ mở 1 lớp sư phạm đào tạo giáo viên tiểu học trong thời gian 6 tháng cho miền núi. Kết thúc khoá học, có 18 trong tổng số 50 học viên thi đỗ tốt nghiệp, được Ty tuyển dụng, phân công về dạy tại các trường tiểu học ở các xã miền núi trong tỉnh. Trong năm 1950, tỉnh Thái Nguyên tổ chức khai giảng 2 lớp sư phạm đào tạo giáo viên tiểu học. Một lớp đào tạo giáo viên dạy lớp 3 và lớp 4, có 50 học viên tuyển chọn từ những giáo viên sơ cấp và phụ ngạch có năng lực, thời gian đào tạo là 8 tháng. Một lớp đào tạo giáo viên dạy lớp 1 và lớp 2, có 60 thí sinh dự thi, 50 người thi đỗ được vào học trong 3 tháng⁽²⁾. Nhờ đó, về cơ bản, tỉnh Thái Nguyên đã đáp ứng đủ yêu cầu về giáo viên cho các trường tiểu học.

Ngoài việc mở các lớp đào tạo, bồi dưỡng giáo viên, Ty Tiểu học vụ còn chỉ đạo công tác chấn chỉnh về tổ chức, về quy chế, nề nếp hoạt động chuyên môn của các trường và xây dựng trường Tiểu học kiểu mẫu. Kết quả trong năm học 1949 - 1950, toàn Ngành đã xây dựng được 2 trường kiểu mẫu đạt các tiêu chí: Có đủ bàn, ghế, bảng đen; sạch sẽ phong quang; có trang trí tranh ảnh, báo tường. Trường Tiểu học Lâu Thượng (huyện Võ Nhai) và Trường Tiểu học Chợ Chu (huyện Định Hóa) đã làm kí túc xá trong trường cho học sinh ở các xã, bản hẻo lánh, cách xa trường.

Cùng với giáo dục Tiểu học, trong năm học 1949 - 1950, giáo dục Trung học tỉnh Thái Nguyên có những bước phát triển mới.

⁽¹⁾ *Lịch sử Trường Trung học phổ thông Lương Ngọc Quyến...* Sđd, tr. 37

⁽²⁾ *Lịch sử Trường Trung học phổ thông Lương Ngọc Quyến...* Sđd, tr. 46, 50.

Ngoài Trường Trung học Lương Ngọc Quyến và Trường Trung học Ngô Quyền, ngành Giáo dục tỉnh Thái Nguyên mở thêm 2 trường trung học (1 trường ở huyện Đông Hỷ, 1 trường ở huyện Phú Bình)⁽¹⁾.

Trong năm học, Trường Trung học Lương Ngọc Quyến tiếp nhận khoảng 80 học sinh lứa tuổi từ 11 đến 15, là thiếu sinh quân hoặc liên lạc từ Trung đoàn Thủ đô về học. Đến thời điểm này, Nhà trường có 8 lớp (3 lớp đệ nhất, 2 lớp đệ nhị, 2 lớp đệ tam, 1 lớp đệ tứ), với 11 giáo viên (4 giáo viên khoa học, 6 giáo viên văn học, 1 giáo viên hội họa và thủ công) và 414 học sinh. Vào cuối năm học 1949 - 1950, Trường Trung học Lương Ngọc Quyến chuyển địa điểm đến 2 làng: Úc Kỳ và Nhã Lộng (huyện Phú Bình), nhanh chóng trở lại hoạt động bình thường cho đến hết năm học. Kỳ thi tốt nghiệp Trung học phổ thông năm học này, Nhà trường có 18 thí sinh dự thi. Kết quả, 15 thí sinh đỗ tốt nghiệp, đạt tỉ lệ 83%⁽²⁾.

Những năm 1948 - 1950, công tác xây dựng Đảng trong trường học được quan tâm. Đầu tháng 9/1948, Chi bộ Đảng Cộng sản Đông Dương Trường Trung học Lương Ngọc Quyến được thành lập, trực thuộc Huyện uỷ Phú Bình, gồm 3 đảng viên: Trần Văn Quốc (giáo viên, giữ chức vụ Bí thư), Nguyễn Huy (học sinh, do Ban Tuyên huấn Huyện uỷ Phú Bình cử đi học), Đồng Văn Năng (học sinh, người xã Phương Độ). Trong 2 năm kể từ khi thành lập, Chi bộ đã kết nạp được 11 đảng viên, trong đó có Hiệu trưởng Dương Xuân Nghiên. Đến năm học 1949 - 1950, có thêm 9 đảng viên là nhân viên Văn phòng Trung ương Đảng, Văn phòng Liên khu uỷ Việt Bắc và một số đồng chí từ Huyện uỷ Phú Bình về

(1), (2) Báo cáo tình hình tỉnh Thái Nguyên tại Hội nghị Kháng chiến Hành chính toàn quốc 1950... Tlđđ, tr. 43, 45.

Trường học văn hoá, đã giúp Chi bộ nhà trường phát triển. Năm 1950, Trường Trung học Lương Ngọc Quyến có 10 học sinh là đảng viên xung phong gia nhập quân đội. Chi bộ Nhà trường còn 17 đảng viên⁽¹⁾.

II- Ngành Giáo dục tỉnh trong những năm cuối kháng chiến chống thực dân Pháp (1950 - 1954)

Tháng 6/1950, cuộc vận động *Rèn cán, chỉnh cơ* (rèn luyện cán bộ, chỉnh đốn cơ quan) được triển khai trong ngành Giáo dục, nhằm giáo dục cán bộ, giáo viên có quan điểm đúng đắn và cơ bản về trách nhiệm và vinh dự của người giáo viên trong chế độ mới. Cũng thời gian này, Bộ Giáo dục tổ chức Hội nghị Tổng kết phong trào bình dân học vụ. Hội nghị đánh giá rất cao kết quả mà phong trào đã đạt được: 10 tỉnh, 80 huyện, 1.424 xã, 7.428 thôn đã được công nhận hoàn thành xóa nạn mù chữ và thống nhất phương hướng, kế hoạch đưa phong trào bình dân học vụ cả nước phát triển trong những năm tiếp theo.

Tại tỉnh Thái Nguyên, hai ty Bình dân học vụ và Tiểu học vụ đã tổ chức cho cán bộ, nhân viên trong cơ quan học tập những nội dung của cuộc vận động *Rèn cán, chỉnh cơ*; tự kiểm điểm, đánh giá bản thân về ý thức trách nhiệm của một cán bộ - một nhà giáo làm việc, mức độ hoàn thành nhiệm vụ công tác và đề ra biện pháp sửa chữa khuyết điểm; quyết tâm phấn đấu trong giai đoạn tiếp theo. Cuộc vận động được triển khai đến các trường tiểu học, trung học, tới đội ngũ giáo viên phổ thông và bình dân học vụ trong toàn tỉnh.

Cùng với việc triển khai cuộc vận động *Rèn cán, chỉnh cơ*, trong quý III năm 1950, Ty Bình dân học vụ đã thành lập các Đoàn

⁽¹⁾ *Một thời để nhớ*. Sđd, tr. 65.

trợ lực, thành phần gồm: Cán bộ Ty và một số giáo viên do Ty trung tập, tuyển dụng. Đoàn có nhiệm vụ phối hợp với các huyện tổ chức dứt điểm nạn mù chữ cho từng xã theo kiểu “cuốn chiếu” và củng cố Ban Bình dân học vụ của các xã. Thời gian này, Ty Bình dân học vụ mở 1 lớp bồi dưỡng ngắn hạn (10 ngày) bổ túc trình độ chuyên môn và phương pháp giảng dạy cho 32 giáo viên sơ cấp bình dân học vụ của huyện Đồng Hỷ. Để đáp ứng yêu cầu giáo viên cho các lớp xoá mù chữ, Ty Bình dân học vụ đã đề nghị Ủy ban Kháng chiến Hành chính tỉnh cho chủ trương vận động học sinh lớp 4 (tiểu học) và cán bộ, nhân viên các cơ quan trong tỉnh làm giáo viên, dạy các lớp dự bị bình dân học vụ.

Tháng 7/1950, *Đề án Cải cách giáo dục* do Hội đồng Chính phủ thông qua được thực hiện. Đây là cuộc cải cách giáo dục lần thứ nhất, là cuộc cách mạng trong ngành Giáo dục nước ta. *Đề án Cải cách giáo dục* đã nêu rõ bản chất và mục đích của nền giáo dục nước ta là: Nền giáo dục dân chủ nhân dân, của dân, do dân và vì dân. Mục tiêu đào tạo của nhà trường phổ thông là giáo dục thế hệ trẻ thành những *công dân lao động tương lai*, trung thành với chế độ dân chủ nhân dân, có đủ năng lực và phẩm chất phục vụ kháng chiến, phục vụ nhân dân. Phương châm giáo dục là học đi đôi với hành, lí luận gắn liền với thực tiễn. Nội dung giáo dục phải bồi dưỡng tinh thần dân tộc, lòng yêu nước, yêu lao động, tôn trọng của công, tinh thần tập thể, phương pháp và thói quen làm việc khoa học. Với cuộc cải cách giáo dục lần thứ nhất, hệ thống giáo dục cũ được thay bằng hệ giáo dục phổ thông 9 năm⁽¹⁾, đưa giáo dục phục

⁽¹⁾ Được chia thành 3 cấp: Cấp I là 4 năm (từ lớp 1 đến lớp 4), cấp II là 3 năm (từ lớp 5 đến lớp 7) và cấp III là 2 năm (từ lớp 8 đến lớp 9). Trong toàn hệ thống giáo dục phổ thông, chỉ có một kì thi tốt nghiệp cấp III.

vụ tích cực công cuộc kháng chiến, kiến quốc; đặt nền móng cho nền giáo dục dân tộc, dân chủ dựa trên nguyên tắc dân tộc, khoa học và đại chúng.

Ngày 5/8/1950, Ban Thường vụ Tỉnh ủy Thái Nguyên ban hành Nghị quyết số 97/NQ-TN, chỉ định đồng chí Lê Hải An - Ủy viên Ban Thường vụ kiêm Trưởng ban Tuyên huấn tỉnh, phụ trách Trường Trung học Lương Ngọc Quyến và Trường Trung học Ngô Quyền, nhằm tăng cường sự lãnh đạo của Tỉnh ủy đối với các trường trung học trên địa bàn.

Để triển khai tốt cuộc cải cách giáo dục, tỉnh Thái Nguyên đã tiến hành tổ chức, kiện toàn bộ máy ngành Giáo dục của tỉnh. Ty Bình dân học vụ được đổi thành Ty Bổ túc văn hoá. Ty Tiểu học vụ được đổi thành Ty Giáo dục phổ thông. Các trường tiểu học đổi thành các trường phổ thông cấp I. Các trường trung học đổi thành các trường phổ thông cấp II, trường phổ thông cấp III. Trường Trung học Lương Ngọc Quyến đổi thành Trường Phổ thông cấp II - III Lương Ngọc Quyến. Nhiều cán bộ có tri thức, năng lực, kinh nghiệm đã được tỉnh tăng cường cho cơ quan quản lý giáo dục. Đồng chí Đặng Đức Thái - Đại biểu Quốc hội khoá I, nguyên Phó Chủ tịch Ủy ban Kháng chiến Hành chính, Phó Chủ nhiệm Tỉnh bộ Việt Minh tỉnh Thái Nguyên, được cử giữ chức vụ Phó ty Giáo dục phổ thông. Trưởng ty Nguyễn Minh Tụng chuyên công tác khác. Trong mùa hè 1950, Ty Giáo dục phổ thông đã chủ động mở nhiều lớp đào tạo giáo viên tiểu học.

Trong khi đó, Ty Bổ túc văn hóa tích cực chỉ đạo duy trì phong trào bình dân học vụ. Mặc dù có nhiều cố gắng, song trong năm 1950, số lượng lớp học, giáo viên và học viên bình dân học vụ

đã bị suy giảm mạnh. Đến tháng 9/1950, tỉnh Thái Nguyên chỉ còn 795 lớp bình dân học vụ (621 lớp sơ cấp và 174 lớp dự bị), 1.027 giáo viên (833 giáo viên sơ cấp và 194 giáo viên dự bị) và 9.603 học viên (7.545 học viên sơ cấp, 2.058 học viên dự bị). So sánh với đầu năm 1950 số lớp giảm 576, số học viên giảm 3.379 người. Tuy nhiên, tính từ đầu năm đến tháng 9/1950, toàn tỉnh có thêm 17 xã, 12 thôn hoàn thành thanh toán nạn mù chữ⁽¹⁾. Các chỉ số về kết quả công tác bình dân học vụ của tỉnh Thái Nguyên đến tháng 9/1950 cũng đều giảm mạnh so các năm 1946 - 1949 và không đạt được chỉ tiêu do nghị quyết của Hội đồng Nhân dân tỉnh đề ra tháng 4/1950.

Đầu tháng 9/1950, các trường học trong tỉnh Thái Nguyên đồng loạt khai giảng năm học mới giữa lúc quân và dân ta đang gấp rút hoàn thành mọi mặt chuẩn bị cho Chiến dịch Biên giới. Để đảm bảo giao thông, đáp ứng kịp thời yêu cầu vận chuyển lương thực, thực phẩm, vũ khí, phục vụ Chiến dịch Biên giới, Đảng bộ tỉnh Thái Nguyên phát động *Chiến dịch sửa chữa, xây dựng cầu, đường lần thứ nhất*, thu hút gần 50% cán bộ các cơ quan quân - dân - chính đảng trong tỉnh tham gia. Ban Chấp hành Đoàn Thanh niên tỉnh tổ chức 2 đội thanh niên xung phong, huy động trên 300 thanh niên nam, nữ biên chế thành các trung đội, tiểu đội, làm nhiệm vụ đảm bảo giao thông ở các tuyến trọng yếu.

Ngày 16/9/1950, bộ đội ta nổ súng tấn công tiêu diệt cụm cứ điểm Đông Khê, mở màn Chiến dịch Biên giới. Ngày 18/9, Đông Khê được giải phóng. Quân Pháp ở Cao Bằng hoàn toàn bị cô lập, Thất Khê bị uy hiếp trực tiếp. Tuyến phòng thủ của địch trên Đường số 4 bị rung chuyển.

⁽¹⁾ Ủy ban Kháng chiến Hành chính tỉnh Thái Nguyên: *Báo cáo sơ kết về thực hiện quyết nghị của Hội đồng Nhân dân tỉnh đề ra tháng 4/1950*. Ngày 6/9/1950, tr. 29, 30.

Để cứu nguy cho đồng bọn ở mặt trận Biên giới, thực dân Pháp huy động khoảng 4.000 quân mở cuộc hành quân Phôcơ (Phoque - Hải cầu) đánh chiếm thị xã Thái Nguyên. Quân và dân Thái Nguyên anh dũng chiến đấu chống quân xâm lược. Sau hơn 10 ngày càn quét, đốt phá (từ 29/9 đến 12/10/1950) nhưng không đạt được ý đồ, lại bị tổn thất nặng, quân Pháp đã phải rút khỏi thị xã Thái Nguyên.

Trong thời gian quân Pháp mở cuộc hành quân Phôcơ tấn công lên thị xã Thái Nguyên, hầu hết các trường tiểu học, trung học, các lớp xóa nạn mù chữ ở gần những nơi xảy ra chiến sự tại các huyện Đông Hỷ, Phổ Yên, Phú Bình đã phải nghỉ học. Giáo viên, học sinh theo gia đình tạm lánh vào các vùng rừng núi, hoặc các thôn xóm xa trục đường chính.

Tình hình trên cùng với việc hàng nghìn người đi bộ đội, thanh niên xung phong, đi dân công sửa chữa cầu đường, phục vụ Chiến dịch Biên giới đã hạn chế kết quả hoạt động giáo dục của tỉnh. Vì vậy, Ty Bỏ túc văn hoá tiếp tục mở nhiều lớp bồi dưỡng nghiệp vụ cho giáo viên, củng cố tổ chức từ Văn phòng Ty xuống các huyện và mở một số lớp bỏ túc văn hoá ở các huyện, các cụm xã để dạy văn hoá cho cán bộ xã. Cuối năm 1950, toàn tỉnh có 1.268 lớp bình dân học vụ, thu hút 19.963 học viên; 27 trong tổng số 81 xã và 12 thôn đã thanh toán xong nạn mù chữ⁽¹⁾.

Năm 1951, phong trào thanh toán nạn mù chữ có nhiều tiến bộ. *Chiến dịch Diệt dốt Nguyễn Công Mỹ*⁽²⁾ được triển khai rộng

⁽¹⁾ *Lịch sử Đảng bộ tỉnh Thái Nguyên*. Tập 1. Xb. 2003, tr. 292.

⁽²⁾ Nguyễn Công Mỹ (1909 - 1949) là một nhà hoạt động xã hội Việt Nam. Ngày 8/9/1945, ông được Chính phủ lâm thời bổ nhiệm chức vụ Tổng Giám đốc Bình dân học vụ đầu tiên của nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa; có nhiều đóng góp to lớn trong phong trào Bình dân học vụ xoá mù chữ tại Việt Nam. Ông đã hi sinh trong lúc qua bến đò Yên Lệnh đi thăm các lớp học tỉnh Hưng Yên (6/1/1949).

khắp các địa phương trong tỉnh và thu nhiều kết quả. Nhiều xã trong suốt 9 tháng đầu năm 1951 không có lớp bình dân học vụ, đến quý IV đã mở được lớp. Riêng huyện Đồng Hỷ mở được 1 lớp bổ túc văn hoá cho 21 học viên là cán bộ quân - dân - chính các xã, tuổi từ 20 đến 45. Số lớp và học viên các lớp thanh toán nạn mù chữ tăng mạnh⁽¹⁾.

Vượt qua nhiều khó khăn, thiếu thốn, trong những năm 1950 - 1952, ngành Giáo dục phổ thông có nhiều bước tiến quan trọng. Ty Giáo dục phổ thông đã mở một số lớp đào tạo giáo viên cấp I để đáp ứng yêu cầu số lớp cấp I tăng mạnh. Năm học 1950 - 1951, toàn tỉnh có 74 trong tổng số 81 xã đã mở trường cấp I, số giáo viên tăng 78 người, số học sinh tăng 1.944 em so với năm học trước. Chất lượng dạy và học được cải thiện rõ rệt.

Cùng thời gian trên, Trường Phổ thông cấp II - III Lương Ngọc Quyến chuyển từ Úc Kỳ, Nhã Lộng về làng Quyên, xã Bảo Lý (huyện Phú Bình). Một số đơn vị quân đội, xưởng máy, nhà in tiền... cũng đóng và làm việc tại đây, nên bị máy bay Pháp oanh tạc, phá hủy nhiều nhà cửa, trong đó có cả lớp học của Trường. Lãnh đạo Nhà trường quyết định di chuyển Trường vào sâu phía rừng; thầy và trò có sự giúp đỡ của nhân dân địa phương, đã đổ biết bao công sức chặt gỗ, tre, nứa dựng lại trường lớp.

Giữa năm 1951, Trường Phổ thông cấp II - III Lương Ngọc Quyến kết thúc thắng lợi năm học 1950 - 1951. Thầy Dương Xuân Nghiên - Hiệu trưởng Nhà trường, được Bộ Giáo dục quyết định điều động và bổ nhiệm giữ chức vụ Trưởng ty Giáo dục phổ thông

⁽¹⁾ Báo cáo 3 tháng đầu năm 1952 của Ủy ban Kháng chiến Hành chính tỉnh Thái Nguyên. Tr.7.

tỉnh Thái Nguyên. Cùng thời gian này, nhiều giáo viên, học sinh của Trường tích cực tham gia công tác tuyên truyền, phổ biến, vận động nhân dân thực hiện chính sách thuế nông nghiệp; giúp đỡ các địa phương khu vực phía Đông Bắc huyện Phú Bình đo đạc ruộng đất, tính toán mức đóng thuế đảm bảo đúng, đủ, công khai, minh bạch; đồng thời vận động nhân dân thi đua “*nộp mau, nộp đủ, nộp thóc tốt vào kho*” theo Lời kêu gọi của Chủ tịch Hồ Chí Minh.

Bước vào năm học 1951 - 1952, Trường Phổ thông cấp II - III Lương Ngọc Quyến mở lớp 8 đầu tiên. Trong năm học này, do tình hình chiến sự, nhiều học sinh của các trường: Hàn Thuyên (tỉnh Bắc Ninh) và Ngô Sỹ Liên (tỉnh Bắc Giang) chuyển về học tập tại Trường Lương Ngọc Quyến. Nhiều giáo viên, học sinh của Trường được chọn đi học các ngành khoa học cơ bản và sư phạm tại Khu Học xá Trung ương ở Nam Ninh (Trung Quốc) hoặc ở Liên Xô⁽¹⁾.

Những năm 1953 - 1954, cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp của nhân dân ta bước vào giai đoạn quyết liệt nhất. Ngày 6/12/1953, Bộ Chính trị Ban Chấp hành Trung ương Đảng đã thông qua Kế hoạch tác chiến mùa xuân năm 1954 của Tổng Quân uỷ và quyết định mở Chiến dịch Điện Biên Phủ. Ngày 13/3/1954, bộ đội ta nổ súng mở màn Chiến dịch. Ngày 7/5/1954, Chiến dịch Điện Biên Phủ toàn thắng. Cũng trong 2 năm này, thực hiện đường lối, chủ trương của Đảng và các sắc lệnh của Chính phủ, công cuộc giảm tô và cải cách ruộng đất đã được triển khai mạnh mẽ ở tỉnh Thái Nguyên.

⁽¹⁾ *Lịch sử Trường Trung học phổ thông Lương Ngọc Quyến Thái Nguyên...* Sđd, tr. 79, 80, 83.

Những sự kiện lớn, quan trọng nói trên có tác động mạnh mẽ, sâu sắc đến sự nghiệp giáo dục của tỉnh.

Vào những năm cuối của cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, hàng nghìn thanh niên Thái Nguyên tiếp tục gia nhập quân đội và lực lượng thanh niên xung phong. Hàng chục nghìn lượt người lại lên đường đi dân công hoả tuyến phục vụ các chiến dịch: Tây Bắc, Điện Biên Phủ. Hầu hết lực lượng cán bộ, nông dân, học sinh tại các xã thực hiện cải cách ruộng đất ở các huyện: Đại Từ, Đồng Hỷ, Phú Bình, Phổ Yên... phải tập trung đấu tranh để đánh đổ giai cấp địa chủ phong kiến.

Trong điều kiện ấy, nhờ sự quyết tâm, năng động, tích cực của Ty Bỏ túc văn hoá, Ty Giáo dục phổ thông và cán bộ, giáo viên toàn Ngành, sự cố gắng của học sinh các cấp, sự giúp đỡ tích cực của nhân dân, sự nghiệp giáo dục của tỉnh tiếp tục có bước phát triển mạnh mẽ, với nhiều thành tựu.

Công tác bỏ túc văn hoá và thanh toán nạn mù chữ đạt kết quả tốt. Tất cả các xã ở các huyện: Phú Bình, Phổ Yên, Đồng Hỷ, Đại Từ đã mở được từ 8 đến 12 lớp; các xã ở các huyện còn lại cũng mở được từ 4 đến 6 lớp bình dân học vụ. Toàn tỉnh có 1.255 lớp với 29.808 học viên, trong đó có 6.519 học viên là cán bộ xã theo học bỏ túc văn hoá và xoá mù chữ⁽¹⁾.

Hệ thống Giáo dục phổ thông trong năm học 1953 - 1954 được mở rộng, có sự phát triển vượt bậc. Các huyện: Phú Lương, Đại Từ, Định Hoá lần lượt mở được trường cấp II. Năm 1953, Bộ Quốc gia Giáo dục, Sở Giáo dục Liên khu Việt Bắc và Tỉnh uỷ, Ủy

⁽¹⁾ *Lịch sử Đảng bộ tỉnh Thái Nguyên, tập I...*, Sđd, tr. 293.

ban Kháng chiến Hành chính, Ty Giáo dục phổ thông tỉnh Thái Nguyên đã thống nhất chuyển Trường Phổ thông cấp II - III Lương Ngọc Quyến từ xã Bảo Lý (Phú Bình) về xã Tân Cương, huyện Đồng Hỷ (nay là thành phố Thái Nguyên).

Năm 1954, một vinh dự vô cùng to lớn đến với Trường Phổ thông cấp II - III Lương Ngọc Quyến: Đồng chí Trường Chinh - Tổng Bí thư Đảng Lao động Việt Nam, về thăm. Tiếp bước các đàn anh và phát huy truyền thống của Nhà trường, cũng trong năm 1954, rất đông học sinh nam của Trường đã nhập ngũ, lên đường ra mặt trận.

Sau chiến thắng Điện Biên Phủ, tháng 7/1954, Trung ương quyết định thành lập Đội Thanh niên xung phong công tác tiếp quản Thủ đô, gồm hơn 300 đội viên, là những học sinh sắp tốt nghiệp tú tài của các trường phổ thông cấp II - III: Hùng Vương (tỉnh Phú Thọ), Tân Trào (tỉnh Tuyên Quang), Hàn Thuyên (tỉnh Bắc Ninh), Lương Ngọc Quyến (tỉnh Thái Nguyên), Ngô Sỹ Liên (tỉnh Bắc Giang), Lam Sơn (tỉnh Thanh Hoá), Nguyễn Thượng Hiền (Liên khu IV), Sư phạm Khu học xá... Trong số đó, có hơn 50 học sinh Trường Phổ thông cấp II - III Lương Ngọc Quyến. Đội đã hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ trong quá trình tiếp quản Thủ đô Hà Nội và công tác chống địch cường ép đồng bào ta di cư vào Nam⁽¹⁾.

Như vậy, trải qua những năm tháng khó khăn, gian khổ trong kháng chiến chống thực dân Pháp (1945 - 1954), ngành Giáo dục tỉnh Thái Nguyên đã giành được nhiều thành tựu, từng bước trưởng

⁽¹⁾ *Đội Thanh niên xung phong tiếp quản Thủ đô. Những kỉ niệm không quên.* Hà Nội. 2010. Tr. 11, 12.

thành và có nhiều đóng góp tích cực vào sự nghiệp kháng chiến, kiến quốc.

Thành tựu lớn, nổi bật của ngành Giáo dục trong thời kì này là đã chỉ đạo, tổ chức tốt phong trào bình dân học vụ, xoá nạn mù chữ cho trên 72% số dân toàn tỉnh. Hệ thống giáo dục phổ thông phát triển mạnh mẽ, nhất là từ khi triển khai cuộc cải cách giáo dục lần thứ nhất (1950), bao gồm đủ 3 cấp học (cấp I, cấp II, cấp III) với số trường, lớp, giáo viên, học sinh ngày càng tăng cao. Chương trình các cấp học ngày càng được hoàn thiện trên cơ sở những nguyên tắc cơ bản của nền giáo dục dân chủ nhân dân: *Dân tộc - Khoa học - Đại chúng*. Chất lượng đội ngũ giáo viên, chất lượng dạy và học cũng dần được cải thiện...

Mặc dù còn nhiều hạn chế, yếu kém về cơ sở vật chất, về công tác quản lí, chỉ đạo, điều hành của cơ quan quản lí giáo dục từ cấp tỉnh xuống cấp huyện, song những kết quả đạt được trong thời kì 1945 - 1954 là tiền đề vững chắc cho ngành Giáo dục tỉnh Thái Nguyên phát triển mạnh mẽ hơn nữa trên chặng đường tiếp theo.

Chương II

NGÀNH GIÁO DỤC TỈNH THỜI KÌ 1954 - 1975

I- Ngành Giáo dục tỉnh trong 10 năm hòa bình xây dựng chủ nghĩa xã hội ở miền Bắc (1954 - 1965)

Sau ngày Hiệp định Giơnevơ về chấm dứt chiến tranh, lập lại hoà bình ở Đông Dương được kí kết (21/7/1954), nước ta tạm thời chia làm hai miền. Miền Bắc được hoàn toàn giải phóng, bước vào thời kì quá độ đi lên chủ nghĩa xã hội, trở thành chỗ dựa vững chắc cho cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân ở miền Nam.

Thời gian này, tỉnh Thái Nguyên có 8 huyện, thị với 149 xã. Dân số toàn tỉnh có 218.103 người⁽¹⁾, phần lớn cư trú ở vùng nông thôn, sinh sống bằng nghề làm ruộng, giáo dục chưa phát triển, trình độ văn hóa thấp và không đồng đều giữa các vùng, miền, dân tộc. Toàn tỉnh chưa có xã nào được công nhận hoàn thành thanh toán nạn mù chữ. Trình độ văn hóa của đội ngũ cán bộ, nhất là cán bộ ở các xã rất thấp. Tại huyện Võ Nhai, trong số cán bộ cấp ủy, chính quyền, đoàn thể ở 18 xã, chỉ 1 đồng chí có trình độ văn hóa lớp 4; khoảng 25% có trình độ văn hóa từ lớp 1 đến lớp 3; 65% biết đọc, biết viết; số còn lại (10%) không biết chữ. Trong khi đó, do tập trung lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện nhiệm vụ triệt để giảm tô, cải cách ruộng đất và chỉnh đốn tổ chức, nên các cấp bộ đảng, chính quyền

⁽¹⁾ Văn phòng Tỉnh ủy Thái Nguyên: *Báo cáo Tình hình các dân tộc tỉnh Thái Nguyên*. Số 510 VP/TN, ngày 10/9/1955, tr. 3.

trong tỉnh ít kiểm tra, đôn đốc công tác bình dân học vụ và bổ túc văn hóa. Đây chính là nguyên nhân chủ yếu làm cho phong trào bình dân học vụ và bổ túc văn hóa trên địa bàn tỉnh giảm sút.

Trước tình hình trên, Ty Giáo dục tham mưu giúp Tỉnh ủy, Ủy ban Hành chính tỉnh lãnh đạo, chỉ đạo công tác bình dân học vụ (xóa nạn mù chữ) và bổ túc văn hóa (nâng cao trình độ văn hóa) cho cán bộ và nhân dân. Ty Giáo dục tỉnh lúc đó có 7 cán bộ, gồm 1 Trưởng ty, 1 Phó ty và 5 cán bộ chuyên môn nghiệp vụ. Các đảng viên công tác ở Ty Giáo dục sinh hoạt ghép với Chi bộ Ban Tuyên huấn tỉnh, trực thuộc Đảng ủy Cơ quan Dân - Chính - Đảng tỉnh. Chi bộ Ban Tuyên huấn tỉnh do đồng chí Phan Thủy (Trưởng ban Tuyên huấn tỉnh) giữ chức Bí thư và đồng chí Đặng Đức Thái (Phó ty Giáo dục) giữ chức Phó Bí thư⁽¹⁾.

Đầu năm 1955, Tỉnh ủy Thái Nguyên ban hành Chương trình công tác, chỉ rõ nhiệm vụ của ngành Giáo dục là: củng cố, phát triển các lớp bình dân học vụ và bổ túc văn hóa; mở thêm các lớp bình dân học vụ ở những nơi đã cải cách ruộng đất và miền núi (chú ý xóa nạn mù chữ cho một số cốt cán chưa biết đọc, biết viết); củng cố và đẩy mạnh hoạt động của các trường, lớp bình dân học vụ đã có. Cùng thời gian này, gần 10.000 học sinh miền Nam được đưa ra học tập ở miền Bắc. Ngành Giáo dục tỉnh Thái Nguyên được tiếp nhận 20 học sinh (sau tăng lên gần 100 em) và phân về Trường Phổ thông cấp II - III Lương Ngọc Quyến. Bằng tình cảm và trách nhiệm, Nhà trường đã tận tình chăm sóc, dìu dắt các em từng bước

⁽¹⁾ Tỉnh ủy Thái Nguyên: *Nghị quyết Công nhận Chi uỷ Chi bộ Tuyên huấn tỉnh*. Số 042-NQ/TN, ngày 18/3/1955.

trường thành trong học tập cũng như trong cuộc sống. Các em học sinh miền Nam đã coi Thái Nguyên là quê hương thứ hai của mình. Với kết quả này, ngành Giáo dục tỉnh Thái Nguyên nói chung, Trường Phổ thông cấp II - III Lương Ngọc Quyến nói riêng đã hoàn thành xuất sắc nghĩa vụ đối với đồng bào miền Nam ruột thịt.

Chấp hành chủ trương của Tỉnh ủy, ngành Giáo dục tỉnh có nhiều cố gắng tham mưu, giúp các cấp bộ đảng, chính quyền từ tỉnh đến cơ sở lãnh đạo, chỉ đạo và tổ chức thực hiện. Tháng 7/1955, Ty Giáo dục mở Hội nghị huấn luyện ngắn ngày cho 135 cán bộ và giáo viên bình dân học vụ ở 91% số xã trong tỉnh. Từ sau đó, phần lớn cán bộ, giáo viên bước đầu khắc phục được tư tưởng bi quan, ngại khó; xác định quyết tâm làm công tác bình dân học vụ và bổ túc văn hoá ở các xã.

Cũng trong năm 1955, nước bạn Lào gửi 150 cán bộ, chiến sĩ và thanh, thiếu niên sang Việt Nam học văn hóa. Trung ương Đảng giao cho Liên Khu ủy Việt Bắc và Tỉnh ủy Thái Nguyên trọng trách chăm lo giáo dục và đào tạo vốn quý đó của nhân dân các bộ tộc Lào. Lúc đầu, các cán bộ, chiến sĩ được tập trung và học tập tại Phân hiệu II; thanh, thiếu niên tập trung và học tại Phân hiệu I. Cả 2 phân hiệu đều đặt tại địa bàn huyện Đồng Hỷ. Đến năm 1958, bộ phận thanh, thiếu niên Lào rời Phân hiệu I đến ở và học tập tại Trường Phổ thông cấp II - III Lương Ngọc Quyến. Nhà trường bố trí 6 dãy nhà 5 gian rộng rãi trên đỉnh đồi thoáng mát làm khu kí túc xá cho học sinh Lào. Hai đảng viên là cô giáo Nguyễn Thị Ngọc và nữ y tá Trịnh Thị Lam Điền được phân công nhiệm vụ quản lí, chăm sóc các em.

Đến năm 1961, cả 2 phân hiệu rời khỏi Thái Nguyên, chuyển về trường mới xây dựng riêng cho lưu học sinh Lào tại Kim Tráng, huyện Tân Yên, tỉnh Bắc Giang. Những học sinh Lào sau này trở thành cán bộ chủ chốt trong các cơ quan Trung ương và địa phương của nước Cộng hòa Dân chủ Nhân dân Lào. Đây là một đóng góp rất to lớn của ngành Giáo dục tỉnh Thái Nguyên trong những năm đầu sau khi hòa bình lập lại ở miền Bắc.

Năm 1956, Ty Giáo dục tỉnh tổ chức Trại hè, bồi dưỡng 347 giáo viên về nghiệp vụ bình dân học vụ và bổ túc văn hóa, về đường lối cách mạng, mục đích, nhiệm vụ, phương châm của nền giáo dục mới. Từ sau đó, công tác bình dân học vụ và bổ túc văn hóa của tỉnh có tiến bộ rõ rệt.

Tuy nhiên, vào những tháng đầu năm 1957, phong trào bình dân học vụ bị giám sát do hầu hết cán bộ cấp ủy, chính quyền, đoàn thể các xã trong tỉnh phải tập trung vào công tác sửa sai cải cách ruộng đất và chỉnh đốn tổ chức. Công tác bình dân học vụ khoán trắng cho cán bộ chuyên môn phụ trách, thiếu sự quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo của cấp ủy và chính quyền. Nhiều lớp bình dân học vụ bị giải tán để tập trung nhân dân đi học tập chính sách sửa sai. Ở một số nơi, cấp ủy, chính quyền còn điều động cán bộ phụ trách bình dân học vụ đi làm các công tác khác. Một số cán bộ bình dân học vụ ở một số xã bỏ việc không có người thay thế... Vì vậy, trong 6 tháng đầu năm 1957, toàn tỉnh chỉ còn 26 xã duy trì, phát triển được phong trào bình dân học vụ.

Từ giữa năm 1957, cán bộ lãnh đạo chủ chốt của Ty Giáo dục có sự thay đổi. Tháng 5/1957, đồng chí Phó ty Đặng Đức Thái được

điều động chuyển công tác sang Ủy ban Hành chính tỉnh. Tháng 8/1957, đồng chí Trường ty Nguyễn Doãn Thuyết⁽¹⁾ được Khu ủy, Ủy ban Hành chính Khu Tự trị Việt Bắc điều động, bổ nhiệm giữ chức Phó Giám đốc Sở Giáo dục khu. Tỉnh ủy, Ủy ban Hành chính tỉnh điều động, bổ nhiệm đồng chí Phạm Đức Tuệ giữ chức vụ Phó ty Giáo dục. Thời gian này, Ty Giáo dục tham mưu, giúp Ủy ban Hành chính tỉnh tuyển đủ cán bộ phụ trách bình dân học vụ ở các huyện và tuyển một số giáo viên xung phong dạy bình dân học vụ cho các huyện miền núi, vùng cao (Định Hóa, Võ Nhai).

Tháng 10/1957, tại Hội nghị sơ kết phong trào bình dân học vụ quý III năm 1957, thừa ủy quyền của Chính phủ, đại diện Tỉnh ủy, Ủy ban Hành chính tỉnh đã trao *Huân chương Lao động hạng Ba* cho cán bộ và nhân dân xã Bình Yên, huyện Định Hóa do có nhiều thành tích xuất sắc trong phong trào bình dân học vụ. Tỉnh ủy nêu rõ một số kết quả đã đạt được, đồng thời cũng chỉ ra những hạn chế trong 3 tháng quý III là “... nhìn chung phong trào toàn tỉnh còn yếu, chưa đạt được yêu cầu của kế hoạch”⁽²⁾. Nguyên nhân chính của hạn chế này là do lãnh đạo chưa nhận thức đúng tầm quan trọng của công tác bình dân học vụ và bỏ túc văn hóa; mặt khác cán bộ và giáo viên bình dân học vụ không được xã chú ý bồi dưỡng, nên chán nản công tác.

Để kịp thời khắc phục những hạn chế trên, ngày 19/10/1957, Tỉnh ủy Thái Nguyên ban hành Thông tri số 66-TT/TN *Về việc đẩy mạnh công tác bình dân học vụ 3 tháng cuối năm*, nêu rõ: Các

⁽¹⁾ Đồng chí Nguyễn Doãn Thuyết giữ chức vụ Trường ty Giáo dục tỉnh Thái Nguyên từ năm 1953.

⁽²⁾ Tỉnh ủy Thái Nguyên: *Thông tri về việc đẩy mạnh công tác bình dân học vụ 3 tháng cuối năm*. Số 66-TT/TN, ngày 19/10/1957, tr. 1.

huyện ủy cần lãnh đạo chính quyền và các đoàn thể quần chúng tổ chức phong trào, duy trì các lớp bình dân học vụ cho đến khi thi mãn khoá và tổng kết cuối năm...

Thực hiện Thông tri của Tỉnh ủy, các cấp bộ đảng, chính quyền từ huyện đến cơ sở đẩy mạnh công tác lãnh đạo, chỉ đạo phong trào bình dân học vụ và bổ túc văn hóa. Đội ngũ cán bộ phụ trách bình dân học vụ và bổ túc văn hóa các huyện được bổ sung từ 1 đến 2 người. Nhờ đó, trong 3 tháng cuối năm 1957, phong trào bình dân học vụ và bổ túc văn hóa có chuyển biến tốt. Kết thúc năm 1957, toàn tỉnh có 1.168 người thoát nạn mù chữ, 18.225 người theo học các lớp dự bị và bổ túc văn hoá từ lớp 1 đến lớp 5⁽¹⁾.

Cũng trong năm 1957, Trường Văn hóa miền núi được thành lập, làm nhiệm vụ dạy bổ túc văn hóa cho cán bộ và thanh niên người dân tộc thiểu số trên địa bàn tỉnh. Đến tháng 9/1957, Nhà trường đã mở được 7 khóa bổ túc, nâng cao trình độ văn hóa cho hàng trăm cán bộ và thanh niên người dân tộc thiểu số. Cuối tháng 9/1957, Trường Văn hóa miền núi tổ chức khai giảng khóa VIII, với 83 học viên.

Năm 1958, Tỉnh ủy biệt phái một số cán bộ, đảng viên sang công tác ở ngành Giáo dục và tham gia giảng dạy bộ môn Chính trị tại Trường Phổ thông cấp II - III Lương Ngọc Quyến. Đây cũng là năm đầu tiên tỉnh Thái Nguyên cùng với các tỉnh, thành phố trên miền Bắc triển khai thực hiện Kế hoạch 3 năm cải tạo và bước đầu phát triển kinh tế, văn hóa (1958 - 1960). Vào thời điểm này, toàn tỉnh còn gần 40.000 người mù chữ; trong số 149 xã, thị trấn trên địa

⁽¹⁾ Báo cáo Tổng kết một năm của Tỉnh ủy Thái Nguyên. Số 06/BC-TN, ngày 31/1/1958, tr. 18.

bản tỉnh, mới chỉ có xã Bình Yên (huyện Định Hoá) về căn bản đã xoá xong nạn mù chữ.

Trước tình trạng trên, ngành Giáo dục tỉnh tham mưu, giúp cấp ủy đảng, chính quyền các cấp từ tỉnh đến cơ sở tập trung lãnh đạo, chỉ đạo cán bộ và nhân dân nỗ lực diệt “*giặc dốt*”. Kết quả, năm 1958 toàn tỉnh có 3.837 người đã thoát nạn mù chữ (đạt 54,41% kế hoạch); sang năm 1959, con số đó tăng lên 5.750 người. Riêng huyện Định Hoá và 24 xã, 4 khu phố trên địa bàn tỉnh đã căn bản hoàn thành việc xoá nạn mù chữ. Do có nhiều thành tích xuất sắc trong công tác thanh toán nạn mù chữ năm 1959, cán bộ và nhân dân tỉnh Thái Nguyên đã được Chính phủ tặng thưởng *Huân chương Lao động hạng Ba*; được Bộ Giáo dục và Ủy ban Hành chính Khu Tự trị Việt Bắc tặng 8 Bằng khen. Phần thưởng này có sự đóng góp rất quan trọng của ngành Giáo dục tỉnh.

Ngày 9/5/1960, Ty Giáo dục tham mưu cho Ban Thường vụ Tỉnh ủy ban hành Nghị quyết số 169 NQ/TN thành lập Ban Lãnh đạo thanh toán nạn mù chữ và bổ túc văn hoá tỉnh, gồm 10 thành viên, do đồng chí Trần Oanh - Tỉnh ủy viên, Ủy viên Ủy ban Hành chính tỉnh, làm Trưởng ban và đồng chí Ma Khánh Bằng - Phó Ty Giáo dục, làm Phó ban. Ban này có nhiệm vụ giúp Tỉnh ủy theo dõi, kiểm tra đôn đốc các cấp, các ngành thực hiện công tác thanh toán nạn mù chữ và bổ túc văn hóa cho cán bộ và nhân dân.

Được sự chỉ đạo trực tiếp của Ban Lãnh đạo thanh toán nạn mù chữ và bổ túc văn hoá tỉnh, ngành Bình dân học vụ và Bổ túc văn hóa có nhiều chuyển biến tích cực. Kết quả, sau 3 năm nỗ lực phấn đấu trên mặt trận diệt dốt (1958 - 1960), toàn tỉnh có 27.476

người thoát nạn mù chữ; 5 huyện (Định Hoá, Đại Từ, Đồng Hỷ, Phổ Yên, Phú Bình) và thị xã Thái Nguyên, với 139 xã, khu phố, thị trấn đã căn bản hoàn thành xóa nạn mù chữ⁽¹⁾; 20.141 người học hết cấp I và 150 người học hết cấp II bỏ túc văn hóa. Ngoài Trường Bỏ túc văn hoá của tỉnh, tất cả các huyện, thị xã trong tỉnh đều mở được trường bỏ túc văn hoá tập trung; các xã, thị trấn, khu phố đều mở được các lớp bỏ túc văn hóa. Với thành tích này, cán bộ và nhân dân tỉnh Thái Nguyên được Chính phủ tặng thưởng 8 Huy chương.

Cùng với ngành Bình dân học vụ và Bỏ túc văn hóa, ngành Giáo dục phổ thông cũng có những bước phát triển vượt bậc. Chuẩn bị bước vào năm học 1955 - 1956, năm học đầu tiên sau ngày hòa bình lập lại trên miền Bắc, Ty Giáo dục tham mưu cho Tỉnh ủy, Ủy ban Hành chính tỉnh lãnh đạo, chỉ đạo, tổ chức sáp nhập hệ cấp III của Trường Phổ thông cấp II - III Ngô Quyền vào Trường Phổ thông cấp II - III Lương Ngọc Quyến; các trường phổ thông cấp II Hiệp Hòa, Đồng Bẩm của huyện Đồng Hỷ sáp nhập vào Trường Phổ thông cấp II - III Lương Ngọc Quyến. Trường Phổ thông cấp II Phấn Mễ sáp nhập vào Trường Phổ thông cấp II Ngô Quyền. Tại huyện Định Hóa, Trường Phổ thông cấp II Thanh Định sáp nhập vào Trường Phổ thông cấp II Bảo Cường. Tại huyện Phổ Yên, các trường phổ thông cấp II Hồng Tiến, Hợp Thành sáp nhập vào Trường Phổ thông cấp II Đồng Tiến.

⁽¹⁾ Báo cáo tình hình 3 năm qua và nhiệm vụ năm 1961 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Thái Nguyên (trước Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh ngày 10/3/1961). Số 01, ngày 8/3/1961, trang 41, 42.

Sau khi sáp nhập, toàn tỉnh có 62 trường phổ thông cấp I, gồm 422 lớp với 12.206 học sinh; 15 trường phổ thông cấp II, gồm 41 lớp với 1.746 học sinh và 63 giáo viên; 1 trường phổ thông cấp II - III (Trường Lương Ngọc Quyến - hệ cấp III có 4 lớp, với 178 học sinh và 7 giáo viên)⁽¹⁾.

Thực hiện chỉ đạo của Bộ Giáo dục, dưới sự lãnh đạo, chỉ đạo trực tiếp của Tỉnh ủy, Ủy ban Hành chính tỉnh Thái Nguyên, ngày 14/2/1955, hầu hết các trường phổ thông cấp I, II, III trong tỉnh tổ chức Lễ khai giảng năm học 1955 - 1956. Ty Giáo dục cử cán bộ trực tiếp xuống các trường phổ thông cấp I và cấp II Quang Vinh (huyện Đồng Hỷ), Tân Tiến, Đồng Tiến (huyện Phổ Yên) dự và nắm tình hình khai giảng năm học mới. Đồng chí Đặng Đức Thái - Phó ty Giáo dục, trực tiếp xuống Trường Phổ thông cấp II - III Lương Ngọc Quyến dự Lễ khai giảng năm học mới. Năm học 1955 - 1956 được chia làm 3 học kì: Học kì 1 từ tháng 2 đến tháng 5/1955, học kì 2 từ tháng 9/1955 đến tháng 2/1956, học kì 3 từ tháng 3 đến tháng 5/1956 (giữa học kì 1 và học kì 2 là 3 tháng nghỉ hè).

Năm học mới diễn ra trong điều kiện cơ sở vật chất ở các trường phổ thông (nhất là các trường phổ thông cấp I và cấp II) trong tỉnh còn rất nhiều khó khăn. Hầu hết các trường đều thiếu lớp học, phòng học trống trải, không có phen vách, không có cửa, thiếu bàn ghế; bảng đen phần lớn là những cánh cửa hoặc ván ghép lại và “son” bằng nhọ nôi.

⁽¹⁾ Báo cáo cuối năm 1955 của ngành Giáo dục phổ thông tỉnh Thái Nguyên. Số 1451-CM/PT, ngày 5/12/1955, tr. 2, 3.

Trường Phổ thông cấp II - III Lương Ngọc Quyến chuyển từ xã Tân Cương (huyện Đồng Hỷ, nay thuộc thành phố Thái Nguyên) về đóng trên một quả đồi thuộc đồn điền Képle, cách trung tâm thị xã Thái Nguyên 1 km về phía tây. Khu vực này lúc đó dân cư thưa thớt, lác đác một vài hàng quán. Trường có 4 dãy lớp học ở 4 phía quay mặt vào sân trường, đều làm bằng tranh, tre, nứa, lá; phía gần cổng trường là nhà Văn phòng làm việc của Ban Giám hiệu và giáo viên. Toàn Trường có khoảng 20 bộ bàn, ghế làm bằng gỗ tạp; còn lại là phải chôn 4 cọc xuống đất, đặt tấm gỗ lên làm bàn và ghế; xung quanh trường có hàng rào nứa. Tuy đơn sơ và tạm bợ, nhưng cơ sở vật chất của Trường Phổ thông cấp II - III Lương Ngọc Quyến còn khá hơn rất nhiều so với các trường phổ thông khác trong tỉnh.

Các trường ở Tân Tiến (huyện Phổ Yên), Tân Quang (huyện Đồng Hỷ), La Hiên (huyện Võ Nhai)... đã tranh thủ được sự lãnh đạo, chỉ đạo của cấp ủy và chính quyền địa phương, vận động phụ huynh học sinh đóng góp xây dựng trường lớp. Nhờ đó, các trường này đều có đủ phòng học, bàn ghế, bảng đen..., đáp ứng được yêu cầu giảng dạy, học tập của giáo viên và học sinh. Các trường ở Trần Phú, Bình Thuận, Vinh Hòa, Văn Yên (huyện Đại Từ), Bảo Cường (huyện Định Hóa), Ngô Quyền, Cổ Lũng (huyện Phú Lương), Xuân Phương, La Đình (huyện Phú Bình), La Hiên, Phú Thượng (huyện Võ Nhai), Đồng Tiến, Tiên Phong (huyện Phổ Yên)... không chỉ có đủ phòng học, mà còn có phòng làm việc cho Ban Giám hiệu và giáo viên.

Giáo viên các trường học ở Túc Duyên (huyện Đồng Hỷ), Tân Tiến, Đồng Tiến (huyện Phổ Yên)... đã nêu cao tinh thần trách nhiệm,

khắc phục khó khăn, đi dạy đúng giờ, soạn và giảng bài kỹ, quan tâm đến đời sống của học sinh. Một giáo viên ở Trường Phổ thông cấp I Tân Tiến (huyện Phổ Yên) đã nỗ lực phấn đấu, hoàn thành tốt nhiệm vụ được phân công phụ trách 4 lớp.

Đánh giá kết quả năm học đầu tiên sau ngày hòa bình lập lại, Ty Giáo dục tỉnh Thái Nguyên khẳng định: Sự lãnh đạo, điều hành của Hiệu trưởng, việc giảng dạy của giáo viên và học tập của học sinh các trường có nhiều tiến bộ so với các năm học trước. Tuy nhiên, nhiều đồng chí Hiệu trưởng còn coi nhẹ lãnh đạo công tác tư tưởng và sự đoàn kết, nhất trí trong nhà trường; nhiều giáo viên và đoàn thể trong nhà trường chưa xác định đúng vai trò, nhiệm vụ, quyền hạn của đồng chí Hiệu trưởng. Chất lượng giảng dạy, học tập của giáo viên và học sinh còn hạn chế, có học sinh lớp 4 chưa biết đặt câu đơn giản (chủ ngữ, vị ngữ), có học sinh lớp 7 chưa làm được phép tính chia phân số...

Năm học 1956 - 1957 là năm học đầu tiên thực hiện cải cách giáo dục lần thứ hai với hệ thống giáo dục quốc dân mang tính chất giáo dục xã hội chủ nghĩa. Cùng với các địa phương ở miền Bắc, tỉnh Thái Nguyên triển khai xây dựng hệ thống giáo dục phổ thông hệ 10 năm (theo Nghị định số 1027/TTg ngày 27/8/1956 của Thủ tướng Chính phủ), gồm 3 cấp: Cấp I (4 năm, từ lớp 1 đến lớp 4), cấp II (3 năm, từ lớp 5 đến lớp 7), cấp III (3 năm, từ lớp 8 đến lớp 10). Mỗi năm học có thời gian 9 tháng (từ ngày 1/9 năm trước, đến ngày 31/5 năm sau); chia làm 2 học kì, học kì I từ ngày 1/9 đến ngày 31/12 (4 tháng); học kì II từ ngày 4/1 đến ngày 31/5 (5 tháng); học sinh vào lớp 1 tối thiểu 7 tuổi, tối đa 11 tuổi (nữ được thêm 1 tuổi), dân tộc ít người được thêm 2 tuổi; năm cuối cấp I (lớp 4), năm cuối

cấp II (lớp 7) phải thi hết cấp và năm cuối cấp III (lớp 10) phải thi tốt nghiệp phổ thông.

Trước yêu cầu của cách mạng trong giai đoạn mới, vấn đề bồi dưỡng nâng cao lập trường chính trị và nhận thức tình hình, nhiệm vụ cho các thầy, cô giáo là điều rất cần thiết. Vì vậy, tháng 8/1956, trước khi bước vào năm học đầu tiên thực hiện phương châm giáo dục toàn diện, theo hệ phổ thông 10 năm, Ty Giáo dục Thái Nguyên mở Trại hè tập huấn, bồi dưỡng cho 295 giáo viên *Về tình hình, nhiệm vụ mới của cách mạng Việt Nam*. Ban Tuyên huấn (nay là Ban Tuyên giáo) Tỉnh ủy cử cán bộ tham gia Ban Chỉ đạo Trại hè và trực tiếp giảng bài cho lớp học. Trại hè đã góp phần nâng cao nhận thức của giáo viên về tình hình, nhiệm vụ cách mạng nước ta từ sau ngày kí kết Hiệp định Giơnevơ về *chấm dứt chiến tranh, lập lại hòa bình ở Đông Dương*, củng cố niềm tin vào sự nghiệp đấu tranh thống nhất nước nhà. Từ đó, đội ngũ giáo viên trong tỉnh xác định đúng đắn tinh thần trách nhiệm, quyết tâm hoàn thành thắng lợi nhiệm vụ năm học mới.

Trong năm học 1956 - 1957, ngành Giáo dục tỉnh vẫn gặp rất nhiều khó khăn. Đội ngũ giáo viên vừa thiếu về số lượng và đa số yếu về chất lượng vì mới chỉ được bồi dưỡng qua một trại hè; đội ngũ cán bộ chỉ đạo chuyên môn của Ty Giáo dục tỉnh cũng thiếu và yếu. Lãnh đạo Ty Giáo dục tuy có đủ 2 đồng chí theo biên chế, gồm 1 Trưởng ty và 1 Phó ty; nhưng do Tỉnh ủy, Ủy ban Hành chính tỉnh thường xuyên trưng dụng, điều động đi làm các công tác khác, nên ít có thời gian chỉ đạo công tác chuyên môn. Mặt khác, trong cơ quan Ty Giáo dục, số cán bộ chuyên môn, nghiệp vụ phụ trách giáo dục phổ thông ở các trường quốc lập, dân lập, tư thục cả 3 cấp học chỉ có 5 đồng chí; trong đó, 3 đồng chí sức khỏe yếu.

Vượt qua khó khăn, ngành Giáo dục tỉnh vừa chỉ đạo các trường hoàn thành thắng lợi nhiệm vụ năm học 1956 - 1957, vừa làm tốt công tác tham mưu giúp cấp ủy đảng và chính quyền các cấp trong tỉnh lãnh đạo, chỉ đạo mở thêm 12 trường, lớp phổ thông cấp I ở những xã hẻo lánh, chưa có phong trào học tập. Phong trào mở lớp dân lập và tự thực cũng phát triển. Toàn tỉnh có 27 lớp dân lập, 6 lớp tự thực, dạy chương trình phổ thông từ lớp 1 đến lớp 6, với 1.044 học sinh. Tuy nhiên, năm học 1956 - 1957, trên địa bàn tỉnh vẫn còn 2 xã (Phúc Thọ thuộc huyện Đại Từ và Tân Thành - nay là Ôn Lương, thuộc huyện Phú Lương) chưa có trường, lớp phổ thông cấp I.

Từ ngày 1 đến ngày 6/9/1956, Ty Giáo dục chỉ đạo các trường phổ thông cấp II trong tỉnh tổ chức kì thi tuyển sinh vào lớp 5. Kết quả, 643 trong tổng số 951 học sinh dự thi đã trúng tuyển. Tiếp theo, thực hiện chỉ thị của Ủy ban Hành chính tỉnh và kế hoạch, hướng dẫn của Ty Giáo dục, từ ngày 10 đến ngày 15/9/1956, Hội đồng Nhà trường phổ thông các cấp trong tỉnh họp, quán triệt nhiệm vụ năm học mới; hoàn thành việc tu bổ, sửa chữa trường lớp và phân công cán bộ, giáo viên làm công tác chuẩn bị khai giảng năm học.

Ngày 20/9/1956, hầu hết các trường phổ thông cấp I, II, III trong tỉnh tổ chức khai giảng năm học 1956 - 1957. Lễ khai giảng năm học mới của Trường Phổ thông cấp I xã Tân Quang (huyện Đông Hy) có 102 đại biểu đại diện cho cấp ủy, chính quyền, đoàn thể và phụ huynh học sinh địa phương tham dự. Tại Lễ khai giảng ở Trường Phổ thông cấp I thị xã Thái Nguyên, đồng chí Lê Dục Tôn (Bí thư Tỉnh ủy) cùng với hơn 100 đại biểu các ban, ngành, đoàn

thể các cấp tỉnh, thị xã Thái Nguyên và phụ huynh học sinh tham dự. Phát biểu tại buổi Lễ, đồng chí Bí thư Tỉnh ủy biểu dương cấp ủy, chính quyền, nhân dân thị xã Thái Nguyên và cán bộ, giáo viên nhà trường có nhiều cố gắng xây dựng được 30 phòng học, mua sắm 630 bộ bàn ghế chuẩn bị cho năm học mới.

Trong năm học 1956 - 1957, số lớp và số học sinh phổ thông các cấp đều tăng so với năm học 1955 - 1956. Trong đó, cấp I tăng 15 lớp, cấp II tăng 7 lớp, cấp III tăng 2 lớp; số học sinh tăng 13,65%. Số học sinh thuộc dân tộc thiểu số chiếm 20,9% trong tổng số học sinh phổ thông các cấp. Các trường ở Tân Cương, Tân Quang, Thành Công (huyện Đồng Hỷ), Tân Hương, Hợp Thành, Phúc Thuận (huyện Phổ Yên) và các trường ở thị xã Thái Nguyên là những trường có phòng học tốt, có bàn ghế cho học sinh ngồi học. Các trường: Hợp Thành, Vô Tranh, Yên Lạc, Sơn Cẩm (huyện Phú Lương), Tân Long, Tràng Xá (huyện Võ Nhai),... là những trường có phòng học, nhưng còn dột nát. Các trường: Quang Vinh (huyện Đồng Hỷ), Động Đạt (huyện Phú Lương)... còn phải mượn nhà dân, quán chợ làm phòng học.

Nhằm nâng cao chất lượng dạy và học trong các nhà trường, Ty Giáo dục cử cán bộ xuống các huyện tham dự, chỉ đạo hội nghị Hiệu trưởng các trường, dự giờ lên lớp của giáo viên... Đồng chí Trưởng ty Nguyễn Doãn Thuyết xuống dự, chỉ đạo hội nghị Hiệu trưởng ở 2 huyện: Định Hóa và Đại Từ; trực tiếp kiểm tra, dự giờ lên lớp của 8 giáo viên cấp II và 2 giáo viên cấp I. Cán bộ chuyên môn của Ty Giáo dục kiểm tra, đánh giá chất lượng giảng dạy của 60 giáo viên ở 17 trường phổ thông các cấp trong tỉnh. Kết thúc năm

học 1956 - 1957, toàn tỉnh có 53 giáo viên đạt danh hiệu *Giáo viên xuất sắc cấp trường*, 18 giáo viên đạt danh hiệu *Giáo viên xuất sắc cấp tỉnh*; tỉ lệ học sinh thi đỗ tốt nghiệp cấp I đạt 89,4%, cấp II đạt 74,7%, cấp III đạt 65,4%.

Bước vào năm học 1957 - 1958, Ty Giáo dục thiếu cả Trưởng ty và Phó ty. Cuối năm 1957, đồng chí Phạm Đức Tuệ (cán bộ phụ trách Bình dân học vụ - Ty Giáo dục) được bổ nhiệm giữ chức vụ Phó ty Giáo dục. Tiếp theo, tháng 9/1958, đồng chí Nguyễn Ngọc Nhưòng được bổ nhiệm giữ chức vụ Trưởng ty Giáo dục. Bộ máy cán bộ lãnh đạo chủ chốt Ty Giáo dục được kiện toàn. Nhằm tăng cường sự lãnh đạo của Đảng bộ tỉnh đối với ngành Giáo dục, cuối năm 1958, Ban Thường vụ Tỉnh ủy ra nghị quyết thành lập Ban Cán sự giáo dục tỉnh, do đồng chí Phạm Đức Tuệ (Phó ty Giáo dục) làm Trưởng ban. Ban Cán sự giáo dục tỉnh chịu trách nhiệm trước Tỉnh ủy lãnh đạo ngành Giáo dục tỉnh thực hiện các chủ trương, chính sách, chỉ thị, nghị quyết của Đảng và Chính phủ đối với công tác giáo dục.

Trong năm học này, ngành Giáo dục tham mưu, giúp cấp ủy và chính quyền địa phương thành lập thêm 2 trường phổ thông cấp II tư thục (1 trường ở huyện Phổ Yên mở đến lớp 7 và 1 trường ở thị xã Thái Nguyên mở đến lớp 6). Toàn tỉnh có 103 trường cấp I, gồm 405 lớp với 16.128 học sinh; 10 trường cấp II, gồm 46 lớp với 2.192 học sinh; 1 trường cấp II - III, gồm 9 lớp với 422 học sinh. So với năm học trước, số trường cấp I tăng 8,4%, cấp II tăng 25%; số lớp cấp I tăng 10,7%, số lớp cấp II và cấp III không thay đổi; số học sinh cấp I tăng 8,3%, cấp II bằng 93,3%, cấp III tăng 0,4%.

Mặc dù có nhiều khó khăn, thiếu thốn về cơ sở vật chất và trang thiết bị trường học, dưới sự chỉ đạo sát sao của Ngành, chất lượng giáo dục trong các trường phổ thông vẫn được đảm bảo. Kết quả kì thi tốt nghiệp phổ thông cấp I và cấp II năm học 1957 - 1958 đều đạt loại khá. Trong số 1.824 học sinh lớp 4 dự thi, có 1.537 học sinh đỗ tốt nghiệp, đạt tỉ lệ gần 84,27%. Số học sinh thi đỗ tốt nghiệp phổ thông cấp II đạt tỉ lệ gần 70,13%. Kết thúc năm học 1958 - 1959, tỉ lệ học sinh lên lớp ở các trường phổ thông cấp II đạt trên 80%; hệ phổ thông cấp III đạt tỉ lệ gần 80%.

Năm học 1959 - 1960 có ý nghĩa đặc biệt quan trọng đối với ngành Giáo dục tỉnh Thái Nguyên. Đó là, ngày 13/3/1960, cán bộ, giáo viên và học sinh Trường Phổ thông cấp II - III Lương Ngọc Quyến rất vinh dự được Bác Hồ đến thăm và nói chuyện. Người căn dặn thầy và trò Nhà trường phải thi đua dạy tốt, học tốt, lao động tốt, đoàn kết thật tốt. Lời căn dặn của Bác Hồ là kim chỉ nam cho ngành Giáo dục tỉnh Thái Nguyên nói chung, Trường Phổ thông cấp II - III Lương Ngọc Quyến nói riêng tiếp tục phấn đấu để ngày càng phát triển. Từ đó, ngày 13/3 hằng năm trở thành Ngày truyền thống của Trường Phổ thông cấp III (nay là Trường Trung học phổ thông) Lương Ngọc Quyến.

Từ năm học 1960 - 1961, ngành Giáo dục tỉnh Thái Nguyên có bước phát triển mới. Với việc thành lập Trường Phổ thông cấp II - III huyện Định Hóa, tỉnh Thái Nguyên đã có 2 hệ phổ thông cấp III⁽¹⁾. Hầu hết các xã trong tỉnh có trường phổ thông cấp I, 100% các huyện trong tỉnh đều có trường cấp II. Cùng thời gian này,

⁽¹⁾ Đó là: Trường Phổ thông cấp II - III Định Hóa và Trường Phổ thông cấp II - III Lương Ngọc Quyến.

Trường Thiếu nhi vùng cao tỉnh Thái Nguyên được thành lập, tạo điều kiện thuận lợi cho con em nhân dân các dân tộc miền núi, vùng cao trên địa bàn tỉnh được cấp sách tới trường. Một số cơ quan, đơn vị trên địa bàn tỉnh mở được 9 lớp mẫu giáo, thu hút 209 cháu là con em cán bộ, công nhân viên vào học.

Cùng với sự phát triển về số lượng, chất lượng giáo dục trong các trường phổ thông cũng được nâng lên. So với năm 1958, trong năm 1960, số học sinh tốt nghiệp phổ thông cấp I tăng 39,8%, cấp II tăng 69,2%, cấp III tăng 105,3%.

Như vậy, trong 3 năm (1958 - 1960), ngành Giáo dục tỉnh Thái Nguyên phát triển khá nhanh cả về số lượng và chất lượng. Đánh giá tình hình giáo dục tỉnh thời gian này, Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Thái Nguyên khẳng định: Các trường phổ thông “... đã không ngừng nâng cao chất lượng giảng dạy, qua nhiều đợt bồi dưỡng, học tập chính huấn cho giáo viên, lập trường tư tưởng và quan điểm nghiệp vụ của giáo viên được nâng cao; tư tưởng xã hội chủ nghĩa đã thật sự chiếm ưu thế trong các nhà trường; đánh lùi những tư tưởng phi vô sản trong giáo viên cũng như học sinh”⁽¹⁾.

Năm học 1960 - 1961 là năm học đầu tiên ngành Giáo dục tỉnh Thái Nguyên triển khai thực hiện chủ trương của Bộ Giáo dục về tiến tới phổ cập cấp I, phát triển mạnh cấp II và tận lực phát triển cấp III. Ty Giáo dục chọn Trường Phổ thông cấp I xã Đồng Tiến (huyện Phổ Yên) và Trường Phổ thông cấp I xã Lâu Thượng (huyện Võ Nhai) làm điểm chỉ đạo khai giảng năm học mới. Ban

⁽¹⁾ Báo cáo Tình hình 3 năm qua và nhiệm vụ năm 1960 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Thái Nguyên... Tlđđ, tr. 51, 52.

Giám hiệu Trường Phổ thông cấp I các xã: Cổ Lũng, Động Đạt, Phần Mễ, Yên Đổ (huyện Phú Lương), Bảo Lý, Hồng Phong (huyện Phú Bình), Phương Giao, Lâu Thượng (huyện Võ Nhai)... phân công giáo viên trực tiếp xuống các xóm, bản tìm hiểu tình hình, vận động các em học sinh đến lớp học. Một số trường phổ thông cấp I ở một số xã thuộc các huyện: Đại Từ, Phú Lương, Võ Nhai phân tán các lớp thành các lớp nhỏ xuống các xóm, bản hẻo lánh để thu hút học sinh đi học. Trong năm học này, toàn tỉnh có 144 trường phổ thông cấp I, gồm 735 lớp với 29.429 học sinh (có 13.182 học sinh nữ). Kết thúc năm học, tính chung toàn tỉnh, số học sinh đỗ tốt nghiệp phổ thông cấp I đạt tỉ lệ 87,76%. Riêng Trường Phổ thông cấp I Gang thép, số học sinh đỗ tốt nghiệp phổ thông cấp I đạt 90% và 95% số học sinh được lên lớp.

Thực hiện chủ trương của Bộ Giáo dục về *phát triển mạnh giáo dục phổ thông cấp II, tận lực phát triển giáo dục phổ thông cấp III*, trong năm học 1960 - 1961, tỉnh Thái Nguyên thành lập thêm trường phổ thông cấp II ở các xã: Dân Chủ, Đồng Tiến (huyện Đồng Hỷ), Đình Cả (huyện Võ Nhai) và các huyện: Định Hóa, Phú Lương, Đại Từ, Phổ Yên. Như vậy, đến thời điểm này, toàn tỉnh có 17 trường phổ thông cấp II (13 trường quốc lập, 4 trường dân lập), gồm 93 lớp (61 lớp quốc lập, 32 lớp dân lập) với tổng số 4.829 học sinh (có 1.362 học sinh nữ); hệ phổ thông cấp III gồm 12 lớp (5 lớp 8, 4 lớp 9 và 3 lớp 10). Không chỉ tăng lên về số lượng, chất lượng giáo dục ở các trường phổ thông cấp II và hệ cấp III cũng được nâng lên. Kết quả kì thi tốt nghiệp phổ thông cấp II trong năm học 1960 - 1961, toàn tỉnh có 724 học sinh thi đỗ (trên tổng số 753 học sinh lớp 7 dự thi), đạt gần 96,15%; thi tốt nghiệp phổ thông cấp III,

có 104 học sinh thi đỗ (trên tổng số 113 học sinh lớp 10 dự thi), đạt 92,03% ⁽¹⁾.

Thực hiện Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh lần thứ VI (3/1961), trong 6 tháng đầu năm 1961, ngành Giáo dục tỉnh tham mưu cho cấp ủy, chính quyền địa phương từ tỉnh đến các huyện, thị xã, xã, thị trấn, khu phố tập trung lãnh đạo, chỉ đạo đẩy mạnh công tác bình dân học vụ và bổ túc văn hóa. Nhờ đó, đến ngày 24/6/1961, toàn tỉnh có 92,51% số người trong diện phải thanh toán, đã thoát nạn mù chữ. Với kết quả này, ngày 31/8/1961, Đoàn Kiểm tra của Bộ Giáo dục và Khu Tự trị Việt Bắc đã công nhận Thái Nguyên là tỉnh miền núi thứ hai trên miền Bắc căn bản hoàn thành việc thanh toán nạn mù chữ. Đây là một thành tích “*có ý nghĩa chính trị rất to lớn*”⁽²⁾.

Từ kết quả công tác thanh toán nạn mù chữ, một yêu cầu đặt ra là phải đẩy mạnh công tác bổ túc văn hóa để nâng cao trình độ cho nhân dân. Vì vậy, ngày 14/9/1961, Tỉnh ủy Thái Nguyên ban hành Chỉ thị số 16/CT-TU *Về việc lãnh đạo công tác bổ túc văn hóa*, yêu cầu các cấp ủy đảng “*Phải lãnh đạo chặt chẽ công tác bổ túc văn hóa...*”, để ngành Bổ túc văn hóa phát huy đầy đủ các chức năng: Cung cấp cho công, nông những nguyên lý cơ bản về khoa học tự nhiên và khoa học xã hội để họ có thể áp dụng vào sản xuất và công tác; đào tạo và bồi dưỡng đội ngũ cán bộ kỹ thuật, cán bộ quản lý cho sự nghiệp xây dựng kinh tế - văn hóa, đào tạo đội ngũ trí thức của giai cấp công nông...

⁽¹⁾ Báo cáo Tổng kết năm học 1960 - 1961 của Ty Giáo dục tỉnh Thái Nguyên. Tài liệu lưu tại Trung tâm Lưu trữ Lịch sử thuộc Chi cục Lưu trữ - Sở Nội vụ tỉnh Thái Nguyên.

⁽²⁾ Tỉnh ủy Thái Nguyên: Chỉ thị *Về việc lãnh đạo công tác bổ túc văn hóa*. Số 16/CT-TU, ngày 14/9/1961, tr. 1. Tài liệu lưu tại Phòng Lưu trữ - Văn phòng Tỉnh ủy Thái Nguyên.

Bản Chỉ thị của Tỉnh ủy cũng nêu rõ: Trong tỉnh vẫn còn một số xã, xóm chưa đạt được tỉ lệ thanh toán nạn mù chữ về căn bản; một số cán bộ chủ chốt ở các xã, xóm quay trở lại mù chữ; việc lãnh đạo công tác bổ túc văn hoá chưa thật sự được đẩy mạnh; một số địa phương, tuy có phong trào bổ túc văn hoá rất khá về số lượng, nhưng còn rất kém về chất lượng. Vì vậy, cần phải tiếp tục thanh toán nạn mù chữ cho các cá nhân và đơn vị còn lại; phải đẩy mạnh công tác bổ túc văn hoá để chống mù chữ trở lại.

Để hoàn thành tốt nhiệm vụ trên, Tỉnh ủy yêu cầu các cấp, các ngành, đoàn thể tập trung lãnh đạo, chỉ đạo làm tốt công tác bổ túc văn hoá, đồng thời *“thi hành chế độ đối với giáo viên bổ túc văn hoá; phải hết sức hạn chế việc điều động cán bộ, giáo viên bổ túc văn hoá...”*. Giáo viên phổ thông các cấp có nhiệm vụ tham gia giảng dạy cho các lớp bổ túc văn hoá của địa phương. Những giáo viên cấp II ở gần cơ quan huyện phải có nhiệm vụ cử người chịu trách nhiệm dạy các lớp bổ túc văn hoá ở cơ quan đó.

Tỉnh ủy chỉ thị Ban Cán sự giáo dục có nhiệm vụ: Tổ chức biên soạn kịp thời chương trình, tài liệu cho các lớp bổ túc văn hoá theo phương châm *“cần gì, học nấy”*; lãnh đạo các trường phổ thông các cấp, Công đoàn Giáo dục các huyện và các tổ Công đoàn trực thuộc có nhiệm vụ tích cực tham gia công tác bổ túc văn hoá. Trong khi đó, Ban Cán sự giáo dục tỉnh chỉ còn có 2 đồng chí là Nguyễn Ngọc Nhường và Phạm Đức Tuệ. Trước tình hình này, để đảm bảo sự lãnh đạo sâu sát, kịp thời của Đảng, hoàn thành tốt kế hoạch chuyên môn, Ban Cán sự giáo dục được bổ sung các đồng

chí: Đinh Quang Nhiều (Phó ty Giáo dục) và Dương Văn Tài (Hiệu phó Trường Phổ thông cấp II - III Lương Ngọc Quyến)⁽¹⁾.

Thực hiện Chỉ thị số 16/CT-TU của Tỉnh ủy, dưới sự lãnh đạo và chỉ đạo của Ban Cán sự giáo dục và Ty Giáo dục tỉnh, ngành Giáo dục thị xã Thái Nguyên tham mưu cho Thị ủy, Ủy ban Hành chính thị xã phát động thi đua, động viên cán bộ và nhân dân hăng hái tham gia dạy và học bổ túc văn hóa. Thị ủy, Ủy ban Hành chính thị xã giao chỉ tiêu huy động người đi học bổ túc văn hóa cụ thể cho từng khu phố, hợp tác xã, cơ quan, đoàn thể. Phòng Giáo dục thị xã mở lớp bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ cho 32 giáo viên dạy bổ túc các khu phố.

Nhờ có nhiều biện pháp tích cực, trong 6 tháng đầu năm 1962, phong trào bổ túc văn hóa ở nhiều nơi có những chuyển biến mới, đặc biệt là thị xã Thái Nguyên. Tại đây, các cấp, các ngành đã huy động được 2.448 người đi học bổ túc văn hóa từ lớp 1 đến lớp 6 (trong đó, lớp 1 có 561 học viên, lớp 2 có 647 học viên, lớp 3 có 555 học viên, lớp 4 có 404 học viên, lớp 5 có 215 học viên và lớp 6 có 66 học viên. Các tiểu khu Chiến Thắng, Quán Triều, từ chỗ chưa có lớp bổ túc văn hóa, đến tháng 6/1962, đã tổ chức được 11 lớp, với 85 học viên. Tính chung trong toàn thị xã, số người đi học bổ túc văn hóa đạt 95,91% so với chỉ tiêu, kế hoạch đề ra.

Phát huy thành tích đã đạt được, trong những năm 1963 - 1965, công tác bổ túc văn hóa được đẩy mạnh và thu nhiều kết quả quan trọng: Hoàn thành vượt mức kế hoạch bổ túc văn hoá 5 năm

⁽¹⁾ Ban Thường vụ Tỉnh ủy: *Nghị quyết Về việc bổ sung Ban Cán sự giáo dục*. Số 245-NQ/TU, ngày 21/9/1961, tr. 1.

lần thứ nhất trước thời hạn. Với kết quả này, Thái Nguyên là tỉnh miền núi thứ hai trên miền Bắc (sau tỉnh Hoà Bình) và là tỉnh đầu tiên trong Khu Tự trị Việt Bắc hoàn thành kế hoạch bổ túc văn hoá 5 năm lần thứ nhất. Đó là một thành tích to lớn của cán bộ và nhân dân tỉnh Thái Nguyên.

Tiếp tục thực hiện chủ trương *tiến tới phổ cập giáo dục phổ thông cấp I, phát triển mạnh giáo dục phổ thông cấp II, tận lực phát triển giáo dục phổ thông cấp III*, từ năm học 1961 - 1962, ngành Phổ thông có bước phát triển vượt bậc. Toàn tỉnh có 150 trường phổ thông cấp I (tăng 6 trường so với năm học 1960 - 1961), 28 trường phổ thông cấp II (tăng 11 trường) và 5 hệ phổ thông cấp III (tăng 3 hệ). Ngoài các trường phổ thông, năm 1961, ngành Giáo dục tỉnh còn tham mưu cho Tỉnh ủy và Ủy ban Hành chính tỉnh thành lập Trường Thanh niên Lao động xã hội chủ nghĩa (vừa làm vừa học) đặt tại huyện Phú Lương, gồm 121 học sinh, trong đó có 75 nam và 46 nữ. Nhà trường có nhiệm vụ đào tạo con em đồng bào các dân tộc thuộc diện chính sách thành những cán bộ có trình độ văn hóa và phẩm chất chính trị, phục vụ công tác ở địa phương, xây dựng hợp tác xã. Ngày 31/12/1962, Nhà trường vinh dự được đón Chủ tịch Hồ Chí Minh về thăm. Người biểu dương thành tích của Nhà trường; động viên, nhắc nhở giáo viên và học sinh tiếp tục cố gắng để đạt nhiều thành tích tốt hơn nữa.

Cũng từ năm học 1961 - 1962, ngành Giáo dục tỉnh Thái Nguyên bắt đầu tổ chức thi chọn học sinh giỏi theo Thông tư số 07/TT ngày 20/2/1962 của Bộ Giáo dục.

Tại kì thi học sinh giỏi 2 môn: Văn và Toán lớp 7, tổ chức trong 2 ngày (3 - 4/4/1962), toàn tỉnh có 52 thí sinh dự thi môn Văn và 58 thí sinh dự thi môn Toán. Kết quả, 32,3% số thí sinh dự thi môn Văn, 5,1% số thí sinh dự thi môn Toán đạt loại khá và trung bình, không có học sinh giỏi. Kết quả này cho thấy chất lượng học sinh giỏi hai môn Văn và Toán lớp 7 còn rất hạn chế. Chính điều đó đã giúp Ty Giáo dục phát hiện được những sai lầm, thiếu sót trong công tác giảng dạy của giáo viên và học tập của học sinh, để có biện pháp khắc phục ở những năm học tiếp theo.

Nhằm tăng cường sự lãnh đạo của Tỉnh ủy đối với ngành Giáo dục tỉnh, ngày 12/5/1962, Ban Thường vụ Tỉnh ủy ban hành Nghị quyết số 78-NQ/TN *Chỉ định, quy định nhiệm vụ, quyền hạn của Ban Cán sự giáo dục tỉnh Thái Nguyên*. Theo đó, Ban Cán sự giáo dục tỉnh gồm 5 đồng chí ⁽¹⁾, do đồng chí Nguyễn Quang Hiệu làm Trưởng ban. Ban Cán sự Giáo dục tỉnh có nhiệm vụ: Chấp hành các chủ trương, chính sách, chỉ thị, nghị quyết của Đảng và Chính phủ đối với ngành Giáo dục tỉnh; thường xuyên báo cáo tình hình công tác giáo dục với Tỉnh ủy và Tiểu ban Giáo dục - Khoa học Trung ương; theo dõi, thực hiện việc xây dựng, phát triển Đảng trong ngành Giáo dục tỉnh. Ban Cán sự giáo dục tỉnh chịu sự lãnh đạo trực tiếp của Tỉnh ủy như các ban chuyên môn khác của Đảng về mặt quan hệ với Đảng đoàn chính quyền và Ủy ban Hành chính tỉnh; được tham dự các cuộc họp Tỉnh ủy mở rộng có quan hệ đến công tác giáo dục; được quản lí số đảng viên thuộc Chi bộ Cơ quan Ty Giáo dục và các chi bộ trực thuộc...

⁽¹⁾ Gồm các đồng chí: Nguyễn Quang Hiệu, Nguyễn Ngọc Nhưồng, Phạm Đức Tuệ, Đinh Quang Nhiều, Dương Văn Tài.

Để chuẩn bị cho năm học 1962 - 1963, cùng với việc chỉ đạo công tác xây dựng cơ sở vật chất ở các trường phổ thông cấp II - III Lương Ngọc Quyến, cấp II Đình Cả, La Hiên, thị xã Thái Nguyên và một số trường khác ở các xã, từ ngày 14 đến ngày 19/8/1962, Ty Giáo dục tổ chức Hội nghị tổng kết năm học 1961 - 1962 và triển khai nội dung, nhiệm vụ năm học mới. Tham dự Hội nghị có đại diện Tỉnh ủy, Ủy ban Hành chính tỉnh; đại diện các ngành, các giới cấp tỉnh; Lãnh đạo cùng cán bộ chuyên môn, nghiệp vụ Ty Giáo dục; Lãnh đạo các phòng Giáo dục huyện, thị xã; Hiệu trưởng, Bí thư chi bộ, Bí thư chi đoàn, Thư kí công đoàn các trường phổ thông trong toàn tỉnh. Trên cơ sở đánh giá kết quả và hạn chế của năm học 1961 - 1962, Hội nghị nhất trí thông qua nhiệm vụ năm học 1962 - 1963.

Sau Hội nghị, Ty Giáo dục bố trí lại đội ngũ giáo viên, thay thế Hiệu trưởng một số trường phổ thông không đủ tiêu chuẩn. Tại Cơ quan Ty Giáo dục tỉnh, đồng chí Trưởng ty Nguyễn Ngọc Nhưòng trực tiếp làm Trưởng phòng Chuyên môn.

Quan tâm đến chất lượng giáo dục, Lãnh đạo Ngành thường xuyên tiến hành kiểm tra chuyên môn của các trường. Từ ngày 1 đến ngày 26/9/1962, Ty Giáo dục cử cán bộ chuyên môn xuống các trường phổ thông cấp II - III và một số trường phổ thông cấp II, nhất là các trường mới thành lập, tìm hiểu khó khăn, giúp các trường xây dựng kế hoạch toàn khóa. Qua kiểm tra, cán bộ Phòng Chuyên môn đã phát hiện ở các trường: Phổ thông cấp II - III Đại Từ, Võ Nhai, Phổ Yên và các trường: Phổ thông cấp II La Hiên (Võ Nhai), Đồng Tiến (Đồng Hỷ), một số giáo viên còn nhiều lúng túng

về phương pháp giảng dạy, nội dung bài giảng không sâu, không đúng trọng tâm; thậm chí có giáo viên hiểu sai, dạy sai kiến thức. Nhược điểm chung của đội ngũ giáo viên các trường phổ thông cấp II, III trong tỉnh là thiếu kiến thức thực tế cuộc sống, thiếu hiểu biết các tổ chức chính trị.

Tiếp theo, từ ngày 8 đến ngày 17/10/1962, Ty Giáo dục kiểm tra Trường Phổ thông cấp II - III Định Hóa và Trường Phổ thông cấp II Thanh Bình (Thanh Định - Bình Yên, huyện Định Hóa). Kết quả kiểm tra cho thấy, nhiều giáo viên dạy sai kiến thức, thiếu kinh nghiệm và thực tế cuộc sống; một số giáo viên thiếu tác phong gương mẫu, không công bằng trong việc cho điểm bài kiểm tra của học sinh. Tình trạng thiếu bàn ghế của học sinh, bàn làm việc của giáo viên; thiếu bảng đen, dụng cụ giảng dạy, học tập của giáo viên và học sinh... là hiện tượng phổ biến trong các nhà trường.

Kết thúc năm học 1962 - 1963, toàn tỉnh có 30.434 học sinh cấp I (bằng 79,86%), 7.056 học sinh cấp II (bằng 78,97%) và 831 học sinh cấp III (bằng 71,2%) đủ điểm lên lớp. Tỷ lệ học sinh thi đỗ tốt nghiệp phổ thông cấp I toàn tỉnh đạt 68,98% (cao nhất là huyện Đông Hỷ đạt 76%, thấp nhất là huyện Phú Lương đạt 46%). Một số trường phổ thông cấp I có 100% học sinh thi đỗ tốt nghiệp là Tràng Xá, La Hiên (huyện Võ Nhai), Bộc Nhiêu (huyện Định Hóa), Đoàn Kết (huyện Đông Hỷ). Trường Phổ thông cấp I xã Tứ Tranh (huyện Phú Lương) chỉ có 14% học sinh thi đỗ tốt nghiệp.

Tỷ lệ học sinh thi đỗ tốt nghiệp phổ thông cấp II đạt trên 71% (gần bằng năm học trước). Tại kì thi tốt nghiệp phổ thông cấp III, trong số 239 thí sinh, có 123 thí sinh thi đỗ (trong đó có 61 học sinh

đỗ vớt), đạt tỉ lệ trên 51,46%. Đơn vị có số học sinh đỗ tốt nghiệp đạt tỉ lệ cao nhất là Trường Phổ thông cấp II - III Lê Hồng Phong (68,75%); thấp nhất là Trường Phổ thông cấp II - III huyện Định Hóa (gần 35,9%). Trong số 239 thí sinh, thí sinh Nguyễn Văn Thụy (học sinh Trường Phổ thông cấp II- III Lương Ngọc Quyến) có 4 môn thi (Toán, Lí, Địa, Ngoại ngữ) đều đạt điểm 5 và 5 môn thi (Chính trị, Hóa, Sinh, Văn, Sử) đạt điểm 4; Hạnh kiểm đạt điểm 5⁽¹⁾, được Ty Giáo dục tỉnh Thái Nguyên khen thưởng.

Như vậy, trong những năm 1961 - 1963, ngành Giáo dục tỉnh tiếp tục phát triển mạnh. Toàn tỉnh đã căn bản xoá xong nạn mù chữ từ đầu năm 1961 cho cả vùng thấp và vùng cao. Ngành đặc biệt coi trọng công tác tham mưu, giúp cấp ủy, chính quyền địa phương lãnh đạo, chỉ đạo, tổ chức học tập bổ túc văn hoá cho cán bộ, công nhân viên ở các cơ quan, xí nghiệp và cán bộ, thanh niên nông thôn. Tuy nhiên, “*Chất lượng giáo dục trong các trường phổ thông còn thấp; công tác bổ túc văn hoá ở nông thôn còn yếu, một số nơi có hiện tượng mù chữ trở lại*”⁽²⁾.

Trước tình hình trên, đồng thời xuất phát từ đặc điểm đa số học sinh đều sống ở nông thôn, Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh lần thứ VII (5/1963) đề ra yêu cầu đối với ngành Giáo dục, mà trực tiếp là các nhà trường phải tạo điều kiện thuận lợi cho học sinh tham gia lao động ở các hợp tác xã. Việc giáo dục của các nhà trường phải làm cho học sinh gắn bó với hợp tác xã, yêu mến nông thôn, phải

⁽¹⁾ Thời bấy giờ, điểm các bài thi và kiểm tra theo thang điểm bậc 5.

⁽²⁾ Báo cáo của Ban Chấp hành Đảng bộ khóa VI trình trước Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh lần thứ VII, ngày 29/5/1963, tr. 18.

có nhận thức học tập để trở thành người cán bộ, người xã viên lao động trong các hợp tác xã có trình độ khoa học, kỹ thuật tiên tiến.

Quán triệt chủ trương và yêu cầu của Đại hội Đảng bộ tỉnh, trong những năm 1963 - 1965, ngành Giáo dục tỉnh đã đạt nhiều thành tích về công tác chỉ đạo, hướng dẫn các nhà trường giáo dục học sinh gắn bó với quê hương, tạo điều kiện thuận lợi cho học sinh tham gia lao động trong hợp tác xã; luôn hướng về đồng bào miền Nam ruột thịt đang kiên cường chiến đấu chống đế quốc Mỹ và bè lũ tay sai, thực hiện giải phóng miền Nam, thống nhất đất nước.

Trong số hàng nghìn học sinh phổ thông sau khi tốt nghiệp lớp 7, lớp 10, nhiều người đã trở về địa phương lao động tại các công, nông, lâm trường, xí nghiệp và các hợp tác xã sản xuất nông nghiệp, đạt được nhiều thành tích khá. Ở mỏ than Làng Cẩm, có học sinh đã trở thành công nhân bậc 3, bậc 4. Trong số đó, nhiều người có thành tích tốt, điển hình là Đoàn Thị Mùi ở xã Tân Thái (huyện Đại Từ), Nguyễn Văn Quý ở xã Cam Giá (thành phố Thái Nguyên) đã trở thành những xã viên tích cực trong các hợp tác xã nông nghiệp, được kết nạp vào Đảng Lao động Việt Nam. “*Sở dĩ các em trưởng thành được là do thời gian học ở trường các em đã được nhà trường quản lý, giáo dục tốt về chính trị, đạo đức và kiến thức văn hóa*”⁽¹⁾.

Nhiều thanh niên là cán bộ, giáo viên và học sinh các trường học đã tình nguyện xếp bút nghiên, xung phong vào bộ đội chiến đấu chống Mỹ cứu nước. Trong số đó, tiêu biểu là Vũ Xuân, học

⁽¹⁾ Ủy ban Hành chính tỉnh Thái Nguyên: *Chỉ thị về việc quản lý, sử dụng, bồi dưỡng học sinh đã tốt nghiệp lớp 7, lớp 10*. Số 30/VX, ngày 11/11/1964.

sinh Trường Phổ thông cấp III Lương Ngọc Quyến, nhập ngũ ngày 3/7/1963⁽¹⁾.

Năm học 1964 - 1965, năm học cuối cùng của thời kì thực hiện Kế hoạch Nhà nước 5 năm lần thứ nhất (1961 - 1965), toàn tỉnh có 158 trường phổ thông cấp I, 35 trường phổ thông cấp II, 5 trường phổ thông cấp II - III; với tổng số 53.741 học sinh phổ thông các cấp, bình quân toàn tỉnh cứ 100 người dân, có 13 người là học sinh phổ thông. So với năm học 1959 - 1960, năm học 1964 - 1965, số trường phổ thông cấp I tăng 25%, số trường phổ thông cấp II tăng hơn 2 lần, số trường phổ thông cấp III tăng gấp 6 lần và số học sinh tăng hơn 2 lần.

Nhằm giữ vững và tăng cường sự lãnh đạo của tổ chức cơ sở đảng đối với cơ quan và đội ngũ cán bộ, đảng viên làm công tác tham mưu, giúp Tỉnh ủy và Ủy ban Hành chính tỉnh lãnh đạo, chỉ đạo công tác giáo dục, Ban Cán sự giáo dục tỉnh thường xuyên coi trọng lãnh đạo các chi bộ trực thuộc duy trì chế độ sinh hoạt Đảng. Căn cứ vào kết quả Đại hội Chi bộ Ty Giáo dục (đầu tháng 11/1964), theo đề nghị của Ban Cán sự giáo dục tỉnh, ngày 7/12/1964, Ban Thường vụ Tỉnh ủy ra Nghị quyết số 291-NQ/TN công nhận Chi ủy Cơ quan Ty Giáo dục tỉnh gồm 3 đồng chí: Ma Quang Thuộc, Đào Văn Bình và Nguyễn Văn Hải, do đồng chí Ma Quang Thuộc làm Bí thư.

⁽¹⁾ Hơn 10 năm trong quân ngũ, Vũ Xuân đã trải qua 3 cuộc hành quân, vượt hơn 2.000 km, qua các nước bạn Lào, Campuchia, đến chiến đấu trong đội hình của Đoàn 6 Pháo binh ở vùng đất cực Nam của Tổ quốc thân yêu. Gần 1 năm trước ngày giải phóng hoàn toàn miền Nam (2/5/1975), Vũ Xuân đã anh dũng hi sinh trong trận chiến đấu đánh đồn Kênh 2 miền Tây Nam Bộ, để lại cho các thế hệ thanh niên, học sinh Thái Nguyên một tài liệu vô cùng quý giá: *Nhật kí Vũ Xuân*.

Dưới sự lãnh đạo của Ban Cán sự giáo dục và chỉ đạo của Ty Giáo dục, ngành Giáo dục tỉnh tiếp tục hoàn thành nhiệm vụ năm học 1964 - 1965. Toàn tỉnh có 1.658/2.619 học sinh lớp 7 thi đỗ tốt nghiệp phổ thông cấp II, đạt 63,3%. Tại kì thi tốt nghiệp lớp 10 phổ thông (27/5/1965), toàn tỉnh có 223/320 học sinh thi đỗ tốt nghiệp phổ thông cấp III, đạt 69,68%.

Như vậy, trải qua 10 năm kể từ sau ngày hòa bình lập lại trên miền Bắc, ngành Giáo dục tỉnh Thái Nguyên đã vượt qua nhiều khó khăn, thiếu thốn, từng bước phát triển đi lên. Thành tích nổi bật của Ngành trong thời gian này là đã hoàn thành thanh toán nạn mù chữ trong nhân dân các dân tộc trên địa bàn tỉnh, từng bước nâng cao trình độ học vấn của người lao động. Ngành Phổ thông cũng có những bước phát triển vượt bậc về số lượng; từ 81 trường với 16.091 học sinh các cấp trong năm học đầu tiên sau ngày hòa bình lập lại, đến năm 1965 đã tăng lên 198 trường (trong đó có 5 trường phổ thông cấp II - III), với 53.741 học sinh. Cùng thời gian này, liên tục từ năm 1962 trở đi, ngành Giáo dục tỉnh Thái Nguyên thường xuyên cử giáo viên lên tăng cường cho ngành Giáo dục tỉnh Hà Giang.

Tuy còn nhiều mặt yếu kém về cơ sở vật chất, trang thiết bị trường học cũng như về chất lượng giáo dục, nhưng những kết quả đạt được trong 10 năm hòa bình xây dựng chủ nghĩa xã hội (1954 - 1965), là cơ sở cho ngành Giáo dục tỉnh phát triển vững chắc khi cả nước bước vào thời kì có chiến tranh.

II- Ngành Giáo dục tỉnh trong những năm cả nước có chiến tranh (1965 - 1975)

Đầu năm 1965, sau các chiến thắng của quân và dân ta ở miền Nam trong đông - xuân 1964 - 1965, chiến lược “*Chiến tranh đặc*

biệt” của đế quốc Mỹ về cơ bản đã bị phá sản. Để cứu vãn tình thế, cùng với hành động đưa quân viễn chinh, quân một số nước đồng minh vào miền Nam trực tiếp tham chiến, từ ngày 7/2/1965, đế quốc Mỹ chính thức phát động cuộc chiến tranh phá hoại bằng không quân và hải quân trên toàn bộ lãnh thổ miền Bắc nước ta, với quy mô ngày càng lớn và mức độ ngày càng ác liệt.

Trong bối cảnh đó, thực hiện Nghị quyết số 112-NQ/TW, ngày 8/4/1965 của Bộ Chính trị Ban Chấp hành Trung ương Đảng và Nghị quyết số 103-NQ/TVQH ngày 21/4/1965 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, từ ngày 1/7/1965, hai tỉnh Bắc Kạn⁽¹⁾, Thái Nguyên sáp nhập thành tỉnh Bắc Thái và chính thức đi vào hoạt động theo đơn vị hành chính mới.

Sau sáp nhập, tỉnh Bắc Thái có diện tích 8.507 km², dân số gần 60 vạn người cư trú tại 14 đơn vị hành chính, gồm 12 huyện (Phú Bình, Phổ Yên, Đồng Hỷ, Đại Từ, Phú Lương, Định Hóa, Võ Nhai, Bạch Thông, Na Rì, Ngân Sơn, Chợ Đồn, Chợ Rã), 1 thành phố (Thái Nguyên), 1 thị xã (Bắc Kạn), với 271 xã, 6 thị trấn. Toàn tỉnh có 23 cơ sở địa phương trực thuộc tỉnh (gồm 16 ty chuyên môn, 2 cơ sở ngoại vụ, 3 khối cơ quan tỉnh, 2 đơn vị quốc phòng). Trên địa bàn tỉnh còn có 43 cơ sở xí nghiệp, công, nông, lâm trường trực thuộc tỉnh và 20 cơ sở trực thuộc Trung ương. Toàn tỉnh còn 13.135 người mù chữ. Trong đội ngũ cán bộ xã, cán bộ hợp tác xã, đoàn viên, thanh niên còn khá nhiều người trình độ văn hóa ở mức đọc chậm, viết chậm, lớp 1, lớp 2. Toàn Đảng bộ tỉnh còn 134 đảng viên mù chữ, 26% số đảng viên trình độ văn hóa lớp

⁽¹⁾ Trước đây, địa danh này được viết là *Bắc Cạn*; cũng có lúc viết là *Bắc Kạn*; từ sau ngày chia tách tỉnh Bắc Thái thành 2 tỉnh, viết là *Bắc Kạn*. Đề bạn đọc dễ theo dõi, Ban Biên soạn thống nhất viết là *Bắc Kạn*.

1, lớp 2. Một số cán bộ lãnh đạo trong các cơ quan và các công, nông, lâm trường, xí nghiệp của tỉnh chưa học hết cấp I.

Trong những năm đế quốc Mĩ gây chiến tranh phá hoại bằng không quân và hải quân trên miền Bắc (1965 - 1972), nhiều cán bộ, nhân viên các cơ quan Trung ương và Khu Tự trị Việt Bắc trên địa bàn tỉnh đã mang theo gia đình lên. Bên cạnh đó là nhân dân ở nhiều đô thị từ các địa phương sơ tán đến, cùng với hàng nghìn đồng bào từ các tỉnh vùng xuôi lên khai hoang, xây dựng kinh tế miền núi. Vì thế, số lượng học sinh các trường phổ thông và học viên bình dân học vụ, bổ túc văn hóa trên địa bàn tỉnh tăng lên rất nhiều. Nhiệm vụ của ngành Giáo dục tỉnh thời gian này trở nên nặng nề hơn so với những năm trước.

Thực hiện chỉ thị của đồng chí Bí thư Tỉnh ủy Lê Hoàng tại kì họp lần thứ nhất Hội đồng Nhân dân tỉnh khóa I (21 - 25/6/1965): *“Phải nhanh chóng ổn định tư tưởng và tổ chức các ngành của Đảng, chính quyền, đoàn thể trong tỉnh, nhằm đảm bảo các hoạt động nhịp nhàng, liên tục, không để ảnh hưởng không tốt đến các mặt sản xuất và sẵn sàng chiến đấu của tỉnh”*, được sự chỉ đạo của Thường trực Ủy ban Hành chính tỉnh, bộ máy lãnh đạo, chỉ đạo chuyên môn nghiệp vụ ngành Giáo dục tỉnh được kiện toàn. Ty Giáo dục tỉnh có khoảng 50 cán bộ, công nhân viên. Đồng chí Hoàng Khải Tung (nguyên Trưởng ty Giáo dục tỉnh Bắc Kạn) được bổ nhiệm giữ chức vụ Trưởng ty Giáo dục tỉnh Bắc Thái; các đồng chí: Nguyễn Ngọc Nhưồng (nguyên Trưởng ty Giáo dục tỉnh Thái Nguyên), Ma Quang Thuộc (nguyên Phó ty Giáo dục tỉnh Thái Nguyên), Nông Văn My (nguyên Phó ty Giáo dục tỉnh Bắc Kạn) giữ chức vụ Phó ty Giáo dục tỉnh Bắc Thái. Số cán bộ, công nhân

viên cơ quan Ty Giáo dục được biên chế thành Văn phòng và các phòng, chuyên môn nghiệp vụ, làm nhiệm vụ tham mưu, giúp việc lãnh đạo Ty. Ở mỗi huyện, thành phố, thị xã trong tỉnh có 1 phòng Giáo dục, biên chế từ 4 đến 5 cán bộ (trong đó có 1 Trưởng phòng). Ban Cán sự giáo dục tỉnh Bắc Thái do đồng chí Phạm Đức Tuệ (nguyên Phó ty, Trưởng ban Cán sự giáo dục tỉnh Thái Nguyên) làm Trưởng ban.

Vừa mới kiện toàn bộ máy và đi vào hoạt động được hơn 2 tháng, ngành Giáo dục tỉnh đã phải đối phó với tình hình mới. Ngày 5/9/1965, giặc Mĩ huy động 16 máy bay, ném 41 quả bom phá xuống khu vực Kho Quân khí A3 (nằm trên địa bàn xã Xuất Hóa, huyện Bạch Thông). Tiếp theo, ngày 17/10/1965, máy bay giặc Mĩ ném bom đánh phá khu vực cầu Gia Bẩy và xóm Xuân Quang, xã Gia Sàng (thành phố Thái Nguyên). Từ đó, cuộc chiến tranh phá hoại bằng không quân của đế quốc Mĩ diễn ra trên địa bàn tỉnh Bắc Thái ngày càng ác liệt.

Trước tình hình trên, thực hiện chủ trương sơ tán phòng không của cấp ủy và chính quyền địa phương, cơ quan Ty Giáo dục tỉnh, phòng Giáo dục các huyện, thành phố, thị xã và một số trường học ở các khu vực tập trung đông người hoặc gần các mục tiêu có thể bị máy bay Mĩ đánh phá, đã phải sơ tán, phân tán về các vùng nông thôn. Các trường phổ thông cấp II phân tán về xã, được cấp ủy, chính quyền và nhân dân địa phương tích cực đóng góp sức người, sức của xây dựng cơ sở mới. Trường Phổ thông cấp II - III Lương Ngọc Quyến được tách thành 2 trường: Trường Phổ thông cấp II Lương Ngọc Quyến trực thuộc Phòng Giáo dục thành phố Thái Nguyên, do đồng chí Đỗ Minh Tuấn (nguyên Hiệu phó

Trường Phổ thông cấp II - III Lương Ngọc Quyến) giữ chức Hiệu trưởng và Trường Phổ thông cấp III Lương Ngọc Quyến trực thuộc Ty Giáo dục tỉnh Bắc Thái, do đồng chí Dương Văn Tài (nguyên Hiệu trưởng Trường Phổ thông cấp II - III Lương Ngọc Quyến) giữ chức Hiệu trưởng.

Chuẩn bị bước vào năm học mới - năm học đầu tiên sau ngày sáp nhập tỉnh, đầu tháng 9/1965, Ty Giáo dục tổ chức 2 hội nghị triển khai nhiệm vụ năm học 1965 - 1966. Một hội nghị tổ chức ở huyện Bạch Thông và một hội nghị tổ chức ở xã Phúc Trìu (huyện Đông Hỷ). Thành phần tham dự 2 hội nghị này gồm có Hiệu trưởng các trường phổ thông cấp II, cấp III; Tổ trưởng chuyên môn các trường phổ thông cấp III, Tổ trưởng chuyên môn một số trường phổ thông cấp II, Trưởng phòng Giáo dục các huyện, một số Hiệu trưởng trường phổ thông cấp I có khả năng bồi dưỡng giáo viên cấp I và đại diện Đoàn Thanh niên, Công đoàn các huyện.

Sau 2 hội nghị trên, Ty Giáo dục chọn Trường Phổ thông cấp II - III huyện Đại Từ làm điểm chỉ đạo triển khai Lễ khai giảng năm học mới. Từ sau đó, theo chỉ đạo của Ty Giáo dục, tất cả các trường phổ thông trong tỉnh đều tổ chức Lễ khai giảng năm học 1965 - 1966 vào ngày 20/9/1965. Riêng Trường Phổ thông cấp II - III Lương Ngọc Quyến, do thực hiện việc chia tách 2 hệ thành 2 trường và tổ chức sơ tán ra khỏi thành phố Thái Nguyên, nên Lễ khai giảng năm học mới phải lùi lại 1 tuần.

Năm học 1965 - 1966, toàn tỉnh có 376 trường phổ thông các cấp, gồm 265 trường cấp I, 100 trường cấp II và 11 trường cấp III. Bình quân mỗi lớp ở các trường phổ thông cấp I và cấp II, có từ 55 đến 60 học sinh, cá biệt có lớp lên tới 72 học sinh.

Đầu tháng 1/1966, Ty Giáo dục tổ chức Hội nghị chuyên đề *Làm thế nào để các nhà trường nâng cao chất lượng giáo dục trong tình hình thời chiến?*. Kết luận Hội nghị, đồng chí Hoàng Khải Tung (Trưởng ty Giáo dục) khẳng định: Trong bất kì hoàn cảnh nào, các nhà trường vẫn phải nâng cao được chất lượng giáo dục. Tháng 3/1966, Ty Giáo dục tổ chức kì thi chọn học sinh giỏi cấp tỉnh. Kết quả, toàn tỉnh chọn được 393 học sinh giỏi Toán, Văn lớp 7 và lớp 10. Trên cơ sở đó, Ty Giáo dục tuyển chọn 14 học sinh giỏi Toán, Văn lớp 7 và 11 học sinh giỏi Toán, Văn lớp 10 dự thi học sinh giỏi toàn miền Bắc ⁽¹⁾.

Năm học 1965 - 1966 được tiến hành vào lúc bộ máy lãnh đạo, chỉ đạo của ngành Giáo dục tỉnh đang sắp xếp, ổn định sau ngày sáp nhập tỉnh và trong hoàn cảnh chiến tranh phá hoại bằng không quân của đế quốc Mỹ ngày càng ác liệt. Trong hoàn cảnh ấy, nhờ có sự quan tâm của các cấp ủy đảng, chính quyền địa phương, đặc biệt là việc tăng cường công tác kiểm tra của ngành Giáo dục, nên chất lượng giáo dục phổ thông vẫn được giữ vững. Kết quả kì thi năm học 1965 - 1966 cho thấy: Trong tổng số 14.103 học sinh phổ thông dự thi hết cấp I (lớp 4), hết cấp II (lớp 7) và tốt nghiệp cấp III (lớp 10), có 12.891 học sinh thi đỗ (đạt 91,4%). Tính riêng kết quả thi hết phổ thông cấp I đạt 91,75%, hết phổ thông cấp II đạt 93,01%, tốt nghiệp phổ thông cấp III đạt 72,87%. Tuy nhiên, việc cải tiến phương pháp giảng dạy của giáo viên kết hợp với cải tiến phương pháp học tập của học sinh chưa chặt chẽ, chất lượng

⁽¹⁾ Theo Báo cáo Tổng kết năm học 1965 - 1966 của Ty Giáo dục tỉnh Bắc Thái. Tài liệu lưu tại Trung tâm Lưu trữ Lịch sử thuộc Chi cục Lưu trữ - Sở Nội vụ tỉnh Thái Nguyên.

giảng dạy, học tập của thầy và trò trong nhà trường còn hạn chế; nhà trường chưa phát huy hết tác dụng đối với công tác khoa học kỹ thuật ở địa phương⁽¹⁾.

Từ năm 1967, chiến tranh phá hoại diễn ra ác liệt hơn trước. So với năm 1966, số trận máy bay Mỹ ném bom đánh phá Thái Nguyên trong năm 1967 tăng gấp 2 lần (trong đó số trận đánh đêm tăng gấp 15 lần, số bom bi tăng gấp 11 lần), số lần tốp tăng gấp 4,6; số lần chiếc máy bay tăng gấp 3 cùng với những thủ đoạn rất thâm hiểm, xảo quyệt.

Trước tình hình trên, ngành Giáo dục tỉnh tham mưu cho cấp ủy và chính quyền địa phương các cấp tập trung lãnh đạo, chỉ đạo các nhà trường làm tốt công tác phòng không, sơ tán. Lãnh đạo Ty Giáo dục thường xuyên tổ chức các đoàn kiểm tra, đôn đốc công tác phòng không, sơ tán ở một số trường gần các mục tiêu có thể bị máy bay Mỹ đánh phá.

Nhìn chung, công tác phòng không, sơ tán được các nhà trường thực hiện nghiêm túc, tiêu biểu là Trường Phổ thông cấp III Lê Hồng Phong. Dưới sự lãnh đạo, chỉ đạo trực tiếp của Huyện ủy, Ủy ban Hành chính huyện và Ty Giáo dục tỉnh, Trường Phổ thông cấp III Lê Hồng Phong phân tán thành 2 phân hiệu (1 phân hiệu sơ tán vào xã Đắc Sơn và 1 phân hiệu sơ tán xuống xã Tân Hương). Ban Giám hiệu huy động cán bộ, giáo viên và học sinh Nhà trường đào hàng nghìn hố phòng không cá nhân dọc hai bên Quốc lộ 3 từ

⁽¹⁾ Ty Giáo dục: *Báo cáo ngày 6/6/1966* do đồng chí Nguyễn Ngọc Nhưồng (Phó ty Giáo dục) kí ban hành. Tài liệu lưu tại Trung tâm Lưu trữ Lịch sử thuộc Chi cục Lưu trữ - Sở Nội vụ tỉnh Thái Nguyên.

cầu Đa Phúc lên giáp ga Lương Sơn. Hầu hết lớp học ở các khu sơ tán nằm trên địa bàn các xã Đắc Sơn và Tân Hương đều được xây dựng nửa nổi, nửa chìm, có hệ thống giao thông hào từ lớp học ra hầm trú ẩn. Nhà trường đã được Ủy ban Hành chính tỉnh Bắc Thái biểu dương về công tác phòng không, sơ tán⁽¹⁾.

Trong hoàn cảnh có chiến tranh phá hoại ngày càng ác liệt, ngành Giáo dục tỉnh vẫn không ngừng phát triển. Trong năm học 1966 - 1967, toàn tỉnh có 281 trường phổ thông cấp I (tăng 16 trường so với năm học 1965 - 1966), với 477 giáo viên và 22.653 học sinh; 164 trường phổ thông cấp II (tăng 64 trường), với 266 giáo viên và 12.407 học sinh; 17 trường phổ thông cấp III (tăng 6 trường), với 100 giáo viên và 2.134 học sinh. Các trường đều làm tốt công tác phòng không, sơ tán, bảo đảm việc dạy và học có nền nếp và an toàn. Thực hiện lời dạy của Chủ tịch Hồ Chí Minh, hầu hết các trường - đặc biệt là các trường phổ thông trên địa bàn thành phố Thái Nguyên, đều nỗ lực phấn đấu, vượt qua mọi khó khăn, thiếu thốn, đẩy mạnh phong trào thi đua *Hai tốt* (Dạy tốt và học tốt), giữ vững và nâng cao chất lượng giáo dục, đạt tỉ lệ học sinh lên lớp và thi đỗ tốt nghiệp phổ thông các cấp I, II, III năm học 1966 - 1967 cao nhất tỉnh. Thành phố có trên 60% học sinh phổ thông cấp I và cấp II đạt danh hiệu *Cháu ngoan Bác Hồ*. Từ trong phong trào, nhiều điển hình tiên tiến xuất hiện. Trong số đó, tiêu biểu nhất là Trường Phổ thông cấp II Hoàng Văn Thụ - lá cờ đầu của tỉnh trong phong trào thi đua *Hai tốt*, được Hội đồng Chính phủ tặng thưởng *Huân chương Lao động hạng Ba*.

⁽¹⁾ Ủy ban Hành chính tỉnh Bắc Thái: *Báo cáo về công tác phòng không sơ tán năm 1966*. Số 15/BC-UB ngày 15/1/1967.

Không chỉ phát triển về số lượng, chất lượng giáo dục các cấp học cũng được nâng lên so với các năm học trước. Trong kì thi kết thúc năm học 1966 - 1967, số học sinh thi đỗ tốt nghiệp cấp I đạt 92,7%, cấp II đạt 90%, cấp III đạt 80,5%.

Theo đề xuất của Ty Giáo dục, ngày 20/11/1967, Ủy ban Hành chính tỉnh ban hành Quyết định số 962/VX đồng ý cho ngành Giáo dục tỉnh mở Lớp Toán đặc biệt tại Trường Phổ thông cấp III Lương Ngọc Quyến. Từ sau đó, dưới sự chỉ đạo của Ty Giáo dục, các trường phổ thông cấp III trong tỉnh tuyển chọn được hơn 40 học sinh giỏi môn Toán, tập trung về Trường Phổ thông cấp III Lương Ngọc Quyến. Lớp Toán đặc biệt đầu tiên của tỉnh (lớp 8) được mở, do thầy giáo Lương Đình Lũng⁽¹⁾ làm giáo viên chủ nhiệm. Mỗi học sinh của Lớp Toán đặc biệt được hưởng chế độ ưu đãi (theo Quyết định số 962/VX của Ủy ban Hành chính tỉnh): Ngoài 15 kg gạo với giá 0,40 đồng/kg, kèm theo phiếu vải, đường, thịt như người dân ở thành phố Thái Nguyên, còn được cấp học bổng 9,60 đồng/tháng.

Đầu năm 1968, cán bộ lãnh đạo chủ chốt ngành Giáo dục tỉnh có sự thay đổi. Theo đó, đồng chí Nguyễn Ngọc Nhường (Phó ty) được bổ nhiệm giữ chức vụ Trưởng ty (thay đồng chí Hoàng Khải Tung được Ban Thường vụ Tỉnh ủy và Ủy ban Hành chính tỉnh điều động, bổ nhiệm giữ chức Trưởng ban Khoa học Kỹ thuật tỉnh).

⁽¹⁾ Thầy Lương Đình Lũng sau này làm Phó Giám đốc Sở Giáo dục - Đào tạo, Giám đốc Sở Văn hóa - Thông tin và Thể thao tỉnh. Đến năm học 1969 - 1970, Lớp Toán đặc biệt của tỉnh đã có đủ 3 lớp 8, 9, 10. Tại kì thi học sinh giỏi Toán lớp 10 toàn tỉnh năm học 1969 - 1970, Lớp 10 Toán đặc biệt của tỉnh đã có 5 học sinh đoạt các giải: Nhất, Nhì; tham dự kì thi học sinh giỏi Toán lớp 10 miền Bắc có học sinh Lớp 10 Toán đặc biệt của tỉnh đoạt giải Ba và giải Khuyến khích. Từ năm học 1972 - 1973, do hoàn cảnh chiến tranh ác liệt, Lớp Toán đặc biệt không duy trì được.

Trong những năm có chiến tranh phá hoại, ngoài việc duy trì và đẩy mạnh phong trào thi đua *Hai tốt*, nâng cao chất lượng giáo dục, các trường phổ thông còn tổ chức cho học sinh tham gia công tác xã hội, giúp đỡ nhân dân địa phương. Đáng chú ý là học sinh các trường phổ thông huyện Đại Từ, Phú Bình giúp dân làm thủy lợi; học sinh thành phố Thái Nguyên ở các khu sơ tán giúp dân hoàn thành dứt điểm 3 công trình vệ sinh (giếng nước, nhà tắm và hố xí 2 ngăn). Nhiều học sinh nêu cao tinh thần dũng cảm, sẵn sàng phục vụ chiến đấu và chiến đấu. Trong số đó, tiêu biểu là Nguyễn Khánh Vân - học sinh Trường Phổ thông cấp III Lương Ngọc Quyến, đã trực tiếp lên trận địa tham gia tiếp đạn, cứu thương, phục vụ bộ đội chiến đấu⁽¹⁾.

Ngành Bô túc văn hóa thời gian này đứng trước nhiều vấn đề phải giải quyết. Trình độ văn hóa của cán bộ, đảng viên trong tỉnh rất thấp; số người mù chữ cũng còn nhiều.

Thực hiện Chỉ thị số 97/CT-TW ngày 18/5/1965 của Ban Bí thư Trung ương Đảng về việc đẩy mạnh hơn nữa công tác bô túc văn hóa, coi đó là một biện pháp quan trọng để nâng cao tinh thần cách mạng, tăng cường năng lực lãnh đạo công tác, nâng cao năng suất lao động, đẩy mạnh sản xuất, hoàn thành kế hoạch Nhà nước và tăng cường tiềm lực quốc phòng, Ty Giáo dục tham mưu cho Ban Thường vụ Tỉnh ủy ban hành Thông tri số 14-TTr/BT ngày 4/9/1965 *Về việc đẩy mạnh bô túc văn hóa phục vụ sản xuất và chiến đấu*. Thông tri của Ban Thường vụ Tỉnh ủy nhấn mạnh: Việc đẩy mạnh bô túc văn hóa phục vụ sản xuất và chiến đấu là một

⁽¹⁾ Báo cáo của Ty Giáo dục tại Hội nghị Tổng kết năm học 1967 - 1968, tổ chức ngày 24/12/1968. Lưu tại Trung tâm Lưu trữ Lịch sử thuộc Chi cục Lưu trữ - Sở Nội vụ tỉnh Thái Nguyên.

nhiệm vụ cấp thiết, phải được đặt lên vị trí hàng đầu trong công tác giáo dục.

Thực hiện Thông tri của Ban Thường vụ Tỉnh ủy, những tháng cuối năm 1965, hầu hết các địa phương, cơ quan, đơn vị đều đẩy mạnh công tác bồi túc văn hóa. Các huyện: Định Hoá, Võ Nhai, Phú Lương, Phú Bình huy động được 4.105 học viên theo học các lớp bồi túc văn hóa cấp I và cấp II. Đảng ủy các xã: Tân Cương (huyện Đông Hỷ), Thanh Ninh (huyện Phú Bình),... phân công 1 đồng chí Ủy viên Ban Thường vụ trực tiếp làm Trưởng ban Giáo dục phụ trách bồi túc văn hóa xã. Xã Tân Cương hoàn thành kế hoạch bồi túc văn hoá 5 năm lần thứ nhất trước thời hạn 11 tháng 20 ngày, với tỉ lệ đối tượng cán bộ loại 1 đạt 96,27% (vượt chỉ tiêu 17,27%) và đối tượng cán bộ loại 2 đạt 94,9% (vượt chỉ tiêu 24,9%). Mặc dù gặp rất nhiều khó khăn do làm việc theo ca kíp trong hoàn cảnh phòng không, sơ tán, nhưng Nhà máy Giấy Hoàng Văn Thụ và Nông trường Bắc Sơn vẫn duy trì được phong trào học tập bồi túc văn hóa. Huyện Đoàn Phú Bình tổ chức các hội nghị chuyên đề bàn về bồi túc văn hoá. Nhiều giáo viên phổ thông, sau khi kết thúc năm học đã tình nguyện ở lại hoặc rút bớt ngày nghỉ phép để làm công tác bồi túc văn hoá ở nông thôn. Hợp tác xã nông nghiệp xóm Vo (xã Tân Thành, huyện Phú Bình) đã kết hợp việc học tập kiến thức văn hoá cơ bản với yêu cầu cải tiến kĩ thuật, thâm canh tăng năng suất lúa và hoa màu...

Tuy nhiên, phong trào bồi túc văn hóa trong thời gian này phát triển không đồng đều và thiếu vững chắc, mang tính chất thời vụ; có nơi còn trì trệ. Phong trào bồi túc văn hóa ở một số xã, thị trấn dọc Quốc lộ số 3 có chiều hướng giảm sút, thậm chí có nơi giảm

sút nghiêm trọng. Ở nhiều địa phương, việc tổ chức học tập bổ túc văn hóa hình thức chưa gọn nhẹ, nội dung chưa phù hợp với tình hình và nhiệm vụ mới; việc tuyên truyền, vận động các đối tượng đi học bổ túc văn hoá còn tràn lan, chưa tập trung vào các đối tượng chính, chưa chú ý thích đáng đến những người trong lứa tuổi 16 đến 40 còn mù chữ hoặc chưa đọc thông, viết thạo. Ở các cơ quan, xí nghiệp và công, nông lâm trường, việc học tập bổ túc văn hoá nhìn chung còn yếu. Nguyên nhân chủ yếu dẫn đến tình trạng này là do các cấp uỷ đảng, ngành Giáo dục, nhất là những cán bộ phụ trách công tác bổ túc văn hoá từ tỉnh xuống các huyện chưa nhận thức đầy đủ ý nghĩa, tầm quan trọng của công tác này trong tình hình mới.

Để khắc phục tình trạng trên, ngành Giáo dục tỉnh phối hợp chặt chẽ với tổ chức Đoàn Thanh niên các cấp tuyên truyền, động viên cán bộ, đoàn viên, thanh niên tham gia học tập bổ túc văn hóa và mở các lớp học bổ túc văn hóa. Kết quả, 3 tháng đầu năm 1966, các tổ chức cơ sở đoàn thuộc Thành Đoàn Thái Nguyên đã mở được 124 lớp bổ túc văn hóa, với 1.300 học viên là cán bộ, đoàn viên, thanh niên theo học; số lượng gấp 3 lần so với 3 tháng cuối năm 1965. Các tổ chức cơ sở đoàn thuộc Huyện Đoàn Phú Bình mở 225 lớp, huy động được 2.500 cán bộ, đoàn viên, thanh niên đi học, số lượng gấp hơn 2 lần so với cuối năm 1965. Các tổ chức cơ sở đoàn thuộc Huyện Đoàn Phổ Yên mở 226 lớp, huy động được 2.243 cán bộ, đoàn viên, thanh niên đi học. Phòng Giáo dục huyện Đại Từ tập trung 40 giáo viên các trường phổ thông cấp I và cấp II trên địa bàn, phân công xuống các xã xây dựng, tổ chức các lớp bổ túc văn hóa. Đến hết quý I/1966, toàn huyện Đại Từ đã có 15 xã tổ

chức được các lớp học bổ túc văn hóa; trong đó, riêng xã Cù Vân huy động được 230 người đi học; xã Đoàn Kết (nay là xã Hoàng Nông - một xã vùng cao của huyện Đại Từ) đã tự giải quyết được 27 giáo viên bổ túc văn hóa, huy động khoảng 100 người (trong đó, có 100% ủy viên Ban Chấp hành Đảng bộ xã) đi học.

Ở các cơ quan, công, nông, lâm trường, xí nghiệp..., phong trào bổ túc văn hóa được duy trì tương đối tốt. Trường Bổ túc văn hoá cán bộ tỉnh và Trường Thanh niên dân tộc các huyện: Đại Từ, Định Hoá duy trì tốt việc dạy và học bổ túc văn hóa. Đến hết quý I/1966, 2 huyện: Phú Bình, Phổ Yên, thành phố Thái Nguyên, 79 đơn vị xã, thị trấn và 3 cơ quan, xí nghiệp, công, nông trường trên địa bàn tỉnh đã hoàn thành kế hoạch bổ túc văn hoá 5 năm lần thứ nhất. Trong giai đoạn thực hiện kế hoạch bổ túc văn hóa 5 năm lần thứ nhất, đến đầu tháng 5/1966, toàn tỉnh có 300.979 người đã thoát nạn mù chữ và chuyển sang học bổ túc văn hóa từ lớp 1 đến lớp 8; đồng thời tiếp tục xoá nạn mù chữ cho 7.181 người trong diện còn lại⁽¹⁾.

Những kết quả đó đã góp phần quan trọng vào việc nâng cao trình độ chính trị, quản lí kinh tế, quản lí nhà nước cho cán bộ; có tác dụng thúc đẩy phát triển sản xuất, cải tiến kĩ thuật và tạo điều kiện cho việc đào tạo một số trí thức mới xuất thân từ công, nông.

Tuy có những chuyển biến mới, nhưng phong trào học bổ túc văn hóa vẫn không đồng đều. Phong trào chỉ được đẩy mạnh ở khu vực phía Nam, như các huyện: Phú Bình, Phổ Yên và thành phố

⁽¹⁾ Nghị quyết của Ban Thường vụ Tỉnh ủy Về việc chuyển mạnh công tác bổ túc văn hoá, hoàn thành thắng lợi kế hoạch bổ túc văn hoá 5 năm lần thứ nhất và đẩy mạnh thực hiện kế hoạch bổ túc văn hoá 2 năm 1966 -1967. Số 21/NQ-BT, ngày 10/5/1966, tr. 2.

Thái Nguyên; huyện miền núi Đại Từ có chiều hướng vươn lên, còn hầu hết các huyện khác đều yếu⁽¹⁾.

Để đưa công tác bồi túc văn hoá ngày càng phát triển, đáp ứng yêu cầu của tình hình và nhiệm vụ mới, ngày 10/5/1966, Ban Thường vụ Tỉnh uỷ ban hành Nghị quyết số 21/NQ-BT *Về việc chuyển mạnh công tác bồi túc văn hoá, hoàn thành thắng lợi kế hoạch bồi túc văn hoá 5 năm lần thứ nhất và đẩy mạnh thực hiện kế hoạch bồi túc văn hoá 2 năm 1966 - 1967*, yêu cầu các cấp, các ngành, các đoàn thể cần nhận rõ ý nghĩa, tầm quan trọng và vị trí của công tác bồi túc văn hoá, nắm vững và thực hiện kế hoạch với tinh thần sáng tạo và chủ động, tạo một sự chuyển biến mạnh mẽ về tư tưởng và nhận thức, lãnh đạo phong trào bồi túc văn hoá tiến lên một bước phát triển mới.

Thực hiện Nghị quyết của Ban Thường vụ Tỉnh uỷ, những tháng cuối năm 1966, ngành Giáo dục tỉnh tập trung chỉ đạo phong trào bồi túc văn hoá. Kết quả, năm 1966 toàn tỉnh có 22.737 người theo học bồi túc văn hoá; trong đó, 12.718 người theo học các lớp cấp I (gồm 10.393 người ở vùng nông thôn và 2.325 người ở các cơ quan, xí nghiệp); 8.555 người theo học các lớp cấp II (gồm 1.702 người ở vùng nông thôn và 6.853 người ở các cơ quan, xí nghiệp) và 1.464 người theo học các lớp cấp III (gồm 3 người ở vùng nông thôn và 1.461 người ở các cơ quan, xí nghiệp). Trong tổng số 22.737 người theo học bồi túc văn hoá, có 2.965 cán bộ lãnh đạo chủ chốt các cấp từ xã đến tỉnh⁽²⁾. Các xã: Tân Cương (huyện Đồi

⁽¹⁾ Tỉnh uỷ Thái Nguyên: *Báo cáo Sơ kết công tác quý I/1966*. Số 06-BC/BT, ngày 30/4/1966, tr. 27.

⁽²⁾ Ty Giáo dục tỉnh Bắc Thái: *Báo cáo tổng kết năm 1966*.

Hỷ, nay thuộc thành phố Thái Nguyên), Tân Thành (huyện Phú Bình) và các đơn vị: Nông trường Bắc Sơn, Công ty Liên hợp Gang thép Thái Nguyên, Xưởng Luyện cốc Công ty Liên hợp Gang thép Thái Nguyên có nhiều thành tích xuất sắc trong công tác bổ túc văn hóa, được Ủy ban Thường vụ Quốc hội tặng *Huân chương Lao động hạng Ba*⁽¹⁾.

Đó là những kết quả có ý nghĩa rất quan trọng trong việc nâng cao trình độ văn hóa của cán bộ và nhân dân các dân tộc. Tuy nhiên, kết quả thực hiện bổ túc văn hoá cho các đối tượng chủ yếu (cán bộ, đảng viên, đoàn viên, thanh niên) trong kế hoạch 5 năm lần thứ nhất chỉ đạt 82,8% so với chỉ tiêu (trong khi nhân dân đạt 92,9%). Nội dung giảng dạy, học tập chưa gắn với đặc điểm, tình hình xã hội miền núi, chưa thiết thực phục vụ sản xuất và đời sống ở từng địa phương; đội ngũ cán bộ, giáo viên bổ túc văn hoá chưa được ổn định về số lượng cũng như về chất lượng. Việc phối hợp, kết hợp giữa các ngành, các giới đối với công tác bổ túc văn hoá chưa thành nền nếp. Các ngành, các giới chưa có chương trình, kế hoạch phân công trách nhiệm cụ thể trong việc nâng cao trình độ văn hoá cho ngành mình, giới mình.

Để khắc phục các hạn chế, khuyết điểm nêu trên, được sự tham mưu của Ty Giáo dục, ngày 22/3/1967, Ban Thường vụ Tỉnh ủy ra Chỉ thị số 037-CT/BT *Về việc tăng cường lãnh đạo công tác bổ túc văn hoá 2 năm 1967 - 1968*. Bản Chỉ thị nêu rõ nhiệm vụ, mục tiêu cụ thể đối với công tác lãnh đạo, chỉ đạo ngành Bổ túc văn hoá 2 năm (1967 - 1968): Đối với nông thôn, mọi đối tượng dưới

⁽¹⁾ Tỉnh ủy Bắc Thái: *Báo cáo tổng kết công tác năm 1966*. Số 02/BC-BT, ngày 28/3/1967, trang 20.

40 tuổi phải gấp rút hoàn thành bổ túc văn hóa hết cấp I; đối tượng là cán bộ chủ chốt xã và hợp tác xã từ 40 tuổi trở xuống và đoàn viên, thanh niên phải huy động được 50% học bổ túc văn hóa lên cấp II, sau 2 năm có 20% đạt trình độ hết lớp 7. Đối với các cơ quan, xí nghiệp, công, nông, lâm trường, Đội 91 Thanh niên xung phong chống Mĩ cứu nước, cán bộ lãnh đạo dưới 45 tuổi sau 2 năm phải học hết lớp 6B; những người đã học xong lớp 6B trở lên thì tùy theo cương vị và yêu cầu công tác, phải học lên ít nhất sau 2 năm lên 1 lớp. Cán bộ công nhân kỹ thuật dưới 40 tuổi phải học hết lớp 6A. Công nhân thường phải phổ cập bổ túc văn hóa hết lớp 3 (có 40% học xong cấp I).

Thực hiện chỉ thị của Ban Thường vụ Tỉnh ủy, Lãnh đạo Ty Giáo dục phân công đồng chí Ma Quang Thuộc (Phó ty) trực tiếp theo dõi, chỉ đạo ngành Bổ túc văn hóa. Đồng chí Phạm Đức Tuệ (Trưởng phòng Bổ túc văn hóa của Ty Giáo dục) trực tiếp xuống chỉ đạo một số cơ sở còn yếu. Nhờ đó, phong trào bổ túc văn hoá ở địa bàn nông thôn Thái Nguyên năm 1967 được giữ vững và phát triển khá, với 7.926 người đi học (nhiều gấp 3 lần so với năm 1966).

Tại Đội Thanh niên xung phong 91 Bắc Thái, Đảng ủy và Ban Chỉ huy Đội thường xuyên coi trọng lãnh đạo, chỉ đạo và tổ chức cho cán bộ, đội viên học tập bổ túc văn hóa. Ngành Giáo dục tỉnh động viên 5 giáo viên đang công tác trong Ngành gia nhập Đội Thanh niên xung phong 91 làm giáo viên dạy bổ túc văn hóa. Toàn Đội lựa chọn 45 giáo viên dạy bổ túc văn hóa (gồm 5 giáo viên chuyên nghiệp công tác trong ngành Giáo dục tỉnh nguyên gia nhập Đội 91 Thanh niên xung phong và 40 giáo viên bán chuyên nghiệp là những cán bộ, đội viên đang học cấp III hoặc đã tốt nghiệp lớp

7), do đồng chí Nguyễn Đình Trân - nguyên giáo viên Trường Phổ thông cấp II - III Lê Hồng Phong (Phổ Yên), phụ trách.

Do được Ty Giáo dục, trực tiếp là Phòng Bổ túc văn hóa quan tâm theo dõi, chỉ đạo và Đảng ủy - Ban Chỉ huy Đội Thanh niên xung phong 91 thường xuyên coi trọng lãnh đạo, chỉ đạo tổ chức thực hiện, việc dạy và học bổ túc văn hóa trong Đội 91 nhanh chóng đi vào nề nếp. Tinh thần học tập bổ túc văn hóa của cán bộ, đội viên Đội 91 rất hăng say. “*Có đội viên công tác xa đơn vị tới 6 cây số, nhưng buổi tối đã vừa đi, vừa chạy về đơn vị đúng giờ để học văn hóa*”⁽¹⁾. Kết thúc mỗi lớp học (từ lớp 1 đến lớp 7), theo đề nghị của Ban Chỉ huy Đội 91, Ty Giáo dục đều cử cán bộ xuống Đội 91 tổ chức thi lên lớp.

Ban Chỉ huy Đội 91 phân công 10 đồng chí có trình độ văn hóa cấp II thường xuyên kèm cặp, dạy học cho 10 đồng chí chưa biết chữ. Kết quả, sau 2 tháng, các đồng chí chưa biết chữ đều biết đọc, biết viết. Đại đội 912 đưa số giáo viên bán chuyên nghiệp đi kiến tập nội dung và phương pháp dạy học ở các trường phổ thông xung quanh nơi đơn vị làm việc. Các đại đội thường xuyên tổ chức rút kinh nghiệm việc dạy và học của giáo viên và học viên.

Từ ngày 15 đến ngày 20/5/1967, Ban Chỉ huy Đội 91 tổ chức cho 45 giáo viên chuyên nghiệp, bán chuyên nghiệp nghiên cứu, học tập các văn bản của Đại hội Tổng kết công tác dạy và học bổ túc văn hóa trong lực lượng Thanh niên xung phong toàn miền Bắc; bồi dưỡng nội dung, phương pháp dạy các môn học: Văn, Toán, Lí, Hóa. Đến cuối tháng 5/1967, toàn Đội có 406 học viên theo học các lớp bổ túc văn hóa. Trong 2 ngày (5 - 6/6/1967), Ty Giáo dục phối

⁽¹⁾ Báo cáo tình hình Đội 91 hai tháng 2 và 3/1966 của Ban Chỉ huy Đội 91.

hợp với Ban Chỉ huy Đội 91 tổ chức thi tốt nghiệp cấp I và cấp II bổ túc văn hóa cho cán bộ, đội viên. Kết quả, 51/51 đội viên đỗ tốt nghiệp cấp I (đạt tỉ lệ 100%), 22/24 đội viên tốt nghiệp cấp II (đạt 91,66%), xếp thứ nhất toàn tỉnh về kết quả thi đỗ tốt nghiệp cấp II bổ túc văn hóa. Đội Thanh niên xung phong 91 được Ty Giáo dục đánh giá là đơn vị khá nhất tỉnh về công tác bổ túc văn hóa năm 1967.

Đầu năm 1968, Ty Giáo dục cung cấp sách giáo khoa 2 môn: Văn và Toán chương trình bổ túc văn hóa cho Đội 91. Ban Chỉ huy Đội 91 mở 1 lớp 8 bổ túc văn hóa, với 13 học viên. Sau 3 tháng học tập, Ty Giáo dục tổ chức kiểm tra trình độ văn hóa lớp 8, toàn bộ 13 học viên này đều đạt yêu cầu, được đưa xuống Trường Đại học Cơ điện học dự bị đại học 1 năm.

Trong 3 năm kể từ ngày có chiến tranh phá hoại bằng không quân do đế quốc Mỹ gây ra trên địa bàn (5/9/1965), đến khi chúng ngừng ném bom bắn phá miền Bắc từ vĩ tuyến 20 trở ra (31/3/1968), dù gặp nhiều khó khăn, thiếu thốn, nhưng sự nghiệp giáo dục của tỉnh vẫn tiếp tục phát triển. Số học sinh phổ thông bình quân mỗi năm tăng 14,7%; các lớp mẫu giáo được mở rộng với 50.639 cháu⁽¹⁾. Công tác bổ túc văn hoá tiếp tục đẩy mạnh, với trên 26.000 người theo học đều đặn. Ngoài ra, toàn tỉnh đã xây dựng được 8 trường thanh niên vừa học, vừa làm với 508 học sinh.

Cùng với ngành Phổ thông và Bổ túc văn hóa, hệ thống giáo dục đào tạo cán bộ khoa học, kĩ thuật, công nhân lành nghề không ngừng phát triển. Trong 3 năm (1965 - 1968), toàn tỉnh có 12.786

⁽¹⁾ Báo cáo Tình hình công tác 9 tháng đầu năm 1968 của Tỉnh ủy Bắc Thái. Số 27-BC/BT, ngày 29/10/1968, tr. 18.

người được cử đi đào tạo tại các trường của Khu, Trung ương, tỉnh và đi học ở nước ngoài (trong đó, 2.175 người theo hệ đại học, 6.766 người theo hệ trung cấp chuyên nghiệp và 3.655 người theo hệ trung cấp kỹ thuật; số còn lại theo học các ngành khác). Toàn tỉnh có 3.818 công nhân kỹ thuật, 1.339 cán bộ quản lý kinh tế và kỹ thuật các loại từ trung cấp đến đại học.

Sau ngày đế quốc Mỹ tuyên bố ngừng ném bom đánh phá miền Bắc từ vĩ tuyến 20 trở ra, tranh thủ thời gian hòa bình, toàn Ngành bước vào đợt thi đua gấp rút hoàn thành kế hoạch bổ túc văn hóa 2 năm 1966 - 1968, theo tinh thần Thông tri số 203-TTr/BT ngày 18/4/1968 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy.

Ban Cán sự giáo dục và lãnh đạo Ty Giáo dục phân công 2 đồng chí Phó ty chỉ đạo công tác bổ túc văn hóa (1 đồng chí chỉ đạo vùng nông thôn và 1 đồng chí chỉ đạo các cơ quan, xí nghiệp); tập trung 8 cán bộ chuyên môn làm công tác bổ túc văn hóa. Các phòng Giáo dục huyện (thành phố), mỗi phòng đều phân công từ 1 đến 3 cán bộ chuyên trách công tác bổ túc văn hóa. Ty Giáo dục tham mưu cho Ủy ban Hành chính tỉnh ra quyết định biên chế 271 giáo viên chuyên trách bổ túc văn hóa cấp I và 58 giáo viên chuyên trách bổ túc văn hóa cấp II. Nhờ đó, mỗi xã trong tỉnh đã có 1 giáo viên chuyên trách bổ túc văn hóa.

Từ khi có giáo viên chuyên trách, phong trào bổ túc văn hóa trong tỉnh phát triển mạnh; tiêu biểu là các xã: Thắng Lợi (nay là xã Na Mao) huyện Đại Từ, Quang Trung (nay là xã Nam Hòa) huyện Đồng Hỷ. Bên cạnh giáo viên chuyên trách, trên địa bàn tỉnh có đội ngũ giáo viên nghiệp dư bổ túc văn hóa rất đông đảo, gồm 878 người ở vùng nông thôn và 1.073 người ở các cơ quan, xí nghiệp.

Ngoài ra, còn có 1.342 giáo viên các trường phổ thông tham gia dạy bổ túc văn hóa.

Kết thúc đợt thi đua gấp rút hoàn thành kế hoạch bổ túc văn hoá 2 năm 1967 - 1968 do Ban Thường vụ Tỉnh ủy phát động, các huyện: Phổ Yên, Phú Bình, Định Hóa, Đại Từ và thành phố Thái Nguyên đã hoàn thành và hoàn thành vượt mức chỉ tiêu, kế hoạch được giao. Huyện Phổ Yên được Ủy ban Hành chính tỉnh đánh giá là lá cờ đầu trong tỉnh về phong trào bổ túc văn hóa. Tại huyện Phú Bình, các xã Thanh Ninh, Cấp Tiến (nay là Kha Sơn), Hương Sơn, Lương Sơn (nay là phường Lương Sơn thuộc thành phố Sông Công) được Ủy ban Hành chính tỉnh công nhận là xã tiên tiến trong phong trào bổ túc văn hóa 2 năm 1967 - 1968. Thông qua học tập bổ túc văn hóa, đến cuối năm 1968, Đội 91 Thanh niên xung phong Bắc Thái đã có 23 cán bộ, đội viên được đi học nước ngoài; 25 cán bộ, đội viên được đi học đại học; 79 cán bộ, đội viên được đi học trung cấp; 154 cán bộ, đội viên được đi học sơ cấp và chuyên ngành; 264 cán bộ, đội viên tốt nghiệp bổ túc văn hóa lớp 4; 194 cán bộ, đội viên tốt nghiệp bổ túc văn hóa cấp II.

Sau đợt thi đua gấp rút hoàn thành kế hoạch bổ túc văn hoá 2 năm 1967 -1968, ngành Giáo dục tỉnh tập trung chỉ đạo tổ chức thực hiện kế hoạch bổ túc văn hóa 3 năm (1969 - 1971). Phương hướng, nhiệm vụ của kế hoạch này là: Triệt để xóa nạn mù chữ, chống nạn mù chữ trở lại; địa bàn nông thôn lấy bổ túc văn hóa cấp I làm trung tâm, từng bước phát triển bổ túc văn hóa cấp II ở những nơi có điều kiện; trong các cơ quan, đơn vị, công, nông, lâm trường, xí nghiệp..., lấy bổ túc văn hóa cấp II làm trung tâm, tích

cực chuẩn bị để phát triển bổ túc văn hóa cấp III; kết hợp chặt chẽ việc học tập bổ túc văn hóa với việc vận dụng kiến thức vào sản xuất và chiến đấu.

Kết quả, từ năm 1969 đến năm 1971, trong toàn tỉnh, chỉ tính riêng vùng nông thôn đã có 1.800 học viên theo học bổ túc văn hóa cấp I và 1.500 học viên theo học bổ túc văn hóa cấp II được chuyển lớp. Trong số học viên theo học bổ túc văn hóa cấp II, có 160 học viên trên tổng số 328 học viên dự thi đã đỗ tốt nghiệp lớp 7 bổ túc văn hóa (đạt 48,78%). Tại các cơ quan, đơn vị, công, nông, lâm trường, xí nghiệp..., có 553 học viên theo học bổ túc văn hóa cấp III; trong đó, có 78 học viên trên tổng số 169 học viên dự thi đã đỗ tốt nghiệp lớp 10 (đạt 46,15%). Tại Công ty Gang thép Thái Nguyên, từ năm 1969 đến năm 1971 có 260 học viên trên tổng số 604 học viên dự thi đã đỗ tốt nghiệp lớp 7 bổ túc văn hóa (đạt 43,04%).

Cùng với **hệ** Bổ túc văn hóa, **hệ giáo dục** Phổ thông tiếp tục phát triển mạnh về số lượng. Năm học 1968 - 1969 so với năm học trước, trong toàn tỉnh, số học sinh phổ thông cấp I tăng 13,3%, cấp II tăng 19,9%, cấp III tăng 17,6%. Tuy nhiên, do số lượng học sinh tăng, dẫn tới thiếu giáo viên, một số giáo viên phải dạy thêm lớp, kiêm nhiệm nhiều môn không đúng chuyên ngành được đào tạo, nên chất lượng giáo dục trong các nhà trường bị hạn chế. Kết quả kì thi tốt nghiệp phổ thông các cấp năm học 1968 - 1969 cho thấy: Số học sinh thi đỗ tốt nghiệp phổ thông cấp I đạt 71,2% (giảm 1,8% so với năm học trước), cấp II đạt 67,5%, cấp III đạt 69,7%. Đáng chú ý là, trong số học sinh thi đỗ tốt nghiệp phổ thông cấp III, chỉ có 21,7% đỗ thẳng, số còn lại (48%) là đỗ vớt.

Bước vào năm học 1969 - 1970, một nỗi đau thương vô hạn đến với cán bộ, giáo viên, công nhân viên và học sinh ngành Giáo dục tỉnh Thái Nguyên: Ngày 2/9/1969, Bác Hồ kính yêu từ trần. Hầu hết các trường học trên địa bàn tỉnh đều long trọng tổ chức Lễ truy điệu Bác trong không khí vô cùng thiêng liêng, xúc động. Biền đau thương thành hành động cách mạng, các trường học trong tỉnh đẩy mạnh phong trào *Thi đua Dạy tốt - Học tốt* theo lời Bác dạy; nhiều học sinh cấp III viết đơn xung phong nhập ngũ lên đường đi chiến đấu...

Năm học 1969 - 1970 tuy có điều kiện thuận lợi là diễn ra trong hoàn cảnh không có chiến tranh phá hoại bằng không quân của đế quốc Mỹ, nhưng cơ sở vật chất và trang thiết bị trường học còn nhiều khó khăn, thiếu thốn. Việc bồi dưỡng nâng cao chất lượng giảng dạy cho giáo viên tuy đã được coi trọng, nhưng chưa toàn diện. Việc phối hợp giáo dục giữa nhà trường với gia đình chưa thật chặt chẽ (nhiều gia đình ở khu vực nông thôn ít dành thời gian cần thiết cho con em học tập). Do đó, chất lượng giáo dục của các trường phổ thông trong tỉnh tiếp tục giảm sút. Kì thi tốt nghiệp phổ thông các cấp năm học 1969 - 1970, mặc dù được Ty Giáo dục tỉnh đánh giá chuẩn bị chu đáo, tổ chức thi bảo đảm nghiêm túc và tốt hơn mọi năm, nhưng kết quả đạt thấp hơn năm học trước. Số học sinh thi đỗ tốt nghiệp phổ thông cấp I chỉ đạt 56% (thấp hơn năm học trước 15,2%), cấp II: 56,1% (thấp hơn năm học trước 11,4%), cấp III: 64% (thấp hơn năm học trước 5,7%).

Sau kì thi tốt nghiệp phổ thông năm học 1969 - 1970, thực hiện chỉ đạo và hướng dẫn của Bộ Đại học và Trung học chuyên

nghiệp (tại các thông tri số 7 và số 8), ngày 17/6/1970, Ty Giáo dục phối hợp với Ban Tuyển sinh (thuộc Ban Tổ chức chính quyền tỉnh) tham mưu cho Ủy ban Hành chính tỉnh ban hành Chỉ thị số 120-TC/TS *Về việc tổ chức thi tuyển sinh đại học năm học 1970 - 1971*.

Quán triệt tinh thần chỉ thị của Ủy ban Hành chính tỉnh, việc tổ chức thi tuyển sinh đại học năm học 1970 - 1971 là kì thi đầu tiên tổ chức tại các địa phương, được Ty Giáo dục phối hợp với Ban Tuyển sinh tỉnh chỉ đạo và tổ chức chặt chẽ, nghiêm túc, an toàn từ khâu chuẩn bị địa điểm thi, phòng thi, cơ sở vật chất, phương tiện phục vụ thi, cho đến việc coi thi. Toàn tỉnh chia làm 2 khối thi: Khối A thi 3 môn: Toán, Vật lí, Hóa học, được tổ chức tại Trường Phổ thông cấp III huyện Đại Từ (thuộc địa bàn xã Ký Phú). Khối B thi 3 môn: Văn học, Lịch sử, Địa lí, được tổ chức tại Trường Phổ thông cấp III Lê Hồng Phong (thuộc địa bàn xã Đồng Tiến, huyện Phổ Yên). Kết quả, toàn tỉnh có 196 thí sinh trúng tuyển vào 19 trường đại học.

Ngành học Mẫu giáo từng bước được Ty Giáo dục tỉnh quan tâm chỉ đạo. Đồng chí Ma Quang Thuộc (Phó ty) cùng cán bộ chuyên môn của Ty Giáo dục trực tiếp xuống Trường Mẫu giáo xã Tân Đức (huyện Phú Bình) - một trường đã được Ủy ban Hành chính tỉnh công nhận là *Lá cờ đầu trong ngành học Mẫu giáo tỉnh*, để nghiên cứu, đúc rút kinh nghiệm. Trường Mẫu giáo xã Tân Đức có 4 lớp ở 4 hợp tác xã (Tân Sơn, Viên Ngọc, Đức Thịnh, Cầu Thịnh) đều được cấp ủy đảng, chính quyền, các đoàn thể chính trị - xã hội quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo tổ chức tốt việc quản lí, xây dựng cơ sở vật chất và có chế độ đãi ngộ (trả thù lao) thỏa đáng cho giáo viên. Những kinh nghiệm này được phổ biến cho các địa phương

học tập, vận dụng, nhằm tạo sự chuyển biến mới trong ngành học Mẫu giáo trên địa bàn tỉnh.

Vấn đề đào tạo và bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ của đội ngũ giáo viên là một trong những nhân tố có tính quyết định đến chất lượng giáo dục ở các trường phổ thông. Nhận thức rõ điều này, năm 1968, cùng với việc tham mưu và giúp Tỉnh ủy, Ủy ban Hành chính tỉnh lãnh đạo, chỉ đạo thành lập Trường Trung cấp Sư phạm và Trường Sơ cấp Sư phạm Bắc Thái⁽¹⁾, từ ngày 1/7 đến ngày 25/8/1969, ngành Giáo dục tỉnh tổ chức các Trại bồi dưỡng hè cho giáo viên các cấp theo tinh thần Thông tri số 266-TTr/BT ngày 30/6/1969 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy *Về việc tổ chức bồi dưỡng chính trị, nghiệp vụ cho giáo viên các cấp trong dịp hè*. Trại bồi dưỡng hè đã đạt được mục đích, yêu cầu đề ra, tạo nên nếp tốt trong công tác bồi dưỡng hè cho giáo viên những năm sau.

Trong điều kiện khó khăn, thiếu thốn, ngoài việc quan tâm bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ, ngành Giáo dục tỉnh luôn chăm lo đến đời sống vật chất của cán bộ, giáo viên. Riêng trong năm học 1970 - 1971, Ty Giáo dục xét, đề nghị và được Ủy ban Hành chính tỉnh ban hành quyết định nâng lương cho 487 cán bộ, giáo viên; cấp hỗ trợ 200 áo bông chống rét cho giáo viên vùng cao... Sự quan tâm kịp thời của Ngành là nguồn động viên to lớn, tạo điều kiện cho cán bộ, giáo viên an tâm, phấn khởi công tác.

⁽¹⁾ Khai giảng khóa 1 Trường Trung cấp Sư phạm Bắc Thái có 350 giáo sinh, Trường Sơ cấp Sư phạm Bắc Thái có 253 giáo sinh.

Từ ngày 18 đến ngày 19/11/1970, Ty Giáo dục phối hợp với Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy tổ chức Hội nghị học tập, quán triệt Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Bắc Thái lần thứ I (21/5 - 3/6/1970) và các nghị quyết của Trung ương về 3 cuộc vận động lớn⁽¹⁾ cho các đối tượng Trưởng và Phó phòng Giáo dục các huyện (thành phố); đảng viên là giáo viên cấp III, Hiệu trưởng các trường phổ thông cấp II và đảng viên ở Cơ quan Ty Giáo dục. Thông qua học tập, cán bộ, đảng viên “*có sự chuyển biến rõ rệt về tinh thần lao động, ý thức trách nhiệm trong công tác*”⁽²⁾.

Việc bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ cùng với sự chuyển biến về tinh thần lao động, ý thức trách nhiệm của giáo viên thời gian này là những nguyên nhân dẫn đến chất lượng dạy và học trong các nhà trường được nâng lên. Kết quả thi tốt nghiệp phổ thông cấp I và cấp II, toàn tỉnh đều đạt 71%, cấp III đạt 68,7%. So với năm học trước, tỉ lệ học sinh thi đỗ tốt nghiệp phổ thông cấp I tăng 15%, cấp II tăng 14,9%, cấp III tăng 4,7%. Ngành Giáo dục tỉnh có 5 đơn vị được công nhận là *Tổ Lao động xã hội chủ nghĩa*, 46 trường đạt danh hiệu *Trường Tiên tiến*; 67 cán bộ, giáo viên được tặng danh hiệu *Chiến sĩ thi đua*, 79 cán bộ và giáo viên được công nhận *Lao động tiên tiến 5 năm liền*, 57 giáo viên dạy giỏi cấp tỉnh và 43 học sinh giỏi; *Đội thi học sinh giỏi Văn lớp 7 miền Bắc* và *Đội thi học sinh giỏi Toán lớp 10 miền Bắc* của tỉnh đều đoạt giải Khuyến khích.

⁽¹⁾ Gồm có: 1- Cuộc vận động *Nâng cao chất lượng đảng viên và kết nạp đảng viên “Lớp Hồ Chí Minh”* theo tinh thần Nghị quyết 195-NQ/TW của Bộ Chính trị; 2- Cuộc vận động *Lao động sản xuất* theo tinh thần Nghị quyết 196-NQ/TW của Bộ Chính trị; 3- Cuộc vận động *Phát huy dân chủ và tăng cường chế độ làm chủ tập thể của quần chúng xã viên nông thôn* theo tinh thần Nghị quyết 197-NQ/TW của Bộ Chính trị.

⁽²⁾ Ty Giáo dục: *Báo cáo Tình hình triển khai năm học 1970 - 1971*. Số 710/BC-TK ngày 25/11/1970. Tài liệu lưu tại Trung tâm Lưu trữ Lịch sử thuộc Chi cục Lưu trữ - Sở Nội vụ tỉnh Thái Nguyên.

Quán triệt tinh thần Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Bắc Thái lần thứ I (21/5 - 3/6/1970): *Giáo dục cho học sinh có động cơ học tập và quan điểm lao động đúng đắn, sẵn sàng nhận bất cứ nhiệm vụ nào theo yêu cầu của Đảng và Nhà nước; kết hợp học với hành, gắn nhà trường với xã hội, từ năm học 1971 - 1972, ngành Giáo dục tỉnh chỉ đạo đưa lao động sản xuất vào các trường học, lấy lao động sản xuất làm khâu trung gian để phát triển giáo dục toàn diện.* Theo đó, Trường Phổ thông cấp III các huyện: Đại Từ, Phú Lương, Phú Bình, Đồng Hỷ; Trường Phổ thông cấp II các xã: Thắng Lợi (huyện Phổ Yên), Tích Lương (huyện Đồng Hỷ), Trảng Xá (huyện Võ Nhai),... tổ chức cho giáo viên, học sinh vừa dạy và học, vừa tham gia lao động, sản xuất ra của cải vật chất cho xã hội. Trong đó, đáng chú ý là Trường Phổ thông cấp II các xã: Tích Lương (huyện Đồng Hỷ), Trảng Xá (huyện Võ Nhai) tổ chức cho giáo viên và học sinh sản xuất gạch, ngói xây dựng trường; Trường Thanh niên dân tộc huyện Phú Lương và Trường Phổ thông cấp II xã Hồng Tiến (huyện Phổ Yên) mạnh dạn áp dụng khoa học kỹ thuật vào trồng trọt và chăn nuôi...

Giữa lúc các trường phổ thông đang đẩy mạnh phong trào thi đua *Hai tốt*, chuẩn bị kết thúc năm học 1971 - 1972, tình hình có những chuyển biến bất lợi cho hoạt động giảng dạy, học tập. Do bị đòn giáng mạnh bởi cuộc Tiến công chiến lược Xuân - Hè 1972 của Quân Giải phóng miền Nam Việt Nam, đế quốc Mỹ âm mưu “*Mĩ hóa*” cuộc chiến tranh xâm lược miền Nam, đồng thời chính thức gây trở lại cuộc chiến tranh phá hoại bằng không quân và hải quân trên toàn bộ lãnh thổ miền Bắc nước ta (từ ngày 16/4/1972). So với lần trước, cuộc chiến tranh phá hoại lần này không chỉ vượt xa về

quy mô, tốc độ và cường độ đánh phá, mà thủ đoạn tiến hành cũng tàn bạo, dã man hơn nhiều.

Trước tình hình trên, ngành Giáo dục tỉnh nhanh chóng chỉ đạo các nhà trường chuyển mọi hoạt động dạy và học từ thời bình sang thời chiến. Trường Phổ thông cấp III Lương Ngọc Quyến sơ tán sang xã Linh Sơn, huyện Đồng Hỷ; Trường Phổ thông cấp III Lê Hồng Phong (huyện Phổ Yên) sơ tán về các xã Đắc Sơn và Tân Hương.

Nhờ chủ động và rút được kinh nghiệm của thời kì chống chiến tranh phá hoại lần thứ nhất, mọi hoạt động giảng dạy, học tập trong các nhà trường trên địa bàn tỉnh được giữ vững; tiến độ năm học cơ bản được đảm bảo. Kết thúc năm học 1971 - 1972, tỉ lệ học sinh thi đỗ tốt nghiệp phổ thông cấp I đạt 90,6% (tăng 19,6% so với năm học trước), cấp II đạt 77% (tăng 6% so với năm học trước), cấp III đạt 56,4% (giảm 12,3% so với năm học trước; trong đó, Trường Phổ thông cấp III huyện Na Rì không có học sinh nào đỗ tốt nghiệp lớp 10). Tại Trường Sơ cấp Sư phạm, số giáo sinh đỗ tốt nghiệp đạt 59,8%. Trường Trung cấp Sư phạm, tỉ lệ giáo sinh đỗ tốt nghiệp đạt 65,17%. Số đơn vị và cá nhân đạt các danh hiệu thi đua nhiều hơn những năm trước. Toàn Ngành có 197 trường đạt danh hiệu *Trường Tiên tiến*, tăng 7,9% so với năm học trước, 8 đơn vị được công nhận là *Tổ Lao động xã hội chủ nghĩa* (tăng 2 đơn vị so với năm học trước). Ngành Phổ thông có 51% số cán bộ và giáo viên được công nhận *Lao động tiên tiến*, 14 học sinh đạt *Học sinh giỏi toàn diện*, 147 học sinh đạt *Học sinh giỏi cấp tỉnh*.

Thực hiện Chỉ thị số 09-CT/TU ngày 23/6/1971 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy Bắc Thái *Về việc tăng cường công tác kiểm tra*,

thanh tra, kiểm sát và giải quyết các đơn thư khiếu nại, tố giác, xét đề nghị của Ty Giáo dục tỉnh (tại Tờ trình số 99/TCCB ngày 16/6/1972), Ủy ban Hành chính tỉnh ra quyết định thành lập Ban Thanh tra Giáo dục tỉnh, do đồng chí Trưởng ty Giáo dục trực tiếp làm Trưởng ban và 2 cán bộ chuyên trách. Ban Thanh tra Giáo dục tỉnh đặt dưới sự chỉ đạo trực tiếp của Trưởng ty Giáo dục tỉnh, Ban Thanh tra Bộ Giáo dục và chịu sự chỉ đạo về nghiệp vụ của Ủy ban Thanh tra tỉnh. Ban có chức năng, nhiệm vụ thanh tra các phòng giáo dục cấp huyện, các trường phổ thông cấp III và một số trường phổ thông cấp II.

Sau khi thành lập, Ban Thanh tra Giáo dục tỉnh có nhiều cố gắng thực hiện chức trách, nhiệm vụ được giao, góp phần cùng với các cán bộ, giáo viên, công nhân viên ngành Giáo dục tỉnh hoàn thành các mặt công tác năm học 1971 - 1972, được Bộ Giáo dục xếp loại khá.

Như vậy, dưới sự lãnh đạo, chỉ đạo sát sao của Tỉnh ủy và Ủy ban Hành chính tỉnh, với tinh thần quyết tâm vượt qua mọi khó khăn, thiếu thốn của đội ngũ cán bộ, giáo viên trong hoàn cảnh chiến tranh ngày càng ác liệt, ngành Giáo dục tỉnh vẫn “... tiếp tục phát triển theo chiều hướng tốt. Phong trào thi đua “Hai tốt”, học và làm theo gương các điển hình tiên tiến mà trọng tâm là đưa lao động sản xuất vào nhà trường đã có những tiến bộ đáng kể...”⁽¹⁾.

Tuy nhiên, sự phát triển đó chưa đồng đều giữa các vùng và các ngành học; chất lượng giáo dục toàn diện so với yêu cầu còn

⁽¹⁾ Ban Thường vụ Tỉnh ủy Bắc Thái: *Chỉ thị Về chuyển hướng công tác giáo dục trong tình hình mới*. Số 22-CT/BT, ngày 11/10/1972, tr. 1.

thấp. Ở tất cả các xã, nhất là các xã vùng dân tộc, nhiều trẻ em chưa được đi học; hoặc 2 - 3 năm học vỡ lòng, vẫn chưa lên được lớp 1 phổ thông. Mỗi năm toàn tỉnh còn từ 5.000 đến 7.000 học sinh phổ thông các cấp bỏ học. Phong trào thi đua *Đạy tốt - Học tốt* trong các nhà trường chưa thật đồng đều, mạnh mẽ và vững chắc. Những mặt hạn chế, yếu kém trên đây là những vấn đề đặt ra cho Lãnh đạo Ngành có phương hướng, biện pháp khắc phục trong các năm học tiếp theo.

Vừa kết thúc năm học 1971 - 1972, cán bộ lãnh đạo chủ chốt của Ty Giáo dục có sự thay đổi về nhân sự. Đồng chí Chu Thế Kỳ được bổ nhiệm giữ chức vụ Trưởng ty (thay đồng chí Nguyễn Ngọc Nhưòng nghỉ hưu theo chế độ); đồng chí Nguyễn Thị Phương Hào - giáo viên Trường Phổ thông cấp III Lê Hồng Phong (Phổ Yên), được bổ nhiệm giữ chức vụ Phó ty (thay đồng chí Nông Văn My nghỉ hưu theo chế độ từ năm 1970). Đồng chí Ma Quang Thuộc vẫn giữ chức vụ Phó ty (từ năm 1963).

Đầu tháng 9/1972, Ty Giáo dục tỉnh ban hành *Kế hoạch phương hướng và nhiệm vụ năm học 1972 - 1973*, nêu rõ 3 yêu cầu của năm học mới: 1- Cố gắng đảm bảo cho các nhà trường, cấp học, ngành học hoạt động bình thường trong mọi tình huống; 2- Đưa cuộc vận động thi đua *Hai tốt* trong các nhà trường tiến lên mạnh mẽ và vững chắc hơn; 3- Tiếp tục phát triển giáo dục với quy mô và tiến độ phù hợp, đẩy mạnh bổ túc văn hóa và vỡ lòng.

Để đạt được 3 yêu cầu trên trong hoàn cảnh có chiến tranh, Ty Giáo dục chỉ đạo phòng giáo dục các huyện và các nhà trường làm tốt công tác phòng không, sơ tán, chuẩn bị khai giảng năm học mới.

Lãnh đạo Ty Giáo dục trực tiếp xuống kiểm tra một số trường trọng điểm, chủ yếu là các trường nằm trên địa bàn thành phố Thái Nguyên và các địa bàn có thể bị máy bay Mĩ đánh phá. Thực hiện chỉ đạo của Ty Giáo dục, chỉ tính riêng các trường nằm trên địa bàn thành phố Thái Nguyên, cán bộ, giáo viên và học sinh đã đào và làm trên 1.000 hầm trú ẩn (đa số là hầm kè) phòng tránh máy bay Mĩ đánh phá.

Nhờ có sự chỉ đạo kịp thời, sâu sát của các đồng chí cán bộ lãnh đạo ngành Giáo dục tỉnh, nên hầu hết các trường phổ thông đều tổ chức khai giảng năm học 1972 - 1973 đúng quy định.

Trước tình hình giặc Mĩ tăng cường huy động máy bay, bom đạn đánh phá nhiều nơi trên địa bàn tỉnh, ngày 11/10/1972, Ban Thường vụ Tỉnh ủy ban hành Chỉ thị số 22-CT/BT *Về chuyển hướng công tác giáo dục trong tình hình mới*. Ban Thường vụ Tỉnh ủy nêu rõ: Ngành Giáo dục tỉnh phải chuyển nhanh nhà trường vào thời chiến, tổ chức tốt việc sơ tán và phân tán trường lớp, nhất là các trường lớp ở những trọng điểm và ven các đường giao thông quan trọng mà máy bay địch có thể đánh phá; tất cả các trường lớp đều phải có đủ hầm, hồ, giao thông hào phòng tránh vững chắc, bảo đảm yêu cầu an toàn tới mức cao nhất; tiếp tục đẩy mạnh và mở rộng phong trào thi đua *Dạy tốt, học tốt*, học và làm theo gương các điển hình tiên tiến, bảo đảm chất lượng giáo dục toàn diện. Chỉ thị nhấn mạnh: *“Tất cả các loại trường đều phải chuyển nhanh việc đưa lao động sản xuất vào nhà trường theo tinh thần Chỉ thị 237 ngày 1/10/1970 của Phủ Thủ tướng...”*; phải tăng cường bộ máy quản lý giáo dục từ Ty Giáo dục đến các nhà trường đảm bảo đủ cán

bộ có chất lượng quản lí các ngành học; xây dựng bằng được mạng lưới trường trọng điểm của tỉnh, của huyện và cơ sở...

Học kì 1 năm học 1972 - 1973 diễn ra trong hoàn cảnh cuộc chiến tranh phá hoại bằng không quân của đế quốc Mỹ ngày càng ác liệt. Sáng ngày 6/10/1972, giặc Mỹ huy động máy bay ném 12 quả bom phá xuống khu vực các trường phổ thông cấp I, cấp II xã Trung Lương (huyện Định Hóa). Tiếp theo, vào lúc 14 giờ ngày 16/10/1972, máy bay giặc Mỹ ném nhiều loạt bom phá, bom bi, bom phát quang xuống khu vực Trường Phổ thông cấp I xã Tân Thịnh và vùng phụ cận, làm chết 15 người (trong đó có 2 giáo viên), bị thương 11 người (trong đó có 5 giáo viên); phá hủy 10 phòng học và 1 ngôi nhà tập thể của giáo viên. Tính chung trong những tháng cuối năm 1972, trên địa bàn Thái Nguyên, giặc Mỹ đã huy động máy bay đánh phá 11 trận vào các cơ sở giáo dục, phá hủy 66 phòng học, lớp học và nhà ở tập thể của giáo viên.

Vượt qua khó khăn, thách thức, nhiều trường phải sơ tán, phân tán. Riêng Trường Phổ thông cấp II xã Tích Lương (huyện Đồng Hỷ, nay thuộc thành phố Thái Nguyên) phải chuyển địa điểm sơ tán đến 3 lần. Mặc dù vậy, cán bộ, giáo viên, học sinh ngành học Phổ thông tỉnh Bắc Thái nói chung, địa bàn Thái Nguyên nói riêng đã kiên cường bám trường, bám lớp, giữ vững các hoạt động dạy và học.

Ngoài nhiệm vụ chỉ đạo công tác giảng dạy và học tập trong các nhà trường, ngành Giáo dục tỉnh tích cực động viên cán bộ, giáo viên, học sinh xung phong nhập ngũ, tham gia chiến đấu, phục vụ chiến đấu. Trong năm 1971, Ty Giáo dục tỉnh tiến hành 3 đợt tuyển quân, động viên được 85 cán bộ, công nhân viên, giáo viên

vào bộ đội đánh Mỹ (hoàn thành 85% chỉ tiêu quân số trên giao). Năm 1972, Ty Giáo dục tiếp tục thực hiện 2 đợt tuyển quân, động viên được 70 người vào bộ đội, hoàn thành 100% chỉ tiêu quân số trên giao⁽¹⁾.

Cán bộ, công nhân, giáo viên, học sinh ngành Giáo dục tỉnh đã có mặt chiến đấu, phục vụ chiến đấu ở khắp các chiến trường, góp phần cùng quân và dân ta làm nên *Trận Điện Biên Phủ trên không* trong 12 ngày đêm cuối tháng 12/1972. Đế quốc Mỹ buộc phải kí *Hiệp định Pari về chấm dứt chiến tranh, lập lại hoà bình ở Việt Nam* (27/1/1973), cam kết tôn trọng các quyền dân tộc cơ bản của nhân dân ta là độc lập, chủ quyền, thống nhất và toàn vẹn lãnh thổ.

Sau ngày *Hiệp định Pari* được kí kết, các trường từ nơi sơ tán lần lượt chuyển về địa điểm cũ, nhanh chóng ổn định việc dạy và học. Kết thúc năm học 1972 - 1973, tỉ lệ học sinh thi đỗ tốt nghiệp phổ thông cấp III trên địa bàn Thái Nguyên đạt từ 27% đến 84%. Trong đó, Trường Phổ thông cấp III huyện Định Hóa có tỉ lệ học sinh thi đỗ tốt nghiệp cao nhất tỉnh (84%); thấp nhất là Trường Phổ thông cấp III huyện Võ Nhai (27%). Toàn Ngành có 52 cơ sở giáo dục đạt danh hiệu *Đơn vị tiên tiến*; 49 cán bộ, giáo viên, công nhân viên đạt danh hiệu *Chiến sĩ thi đua*; 116 cán bộ, giáo viên, công nhân viên đạt danh hiệu *Lao động tiên tiến* 3 năm liền. Tổ Giáo viên khối (lớp) 4 Trường Phổ thông cấp I xã Thắng Lợi (huyện Phò Yên) và Trường Phổ thông cấp II xã Tích Lương (huyện Đồng Hỷ) được tặng danh hiệu *Tổ Lao động xã hội chủ nghĩa*. Trường Phổ

⁽¹⁾ Theo Hồ sơ số 01/T1 tổng kết động viên tuyển quân 1965 - 1975. Tài liệu lưu tại Bộ Chỉ huy quân sự tỉnh Thái Nguyên.

thông cấp II xã Tích Lương được Bộ Giáo dục tặng Bằng khen; Ủy ban Hành chính tỉnh tặng danh hiệu *Lá cờ đầu của ngành Giáo dục tỉnh*.

Năm học 1973 - 1974 là năm học đầu tiên được tiến hành trong hòa bình kể từ sau ngày kí kết Hiệp định Pari. Do đó, ngày 3/9/1973, Ban Thường vụ Tỉnh ủy ban hành Thông tri số 99-TTr/BT *Về việc khai giảng năm học 1973 - 1974*, yêu cầu ngành Giáo dục tỉnh phải “... phấn đấu nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện. Các cấp uỷ đảng, chính quyền và các cấp lãnh đạo giáo dục phải chỉ đạo các nhà trường đưa toàn bộ hoạt động trong trường vào nền nếp và có chất lượng ngay từ đầu năm học. Phải đẩy mạnh và mở rộng phong trào thi đua “Hai tốt”, học tập và làm theo các điển hình tiên tiến một cách chủ động và sáng tạo”⁽¹⁾.

Thực hiện Thông tri của Ban Thường vụ Tỉnh ủy, ngành Giáo dục tỉnh chỉ đạo hầu hết các trường phổ thông trong tỉnh tổ chức khai giảng năm học mới đúng ngày quy định, đảm bảo gọn nhẹ, có ý nghĩa thiết thực và gây được không khí phấn khởi, tự hào. Bước vào năm học, toàn tỉnh có 287 trường phổ thông cấp I, với 3.437 giáo viên; 154 trường phổ thông cấp II, với 1.584 giáo viên; 15 trường phổ thông cấp III, với 324 giáo viên. So với nhu cầu, toàn tỉnh còn thiếu 200 giáo viên cấp I và cấp II. Để khắc phục tình trạng này, Ty Giáo dục tham mưu và được Ủy ban Hành chính tỉnh đồng ý tiếp nhận đơn xin việc của giáo viên ngoài tỉnh, không điều động giáo viên sang làm các ngành khác; đồng thời cho số giáo sinh thi trượt tốt nghiệp đại học sư phạm xuống dạy cấp II và số giáo sinh thi trượt tốt nghiệp trường sư phạm 10+3 xuống dạy cấp I.

⁽¹⁾ Ban Thường vụ Tỉnh ủy Bắc Thái: *Thông tri Về việc khai giảng năm học 1973 - 1974 của ngành Giáo dục Bắc Thái*. Số 99-TTr/BT ngày 3/9/1973, tr. 2. Tài liệu lưu tại Phòng Lưu trữ - Văn phòng Tỉnh ủy Thái Nguyên.

Song song với việc chỉ đạo các trường thực hiện tốt nhiệm vụ năm học 1973 - 1974 theo yêu cầu của Bộ Giáo dục và của Ban Thường vụ Tỉnh ủy, ngành Giáo dục tỉnh đã hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ chi viện ngành Giáo dục trong vùng giải phóng cũng như việc động viên tuyển quân chi viện chiến trường miền Nam.

Thực hiện Quyết định số 162/QĐ ngày 10/3/1973 của Bộ Giáo dục, chưa đầy 2 tháng sau ngày Hiệp định Pari được kí kết, ngành Giáo dục tỉnh đã cử đồng chí Nguyễn Tiết Long (cán bộ Ty Giáo dục) và 3 giáo viên phổ thông cấp III chi viện cho ngành Giáo dục vùng giải phóng miền Nam. Tính chung từ năm 1961 đến năm 1973, ngành Giáo dục tỉnh Thái Nguyên lần lượt cử 27 cán bộ, giáo viên đi công tác tại các chiến trường B (miền Nam), C (Lào), K (Campuchia). Ban Cán sự Đảng và Ty Giáo dục tỉnh lãnh đạo, chỉ đạo Trường Sơ cấp Sư phạm tỉnh (đóng tại huyện Đại Từ) tiếp nhận và đào tạo 41 học viên Lớp Cán bộ giáo dục chi viện cho các tỉnh Tây Nguyên. Cũng trong năm 1973, Trường Trung cấp Sư phạm 10+3 đã động viên 15 giáo viên, giáo sinh nhập ngũ, lên đường vào chiến trường miền Nam đánh Mĩ, hoàn thành 100% chỉ tiêu quân số trên giao.

Nhân dịp kỉ niệm Ngày Quốc tế hiến chương các nhà giáo (20/11/1973), Lãnh đạo Tỉnh ủy, Ủy ban Hành chính tỉnh và Lãnh đạo Ty Giáo dục tổ chức thành các đoàn xuống thăm hỏi, động viên cán bộ, giáo viên, học sinh ở một số cơ sở và một số nhà trường. Việc làm đó thể hiện sự quan tâm sâu sắc, kịp thời của Tỉnh ủy, Ủy ban Hành chính tỉnh đối với ngành Giáo dục, truyền thêm sức mạnh cho cán bộ, giáo viên, công nhân viên và học sinh quyết tâm hoàn thành tốt nhiệm vụ năm học 1973 - 1974.

Phong trào thi đua *Hai tốt* tiếp tục được đẩy mạnh trong các nhà trường. Hoạt động dự giờ rút kinh nghiệm ở các tổ chuyên môn trong hầu hết các trường phổ thông và chuyên nghiệp được duy trì. Nhờ đó, chất lượng giáo dục của các trường được nâng lên. Kết quả kì thi tốt nghiệp phổ thông năm học 1973 - 1974 trong toàn tỉnh, cấp I đạt 91,6%, cấp II đạt 80,3%, cấp III đạt 63,4%. Trường Phổ thông cấp III huyện Phú Lương có tỉ lệ học sinh thi đỗ tốt nghiệp cao nhất tỉnh (đạt 95,22%, tăng 17,22% so với năm học trước). Đáng chú ý là Trường Phổ thông cấp III huyện Võ Nhai, từ 27% (năm học 1972 - 1973), đến năm học 1973 - 1974, số học sinh đỗ tốt nghiệp đã tăng vọt lên 95%. Trong kì thi tuyển sinh đại học năm học 1974 - 1975, toàn tỉnh có 163/1.281 thí sinh dự thi trúng tuyển vào các trường đại học trong và ngoài nước (12,72%). Riêng thành phố Thái Nguyên có 85/160 thí sinh dự thi trúng tuyển (53,12%), chiếm trên 52% số thí sinh toàn tỉnh trúng tuyển vào các trường đại học.

Cùng với ngành học Phổ thông, ngành học Bổ túc văn hóa tiếp tục được giữ vững, với tổng số 876 học viên vùng nông thôn và 3.778 học viên khối các cơ quan, công, nông, lâm trường, xí nghiệp. Ngành học Mẫu giáo và Võ lòng từng bước được mở rộng, phát triển. Tuy nhiên, số học sinh võ lòng lên lớp 1 đạt 75% (thấp hơn 5% so với chỉ tiêu của Ban Thường vụ Tỉnh ủy đề ra trong Chỉ thị số 22-CT/BT ngày 11/10/1972).

Đánh giá năm học 1973 - 1974, Lãnh đạo Ty Giáo dục khẳng định: Ngành Giáo dục tỉnh đã có một số chuyển biến rõ rệt về chất lượng đào tạo toàn diện, tiến thêm một bước trong việc nâng cao trình độ văn hóa, khoa học kĩ thuật cho nhân dân lao động và con em nhân dân các dân tộc trong tỉnh. Tuy nhiên, các ngành học, cấp

học chưa phát triển một cách cân đối và vững chắc. Ngành học Mẫu giáo và Võ lòng phát triển chậm cả về số lượng và chất lượng. Trong tỉnh còn nhiều xã trắng về trường, lớp mẫu giáo và võ lòng. Phong trào học tập bổ túc văn hóa chưa mạnh và chưa đều khắp; chưa phát huy được tác dụng của việc học tập bổ túc văn hóa vào lao động sản xuất⁽¹⁾.

Bước vào năm học 1974 - 1975, ngành Phổ thông tiếp tục phát triển mạnh, với số lượng học sinh các cấp tăng 12% so với năm học 1973 - 1974. Tuy nhiên, chất lượng giáo dục năm học này, có mặt giảm sút so với năm học trước. Kết thúc năm học 1974 - 1975, tỉ lệ học sinh thi đỗ tốt nghiệp phổ thông cấp I đạt 82,17%, cấp II đạt 73,06%, cấp III: 80,7%. So với năm học trước, tỉ lệ học sinh thi đỗ tốt nghiệp phổ thông cấp I giảm 9,43%, cấp II giảm 6,7%, cấp III tăng 17,3%. Trường Phổ thông cấp III công nghiệp thành phố Thái Nguyên là đơn vị dẫn đầu với tỉ lệ học sinh đỗ tốt nghiệp đạt 100%. Huyện Đồng Hỷ là đơn vị dẫn đầu các huyện trong tỉnh về kết quả học sinh phổ thông cấp II thi đỗ tốt nghiệp, với tỉ lệ 87%. Huyện Phổ Yên là đơn vị dẫn đầu các huyện trong toàn tỉnh về kết quả học sinh phổ thông cấp I thi đỗ tốt nghiệp, với tỉ lệ 93%.

Nguyên nhân dẫn đến sự giảm sút về chất lượng giáo dục trong năm học 1974 - 1975 là do “việc thực hiện đường lối giáo dục của Đảng chưa vững và thiếu toàn diện...”⁽²⁾. Những khuyết điểm, hạn chế của ngành Giáo dục tỉnh năm học 1974 - 1975 đã được Lãnh đạo

⁽¹⁾ Ty Giáo dục tỉnh Bắc Thái: *Báo cáo về tình hình kết quả năm học 1973 - 1974 và phương hướng, nhiệm vụ năm học 1974 - 1975*. Số 561/BC. Tài liệu lưu tại Trung tâm Lưu trữ Lịch sử thuộc Chi cục Lưu trữ - Sở Nội vụ tỉnh Thái Nguyên.

⁽²⁾ Ban Thường vụ Tỉnh ủy Bắc Thái: *Báo cáo Tình hình 6 tháng đầu năm 1975*. Số 09-BC/BT, ngày 15/7/1975, tr. 11. Tài liệu lưu tại Phòng Lưu trữ - Văn phòng Tỉnh ủy Thái Nguyên.

Ty Giáo dục nghiêm túc kiểm điểm, kịp thời đề ra các nội dung, biện pháp khắc phục trong các năm học tiếp theo.

Đầu năm 1975, yêu cầu dồn sức chi viện chiến trường miền Nam trở nên cấp bách hơn bao giờ hết. Với tinh thần *miền Nam gọi, miền Bắc trả lời*, ngành Giáo dục tỉnh đã động viên 59 cán bộ, giáo viên, công nhân viên các cơ quan, đơn vị trực thuộc vào bộ đội, hoàn thành 100% chỉ tiêu quân số trên giao, trở thành đơn vị dẫn đầu 10 ngành, đoàn thể khối cơ quan địa phương được giao nhiệm vụ tuyển quân những tháng đầu năm 1975⁽¹⁾. Sự chi viện kịp thời về nhân lực của ngành Giáo dục tỉnh đã góp phần cùng với quân và dân cả nước làm nên Đại thắng mùa Xuân 1975, giải phóng hoàn toàn miền Nam, thống nhất đất nước.

Đóng góp của cán bộ, giáo viên, công nhân viên ngành Giáo dục tỉnh vào thắng lợi vĩ đại của cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước đã được Đảng và Nhà nước ghi nhận, tặng thưởng 592 *Huân, Huy chương Kháng chiến chống Mỹ cứu nước* đợt đầu tiên. Trong đó có 45 *Huân chương Kháng chiến hạng Nhất*, 107 *Huân chương Kháng chiến hạng Nhì*, 192 *Huân chương Kháng chiến hạng Ba*, 122 *Huy chương Kháng chiến hạng Nhất*, 126 *Huy chương Kháng chiến hạng Nhì*⁽²⁾. Đó chính là nguồn động viên to lớn góp phần tăng thêm niềm tin và sức mạnh cho cán bộ, giáo viên, công nhân viên ngành Giáo dục tỉnh thi đua phấn đấu đạt nhiều thành tích trong sự nghiệp “trồng người”.

⁽¹⁾ Số người nhập ngũ của 10 đơn vị (ngành, đoàn thể) khối cơ quan địa phương như sau: Ty Y tế 8 người, ngành Ngoại thương 1 người, Ty Thương nghiệp 1 người, Tỉnh Đoàn 2 người, Ủy ban Nông nghiệp 48 người, Ty Lương thực 17 người, Ty Công nghiệp 7 người, Ty Giáo dục 59 người, Ty Lâm nghiệp 41 người, Ty Xây dựng 40 người.

⁽²⁾ Quyết định số 121/HĐBT ngày 19/4/1984 và Quyết định số 542/HĐBT ngày 3/10/1984 của Hội đồng Bộ trưởng; kèm theo Hướng dẫn số 42/KTBT ngày 24/10/1984 của Ban Thi đua - Khen thưởng tỉnh Bắc Thái.

Chương III

NGÀNH GIÁO DỤC TỈNH THỜI KÌ 1975 - 1996

I- Ngành Giáo dục tỉnh trong những năm trước khi thực hiện đường lối đổi mới đất nước (1975 - 1986)

Cuộc Tổng tiến công và nổi dậy Xuân 1975, với đỉnh cao là Chiến dịch Hồ Chí Minh lịch sử, đã kết thúc thắng lợi hoàn toàn sự nghiệp kháng chiến chống Mỹ, cứu nước kéo dài trên 20 năm. Nhân dân ta hân hoan bước sang một kỉ nguyên mới - kỉ nguyên độc lập, thống nhất và cả nước cùng đi lên chủ nghĩa xã hội. Trong niềm vui chung của cả nước, ngành Giáo dục Thái Nguyên bước vào năm học mới với không khí tươi vui, phấn khởi, tự hào.

Năm học 1975 - 1976, ngành Giáo dục Thái Nguyên có 7 loại hình trường: Trường Phổ thông (gồm 325 trường từ cấp I đến cấp III)⁽¹⁾; Trường Phổ thông dân tộc nội trú (gồm 4 trường đặt tại 4

⁽¹⁾ Theo Báo cáo 6 tháng đầu năm 1976 và Báo cáo Tổng kết năm 1976 của Ty Giáo dục (Hồ sơ số 2092, cặp 168, Trung tâm Lưu trữ Lịch sử thuộc Chi cục Lưu trữ - Sở Nội vụ tỉnh Thái Nguyên), năm học 1975 - 1976, riêng ngành học Phổ thông trên địa bàn Thái Nguyên như sau:

Cấp I	180 trường	2.549 lớp	2.664 giáo viên	83.463 học sinh
Cấp II	135 trường	1.106 lớp	1.707 giáo viên	47.738 học sinh
Cấp III	10 trường	136 lớp	269 giáo viên	6.990 học sinh
Cộng 3 cấp	325 trường	3.791 lớp	4.640 giáo viên	138.191 học sinh

huyện: Đại Từ, Định Hóa, Đông Hỷ, Phú Lương); Trường Thiếu nhi vùng cao tỉnh; Trường Bổ túc văn hóa cấp II, III (gồm 4 trường đặt tại huyện Phô Yên, Khu Gang thép, thành phố Thái Nguyên và huyện Đông Hỷ); Trường Bổ túc văn hóa cán bộ tỉnh; Trường Sư phạm bồi dưỡng và thanh toán bán cấp (đặt tại Đại Từ); Trường Sư phạm cấp I (đặt tại Đông Hỷ).

Theo sự chỉ đạo của Bộ Giáo dục⁽¹⁾, Ty Giáo dục chỉ đạo các phòng giáo dục, các nhà trường xúc tiến công tác chuẩn bị năm học mới. Theo đó, trong khoảng 1 tháng (từ đầu tháng 8 đến đầu tháng 9), cán bộ, giáo viên toàn Ngành tham dự các lớp bồi dưỡng hè (học chính trị, nhiệm vụ năm học, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ sư phạm). Cùng thời gian này, các nhà trường tổ chức san lấp hầm, hào; sửa chữa, làm thêm lớp học, nhà ở cho giáo viên; sửa chữa, đóng thêm bàn ghế... Nhờ sự tích cực của giáo viên, phụ huynh và học sinh, nên dù còn nhiều khó khăn, thiếu thốn, nhưng đại đa số các trường trong tỉnh đều kịp tổ chức năm học mới vào ngày 2/10/1975, theo chỉ đạo chung.

Ngày 22/9/1975, Thủ tướng Chính phủ kí Quyết định số 303-TTg: *Từ năm học 1975 - 1976 trở đi, Nhà nước không thu học phí của học sinh các lớp vỡ lòng và phổ thông các cấp I, cấp II và cấp III.* Điều đó thể hiện tính ưu việt của nền giáo dục xã hội chủ nghĩa, giảm bớt sự đóng góp của học sinh trong quá trình học tập, phù hợp với điều kiện khó khăn chung của đất nước vừa trải qua chiến tranh.

⁽¹⁾ Ngày 22/7/1975 Bộ Giáo dục ban hành Chỉ thị 16 quy định: Để chuẩn bị cho mỗi năm học mới, hằng năm giáo viên tập trung tại trường từ ngày 25/8; học sinh tập trung ở trường để học nội quy, học quân sự, các lớp nhỏ không học chương trình quân sự thì ôn tập văn hóa từ ngày 5 đến 13/9, chương trình học văn hóa của năm học mới từ 15/9; lễ khai giảng chung vào ngày 2/10; kết thúc năm học vào ngày 31/5.

Tiếp theo, ngày 19/1/1976, Phủ Thủ tướng ban hành Quyết định số 41-TTg, cấp kinh phí cho ngành Giáo dục xây dựng tủ sách dùng chung từ vỡ lòng đến cấp III.

Theo sự chỉ đạo của Ty và các phòng giáo dục, thực hiện nhiệm vụ năm học, các nhà trường tổ chức tốt các đợt sinh hoạt chính trị mừng Ngày Quốc tế hiến chương các nhà giáo (20/11), tìm hiểu về Đảng Lao động Việt Nam nhân dịp kỉ niệm thành lập Đảng (3/2), về phong trào phụ nữ nhân dịp Ngày Quốc tế phụ nữ (8/3), về Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh nhân dịp kỉ niệm Ngày thành lập Đoàn 26/3; học tập và tham gia bầu cử Quốc hội khóa VI (ngày 25/4/1976), mừng Ngày sinh Chủ tịch Hồ Chí Minh.

Phong trào thi đua *Dạy tốt, học tốt* được duy trì và đẩy mạnh trong suốt năm học. Nhiều trường phổ thông cấp III và trường sư phạm tổ chức tốt phong trào tự quản, hội giảng, hội thi sáng kiến, kinh nghiệm giảng dạy... Nhờ đó, chất lượng dạy và học được nâng lên. Các kì thi hết cấp của ngành học Phổ thông được tổ chức nghiêm túc.

Tuy nhiên, các ngành học phát triển không đều, không vững chắc. Các ngành: Phổ thông, Đào tạo, Bồi dưỡng phát triển tương đối khá. Ngành Bỏ túc văn hoá và Mẫu giáo phát triển chậm. Trong ngành học Phổ thông, các lớp vỡ lòng phát triển chậm⁽¹⁾. Phẩm chất đạo đức, tinh thần lao động, sức khoẻ của học sinh các cấp tương đối tốt, nhưng chất lượng văn hoá còn yếu; phần lớn học sinh đạt ở

⁽¹⁾ Theo Quyết định số 152-TTg, ngày 8/4/1976, các lớp vỡ lòng được chuyển vào ngành Giáo dục phổ thông cấp I. Năm học 1976 - 1977, có 450 giáo viên dạy lớp vỡ lòng trong tỉnh đủ tiêu chuẩn đã được tuyển dụng vào biên chế Nhà nước. Năm học 1977 - 1978, có 779 giáo viên mẫu giáo, vỡ lòng tiếp tục được tuyển vào biên chế Nhà nước.

mức trung bình; tỉ lệ học sinh khá và giỏi rất thấp, càng lên lớp trên, tỉ lệ học sinh học yếu càng tăng (cấp I: 11,6%, cấp II: 15%, cấp III: 25%). Ở các địa phương vùng cao, vùng sâu, một số thanh, thiếu niên còn mù chữ vì không có lớp học. Chất lượng đội ngũ cán bộ, giáo viên còn nhiều hạn chế, chưa đáp ứng được yêu cầu⁽¹⁾. Cơ sở vật chất của nhà trường quá thiếu, nhiều trường lớp còn làm tạm bợ, chưa đúng quy cách. Những khó khăn trên đã làm hạn chế đến chất lượng giáo dục toàn diện của ngành Giáo dục.

Bước sang năm học 1976 - 1977, ngành Giáo dục tỉnh tích cực chỉ đạo phấn đấu nhằm từng bước bảo đảm cân đối và vững chắc giữa các ngành học, cấp học và giữa các vùng trong tỉnh.

Với ngành học Phổ thông, tổng số học sinh tỉnh tăng hơn 5% so với năm học trước. Phong trào thi đua *Hai tốt*, học và làm theo gương các trường tiên tiến vẫn được đẩy mạnh. Chất lượng giáo dục toàn diện được nâng dần. Kết quả kì thi chuyển cấp năm học 1976 - 1977 đạt khá cao: Thi hết cấp II đạt 91,93%, cấp III đạt 80%. Một số trường có phong trào khá, tiêu biểu là các trường phổ thông: Cấp I Thắng Lợi, cấp III Lê Hồng Phong (Phổ Yên), cấp III Phú Bình, cấp III Lương Ngọc Quyến.

Loại hình trường thanh niên dân tộc vừa học vừa làm, trường cấp 3 phổ thông công nghiệp có nhiều khó khăn, lúng túng, quy mô trường còn nhỏ và tốc độ phát triển loại hình trường này rất chậm.

⁽¹⁾ Theo Báo cáo số 96 ngày 20/12/1976 của Ty Giáo dục: Chi tính riêng tổng số 88 cán bộ tại Ty Giáo dục: 30 đồng chí có trình độ văn hóa cấp II, 31 đồng chí trình độ văn hóa cấp III và 27 đồng chí được xếp ở ngạch Cán sự - Hồ sơ 2092, Cặp 168, Trung tâm Lưu trữ Lịch sử thuộc Chi cục Lưu trữ - Sở Nội vụ tỉnh Thái Nguyên.

Phong trào bổ túc văn hóa có tiến bộ, nhưng nhìn chung rất yếu, nhất là khu vực nông thôn. Kết thúc năm học 1976 - 1977, toàn tỉnh mới có 43 xã duy trì được phong trào bổ túc văn hóa, nhưng số người theo học còn ít.

Thực hiện Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Bắc Thái lần thứ II, từ năm học 1977 - 1978, Ty Giáo dục đã triển khai nhiều nội dung để mở rộng và nâng cao chất lượng hoạt động của ngành Giáo dục trong toàn tỉnh.

Trước tình hình khó khăn về cơ sở vật chất, về nguồn vốn đầu tư cho giáo dục, Ty Giáo dục đã chủ động tham mưu cho Ủy ban Nhân dân tỉnh chỉ đạo phân cấp đầu tư cho các địa phương. Theo đó, cấp tỉnh chỉ đạo xây dựng các trường sư phạm (cả đào tạo và bồi dưỡng), Trường Bổ túc văn hóa tập trung của tỉnh; cấp huyện phụ trách xây dựng các trường phổ thông cấp III, bổ túc văn hóa tập trung, trường dân tộc nội trú của huyện; cấp xã phụ trách xây dựng các trường phổ thông cấp I, II, các lớp mẫu giáo, vỡ lòng.

Theo sự chỉ đạo của Ty Giáo dục, các phòng giáo dục, các nhà trường đã tranh thủ sự lãnh đạo của cấp ủy, chính quyền cơ sở; tích cực tuyên truyền, vận động nhân dân đóng góp xây dựng trường lớp. Với phương châm dựa vào sức dân là chính, cùng với sự giúp đỡ của các cơ quan, đơn vị, xí nghiệp đóng trên địa bàn, giáo viên và học sinh tập trung xây dựng, tu sửa trường lớp, bàn ghế, bảo đảm cho việc giảng dạy, học tập. Kết quả, trong 3 năm (1976 - 1978), toàn Ngành đã huy động được 4.178.000 đồng (gồm 3.068.000 đồng do nhân dân đóng góp, chiếm 73,4% và 1.110.000 đồng do ngân sách Nhà nước cấp, chiếm 26,6%). Bằng nguồn kinh

phí này, cùng với hàng chục vạn ngày công lao động trực tiếp của phụ huynh, thầy giáo và học sinh, toàn Ngành đã xây dựng mới 1.162 phòng học; trong đó có 471 phòng kiên cố, bán kiên cố.

Trong công tác xây dựng cơ sở vật chất trường học, nhiều đơn vị có cách làm hay, sáng tạo. Huyện Phú Bình, trong 3 năm (1976 - 1978) xây dựng mới 152 phòng học, trong đó có 42 phòng được xây dựng kiên cố (bằng 34%). Xã Hợp Tiến (huyện Đồng Hỷ), một xã vùng sâu, chủ yếu là người Dao, phần khởi được mở trường; cấp ủy, chính quyền xã đã vận động nhân dân đóng góp xây dựng đủ phòng học khang trang, thoáng mát cho cả 2 trường cấp I và cấp II. Trường Phổ thông cấp II Thắng Lợi (huyện Phổ Yên) tự tổ chức nung gạch, đồng thời vận động công sức của nhân dân và các cơ quan, đơn vị đóng trên địa bàn, xây dựng toàn bộ các phòng học, thư viện, phòng thí nghiệm, nhà trẻ, nhà hiệu bộ... Đến cuối năm 1978, về cơ bản các trường trong tỉnh đã khắc phục được tình trạng học 3 ca trong ngày.

Nhờ sự cố gắng, tích cực của các cấp, các ngành, ngành học Phổ thông trong tỉnh phát triển khá mạnh về số lượng. Mạng lưới các trường phổ thông phát triển rộng khắp ở các vùng, 100% số xã đã xây dựng được trường phổ thông cấp I. Phong trào thi đua *Hai tốt* vẫn được duy trì, chất lượng 4 mặt giáo dục (đạo đức, văn hóa, lao động sản xuất và rèn luyện sức khỏe) được nâng lên đồng đều hơn. Nhiều điển hình tiên tiến xuất hiện, tiêu biểu là Trường Phổ thông cấp I - II Hùng Sơn (huyện Đại Từ) và Trường Phổ thông cấp III Lê Hồng Phong (huyện Phổ Yên).

Ở các huyện miền núi (Phú Lương, Định Hóa, Đại Từ, Võ Nhai), giao thông chưa phát triển, nên việc đi lại gặp nhiều khó khăn. Nhiều học sinh ở các xã xa đến học tại trường phổ thông cấp III ở các huyện nói trên phải trọ nhà dân; một số tự dựng lán trại để ở; một số góp tiền, công sức làm nhà để ở tập thể tại trường.

Hai trường Phổ thông vừa học vừa làm Quan Triều Thái Nguyên và Trại Cau tuy không thuộc diện trường miền núi, nhưng đây là 2 trường vừa học, vừa làm. Học sinh 2 trường này hoạt động theo công thức: 4+4+1+3 (4 giờ học trên lớp, 4 giờ lao động sản xuất tập thể, 1 giờ thể thao, văn nghệ, 3 giờ tự học buổi tối), nên không thể đi về nhà hằng ngày được.

Vào thời gian này, một số xã chưa đủ điều kiện mở trường phổ thông cấp II, nên học sinh phải đến xã khác để học. Mỗi xã trong tỉnh đã xây dựng được ít nhất 1 trường cấp I. Học sinh các lớp từ vỡ lòng đến lớp 2 được học tại các xóm, bản; các lớp 3, 4 học ở trung tâm xã. Một số xã địa bàn rộng, học sinh phải đi học xa gặp nhiều khó khăn, vất vả; nên có khi chỉ học đến lớp 2 rồi bỏ, nhất là số học sinh dân tộc ít người.

Từ thực trạng trên, để tạo điều kiện thuận lợi cho con em đồng bào các dân tộc theo học, phấn đấu phát triển ngành Giáo dục bảo đảm cân đối giữa các vùng, miền, theo đề nghị của Ty Giáo dục, ngày 12/10/1977, Ủy ban Nhân dân tỉnh ban hành Quyết định số 336-QĐ/BT về việc thành lập nội trú ở các trường phổ thông, theo phương châm: Nơi nào đủ điều kiện thì làm trước, nơi chưa đủ điều kiện thì làm sau, tránh làm ồ ạt.

Khó khăn lớn nhất của ngành Phổ thông là cơ sở vật chất và đội ngũ giáo viên chưa tăng kịp với tốc độ tăng số lượng học sinh. Việc phát triển các lớp mẫu giáo để tiếp nhận các cháu đến tuổi vào học vỡ lòng và việc tổ chức cho học sinh học hết lớp 7 không vào được lớp 8 còn là những vấn đề tồn tại rất lớn chưa được nghiên cứu giải quyết cơ bản. Chất lượng học văn hoá ở các cấp vẫn còn thấp, không vững vàng. Tỷ lệ học sinh thi đỗ tốt nghiệp cấp II, cấp III hằng năm liên tục giảm⁽¹⁾. Nguyên nhân chính của tình trạng này là do công tác chỉ đạo giảng dạy và học tập chưa tốt; phong trào thi đua *Hai tốt* mới chỉ có bề rộng, chưa có chiều sâu.

Sự chuyển biến rõ nhất trong các trường học là việc thực hiện phương châm giáo dục gắn với lao động sản xuất. Các nhà trường đều xây dựng kế hoạch lao động sản xuất gắn với các hoạt động lao động cụ thể ở từng địa phương. Lao động của giáo viên và học sinh đã đóng góp tích cực vào việc xây dựng cơ sở vật chất trường học. Giáo viên, học sinh các trường còn tích cực tham gia làm thủy lợi, giao thông, làm phân bón, gặt hái thu hoạch mùa màng giúp dân; trồng cây gây rừng, tăng gia tự túc lương thực, thực phẩm, thu nhặt giấy vụn. Mỗi năm, giáo viên và học sinh toàn tỉnh tham gia trồng hàng trăm ngàn gốc sắn, hàng chục ha lúa, ngô, khoai lang, hàng trăm ngàn cây lấy gỗ.

⁽¹⁾ Năm học 1977 - 1978, tỉ lệ đỗ tốt nghiệp cấp II: 91% , tỉ lệ đỗ tốt nghiệp cấp III: 80%
Năm học 1978 - 1979, tỉ lệ đỗ tốt nghiệp cấp II: 81% , tỉ lệ đỗ tốt nghiệp cấp III: 64,1%
Năm học 1979 - 1980, tỉ lệ đỗ tốt nghiệp cấp II: 67,2%, tỉ lệ đỗ tốt nghiệp cấp III: 51,9%

Trường Sư phạm 10+3 là đơn vị có nhiều cố gắng trong việc thực hiện nguyên lý giáo dục: *Học đi đôi với hành, học tập kết hợp với lao động sản xuất, giáo dục nhà trường gắn với các hoạt động xã hội*. Ban Giáo dục lao động do đồng chí Hiệu trưởng làm Trưởng ban. Học sinh các lớp trong Trường được tổ chức thành các đội chuyên. Đội chuyên về trồng lúa được tổ chức lao động ở xã Thịnh Đức; các đội chuyên về chăn nuôi (thỏ, cá), trồng chè, làm vườn địa sinh thái tại Trường Phổ thông cấp II xã Tân Cương. Tuy hiệu quả lao động sản xuất chưa cao, nhưng thông qua lao động sản xuất, tinh thần, ý thức, kỹ năng lao động của học sinh được hình thành và đó là cơ sở cho học sinh phát triển toàn diện.

Nhằm bảo đảm cho đội ngũ cán bộ quản lý và giáo viên được cập nhật kiến thức, hằng năm, ngành Giáo dục tỉnh đều tổ chức tốt chương trình bồi dưỡng trong dịp hè. Kết thúc mỗi năm học là lúc Ban Chỉ đạo hè các cấp được thành lập. Thành phần của Ban gồm lãnh đạo ngành Giáo dục, lãnh đạo Ủy ban Nhân dân, Đoàn Thanh niên và Công đoàn cùng cấp. Dưới sự chỉ đạo của Ban Chỉ đạo hè, việc học tập của cán bộ, giáo viên được tổ chức một cách nghiêm túc, chặt chẽ, bảo đảm chất lượng. Chương trình học tập, bồi dưỡng hè thường gắn với việc kiểm điểm, đánh giá, tổng kết năm học; biểu dương, khen thưởng các đơn vị và cá nhân tiên tiến; tổ chức đăng kí thi đua phấn đấu hoàn thành nhiệm vụ năm học tiếp theo.

Thực hiện sự chỉ đạo của Ban Giáo dục tỉnh, hằng năm Ty Giáo dục chỉ đạo và kết hợp với các ngành, các cơ quan, đơn vị xây dựng kế hoạch triển khai công tác bổ túc văn hóa trên địa bàn tỉnh, gồm: Xóa mù chữ cho các đối tượng trong độ tuổi, phổ cập giáo

dục cấp I cho nhân dân lao động, phổ cập cấp II cho cán bộ chủ chốt và thanh niên; củng cố, mở rộng các trường thanh niên dân tộc chuyển dần từ cấp II lên hệ cấp III vừa học vừa làm. Ty Giáo dục luôn tranh thủ sự giúp đỡ của cấp ủy, chính quyền cơ sở; phối hợp với tổ chức Công đoàn mở và duy trì lớp bồi túc văn hóa tại chức ở các cơ quan, xí nghiệp, công, nông trường; phối hợp với Đoàn Thanh niên và các trường cấp I, cấp II đẩy mạnh phong trào bồi túc văn hóa ở nông thôn, xây dựng đội ngũ cán bộ cốt cán, giáo viên chuyên trách, giáo viên kiêm nhiệm để thực hiện nhiệm vụ bồi túc văn hóa, triển khai chương trình *Ánh sáng văn hóa*.

Nhờ triển khai hàng loạt các biện pháp tích cực trên, công tác bồi túc văn hóa, xóa mù chữ, phổ cập cấp I cho toàn dân trong tỉnh được nâng cao thêm một bước. Nhiều cơ quan, đơn vị, xí nghiệp, nông trường đã chăm lo xây dựng, củng cố phong trào. Số giáo viên chuyên trách bồi túc văn hóa ở khu vực nông thôn từ 40 tăng lên 100 người. Nhiều trường phổ thông cấp I, cấp II có đóng góp tích cực cho phong trào bồi túc văn hóa ở địa phương.

Trong công tác bồi túc văn hóa, xóa mù chữ và phổ cập cấp I, nhiều đơn vị có thành tích nổi bật. Trong số đó, đáng chú ý là các đơn vị: Trường Thanh niên dân tộc huyện Đại Từ được đánh giá là đơn vị tiên tiến cấp tỉnh; xã Hà Thượng (huyện Đại Từ) đã hoàn thành chương trình phổ cập cấp I cho toàn dân; Mỏ sắt Trại Cau đã hoàn thành xóa mù chữ, phổ cập cấp I cho cán bộ, công nhân và phổ cập cấp II, III cho cán bộ lãnh đạo, cán bộ quản lý; Công ty Xây lắp II hoàn thành phổ cập cấp I toàn Công ty; Nông trường Sông Cầu hoàn thành phổ cập cấp I cho cán bộ, công nhân, viên chức...

Mặc dù đã đạt được một số kết quả, nhưng hoạt động của ngành Bộ túc văn hóa vẫn chưa có sự chuyển biến mạnh mẽ. Tỷ lệ học viên theo học các lớp bộ túc văn hóa (cả 3 cấp) mới đạt 70,4% kế hoạch. Phong trào không đều giữa các vùng, khu vực nông thôn còn yếu. Việc thanh toán mù chữ cho các đối tượng thuộc dân tộc ít người còn chậm và chưa vững chắc, nhất là ở vùng cao, vùng xa. Ngành Giáo dục tỉnh chưa xây dựng được đội ngũ giáo viên chuyên trách, đủ về số lượng, vững về chất lượng.

Nguyên nhân dẫn đến những hạn chế trên là do các cấp ủy đảng, chính quyền và đoàn thể chưa quan tâm đầy đủ đến công tác bộ túc văn hóa. Nhiều cán bộ, đảng viên và thanh niên ở cơ sở, nhất là ở nông thôn, chưa nhận thức đầy đủ về nghĩa vụ và quyền lợi học tập; do đó chưa quyết tâm khắc phục khó khăn để tham gia giảng dạy và học bộ túc văn hóa. Ty Giáo dục là cơ quan chuyên môn giúp Tỉnh ủy và Ủy ban Nhân dân tỉnh tổ chức thực hiện; phối hợp với các đoàn thể, nhất là Đoàn Thanh niên để giáo dục, vận động đoàn viên, thanh niên đi học, nhưng cũng chưa làm tốt nhiệm vụ của mình.

Cùng với việc chỉ đạo hoạt động dạy và học trong các nhà trường, Ty Giáo dục còn chủ động xây dựng kế hoạch, quy hoạch đội ngũ cán bộ, giáo viên của Ngành; xây dựng kế hoạch ổn định các hệ đào tạo, mở rộng quy mô đào tạo giáo viên theo chuẩn (giáo viên tốt nghiệp hệ 10+2 dạy cấp I, tốt nghiệp hệ 10+3 dạy cấp II). Thực hiện sự lãnh đạo, chỉ đạo của Tỉnh ủy và Ủy ban Nhân dân tỉnh, Ty Giáo dục rà soát, thống kê số lượng cán bộ cấp Trưởng, Phó ty và tương đương trong tỉnh cần được bồi dưỡng để nâng cao

trình độ văn hóa⁽¹⁾; đồng thời xây dựng kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng trong kế hoạch 5 năm (1976 - 1980) phổ cập trình độ cấp II, trong đó 50% tốt nghiệp cấp III. Để triển khai kế hoạch trên, Ty Giáo dục chỉ đạo duy trì 2 hình thức học tập: *Một là*, học tập trung tại Trường Bổ túc văn hóa tỉnh, thời gian 15 tháng cho một cấp học; *Hai là*, học tại chức buổi tối theo chương trình phổ cập với các cán bộ trên 45 tuổi.

Trước yêu cầu xây dựng và bảo vệ Tổ quốc trong tình hình mới, ngày 11/1/1979, Bộ Chính trị ban hành Nghị quyết số 14-NQ/TW *Về cải cách giáo dục* nhằm đạt 3 mục tiêu:

1- Làm tốt việc chăm sóc và giáo dục thế hệ trẻ ngay từ thuở ấu thơ cho đến lúc trưởng thành, nhằm tạo ra cơ sở ban đầu rất quan trọng của con người Việt Nam mới, người lao động làm chủ tập thể và phát triển toàn diện.

2- Thực hiện phổ cập giáo dục toàn dân, góp phần xây dựng quyền làm chủ tập thể của nhân dân lao động, tạo điều kiện thuận lợi cho việc tiến hành 3 cuộc cách mạng (cách mạng về quan hệ sản xuất, cách mạng về khoa học - kĩ thuật, cách mạng về tư tưởng - văn hóa), trong đó cách mạng về khoa học - kĩ thuật là then chốt.

3- Đào tạo và bồi dưỡng với quy mô ngày càng lớn đội ngũ lao động mới có phẩm chất chính trị và cách mạng, có trình độ khoa học kĩ thuật và quản lí phù hợp với yêu cầu phân công lao

⁽¹⁾ Theo thống kê của Ty Giáo dục: Đến tháng 10/1976, trong số cán bộ cấp từ Trường, Phó ty và tương đương trở lên trên địa bàn tỉnh: 8 cán bộ có trình độ văn hóa lớp 4; 17 cán bộ lớp 5; 10 cán bộ lớp 6; 59 cán bộ lớp 7; 12 cán bộ lớp 8; 2 cán bộ lớp 9; 34 cán bộ có trình độ từ lớp 10 trở lên. Xem Công văn số 1098, ngày 23/11/1976 của Ty Giáo dục gửi Ban Thường vụ Tỉnh ủy. Hồ sơ số 2095, cấp 168, lưu tại Trung tâm Lưu trữ Lịch sử thuộc Chi cục Lưu trữ - Sở Nội vụ tỉnh Thái Nguyên.

động trong nền sản xuất lớn xã hội chủ nghĩa; học đi đôi với hành, giáo dục kết hợp với lao động sản xuất, nhà trường gắn liền với xã hội.

Trong giai đoạn 1976 - 1980, Trường Bồi dưỡng cán bộ, giáo viên của tỉnh vừa làm tốt nhiệm vụ bồi dưỡng cán bộ quản lý giáo dục, vừa làm tốt nhiệm vụ bồi dưỡng hàng trăm giáo viên cấp I lên trình độ trung cấp sư phạm. Nhằm đáp ứng yêu cầu của nhiệm vụ cải cách giáo dục theo Quyết định số 241 của Hội đồng Bộ trưởng, được sự chỉ đạo của Ban Giáo dục Ủy ban Nhân dân tỉnh, từ năm 1980, Trường Bồi dưỡng cán bộ, giáo viên của tỉnh tập trung thực hiện nhiệm vụ bồi dưỡng cán bộ quản lý giáo dục toàn tỉnh, đẩy mạnh công tác nghiên cứu khoa học giáo dục, tổng kết những kinh nghiệm giáo dục của các địa phương phục vụ công tác quản lý của Nhà trường và phổ biến kinh nghiệm giáo dục tiên tiến trong toàn tỉnh.

Kết thúc giai đoạn 1975 - 1980, ngành Giáo dục Thái Nguyên đạt được nhiều kết quả quan trọng, nhưng cũng còn nhiều hạn chế, kém. Bước sang giai đoạn cách mạng mới, giai đoạn cùng cả nước khắc phục khó khăn, từng bước ổn định tình hình kinh tế - xã hội 5 năm (1981 - 1985), ngành Giáo dục tiếp tục phấn đấu vươn lên, hoàn thành nhiệm vụ dạy chữ, dạy người, góp phần thiết thực vào việc xây dựng con người mới xã hội chủ nghĩa, trước mắt là triển khai thắng lợi nhiệm vụ cải cách giáo dục theo sự chỉ đạo của Trung ương.

Ngày 18/7/1980, Ủy ban Cải cách giáo dục Trung ương ban hành quy định về hệ thống giáo dục phổ thông quốc gia, bao gồm

giáo dục phổ thông cơ sở 9 năm và giáo dục phổ thông trung học 3 năm, chương trình được bắt đầu thực hiện từ năm học 1981 - 1982.

Theo đó, các trường, các cơ quan chuyên môn trong hệ thống giáo dục cũng được đổi tên. Trường phổ thông cơ sở bao gồm các lớp từ vỡ lòng đến cấp II cũ. Trường phổ thông cấp III đổi thành trường phổ thông trung học. Trường thiếu nhi vùng cao đổi thành trường phổ thông cơ sở vùng cao. Trường phổ thông công nghiệp vừa học vừa làm đổi thành trường phổ thông trung học vừa học vừa làm. Ty Giáo dục đổi thành Sở Giáo dục; Phòng Giáo dục cấp I - II ở Ty đổi thành Phòng Phổ thông cơ sở, Phòng Phổ thông cấp III đổi thành Phòng Phổ thông trung học...

Quán triệt Nghị quyết số 14-NQ/TW ngày 11/1/1978 của Bộ Chính trị *Về cải cách giáo dục*, Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh lần thứ III (30/6 - 5/7/1980) xác định trong những năm tới: Cần đẩy mạnh phong trào thi đua *Hai tốt* nhằm nâng cao chất lượng dạy và học; đặc biệt chú trọng chất lượng văn hóa và đạo đức của học sinh; tích cực phát triển mẫu giáo ở tất cả các vùng có điều kiện; tổng kết các trường thanh niên dân tộc và trường trung học vừa vừa làm trên cơ sở kinh nghiệm tốt mà phát triển các trường này theo đúng hướng cải cách giáo dục của Đảng. Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh cũng nêu rõ: Cần đẩy mạnh phong trào bổ túc văn hóa và xóa nạn mù chữ, đặc biệt coi trọng đối tượng là cán bộ cơ sở và thanh niên; phát động mạnh mẽ phong trào toàn dân tham gia giáo dục đạo đức cho học sinh và tham gia xây dựng cơ sở vật chất cho nhà trường...

Tiếp đó, ngày 5/3/1981, Ban Thường vụ Tỉnh ủy tổ chức Hội nghị mở rộng triển khai thực hiện Nghị quyết 14 của Bộ Chính trị, Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ lần thứ III về cải cách giáo dục. Tham dự Hội nghị cùng với các đồng chí Ủy viên Ban Thường vụ Tỉnh ủy, có 3 đồng chí Phó Trưởng ty Giáo dục: La Văn Ngâm, Lương Đình Lũng và Bùi Điệp; Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy có đồng chí: Hà Đức Mạc và Đông Văn Liệu.

Sau khi nghe đồng chí La Văn Ngâm - thay mặt Ban Cán sự Ty Giáo dục, báo cáo tình hình phát triển giáo dục của tỉnh trong những năm 1976 - 1980 và đồng chí Lê Quảng - Ủy viên Ban Thường vụ, Trưởng ban Tuyên giáo Tỉnh ủy, báo cáo mục tiêu, phương hướng nhiệm vụ phát triển giáo dục của tỉnh trong 5 năm (1981 - 1985), Ban Thường vụ Tỉnh ủy đã thảo luận và kết luận các vấn đề về triển khai cải cách giáo dục trên địa bàn tỉnh. Cụ thể là: Sắp xếp lại hệ thống trường phổ thông theo quy định mới, sắp xếp lại hệ thống các trường sư phạm cho phù hợp với tình hình nhiệm vụ mới, giải thể trường thanh niên dân tộc ở các huyện.

Trên cơ sở nội dung kết luận của Hội nghị Ban Thường vụ mở rộng, ngày 24/3/1981, Ban Thường vụ Tỉnh ủy ban hành Nghị quyết số 06-NQ/BT *Về việc thực hiện Nghị quyết cải cách giáo dục số 14-NQ/TW*, nêu rõ mục tiêu, phương hướng, nhiệm vụ công tác giáo dục trong 5 năm (1981 - 1985). Theo đó, công tác giáo dục trong 5 năm tới phải quán triệt đầy đủ những mục tiêu của cải cách giáo dục là:

- Làm tốt việc chăm sóc và giáo dục thế hệ trẻ nhằm tạo ra cơ sở ban đầu cho việc giáo dục con người Việt Nam mới, phát triển toàn diện; con người lao động làm chủ tập thể, kế tục sự nghiệp cách mạng của nhân dân ta trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

- Thực hiện phổ cập giáo dục trong toàn dân, góp phần xây dựng quyền làm chủ tập thể của nhân dân lao động, tạo điều kiện thuận lợi cho việc tiến hành ba cuộc cách mạng.

- Đào tạo và bồi dưỡng với quy mô ngày càng lớn đội ngũ lao động mới, có phẩm chất chính trị và đạo đức cách mạng, có trình độ khoa học kỹ thuật và quản lý phù hợp với yêu cầu phân công lao động trong nền sản xuất lớn xã hội chủ nghĩa.

Để thực hiện những mục tiêu trên, phải nắm vững phương hướng và nội dung cải cách giáo dục, cấu tạo hệ thống giáo dục mới; xây dựng và phát triển đội ngũ giáo viên, cán bộ quản lý giáo dục, những biện pháp đảm bảo thực hiện cải cách giáo dục; tăng cường sự lãnh đạo của Đảng, sự quản lý của Nhà nước đối với công tác giáo dục. Mặt khác, phải động viên toàn dân tham gia cải cách giáo dục, làm cho công tác giáo dục thực sự trở thành sự nghiệp cách mạng của quần chúng, gắn chặt và phục vụ tốt nhiệm vụ xây dựng, phát triển kinh tế trong tình, bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa.

Cuộc vận động *Mỗi thầy, cô giáo là một tấm gương sáng cho học sinh noi theo* được triển khai trong toàn Ngành với 2 nội dung cơ bản: Giáo dục, rèn luyện phẩm chất của người giáo viên xã hội chủ nghĩa; giáo dục, rèn luyện năng lực giảng dạy, tích cực chủ động tham gia cuộc vận động cải cách giáo dục. Đa số giáo viên ý thức được nghĩa vụ, trách nhiệm, vượt qua khó khăn, bám trường

bám lớp. Nhiều giáo viên tự giác phấn đấu chấp hành nghiêm chế độ giảng dạy.

Tuy nhiên, cải cách giáo dục diễn ra trong điều kiện nền kinh tế đất nước gặp nhiều khó khăn gay gắt, nên phong trào chuyển biến chậm và không đều giữa các ngành học, cấp học, các vùng miền. Do tiền lương chậm, định lượng gạo sô bị cắt giảm, đời sống gia đình quá khó khăn, nên một số giáo viên phải làm thêm các việc khác (chạy chợ, buôn bán...) không phù hợp với công tác giáo dục. Không ít giáo viên chỉ còn một bộ quần áo lành để lên lớp; khó khăn, nhếch nhác, ảnh hưởng xấu đến tư thế, tác phong người thầy⁽¹⁾.

Số học sinh mỗi năm một tăng, trường lớp chủ yếu là nhà tranh vách đất, bàn ghế chất lượng thấp, rất mau chóng xuống cấp, nên mặc dù hàng năm các nhà trường đều cố gắng vận động nhân dân tu sửa và xây dựng trường sở, vẫn không đáp ứng đủ nhu cầu. Trong năm học 1981 - 1982, toàn tỉnh vẫn còn thiếu khoảng 1.000 phòng học và trên 5.000 bộ bàn ghế. Ở thành phố Thái Nguyên, nhiều trường tái diễn tình trạng học sinh phải học 3 ca/ngày.

Để khắc phục tình trạng trên, Ủy ban Nhân dân tỉnh đã chỉ đạo chặt chẽ việc triển khai từng bước cải cách giáo dục trong các ngành học, cấp học, các trường trực thuộc; đồng thời yêu cầu các ty, ban, ngành và chính quyền các cấp giải quyết kịp thời về tài chính, vật tư, thiết bị, biên chế... trong quá trình thực hiện cải cách giáo dục.

⁽¹⁾ Sở Giáo dục Bắc Thái: *Báo cáo Tổng kết năm học 1981 - 1982*. Số 463, ngày 13/6/1982. Tài liệu lưu tại hộp 272, Hồ sơ số 3339, Trung tâm Lưu trữ Lịch sử thuộc Chi cục Lưu trữ - Sở Nội vụ Thái Nguyên.

Thực hiện sự chỉ đạo của Ủy ban Nhân dân tỉnh, cấp ủy, chính quyền, các cơ quan, đoàn thể đã có những biện pháp, tổ chức cụ thể việc xây dựng cơ sở vật chất kỹ thuật cho ngành Giáo dục, trọng tâm là xây dựng trường lớp, đóng bàn ghế học sinh, chỗ ăn, ở cho giáo viên... Mục tiêu xây dựng *Trường ra trường, lớp ra lớp, thầy ra thầy, trò ra trò* được các trường phấn đấu thực hiện và đã đạt được một số kết quả nhất định. Đến cuối năm 1983, các huyện: Phổ Yên, Phú Bình và thành phố Thái Nguyên đã có trên 70% số trường được ngói hóa. Thông qua biện pháp cân đối lương thực, thực phẩm tại chợ, các địa phương đã góp phần giải quyết khó khăn về đời sống cho giáo viên.

Ngày 13/5/1985, Trường Phổ thông trung học kỹ thuật Khánh Hòa được thành lập. Với mô hình *Trường học nằm trong lòng xí nghiệp*, Nhà trường đã đáp ứng nhu cầu học tập của con em công nhân Mỏ than Khánh Hòa và địa bàn Mỏ đứng chân.

Ngành Giáo dục tỉnh tham mưu giúp cấp ủy, chính quyền các cấp tổ chức cho cán bộ, đảng viên và nhân dân trên địa bàn học tập nghị quyết của Bộ Chính trị, nhằm thống nhất nhận thức, xác định trách nhiệm đối với sự nghiệp giáo dục thế hệ trẻ, xây dựng kế hoạch triển khai cải cách giáo dục trong từng phạm vi công tác, trên cơ sở chức năng nhiệm vụ của cơ quan, đơn vị.

Công tác giáo dục đạo đức cách mạng trong các nhà trường tiếp tục được duy trì và đạt kết quả tốt. Thông qua những ngày lễ, ngày kỉ niệm lớn của đất nước, ngành Giáo dục chỉ đạo các đơn vị trực thuộc phát động thi đua. Phong trào thi đua *Hành quân theo bước chân những người anh hùng* và *Hành quân theo chân Bác*

được phát động trong các trường học dưới những hình thức phù hợp với tâm lí lứa tuổi, thu hút hàng vạn thanh niên, học sinh tham gia. Nét nổi bật của phong trào thi đua trong những năm này là được phát động ở tất cả các ngành học, cấp học, địa bàn. Sự mất cân đối trong phát triển giữa các ngành học, cấp học và giữa các vùng ngày một giảm.

Thực hiện nhiệm vụ chăm sóc, giáo dục thể hệ trẻ ngay từ lớp đầu cấp, các trường, lớp mẫu giáo tiếp tục được Ngành chỉ đạo duy trì, củng cố và phát triển. Số trẻ được huy động ra lớp luôn đạt và vượt chỉ tiêu kế hoạch. Các cơ sở mẫu giáo đã chú ý coi nội dung dạy trẻ là nhiệm vụ trung tâm, là mục tiêu phấn đấu. Các lớp có từ 30 cháu trở lên đã đưa sinh hoạt vào nề nếp, giúp trẻ phát triển toàn diện cả thể lực, trí tuệ và tình cảm. Kết quả chăm sóc, giáo dục ngày càng tốt hơn. Đến năm học 1983 - 1984, toàn tỉnh có 28 nhà trẻ đạt danh hiệu *Tổ Lao động xã hội chủ nghĩa*, 350 nhóm trẻ đạt danh hiệu *Nhóm trẻ tiên tiến*, 40 cô nuôi dạy trẻ đạt danh hiệu *Chiến sĩ thi đua*, 2.100 cô giáo đạt danh hiệu *Lao động tiên tiến*, 147 cô giáo được tặng danh hiệu *Cô nuôi dạy trẻ giỏi*.

Thực hiện chương trình cải cách giáo dục, năm học 1981 - 1982, 100% số trường phổ thông trong tỉnh đều tổ chức được lớp 1 cải cách. Các lớp này được ưu tiên về cơ sở vật chất và dạy theo chương trình mới. Những năm tiếp theo, Sở Giáo dục luôn chú trọng triển khai chương trình bồi dưỡng giáo viên thay sách cải cách giáo dục theo chỉ đạo chung của Bộ Giáo dục, bảo đảm chất lượng giảng dạy và học tập.

Để nâng cao chất lượng dạy và học, hằng năm bước vào năm học mới, các phòng, ban chuyên môn của Sở Giáo dục luôn kịp thời triển khai nội dung các mặt công tác. Trong các năm học, Sở đều chỉ đạo tổ chức thanh tra, kiểm tra, kịp thời nắm bắt điểm mạnh, điểm yếu của từng nhà trường, từng đơn vị; tổ chức các hội giảng, hội thi vẽ kỹ thuật, thi học sinh giỏi... Nhờ đó, chất lượng học tập của học sinh các cấp đều được nâng lên.

Trong năm học 1981 - 1982, kết quả thi tốt nghiệp cấp II đạt 90,64%, cấp III đạt 86,2%, bổ túc văn hóa cấp III đạt 72%. Sang năm học 1983 - 1984, tỉ lệ thi tốt nghiệp phổ thông cơ sở toàn tỉnh đạt 96%, phổ thông trung học đạt 86%. Trên đà phát triển, từ năm học 1984 - 1985, phong trào thi đua *Hai tốt* sôi nổi hơn, thực chất hơn. Số học sinh giỏi, học sinh tiên tiến ngày càng tăng; học sinh năng khiếu được chú ý bồi dưỡng, tạo điều kiện cho các em phát triển. Chuyển biến rõ nét trong giáo dục phổ thông thời gian này là đại đa số các trường đã thực sự gắn giáo dục với các mục tiêu kinh tế, xã hội và quốc phòng của địa phương. Trong năm học 1985 - 1986, toàn tỉnh có 2.448 học sinh hệ vừa học, vừa làm.

Quán triệt chủ trương giáo dục hướng nghiệp và sử dụng hợp lí học sinh các cấp phổ thông cơ sở, phổ thông trung học khi ra trường, Sở Giáo dục tham mưu cho Ủy ban Nhân dân tỉnh ban hành nghị quyết về công tác hướng nghiệp và thành lập Trung tâm Giáo dục kỹ thuật tổng hợp (tháng 6/1982). Trải qua hơn 3 năm hoạt động, đến cuối năm 1985, Trung tâm Giáo dục kỹ thuật tổng hợp đã tham gia dạy nghề cho hàng trăm giáo sinh Trường Sư phạm 10+3;

bồi dưỡng tay nghề cho giáo viên phục vụ nhiệm vụ giảng dạy kỹ thuật trong các nhà trường; giảng dạy và tổ chức thực hành các môn kỹ thuật (may, mộc, thêu, cơ khí, vô tuyến) cho hơn 6.000 học sinh phổ thông cơ sở và phổ thông trung học. Ngoài ra, Trung tâm còn tích cực tổ chức nghiên cứu khoa học, ứng dụng vào thực tiễn sản xuất giống nấm rơm, làm phân vi sinh, sản xuất bia sinh tố, nấu xà phòng...

Việc đẩy mạnh các hoạt động lao động sản xuất, hướng nghiệp, dạy nghề, giảng dạy kỹ thuật tổng hợp đã thực sự góp phần vào việc nâng cao chất lượng đào tạo người lao động mới xây dựng và bảo vệ Tổ quốc. Tuy nhiên, việc sử dụng học sinh tốt nghiệp phổ thông cơ sở và phổ thông trung học trong lao động sản xuất chưa đạt hiệu quả cao. Đa số học sinh tốt nghiệp chưa thể bắt tay ngay vào lao động trong các ngành kỹ thuật. Học sinh chưa áp dụng được kiến thức đã học ở nhà trường vào sản xuất nông nghiệp; việc gieo trồng, chăm bón cây, con chủ yếu vẫn theo kinh nghiệm truyền thống.

Trong 2 năm (1984 - 1985), hưởng ứng phong trào *Trồng cây nhớ Bác*, toàn Ngành đã trồng trên 500.000 cây xanh (trong đó, 90% cây lấy gỗ, 10% cây ăn quả); gieo ươm gần 1 tấn hạt giống cây tại các vườn ươm. Tiêu biểu là Trường Phổ thông trung học Lương Ngọc Quyến và Trường Phổ thông trung học các huyện: Định Hóa, Phú Bình, Phổ Yên. Ngoài trồng cây, một số trường còn tổ chức sản xuất gạch, vôi, thu nhặt phế liệu, khai thác nứa, vầu bán gậy quỳ; tăng gia, chăn nuôi cải thiện đời sống giáo viên và học sinh...

Mặc dù cán bộ, giáo viên toàn Ngành đã có nhiều cố gắng, nhưng do cải cách giáo dục diễn ra trong điều kiện nền kinh tế đất nước gặp nhiều khó khăn gay gắt, nên chưa đạt được yêu cầu *xoay chuyển nhà trường*. Một số trường vẫn chưa chuyển biến, sự phân hóa giữa các trường khá rõ nét. Chất lượng giảng dạy ở các lớp thay sách không đồng đều. Ở các lớp chưa thay sách, giáo viên dạy theo giáo án cũ từ nhiều năm trước. Một số kì thi tổ chức chưa nghiêm. Cơ sở vật chất nghèo nàn, trường lớp dột nát, bàn ghế đã thiếu lại không được bảo vệ, nên hằng năm hư hỏng rất nhiều. Năm học 1984 - 1985, riêng thành phố Thái Nguyên còn 60 lớp học ca trưa; sách giáo khoa và các tài liệu học tập khác thiếu nghiêm trọng. Đời sống của giáo viên rất khó khăn.

Cũng do điều kiện kinh tế khó khăn nên những năm 1981 - 1982, phong trào bỏ túc văn hóa và xóa mù chữ giảm sút nghiêm trọng. Số lượng người theo học các lớp bỏ túc văn hóa giảm dần, có lớp phải giải tán giữa kì. Theo thống kê của tỉnh, đến tháng 9/1983, trình độ văn hóa của cán bộ trong tỉnh rất thấp. Ở cấp huyện, 2% số cán bộ chủ chốt mới đạt trình độ cấp I, 10% chưa hết cấp II. Ở cấp xã và hợp tác xã, 30% số cán bộ chủ chốt đạt trình độ cấp I, 56% chưa hết cấp II. Nhiều người ở độ tuổi dưới 40 vẫn còn mù chữ và chưa có trình độ văn hóa cấp I⁽¹⁾. Tình hình này là một trở ngại lớn trong việc thực hiện đường lối, chủ trương, chính sách của Đảng, cũng như trong việc tiếp thu khoa học kĩ thuật để phát triển kinh tế, xã hội.

⁽¹⁾ *Chỉ thị của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về đẩy mạnh công tác bỏ túc văn hóa cho cán bộ, thanh niên ưu tú và xóa mù chữ, phổ cập văn hóa cấp I cho nhân dân lao động. Số 03a-CT/BT ngày 19/9/1983, tr. 1.*

Nhằm khắc phục tình trạng trên, ngày 19/9/1983, Ban Thường vụ Tỉnh ủy ban hành Chỉ thị số 03a-CT/BT, yêu cầu: Các cấp ủy đảng, chính quyền, các ngành, đoàn thể phải coi công tác bồi dưỡng văn hóa và xóa nạn mù chữ cho cán bộ, đảng viên, công nhân viên và nhân dân lao động là nhiệm vụ trung tâm của đơn vị mình; xác định cho mỗi người nhận rõ học tập là nghĩa vụ, là trách nhiệm của người công dân trong sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội và bảo vệ Tổ quốc; kiểm tra, đôn đốc, tạo điều kiện cho mọi người trong đơn vị được đi học để nâng cao trình độ văn hóa. Chỉ thị cũng nêu chỉ tiêu phấn đấu đến hết năm 1985, tất cả các cán bộ từ 45 tuổi trở xuống: 100% cán bộ chủ chốt của tỉnh học xong chương trình phổ thông trung học; 100% cán bộ chủ chốt cấp huyện học xong chương trình phổ thông cơ sở, trong đó 30% học xong chương trình phổ thông trung học; cán bộ chủ chốt của xã, phường, hợp tác xã đều học hết cấp I (lớp 4 cũ), trong đó có 20% học xong chương trình phổ thông cơ sở và 10% học xong chương trình phổ thông trung học. Cán bộ trẻ dưới 30 tuổi và thanh niên phấn đấu nhanh chóng học hết chương trình phổ thông trung học.

Có sự lãnh đạo của Tỉnh ủy, sự triển khai cụ thể của các cấp chính quyền và cơ quan chuyên môn nên đến hết năm học 1985 - 1986, 239 giáo viên *Ánh sáng văn hóa* kết hợp với giáo viên phổ thông toàn tỉnh đã xây dựng được phong trào học tập ở 150 điểm của 50 xã vùng sâu, vùng xa; tổ chức xóa mù chữ cho gần 50% số người trong độ tuổi ở 50 xã này; 1.418 cán bộ được nâng trình độ văn hóa tương đương cấp I cũ (lớp 4), 173 cán bộ, đảng viên ở cơ sở theo học cấp II. Riêng huyện Định Hóa và thành phố Thái

Nguyên đã phổ cập giáo dục cấp I và xóa mù chữ cho 100% số cán bộ xã, phường.

Tuy nhiên, phong trào bổ túc văn hóa, phổ cập giáo dục cấp I và xóa mù chữ vẫn chuyển biến chậm, không đều và không vững chắc. Kết quả huy động số người theo học, duy trì quân số trong thời gian học và thi cuối khóa đều không đạt kế hoạch đề ra. Nguyên nhân của hạn chế này là do trong các cấp ủy đảng, lãnh đạo các cấp, các ngành, các cơ sở sản xuất, kể cả ngành Giáo dục vẫn còn những đồng chí chưa nhận thức rõ tầm quan trọng và tính cấp thiết của công tác bổ túc văn hóa, phổ cập giáo dục và xóa mù chữ; chưa quan tâm lãnh đạo và chỉ đạo thực hiện đúng mức.

Nhằm nâng cao chất lượng đào tạo, bồi dưỡng giáo viên và cán bộ quản lý giáo dục, từ năm 1981 đến năm 1985, các trường sư phạm đã phấn đấu tạo những chuyển biến mới trong việc xây dựng nhà trường thực hiện mục tiêu cải cách giáo dục. Từ lãnh đạo, giáo viên đến học sinh các trường đều nghiêm túc học tập, quán triệt sâu sắc các chỉ thị, nghị quyết của Trung ương và địa phương. Các nhà trường cũng nhận thức rõ hơn về 3 nhiệm vụ: Đào tạo, bồi dưỡng và nghiên cứu khoa học; thấy rõ hơn tính cấp bách của việc xây dựng môi trường sư phạm, mối liên hệ chặt chẽ giữa các trường sư phạm với các trường phổ thông và xã hội. Do đó, nội dung đào tạo của các trường sư phạm ngày càng gắn với xã hội, gắn với giáo dục phổ thông, nhằm thực hiện tốt mục tiêu đào tạo của nhà trường phổ thông, phục vụ yêu cầu cải cách giáo dục, phát triển giáo dục. Hằng năm, các trường sư phạm đều phấn đấu đảm bảo chỉ tiêu đào tạo

theo vùng; bồi dưỡng chuẩn hóa cho đội ngũ giáo viên theo kế hoạch và bồi dưỡng kiến thức thay sách giáo khoa theo chương trình cải cách. Việc nghiên cứu khoa học đã bước đầu đi vào nề nếp. Trong 2 năm (1983 - 1984), Trường Sư phạm 10+3 đã tổ chức nghiên cứu 58 đề tài khoa học; trong đó có 5 đề tài được xếp loại A, 7 đề tài xếp loại B, 5 đề tài xếp loại C. Trường Sư phạm bồi dưỡng cán bộ quản lý tổ chức thực hiện 6 đề tài; kết quả 1 đề tài cấp tỉnh xếp loại A, 5 đề tài cấp trường được xếp loại B.

Kết thúc năm học 1984 - 1985, toàn Ngành có 48 đơn vị, nhà trường được công nhận *Đơn vị tiên tiến cấp tỉnh*; 94 đơn vị đạt danh hiệu *Tổ Lao động xã hội chủ nghĩa*, 210 cán bộ các cấp được tặng danh hiệu *Cán bộ quản lý giỏi*, 105 thầy, cô giáo đạt danh hiệu *Giáo viên dạy giỏi cấp tỉnh*. Ngành Giáo dục được Hội đồng Thi đua tỉnh xét và đề nghị Chủ tịch nước tặng *Huân chương Lao động hạng Nhì*, Trường Phổ thông trung học Phổ Yên được đề nghị tặng *Huân chương Lao động hạng Ba*.

Cùng với nhiệm vụ quan tâm đầu tư cho nội dung dạy và học ở các loại hình trường lớp đạt kết quả cao, việc bồi dưỡng, xây dựng đội ngũ giáo viên vừa hồng vừa chuyên cũng được chú trọng. Trong 6 năm (1980 - 1985), các cấp ủy đảng ngành Giáo dục tỉnh đã bồi dưỡng, kết nạp được 938 quần chúng ưu tú vào Đảng, góp phần thiết thực xây dựng con người mới xã hội chủ nghĩa, đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế, xã hội của địa phương.

Như vậy, trong hơn 10 năm kể từ sau ngày thống nhất đất nước (1975 - 1986), vượt qua mọi khó khăn, thiếu thốn của thời kì

bao cấp, ngành Giáo dục tỉnh đã phấn đấu giữ vững và từng bước nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện. Tuy còn nhiều hạn chế, yếu kém, nhưng những kết quả đạt được trong thời gian này đã tạo cơ sở cho toàn Ngành tiếp tục đạt nhiều kết quả khi bước vào thực hiện đường lối đổi mới.

II- Ngành Giáo dục tỉnh trong những năm thực hiện đường lối đổi mới đất nước (1986 - 1996)

Sau hơn 10 năm thực hiện cách mạng xã hội chủ nghĩa trong cả nước, nhân dân ta đã đạt được những thành tựu quan trọng trên các lĩnh vực, làm cải biến một phần cơ cấu của nền kinh tế - xã hội. Tuy nhiên, thời gian này đất nước ta đứng trước nhiều khó khăn, thách thức. Sai lầm về tổng điều chỉnh giá, lương, tiền cuối năm 1985 đã đưa nền kinh tế của đất nước đến những khó khăn mới. Nền kinh tế - xã hội nước ta lâm vào khủng hoảng trầm trọng.

Trong hoàn cảnh ấy, Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh lần thứ V được tổ chức (21 - 25/10/1986). Trên cơ sở đánh giá kết quả và hạn chế trong công tác lãnh đạo của Đảng bộ nhiệm kỳ 1983 - 1986, Đại hội thông qua phương hướng, nhiệm vụ và mục tiêu phấn đấu những năm tiếp theo.

Đối với sự nghiệp giáo dục, Đại hội nêu rõ: Phải chăm lo tốt hơn việc giáo dục trẻ em từ tuổi ấu thơ đến tuổi trưởng thành, mở rộng mạng lưới và nâng cao chất lượng nuôi dạy trẻ, mẫu giáo, nhất là ở nông thôn và miền núi. “*Trong 5 năm tới, phải từng bước nâng cao chất lượng giáo dục, gắn giáo dục với đào tạo cán bộ, công nhân kỹ thuật đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế địa phương. Thực hiện cải cách giáo dục đối với hệ phổ thông và dạy nghề. Đẩy*

mạnh giáo dục hướng nghiệp và giáo dục đạo đức cách mạng ở trong hệ thống các trường, mở rộng hình thức trường giáo dục kỹ thuật tổng hợp để thu hút số học sinh không đủ điều kiện vào học trường phổ thông trung học... Đẩy mạnh phong trào “Ánh sáng văn hóa” để đến 1990 phổ cập cấp I và từng bước phổ cập cấp II toàn tỉnh... Phần đầu 100% các trường phổ thông ở các huyện phía Nam và 50% các trường phổ thông ở các huyện phía Bắc được lọt ngói với phương châm” Nhà nước và nhân dân cùng làm ”... Quan tâm hơn nữa đến đời sống vật chất và tinh thần của các thầy cô giáo”⁽¹⁾.

Thực hiện Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ V, dưới sự lãnh đạo, chỉ đạo của Tỉnh ủy và Ủy ban Nhân dân tỉnh, ngày 10/12/1986, ngành Giáo dục ban hành Kế hoạch số 533 phát triển sự nghiệp giáo dục trong tỉnh 5 năm (1986 - 1990). Mục tiêu cơ bản được xác định trong bản Kế hoạch bao gồm các nội dung: 1- Tiếp tục phát triển cân đối, vững chắc các ngành học, cấp học phù hợp với khả năng phát triển kinh tế, xã hội của từng địa phương; 2- Tiếp tục phổ cập giáo dục cấp I cho thanh, thiếu niên, đẩy mạnh giáo dục cấp II, tiến tới phổ cập giáo dục cấp II cho cán bộ, thanh niên ưu tú; 3- Chuyển hẳn sang mô hình giáo dục mới (phổ thông - kỹ thuật tổng hợp - lao động sản xuất hướng nghiệp, chuẩn bị nghề và dạy nghề phổ thông cho học sinh); 4- Phát triển hệ thống giáo dục không chính quy gắn với các nhà máy, xí nghiệp, công, nông trường; 5- Tiếp tục huy động sức mạnh tổng hợp trong nhân dân đầu tư cơ sở vật chất cho giáo dục; 6- Củng cố các cơ sở đào

⁽¹⁾ Báo cáo Chính trị của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Bắc Thái tại Đại hội đại biểu Đảng bộ lần thứ V. Số 17/BC-BT, tr. 24.

tạo đội ngũ cán bộ quản lý giáo dục đủ, cân đối; 7- Triển khai mục tiêu nhiệm vụ giáo dục đào tạo giai đoạn 1986 - 1990.

Cùng với việc củng cố, tăng cường cơ sở vật chất cho các nhà trường hiện có, để đáp ứng nhu cầu học tập ngày càng cao của con em nhân dân trong tỉnh, Sở Giáo dục tham mưu cho Ủy ban Nhân dân tỉnh thành lập thêm một số trường phổ thông trung học. Theo đó, trong năm học 1985 - 1986, Phân hiệu Trường Phổ thông trung học Định Hoá ra đời tại xã Bình Yên, gồm 3 lớp 10 với 150 học sinh. Ngày 7/11/1987, Nhà trường được Ủy ban Nhân dân tỉnh quyết định nâng cấp thành Trường Phổ thông trung học Kỹ thuật Bình Yên. Ngày 5/7/1986, Trường Phổ thông trung học Sông Công được thành lập, đặt tại địa phận tổ 7, phường Thắng Lợi, thị xã Sông Công. Cũng trong năm 1986, Trường Phổ thông trung học kỹ thuật Phổ Yên được thành lập, đặt tại thị trấn Nông trường Bắc Sơn, huyện Phổ Yên. Khi mới thành lập, Nhà trường có 7 thầy, cô giáo, với 81 học sinh tiếp nhận từ Trường Phổ thông trung học Lê Hồng Phong. Những năm học sau, quy mô Nhà trường tăng dần lên, dao động từ 12 đến 15 lớp, với khoảng 700 - 750 học sinh.

Ngày 2/4/1985, Hội đồng Chính phủ ban hành Quyết định số 102/HĐBT cắt 7 xã (Tích Lương, Tân Cương, Phúc Trìu, Phúc Xuân, Thịnh Đán, Thịnh Đức, Phúc Hà) của huyện Đồng Hỷ sáp nhập vào thành phố Thái Nguyên. Từ đó, địa giới hành chính của huyện Đồng Hỷ hoàn toàn nằm về phía tả ngạn sông Cầu. Trường Phổ thông trung học Đồng Hỷ đóng tại xã Thịnh Đán đổi tên thành Trường Phổ thông trung học Ngô Quyền.

Ngày 8/8/1986, Ủy ban Nhân dân tỉnh ban hành Quyết định số 111, thành lập Trường Phổ thông trung học kỹ thuật Đồng Hỷ, đặt tại thị trấn Chùa Hang, huyện Đồng Hỷ. Năm học đầu tiên (1986 - 1987), Nhà trường tuyển sinh 4 lớp 10, học nhờ tại Trường Phổ thông trung học Lương Ngọc Quyến, do chưa kịp xây dựng cơ sở vật chất.

Nhằm tuyển chọn những học sinh tốt nghiệp trung học cơ sở trong tỉnh có năng khiếu, có kiến thức phổ thông trung học với chuyên môn sâu, có tiềm năng vững chắc để học tốt hơn ở bậc đại học và có năng lực tự học để trở thành những chuyên gia giỏi trong một lĩnh vực sau này, theo đề nghị của Sở Giáo dục, ngày 15/8/1988, Ủy ban Nhân dân tỉnh ban hành Quyết định số 408, mở trường năng khiếu và thành lập Trường Phổ thông trung học Năng khiếu, với quy mô 12 lớp. Trong năm học đầu tiên (1988 - 1989), Trường mở 4 lớp 10 (gồm 81 học sinh) với 4 môn chuyên: Toán, Lí, Văn và Nga văn.

Từ năm học 1986 - 1987, việc giáo dục chính trị, đạo đức cách mạng trong các nhà trường được chú trọng hơn. Đoàn Thanh niên, Đội Thiếu niên trong các trường học tiếp tục thi đua thực hiện các nội dung của cuộc vận động *Hành quân theo chân Bác*. Cán bộ, giáo viên các nhà trường tiếp tục thi đua rèn luyện, trở thành tấm gương sáng cho học sinh noi theo.

Để bảo đảm phát triển cân đối giữa các ngành học và chăm lo tốt hơn việc giáo dục trẻ em ngay từ tuổi thơ ấu đến tuổi trưởng thành, ngày 2/5/1987, Ban Thường vụ Tỉnh ủy ban hành Nghị quyết số 02-NQ/BT *Về việc sáp nhập Ủy ban Bảo vệ chăm sóc bà*

mẹ, trẻ em tỉnh vào Sở Giáo dục. Theo đó, Sở Giáo dục có trách nhiệm chăm lo và nuôi dạy trẻ từ tuổi sơ sinh cho đến khi trưởng thành (hết lớp 12); phần bảo vệ sức khoẻ của bà mẹ và trẻ em, sinh đẻ có kế hoạch do Sở Y tế đảm nhận.

Ngành Giáo dục tỉnh chỉ đạo các nhà trường tăng cường phối hợp với các địa phương vận động đưa các cháu đến tuổi đi học ra lớp. Nhờ đó, số học sinh đầu cấp I tăng đều hằng năm. Năm học 1986 - 1987, tăng 6% so với năm học trước. Ngành Bộ túc văn hóa phát triển khá ở các đối tượng là thanh niên và cán bộ chủ chốt. Phong trào xóa nạn mù chữ, phổ cập giáo dục cho người lớn tuổi tiếp tục chuyển biến tích cực. Ngành Sư phạm duy trì ổn định số lớp, số học sinh.

Thực hiện chủ trương cho phép giáo viên dạy học thêm ngoài thời gian chính khóa, hầu hết các trường phổ thông trung học trong tỉnh mở hệ B, vừa góp phần tăng thêm thu nhập cho giáo viên, vừa tạo điều kiện cho số học sinh không đủ điểm hệ chính khoá vào học. Đến cuối năm 1987, toàn tỉnh đã có 28 lớp hệ B, với tổng số hơn 1.300 học sinh.

Công tác quản lí, chỉ đạo chuyên môn ở các phòng giáo dục và trường phổ thông trung học được cải tiến từng bước. Nhiều đơn vị, nhà trường cải tiến nội dung, phương pháp giảng dạy, phương pháp chỉ đạo, quản lí; thực hiện giáo dục học sinh theo nguyên tắc, mục tiêu: *Dạy chữ - Dạy người - Dạy nghề*.

Tuy nhiên, chất lượng giảng dạy và học tập của các nhà trường trong thời gian này không cao và không ổn định. Kết quả thi

tốt nghiệp năm học 1986 - 1987: Phổ thông cơ sở đạt 87,2%, phổ thông trung học đạt 77,2%, bổ túc văn hóa đạt 84,7%, khối trường sư phạm đạt 91,1%. Kỳ thi tốt nghiệp năm học 1987 - 1988: Phổ thông cơ sở chỉ đạt 75%, phổ thông trung học 40,2%. Thậm chí, huyện Phú Bình chỉ có 5% học sinh thi đỗ tốt nghiệp phổ thông trung học.

Kết quả trên “... phản ánh tình hình dạy và học đang giảm sút và xuống cấp nghiêm trọng”⁽¹⁾. Nguyên nhân của tình trạng này trước hết là do cơ sở vật chất của các nhà trường quá thiếu thốn, đời sống của đội ngũ cán bộ làm công tác giáo dục rất khó khăn; nhiều thầy, cô giáo phải dành thời gian lo kinh tế gia đình, không thể toàn tâm, toàn ý với công tác giảng dạy...

Công tác giáo dục kỹ thuật tổng hợp, giáo dục lao động, hướng nghiệp, dạy nghề được các đơn vị triển khai có hiệu quả. Hầu hết các trường sư phạm, phổ thông trung học đã tự đóng gạch, nung vôi xây dựng trường lớp. Đặc biệt là công tác gieo ươm và trồng cây phủ xanh đất trống, đồi núi trọc được chú trọng. Riêng năm 1986, toàn ngành Giáo dục tỉnh đã trồng được trên 600.000 cây xanh các loại. Với kết quả này, Thái Nguyên là tỉnh được chọn báo cáo điển hình tại Hội nghị toàn quốc của ngành Giáo dục Việt Nam về phong trào trồng cây.

Tiếp tục thực hiện nhiệm vụ cải cách giáo dục, hằng năm Sở Giáo dục đều tham mưu, chỉ đạo thành lập các hội đồng, lựa chọn cán bộ, giáo viên tham dự các lớp bồi dưỡng kiến thức trong sách

⁽¹⁾ Báo cáo công tác lãnh đạo và chỉ đạo của Tỉnh ủy 6 tháng đầu năm 1988. Số 22-BC/BT, ngày 12/8/1988, tr. 8.

giáo khoa mới theo yêu cầu. Yêu cầu bồi dưỡng thay sách giáo khoa cải cách đòi hỏi các thầy, cô giáo phải đầu tư nhiều thời gian nghiên cứu cả nội dung và phương pháp giảng dạy. Tuy nhiên, việc bồi dưỡng thay sách cải cách được tiến hành vào lúc đời sống khó khăn gay gắt, nhiều gia đình giáo viên phải chạy ăn hằng ngày, nên cả người dạy và người học đều bị phân tâm, phân tán về thời gian, không đủ điều kiện nghiên cứu chuyên sâu. Do đó, chất lượng bồi dưỡng thay sách các năm nhìn chung đều thấp. Kết quả kiểm tra 3.358 cán bộ, giáo viên dự bồi dưỡng thay sách lớp 6 năm học 1987 - 1988, chỉ có 238 người (7%) đạt loại A, 573 người (17,06%) đạt loại B, 2.508 người (74,68%) đạt loại C, và còn 39 người (1,1%) không đạt yêu cầu.

Bước vào năm học 1989 - 1990, nhằm phát huy những kết quả đã đạt được, khắc phục những tồn tại, yếu kém trong nhiều năm trước, Sở Giáo dục chỉ đạo triển khai phong trào *Đổi mới thi đua, làm theo lời Bác - dạy thật tốt, học thật tốt* do Bộ Giáo dục và Công đoàn ngành Giáo dục Việt Nam phát động, với 4 nội dung cụ thể: 1- Dạy thật tốt, 2- Học thật tốt, 3- Tăng cường cơ sở vật chất cho các nhà trường, 4- Kết hợp giáo dục với lao động sản xuất làm ra nhiều của cải...

Đề phong trào thi đua trở thành động lực, có tác dụng thiết thực đối với việc thực hiện nhiệm vụ năm học, Sở chỉ đạo các đơn vị triển khai thi đua cần coi trọng chất lượng, tránh phô trương, hình thức, thiếu trung thực; phải đảm bảo nâng cao chất lượng giáo dục theo yêu cầu: *Dạy thật tốt, học thật tốt*. Vì vậy, hệ thống thanh tra toàn Ngành được củng cố. Các đơn vị, các nhà trường đều có

Ban Thanh tra giám sát công tác giáo dục. Các hội nghị tập huấn về công tác thanh tra được tổ chức. Các hoạt động thanh tra, kiểm tra được duy trì thường xuyên trong suốt các năm học. Theo sự chỉ đạo của Sở Giáo dục, các nhà trường vừa tăng cường củng cố nền nếp giảng dạy và học tập, vừa cải tiến sinh hoạt chuyên môn, tiếp tục tổ chức các hội thi, hội giảng, dự giờ, thăm lớp...

Từ học kì II của năm học 1989 - 1990, Sở Giáo dục chỉ đạo đưa Tin học vào giảng dạy trong nhà trường phổ thông, bắt đầu từ lớp 10. Nhằm góp phần giáo dục cho học sinh truyền thống tốt đẹp, thấy được những thuận lợi, khó khăn về điều kiện tự nhiên, xã hội của quê hương, tháng 4/1990, Sở Giáo dục triển khai biên soạn chương trình “phần mềm” nội dung 3 môn học: Địa lí Bắc Thái, Lịch sử Bắc Thái và Kỹ thuật nông nghiệp Bắc Thái phục vụ giảng dạy và học tập ở 3 lớp cuối của các trường phổ thông cơ sở.

Chấp hành chủ trương của Bộ Giáo dục, từ đầu năm 1988, ngành Giáo dục tỉnh chỉ đạo việc tách trường phổ thông cơ sở thành 2 loại trường: Trường phổ thông tiểu học và trường phổ thông trung học sơ sở. Dù gặp khó khăn về cơ sở vật chất hết sức nghèo nàn và thiếu giáo viên (do lương thấp, đời sống khó khăn, nhiều giáo viên đã bỏ nghề), nhưng với quyết tâm của Sở, sự cố gắng, đồng lòng của các địa phương, kết thúc năm học 1988 - 1989, toàn Ngành đã tách được 34 trường; đồng thời từng bước thực hiện việc đưa lớp 1 về các làng, bản. Ngày 31/12/1990, Ủy ban Nhân dân tỉnh ban hành Quyết định số 163, chuyển 6 trường phổ thông trung học do các huyện: Đồng Hỷ, Định Hóa, Phổ Yên, Phú Lương, Đại Từ và thị xã Sông Công quản lí, về Sở Giáo dục và Đào tạo quản lí.

Để thực hiện một cách khoa học, bài bản, hiệu quả những nội dung mà Ngành gặp nhiều khó khăn thời kì trước, ngày 29/5/1990, Sở Giáo dục ban hành Đề án triển khai 3 chương trình giáo dục gồm: Chương trình xóa mù chữ và phổ cập giáo dục cấp I, Chương trình chống xuống cấp trường học và Chương trình hỗ trợ giáo dục miền núi.

Nhờ cố gắng triển khai công tác chuyên môn thông qua các phong trào thi đua và triển khai Đề án giáo dục, trong năm học 1989 - 1990, ngành Giáo dục tỉnh thu được nhiều kết quả. Toàn Ngành đã tổ chức kiểm tra đánh giá, phân loại giáo viên lần 2. Để khắc phục tình trạng thiếu giáo viên tiểu học (do tăng số lượng học sinh và yêu cầu phổ cập giáo dục), năm học 1989 - 1990, ngành Giáo dục tỉnh triển khai bồi dưỡng phương pháp giảng dạy cho 500 giáo viên trung học cơ sở và trung học phổ thông chuyên về dạy tiểu học. Cũng trong năm học này, Lãnh đạo Ngành mở lớp bồi dưỡng thay sách lớp 10 cho 800 giáo viên trung học phổ thông; mở chiến dịch xóa mù chữ và phổ cập giáo dục cho trên 3.000 người. Phong trào phổ cập giáo dục cấp I phát triển mạnh ở thành phố Thái Nguyên, thị xã Sông Công và các huyện: Đồng Hỷ, Phổ Yên, Phú Bình.

Một kết quả quan trọng của ngành Giáo dục tỉnh trong năm học 1989 - 1990 là hình thành được lớp chọn, trường chuyên ở các cấp học tại các huyện và thành lập Trường Phổ thông cơ sở năng khiếu thành phố Thái Nguyên. Các hoạt động giảng dạy, học tập, thể dục thể thao, văn nghệ hưởng ứng đợt sinh hoạt chính trị trong năm 1990, hướng tới kỉ niệm 100 năm Ngày sinh Chủ tịch Hồ Chí

Minh diễn ra sôi nổi, rộng khắp. Chương trình giáo dục dân số, pháp luật và vệ sinh học đường được đưa vào giảng dạy trong các nhà trường. Đội tuyển thi học sinh giỏi toàn quốc của tỉnh gồm 12 em đều đoạt từ giải Khuyến khích tới giải Nhất. Đội văn nghệ học sinh của tỉnh tham gia dự thi giọng hát hay học sinh phổ thông trung học toàn quốc đoạt giải Xuất sắc, được Ban Tổ chức giải tặng Bằng khen. Các chương trình nghiên cứu khoa học, nhất là nghiên cứu, điều chỉnh cải cách giáo dục tiếp tục được triển khai. Công tác giáo dục hướng nghiệp tiếp tục được đẩy mạnh. Ngoài hoạt động chuyên môn (giảng dạy và học tập), ngành Giáo dục tỉnh còn tham gia các hoạt động xã hội ở địa phương. Riêng đợt hưởng ứng tham gia trồng cây theo *Chương trình PAM*, toàn Ngành đã gieo ươm được 14.000.000 cây con giống; trồng được 1.700.000 cây xanh các loại.

Năm 1990 là năm có nhiều ngày lễ kỉ niệm lớn ở trong nước: 60 năm Ngày thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam; 15 năm Ngày giải phóng hoàn toàn miền Nam, thống nhất đất nước; 100 năm Ngày sinh Chủ tịch Hồ Chí Minh; 45 năm Ngày thành lập nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa (nay là nước Cộng hòa Xã hội chủ nghĩa Việt Nam)...

Đối với ngành Giáo dục cả nước nói chung và tỉnh Bắc Thái nói riêng, năm 1990 có những sự kiện quan trọng đánh dấu một chặng đường phát triển mới. Đây là năm Chính phủ quyết định thành lập Bộ Giáo dục và Đào tạo trên cơ sở sáp nhập Bộ Giáo dục, Bộ Đại học - Trung học chuyên nghiệp và Dạy nghề. Bộ Giáo

dục và Đào tạo quản lý thống nhất hệ thống giáo dục quốc dân từ mầm non đến giáo dục đại học và sau đại học. GS.TS Trần Hồng Quân được bầu giữ chức Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo. Tháng 10/1990, Ban Giáo dục chuyên nghiệp tỉnh⁽¹⁾ được sáp nhập vào Sở Giáo dục. Từ thời điểm này, Sở Giáo dục được đổi tên thành Sở Giáo dục và Đào tạo.

Trong hoàn cảnh chung của đất nước với những khó khăn, yếu kém nhiều mặt của những năm đầu thực hiện công cuộc đổi mới, ngành Giáo dục tỉnh nói chung, từng thầy, cô giáo nói riêng đã kiên định mục tiêu giáo dục xã hội chủ nghĩa, kiên trì phấn đấu vượt qua khó khăn, trở ngại, hoàn thành nhiệm vụ dạy chữ - dạy người - dạy nghề cho các thế hệ học sinh. Kết quả đạt được so với mục tiêu đặt ra còn thấp, nhưng ý chí, trách nhiệm, tinh thần vượt khó của đội ngũ cán bộ quản lý và giáo viên là cơ sở để ngành Giáo dục phấn đấu hoàn thành nhiệm vụ trong giai đoạn mới.

Sau hơn 10 năm thực hiện cải cách, vị trí, vai trò của giáo dục ngày càng được khẳng định. Đại hội đại biểu toàn quốc của Đảng lần thứ VII (6/1991) xác định: Giáo dục - đào tạo cùng với khoa học và công nghệ là quốc sách hàng đầu..., là một động lực mạnh mẽ để phát triển kinh tế, hiện đại hóa đất nước.

Để tiếp tục mở rộng quy mô, nâng cao chất lượng và hiệu quả của hệ thống giáo dục quốc dân trên địa bàn tỉnh, trong năm học 1992 - 1993, ngành Giáo dục tỉnh tiếp tục chỉ đạo tách 73 trường phổ thông cơ sở thành trường phổ thông tiểu học và phổ

⁽¹⁾ Ban Giáo dục chuyên nghiệp tỉnh được thành lập tháng 7/1984, do các đồng chí: Lương Đình Lũng làm Trưởng ban và Long Thị Minh Hòa làm Phó ban.

thông trung học cơ sở. Sau khi tách, một số trường phổ thông trung học cơ sở có quy mô nhỏ được hợp nhất thành trường phổ thông trung học cơ sở liên xã (tại thị xã Sông Công), hoặc thành lập trường trung học phổ thông cấp II - III. Đó là các trường: Trung học phổ thông cấp II - III Bắc Sơn huyện Phổ Yên, Trung học phổ thông cấp II - III Bản Ngoại huyện Đại Từ, Trung học phổ thông cấp II - III Bình Yên huyện Định Hóa, Trung học phổ thông cấp II - III Võ Nai, Trung học phổ thông cấp II - III Trại Cau huyện Đồng Hỷ.

Như vậy, tính đến cuối năm 1993, hệ thống giáo dục trong tỉnh đã được sắp xếp lại và thực hiện quản lý thống nhất theo ngành về tổ chức, biên chế và tài chính. Điều này không chỉ có tác dụng quan trọng trong công tác quản lý, mà cả trong việc củng cố, xây dựng cơ sở vật chất, nâng cao chất lượng dạy và học. 1.545 giáo viên phổ thông trung học dôi dư được bồi dưỡng phương pháp giảng dạy và chuyển về dạy bậc Tiểu học. Sở cũng đã tham mưu giải quyết chế độ nghỉ một lần cho 478 giáo viên. Bộ máy quản lý từ Sở đến các nhà trường được kiện toàn. Sau khi sắp xếp lại, đa số giáo viên đều yên tâm công tác, phấn đấu hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao. Số giáo viên được cử đi bổ túc các chương trình tin học, ngoại ngữ... trở về trường, đáp ứng được yêu cầu nâng cao chất lượng dạy học.

Nhờ sắp xếp lại hệ thống, tăng cường thêm cơ sở vật chất nên ngành Giáo dục phổ thông có chuyển biến tích cực. Bình quân mỗi năm trong thời kì 1991 - 1995, tỉ lệ huy động học sinh trong độ tuổi đến lớp đạt 83,1% (trong đó tiểu học 96%, trung học cơ sở 80%,

phổ thông trung học và trung học chuyên ban 76%). Số học sinh bỏ học giảm dần. Tổng số học sinh toàn tỉnh năm 1995 tăng so với năm học trước 10.840 em)⁽¹⁾. Chất lượng giảng dạy, học tập nhìn chung được nâng lên. Các kì thi tốt nghiệp phổ thông các cấp hàng năm đều đạt kết quả khá. Cùng với giảng dạy về văn hóa, chương trình bồi dưỡng giảng dạy chính trị, đạo đức, giáo dục công dân, giáo dục sức khỏe, giáo dục pháp luật, y tế học đường, rèn luyện thể chất, quốc phòng... đạt kết quả tốt.

Do điều kiện khó khăn của đất nước, tài liệu, dụng cụ phục vụ cho giảng dạy và học tập nói chung, sách giáo khoa nói riêng luôn luôn khan hiếm. Bình quân từ 2 đến 3 học sinh mới có một bộ sách giáo khoa hoàn chỉnh. Hằng năm, ngành Giáo dục luôn phải chỉ đạo sát sao việc phân phối sao cho công bằng, đồng thời có chính sách ưu tiên hợp lí cho các trường vùng sâu, vùng xa. Thiếu sách giáo khoa là một trong những nguyên nhân dẫn đến chất lượng học tập của học sinh không cao. Sự chênh lệch kiến thức giữa học sinh miền núi với học sinh miền xuôi còn khá lớn.

Đầu năm học 1995 - 1996, khi có chương trình tài trợ của Chính phủ, Ủy ban Nhân dân tỉnh đã chỉ đạo Sở Giáo dục và Đào tạo phối hợp chặt chẽ với Sở Văn hóa - Thông tin, Công ty phát hành sách của tỉnh và Ủy ban Nhân dân các huyện, thành, thị tổ chức tốt việc tiếp nhận 162.000 đầu sách với 245.186 bản sách đưa

⁽¹⁾ Năm học 1991 - 1992 tổng số học sinh toàn tỉnh giảm 18% so với năm học trước. Riêng cấp 1 giảm 26%). Năm học 1992 - 1993, tổng số học sinh tăng 7% so với năm học 1991 - 1992. Năm học 1993 - 1994, tăng 8,76% so với năm 1992 - 1993 (Theo Báo cáo tổng kết các năm 1992, 1993, 1994, 1995 và Báo cáo chính trị của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Bắc Thái tại Đại hội đại biểu Đảng bộ lần thứ VII, ngày 5/5/1996).

về các trường tiểu học, trung học cơ sở vùng cao, phục vụ kịp thời năm học mới.

Tiếp tục triển khai công tác phổ cập tiểu học, chống mù chữ, hằng năm, ngành Giáo dục thống nhất chỉ đạo các địa phương, các nhà trường tổ chức rà soát, phân loại, sắp xếp các đối tượng theo lứa tuổi, trình độ văn hóa, điều kiện gia đình... để bố trí các lớp học, giờ học cho phù hợp. Kết quả, trong 5 năm (1991 - 1996), các địa phương, đơn vị trên địa bàn Thái Nguyên huy động được 17.745 người từ 6 đến 35 tuổi ra lớp, trong đó trên 8.500 người được công nhận thoát mù chữ. Việc chi trả phụ cấp cho giáo viên phổ cập, xóa mù chữ được kịp thời; nhờ đó phong trào được duy trì đều và hiệu quả hơn.

Việc xây dựng cơ sở vật chất, trang thiết bị trường học được chú trọng. Đến cuối năm 1995, trên 60% số phòng học trong toàn tỉnh đã được xây dựng kiên cố, bán kiên cố. Phương tiện phục vụ dạy và học được tăng cường, toàn Ngành đã trang bị gần 200 máy vi tính cho các trường phổ thông trung học. Phong trào học ngoại ngữ, tin học phát triển nhanh trong các cơ quan, các trường chuyên nghiệp, trường phổ thông. Đến tháng 12/1995, “*Bắc Thái là tỉnh thứ 14 trong cả nước đã được Bộ Giáo dục và Đào tạo công nhận đạt tiêu chuẩn Quốc gia về phổ cập giáo dục tiểu học và chống mù chữ*”⁽¹⁾.

Thực hiện *Luật Phổ cập giáo dục tiểu học* và *Luật Bảo vệ, chăm sóc và giáo dục trẻ em*, từ năm học 1995 - 1996, ngành Giáo

⁽¹⁾ Dẫn theo: *Báo cáo chính trị của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Bắc Thái tại Đại hội đại biểu Đảng bộ lần thứ VII*, ngày 5/5/1996. Bản đánh máy, tr. 6.

dục đã tham mưu cho Ủy ban Nhân dân tỉnh tổ chức tốt cuộc vận động ngày *Toàn dân đưa trẻ đến trường* vào ngày khai giảng năm học mới (5/9 hằng năm). Từ đó trở đi, ngày khai giảng năm học mới trở thành ngày hội lớn của đồng bào các dân tộc trong tỉnh đưa trẻ đến trường. Đây cũng là động lực để nhân dân các dân tộc trong tỉnh sát cánh cùng ngành Giáo dục từng bước phấn đấu để không còn trẻ em thất học, không còn người mù chữ⁽¹⁾.

Triển khai chương trình giáo dục lồng ghép của ngành học Mầm non, với sự tài trợ của tổ chức UNICEF⁽²⁾, năm 1991, ngành Giáo dục tỉnh chỉ đạo mở các lớp bồi dưỡng tập huấn nội dung, chương trình cho cán bộ, giáo viên, nhân viên y tế về phương pháp triển khai chương trình VAC, các chuyên đề về dinh dưỡng, sức khỏe, vệ sinh môi trường. Thông qua đợt tập huấn, cán bộ, giáo viên các trường nhận thức được ý nghĩa to lớn của chương trình giáo dục lồng ghép đối với ngành học Mầm non, nâng cao kiến thức, nội dung, phương pháp chăm sóc trẻ em.

Việc đào tạo mũi nhọn tại các trường chuyên, lớp chọn ở tỉnh và một số huyện tiếp tục được chú trọng đầu tư. Số học sinh ở loại hình trường, lớp này hằng năm đều tăng, chất lượng dạy và học ngày càng cao. Số học sinh tham gia các kì thi học sinh giỏi cấp quốc gia đoạt giải năm sau cao hơn năm trước và luôn được xếp

⁽¹⁾ Tính đến năm 1996, trên địa bàn Thái Nguyên có 1.982 trẻ em từ 6 đến 11 tuổi chưa được huy động ra lớp và còn mù chữ (Theo Báo cáo số 652, ngày 8/8/1996 của Sở Giáo dục - Hồ sơ số 8080, hộp 634, Trung tâm Lưu trữ lịch sử - Sở Nội vụ tỉnh Thái Nguyên).

⁽²⁾ UNICEF là tổ chức quốc tế đi đầu trong lĩnh vực thúc đẩy và bảo vệ quyền trẻ em trên toàn thế giới. UNICEF tại Việt Nam thuộc hệ thống các tổ chức Liên hợp quốc, được định hướng bởi Công ước của Liên hợp quốc về Quyền trẻ em. Việt Nam là quốc gia đầu tiên ở châu Á và là nước thứ hai trên thế giới phê chuẩn Công ước Liên hợp quốc về Quyền trẻ em vào năm 1990.

loại khá so với các địa phương khác trong khu vực. Năm học 1995 - 1996, 280 học sinh phổ thông trung học thi học sinh giỏi cấp tỉnh đoạt các giải: Nhất, Nhì, Ba; 28 học sinh thi học sinh giỏi toàn quốc đều đoạt giải.

Là một tỉnh miền núi, tiềm lực kinh tế không cao, dân cư phân bố không đều, tuy có nhiều trường đại học, cao đẳng đóng trên địa bàn, nhưng hằng năm số học sinh là con em đồng bào các dân tộc trong tỉnh trúng tuyển vào các hệ đào tạo chính quy thường thấp. Để khắc phục tình trạng này, tiếp tục mở rộng quy mô, nâng cao chất lượng và hiệu quả của hệ thống giáo dục quốc dân, thực hiện đa dạng hóa các hình thức đào tạo chính quy và không chính quy, theo tinh thần Quyết định số 225 ngày 31/6/1991 của Bộ Giáo dục và Đào tạo, ngoài hệ thống các loại trường công lập, từ năm 1992, các trung tâm hướng nghiệp - dạy nghề trực thuộc Sở Giáo dục và Đào tạo trên địa bàn tỉnh từng bước hình thành⁽¹⁾. Đây là những cơ sở giáo dục không chính quy, đào tạo bổ sung, đào tạo lại, bồi dưỡng thường xuyên cho đội ngũ cán bộ khoa học kỹ thuật, cán bộ quản lý giáo dục và giáo viên ngành Giáo dục trong tỉnh; đồng thời đào tạo kỹ thuật các ngành nghề khác, góp phần tạo nguồn nhân lực chất lượng cao phục vụ sự nghiệp phát triển kinh tế, xã hội trên địa bàn tỉnh. Đến năm 1995, hệ thống giáo dục thường xuyên được củng cố, kiện toàn theo cơ cấu mới của hệ thống giáo dục quốc dân. Mục tiêu đào tạo ngày càng được xác định rõ: Đào tạo theo yêu cầu

⁽¹⁾ Hệ thống Trung tâm Hướng nghiệp - Dạy nghề, Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp, Trung tâm Giáo dục thường xuyên sau được sáp nhập thành Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp - Giáo dục thường xuyên.

của ngành Giáo dục; đào tạo nâng cao theo yêu cầu của các ngành khác (Tài chính, Kế toán, Quản lý kinh tế, Luật, Báo chí), đào tạo theo yêu cầu của xã hội (các lớp ngoại ngữ, tin học, chủ tài khoản...). Cùng với các trung tâm hướng nghiệp - dạy nghề, Sở Giáo dục và Đào tạo tiếp tục tham mưu cho Ủy ban Nhân dân tỉnh chỉ đạo mở các trường dân lập, bán công và các lớp hệ B của ngành học Phổ thông nhằm thỏa mãn yêu cầu phổ cập, nâng cao trình độ văn hóa, đào tạo nghề cho thanh niên. Tuy nhiên, do khó khăn về kinh tế nên mảng công tác này triển khai chậm, hiệu quả không cao.

Thực hiện chỉ đạo của Ban Chỉ đạo Hội khỏe Phù Đổng Trung ương, nhằm tiếp tục đẩy mạnh phong trào rèn luyện thân thể trong học sinh nhà trường phổ thông thông qua các hoạt động luyện tập và thi đấu thể thao, năm học 1991 - 1992, ngành Giáo dục tỉnh chỉ đạo các địa phương tổ chức Hội khỏe Phù Đổng từ cơ sở. Được cấp ủy, chính quyền các địa phương quan tâm giúp đỡ, các nhà trường chủ động tích cực phối hợp với Đoàn Thanh niên và Phòng Văn hóa tổ chức cho học sinh luyện tập thi đấu. Nhìn chung, hình thức và nội dung thi đấu trong Hội khỏe Phù Đổng cấp trường phong phú và có chiều sâu, gắn được các môn thể thao dân tộc, các trò chơi dân gian, các hoạt động văn hóa của địa phương vào hội thi, lôi cuốn đông đảo học sinh tham gia.

Trên cơ sở phong trào luyện tập, thi đấu ở các nhà trường, từ ngày 24 đến ngày 28/4/1992, Hội khỏe Phù Đổng lần thứ 3 của tỉnh được tổ chức. Từ kết quả thi đấu cấp tỉnh, Sở Giáo dục và Đào tạo đã lựa chọn 19 vận động viên tham gia Hội khỏe Phù Đổng toàn quốc với các môn: Điền kinh, bóng ném, đấu vật và cờ vua. Thông

qua việc tổ chức Hội khỏe Phù Đổng các cấp, phong trào luyện tập và thi đấu thể thao trong các nhà trường được đẩy mạnh và đi vào thực chất, góp phần thiết thực thúc đẩy phong trào rèn luyện thể chất cho học sinh.

Công tác nghiên cứu khoa học trong giai đoạn này tiếp tục được đẩy mạnh. Đến năm 1995, 2 đề tài cấp tỉnh, 5 đề tài cấp ngành, hàng trăm đề tài cấp cơ sở của ngành Giáo dục tỉnh đã được nghiệm thu. Một số nhà trường đã ứng dụng kết quả nghiên cứu của các đề tài vào ươm gieo giống chè, sản xuất phân vi lượng bón cho cây chè, trồng cây theo *Chương trình PAM*. Nổi bật là các trường phổ thông trung học: Sông Công, Đại Từ, Định Hóa và thành phố Thái Nguyên.

Công tác xây dựng Đảng trong các trường học tiếp tục được triển khai theo Chỉ thị số 16-CT/TW ngày 10/8/1977 của Ban Bí thư Trung ương Đảng. Tuy nhiên, so với yêu cầu đổi mới của cải cách giáo dục, công tác Đảng trong hệ thống các trường phổ thông và đội ngũ giáo viên còn bộc lộ một số mặt hạn chế. Trước những biến động to lớn của tình hình chính trị thế giới và trong nước, một bộ phận giáo viên giảm sút lòng tin vào đường lối chính sách của Đảng và Nhà nước. Ý thức, trách nhiệm với nghề, đạo đức, tác phong người thầy giáo xã hội chủ nghĩa chưa được coi trọng đúng mức. Số lượng đảng viên trong đội ngũ giáo viên ngày càng giảm. Một số trường phổ thông ở khu vực vùng cao, vùng xa xôi hẻo lánh chưa có đảng viên, hoặc chỉ có 1 - 2 đảng viên, chưa thành lập được chi bộ; có giáo viên là đảng viên, nhưng chưa nêu cao vai trò tiên phong, gương mẫu⁽¹⁾.

⁽¹⁾ *Chỉ thị của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về việc tăng cường công tác đảng viên trong các trường phổ thông. Số 27-CT/TU, ngày 30/12/1989, tr. 1.*

Nhằm khắc phục tình trạng trên, thực hiện Chỉ thị số 27 ngày 30/12/1989 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về việc tăng cường công tác đảng viên trong các trường phổ thông, từ năm học 1990 - 1991, ngành Giáo dục tỉnh đã từng bước bố trí, sắp xếp đội ngũ giáo viên là đảng viên cho các ngành học, cấp học trên địa bàn, để trường nào cũng có đảng viên, tiến tới có chi bộ trực thuộc đảng bộ cơ sở. Từ Sở đến các phòng giáo dục và đào tạo huyện, thành, thị đều bám sát sự lãnh đạo của cấp ủy, tranh thủ sự giúp đỡ của các cơ quan chuyên môn; phân công cán bộ theo dõi giúp các nhà trường triển khai công tác xây dựng Đảng. Các trường có chi bộ đã dùng quy chế làm việc giữa cấp ủy và Hiệu trưởng, vừa bảo đảm sự lãnh đạo của chi bộ, vừa nêu cao vai trò thủ trưởng của Hiệu trưởng nhà trường.

Hàng năm, các cấp ủy cơ sở đều có hướng dẫn nội dung, nhiệm vụ chính trị, mở lớp bồi dưỡng cho cán bộ làm công tác Đảng và tổ chức việc học tập nghị quyết của Đảng cho đảng viên; phân đấu mỗi thầy, cô giáo là đảng viên trở thành báo cáo viên trong các đợt học tập nghị quyết của Đảng và Nhà nước. Từng chi bộ trường học căn cứ vào quy định của *Điều lệ Đảng* và sự chỉ đạo của cấp trên, xác định rõ nhiệm vụ, chế độ công tác, nội dung sinh hoạt, học tập, lao động.

Để làm tốt công tác phát triển Đảng, trên cơ sở hoạt động của Đoàn Thanh niên và Công đoàn nhà trường, cấp ủy phát hiện những giáo viên tích cực, tiêu biểu cho phong trào để tuyên truyền, giáo dục, giúp đỡ họ phấn đấu vào Đảng. Nhờ đó, số cán bộ, giáo viên được kết nạp vào Đảng ngày càng nhiều, Riêng năm học 1995 - 1996, có 263 cán bộ và giáo viên được kết nạp vào Đảng, đưa tổng

số đảng viên toàn ngành Giáo dục tỉnh lên 3.010 đồng chí, bằng 20,63% tổng số cán bộ, công chức toàn Ngành.

Tóm lại, trong hơn 20 năm (1975 - 1996), dưới sự lãnh đạo, chỉ đạo của Tỉnh ủy và Ủy ban Nhân dân tỉnh, ngành Giáo dục tỉnh đã vượt qua khó khăn, trở ngại, đạt nhiều kết quả quan trọng, Đặc biệt, từ khi thực hiện đường lối đổi mới do Đảng ta khởi xướng và lãnh đạo, cùng với toàn Ngành, ngành Giáo dục tỉnh có nhiều chuyển biến tích cực, không chỉ về quy mô và các loại hình trường lớp, mà cả về chất lượng giáo dục.

Với những thành tích xuất sắc, nhân dịp kỉ niệm 50 năm nền giáo dục cách mạng ra đời (1945 - 1995), ngành Giáo dục tỉnh Bắc Thái vinh dự được Đảng và Nhà nước tặng thưởng *Huân Chương Lao động hạng Nhì*; trên 1.000 cán bộ, giáo viên được tặng thưởng *Huy chương Vì sự nghiệp giáo dục*. Đây là nguồn động viên to lớn về chính trị tinh thần để toàn Ngành tiếp tục phấn đấu đạt nhiều thành tựu trong sự nghiệp giáo dục - đào tạo trên chặng đường mới.

Chương IV

NGÀNH GIÁO DỤC TỈNH THỜI KÌ 1996 - 2015

I- Ngành Giáo dục tỉnh trong những năm đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước (1996 - 2005)

Từ năm 1996, sau 10 năm thực hiện đường lối đổi mới theo tinh thần Nghị quyết Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ VI (12/1986) và lần thứ VII (6/1991), đất nước ta đã thoát khỏi khủng hoảng về kinh tế - xã hội, bắt đầu chuyển sang thời kì đẩy mạnh công nghiệp hoá, hiện đại hoá. Quan hệ giữa nước ta với các nước trên thế giới được mở rộng, đưa đến những thời cơ lớn, nhưng cũng đứng trước những thách thức lớn.

Trong bối cảnh ấy, ngày 6/11/1996, tại kì họp lần thứ 10, Quốc hội (khoá IX) nước Cộng hoà Xã hội chủ nghĩa Việt Nam ra nghị quyết chia tách và điều chỉnh địa giới một số tỉnh trong cả nước. Tỉnh Bắc Thái được tách thành hai tỉnh: Bắc Kạn và Thái Nguyên, có địa giới như trước khi hợp nhất (7/1965), hoạt động theo đơn vị hành chính mới kể từ ngày 1/1/1997. Từ thời điểm này, tỉnh Thái Nguyên - sau 31 năm sáp nhập với tỉnh Bắc Kạn thành tỉnh Bắc Thái - đã được lập lại, gồm 9 đơn vị hành chính trực thuộc, với 177 xã, phường, thị trấn (trong đó có 16 xã vùng cao, 110 xã, thị trấn miền núi, chiếm 71,18%).

Sau ngày tái lập tỉnh, ngành Giáo dục tỉnh Thái Nguyên có nhiều thuận lợi, nhưng cũng gặp không ít khó khăn. Các xã miền

núi, vùng cao chưa có đường giao thông thuận tiện; học sinh đi học chủ yếu là đi bộ theo đường mòn, vượt núi, vượt sông, suối. Học sinh các vùng nông thôn, miền núi, vùng sâu, vùng xa không đủ tiền mua tài liệu học tập. Cơ sở trường, lớp nhiều nơi còn tạm bợ, 30% số trường, lớp làm bằng tranh, tre, nứa, lá; số phòng học cấp 4 nhiều nơi đã xuống cấp. Thư viện, bảng đen, bàn ghế học sinh chưa thực sự đáp ứng yêu cầu của cải cách giáo dục. Đời sống của cán bộ, giáo viên toàn Ngành, đặc biệt là giáo viên ngành học Mầm non, rất thiếu thốn; tiền lương thực tế chỉ đạt 65 - 68% so với tiền lương danh nghĩa.

Ngoài những khó khăn trên, ngành Giáo dục tỉnh còn gặp khó khăn về nhân sự do chuyển 16 cán bộ quản lý lên Bắc Kạn⁽¹⁾ sau ngày chia tách tỉnh. Trong điều kiện ấy, Ngành nhanh chóng kiện toàn bộ máy tổ chức, đặc biệt là cán bộ quản lý và chỉ đạo của cơ quan Sở, đưa mọi hoạt động đi vào thế ổn định. Vào thời điểm này, Ban Giám đốc Sở gồm 3 đồng chí và 8 phòng, ban chuyên môn: Giáo dục mầm non, Tiểu học (bao gồm cả Bộ túc văn hóa), Phổ thông Trung học (gồm cấp II và cấp III), Giáo dục chuyên nghiệp, Thanh tra nhân dân, Kế hoạch - Tài vụ (bao gồm cả Tổ Xây dựng cơ bản), Tổng hợp - Hành chính, Tổ chức cán bộ. Hệ thống tổ chức Đảng trong Ngành cũng được củng cố và mở rộng. Tính đến cuối tháng 5/1997, ngành Giáo dục tỉnh có 29 đảng bộ các trường trung học chuyên nghiệp và dạy nghề, phổ thông trung học trực thuộc các huyện, thành, thị uỷ; 207 chi bộ ở các trường trung học cơ sở, tiểu

⁽¹⁾ Tỉnh uỷ Thái Nguyên: *Báo cáo tháng 1/1997*. Số 01/BC-TU, ngày 28/1/1997, tr. 5.

học và mầm non trực thuộc Đảng bộ các xã, phường, thị trấn⁽¹⁾. Tại các trường phổ thông, số đảng viên chiếm 17% so với tổng số cán bộ, giáo viên⁽²⁾.

Ngày 25/8/1997, Ủy ban Nhân dân tỉnh ban hành Chỉ thị số 17/CT-UB *Về nhiệm vụ năm học 1997 - 1998*, yêu cầu các cấp ủy đảng, chính quyền, ngành Giáo dục và các thầy, cô giáo phải coi trọng khâu chỉ đạo đối với tất cả các cấp học, bậc học, ngành học về các mặt giáo dục, kể cả việc thực hiện đa dạng hóa các hình thức đào tạo. Chỉ thị của Ủy ban Nhân dân tỉnh cũng nêu rõ cần chú ý đến giáo dục trên 4 mặt: Giáo dục đạo đức, giáo dục văn hóa, giáo dục thể chất và giáo dục dạy nghề; trong đó, giáo dục đạo đức và giáo dục dạy nghề phải được chú ý nhiều hơn.

Năm học 1997 - 1998 là năm học đầu tiên toàn Ngành triển khai học tập và thực hiện Nghị quyết Hội nghị lần thứ 2 (24/12/1996) của Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khóa VIII) *Về định hướng chiến lược phát triển giáo dục - đào tạo trong thời kì công nghiệp hóa, hiện đại hóa và nhiệm vụ đến năm 2000*, bảo đảm giáo dục toàn diện. Vào đầu năm học, từ ngày 23 đến ngày 27/9/1997, Sở Giáo dục và Đào tạo tổ chức lớp tập huấn cán bộ quản lý toàn Ngành nhằm nâng cao hơn nữa vai trò, trách nhiệm, nhận thức của cán bộ quản lý với việc thực hiện Nghị quyết Trung ương 2.

Thực hiện Quyết định số 2196/QĐ-UB ngày 1/9/1997 của Ủy ban Nhân dân tỉnh *Về việc chuyển đổi mô hình trường chuyên cấp II*, ngành Giáo dục tỉnh không mở loại hình trường chuyên, lớp

(1), (2) *Nghị quyết của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về xây dựng và củng cố tổ chức Đảng trong Giáo dục - Đào tạo đến năm 2000*. Số 02-NQ/TU, ngày 30/5/1997, tr. 1, 2.

chọn ở bậc Tiểu học và Trung học cơ sở; các trường Trung học cơ sở năng khiếu hiện có ở một số huyện, thành, thị trên địa bàn được chuyển sang trường Trung học cơ sở, hoặc giải thể⁽¹⁾.

Sau 3 năm thực hiện Nghị quyết Trung ương 2 (khóa VIII), ngành Giáo dục tỉnh Thái Nguyên đã từng bước thiết lập lại kỷ cương, nền nếp và kiên quyết xử lý các hiện tượng tiêu cực. Công tác tuyển sinh đầu vào đối với các ngành học, bậc học được chấn chỉnh cùng với việc xử lý các Bằng tốt nghiệp Trung học phổ thông giả. Công tác giáo dục phòng, chống các tệ nạn xã hội, nhất là tệ nạn nghiện hút ma túy trong học đường, được tăng cường. Các chỉ tiêu phát triển giáo dục về quy mô đối với các cấp học, bậc học, ngành học trong các năm được thực hiện tốt, gắn liền với việc nâng dần chất lượng giáo dục đại trà và mũi nhọn.

Là một địa phương tuy đã đạt tiêu chuẩn Quốc gia về phổ cập giáo dục tiểu học - chống mù chữ ngay từ tháng 12/1995, nhưng tại thời điểm ấy, toàn tỉnh vẫn còn 10 xã chưa đạt chuẩn, 22 xã mới đạt ở mức phổ cập lớp 3 đối với xã miền núi khó khăn và nhiều xã đạt chuẩn ở mức thấp, chưa vững chắc. Do đó, ngành Giáo dục tỉnh đề ra các chỉ tiêu đến năm 2000: Tiếp tục phấn đấu công nhận các xã chưa đạt chuẩn; huy động trẻ đến lớp đạt trên 98%; huy động tối đa

⁽¹⁾ Trường Trung học cơ sở năng khiếu thành phố Thái Nguyên chuyển thành Trường Trung học cơ sở Chu Văn An; Trường Trung học cơ sở năng khiếu huyện Phổ Yên chuyển thành Trường Trung học cơ sở Đỗ Cận; Trường Trung học cơ sở năng khiếu huyện Đồng Hỷ chuyển thành Trường Trung học cơ sở Kim Đồng; sáp nhập Trường Trung học cơ sở năng khiếu thị xã Sông Công vào Trường Trung học cơ sở Trung tâm thị xã Sông Công; sáp nhập Trường Trung học cơ sở năng khiếu Định Hóa vào Trường Trung học cơ sở Chợ Chu, chuyển cơ sở vật chất cho Trung tâm Giáo dục thường xuyên huyện Định Hóa; giải thể Trường Trung học cơ sở năng khiếu của các huyện Phú Bình, Đại Từ và Phú Lương, chuyển cơ sở vật chất cho Trung tâm Giáo dục thường xuyên của huyện.

các cháu bỏ học trở lại lớp; giảm tỉ lệ lưu ban dưới 2%, bỏ học dưới 1%; hằng năm huy động từ 3.000 đến 4.000 người trong độ tuổi (15 - 25 tuổi) ra học các lớp xóa mù chữ và sau xóa mù chữ.

Đề đạt được các chỉ tiêu trên, toàn Ngành tiếp tục duy trì và củng cố Ban Chỉ đạo phổ cập giáo dục tiểu học - chống mù chữ các cấp⁽¹⁾, thường xuyên điều tra bổ sung và cập nhật về hồ sơ phổ cập giáo dục tiểu học - chống mù chữ nhằm quản lí chặt chẽ số trẻ trong độ tuổi đi học; nâng cao chất lượng dạy và học, chống lưu ban, bỏ học; đa dạng hóa các hình thức tổ chức học tập, chương trình học, như chương trình 100 tuần, 120 tuần, lớp ghép, lớp linh hoạt, lớp tình thương, lớp bán trú... Kết quả đến năm 2000, tất cả 180 xã, phường, thị trấn trên địa bàn tỉnh đã được công nhận phổ cập giáo dục tiểu học và xóa mù chữ. Riêng thị xã Sông Công và thành phố Thái Nguyên đã được công nhận đạt chuẩn về phổ cập tiểu học đúng độ tuổi từ tháng 11 và tháng 12/1999.

Quy mô các ngành học ngày càng phát triển ổn định và vững chắc. Ngành học Mầm non thực hiện tốt việc đa dạng hóa các loại hình trường lớp: Quốc lập, bán công, dân lập, tư thục. Tỉ lệ huy động trẻ 5 tuổi ra lớp liên tục tăng qua các năm học: Từ 94,5% (năm học 1996 - 1997), tăng lên 95,6% (năm học 1997 - 1998), 96% (năm học 1998 - 1999) và đến năm học 1999 - 2000 đạt 97,6%⁽²⁾. Giáo dục bậc Tiểu học thực hiện tốt việc huy động trẻ vào lớp 1 hằng năm đạt 98 - 99%. Bằng nhiều biện pháp tích cực, toàn

⁽¹⁾ Ban Chỉ đạo phổ cập giáo dục tiểu học - chống mù chữ trước đây, nay gọi là Ban Chỉ đạo phổ cập giáo dục - xóa mù chữ.

⁽²⁾ Sở Giáo dục & Đào tạo: *Quy hoạch phát triển giáo dục - đào tạo tỉnh Thái Nguyên đến năm 2010*, tr. 13.

Ngành huy động trẻ thất học đến lớp, mở các lớp ghép hoặc các lớp tình thương, khuyết tật, tạo điều kiện cho trẻ em khuyết tật được theo học.

Để tiến dần tới việc phổ cập trung học cơ sở vào năm 2005 theo tinh thần chỉ đạo của Ủy ban Nhân dân tỉnh, trong những năm 1997 - 2000, ngành Giáo dục Thái Nguyên áp dụng mọi biện pháp thu hút con em nhân dân lao động được đi học, bảo đảm tuyển sinh vào lớp 6 hằng năm đạt từ 95% đến 98%; đồng thời tách dần khối cấp II ra khỏi khối cấp I ở các trường phổ thông cơ sở. Tính đến tháng 9/2000, toàn Ngành có 157 trường trung học cơ sở; chỉ còn 15 trường phổ thông cơ sở - bao gồm cả cấp I và cấp II⁽¹⁾. Như vậy, từ thời điểm này, về cơ bản ngành Giáo dục tỉnh đã tách khối cấp II ra khỏi khối cấp I, chuẩn bị cho phổ cập giáo dục trung học cơ sở, góp phần nâng cao chất lượng nguồn nhân lực phục vụ sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước.

Nhằm tạo điều kiện cho học sinh cấp Trung học cơ sở vào đầu cấp Trung học phổ thông hằng năm đạt trên 70%, ngành Giáo dục tỉnh thực hiện đa dạng hóa các loại hình đào tạo. Bên cạnh vai trò chủ đạo của loại hình công lập, Ngành tiếp tục phát triển các loại hình bán công, dân lập, tư thục, đáp ứng nhu cầu học tập của con em nhân dân các dân tộc trên địa bàn. Cuối năm 1997, toàn Ngành có 3 trường trung học phổ thông bán công (Trường Trung học phổ thông Lê Quý Đôn, Trường Trung học phổ thông Việt Bắc, Trường

⁽¹⁾ Sở Giáo dục và Đào tạo tỉnh Thái Nguyên: *Báo cáo đánh giá về những thành tích và khuyết điểm chủ yếu của ngành Giáo dục - Đào tạo tỉnh Thái Nguyên (kể từ khi tách tỉnh, đặc biệt qua 3 năm thực hiện Nghị quyết Trung ương 2 của Đảng về giáo dục - đào tạo. Phương hướng và giải pháp cơ bản từ 2001 đến 2005 và các đề nghị của Ngành. Số 1061/HCTH, ngày 20/9/2000, tr. 3.*

Trung học phổ thông Thái Nguyên), 2 trường phổ thông cơ sở dân lập (Trường Phổ thông cơ sở Nguyễn Trãi và Trường Phổ thông cơ sở Lê Quý Đôn). Vào thời điểm tháng 9/2000, số học sinh trung học phổ thông thuộc các hệ bán công và dân lập chiếm 33,95% tổng số học sinh toàn tỉnh⁽¹⁾.

Một trong những nhân tố có tính quyết định đến việc nâng cao chất lượng giáo dục là đội ngũ các thầy, cô giáo. Nhận thức rõ điều này, ngành Giáo dục tỉnh Thái Nguyên thường xuyên quan tâm vấn đề xây dựng, bồi dưỡng đội ngũ giáo viên. Ngoài việc triển khai bồi dưỡng thay sách giáo khoa của các ngành học, bậc học, cấp học cùng với việc tổ chức bồi dưỡng theo chu kì thường xuyên do Bộ Giáo dục và Đào tạo đề ra, Ngành đã mở các lớp đại học tại chức cho giáo viên Mầm non, Tiểu học, và Trung học cơ sở theo học nhằm chuẩn hóa đội ngũ. Kết quả, đến năm học 1999 - 2000, so với năm học 1997 - 1998, số giáo viên Nhà trẻ hệ công lập được chuẩn hóa đạt 62,2% (tăng 2,2%), giáo viên Mẫu giáo hệ công lập đạt 62,82% (tăng 3,82%); giáo viên Tiểu học đạt 97% (tăng 19%), giáo viên Trung học cơ sở đạt 88% (tăng 10%), giáo viên Trung học phổ thông đạt 95% (tăng 10%)⁽²⁾. Toàn Ngành có 269 cán bộ quản lí các ngành học, bậc học (Mầm non, Tiểu học, Trung học cơ sở) được bồi dưỡng tại Trung tâm Giáo dục thường xuyên; 56 Hiệu trưởng, Phó Hiệu trưởng, cán bộ quản lí phòng đã theo học lớp bồi dưỡng cán bộ giáo dục của Bộ; 79 cán bộ lãnh đạo ở các phòng, ban của Sở và các phòng giáo dục và đào tạo cấp huyện đã học lớp

^{(1), (2)} Sở Giáo dục và Đào tạo: *Báo cáo đánh giá về những thành tích và khuyết điểm chủ yếu của ngành Giáo dục - Đào tạo tỉnh Thái Nguyên (kể từ khi tách tỉnh, đặc biệt qua 3 năm thực hiện Nghị quyết Trung ương 2 của Đảng về giáo dục - đào tạo. Phương hướng và giải pháp cơ bản từ 2001 đến 2005 và các đề nghị của Ngành...* Tlđđ, tr. 4.

bồi dưỡng cán bộ quản lý nhà nước⁽¹⁾. Ngoài ra, Lãnh đạo Ngành còn tổ chức cho cán bộ, giáo viên theo học Cao học hoặc nghiên cứu sinh để nâng cao trình độ quản lý và chuyên môn. Tính đến năm 2000, ngành Giáo dục Thái Nguyên đã có 29 Thạc sĩ và 2 Tiến sĩ.

Những chuyên biên tích cực về chất lượng đội ngũ giáo viên trong những năm 1997 - 2000 đã được Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh khẳng định: *“Nhờ làm tốt công tác đào tạo bồi dưỡng nên chất lượng đội ngũ giáo viên... được nâng cao một bước, đáp ứng được nhu cầu của các cấp học, ngành học. Trong đó việc chuẩn hoá đội ngũ giáo viên đang được quan tâm thực hiện và đạt hiệu quả...”*⁽²⁾.

Xã hội hóa giáo dục là một chủ trương lớn của Đảng và Nhà nước ta. Đây chính là cuộc vận động và tổ chức toàn dân, toàn xã hội tham gia vào việc phát triển sự nghiệp giáo dục, nhằm từng bước nâng cao mức hưởng thụ về giáo dục cũng như sự phát triển về tinh thần của nhân dân. Với ý nghĩa đó, ngày 21/8/1997, Chính phủ ban hành Nghị quyết số 90-CP Về phương hướng và chủ trương xã hội hóa các hoạt động giáo dục, y tế, văn hóa (đã được Chính phủ thông qua tại phiên họp thường kỳ tháng 3/1997).

Thực hiện Nghị quyết số 90-CP của Chính phủ, từ năm học 1997 - 1998, công tác xã hội hóa giáo dục được xúc tiến mạnh mẽ. Kết quả đến năm 2000, tất cả 9 huyện, thành, thị trên địa bàn tỉnh đã mở đại hội giáo dục (có đơn vị tổ chức đại hội 2 lần); 172 trong tổng số 180 xã, phường, thị trấn mở đại hội giáo dục cấp cơ sở (có

⁽¹⁾ Sở Giáo dục và Đào tạo: *Báo cáo đánh giá về những thành tích và khuyết điểm chủ yếu của ngành Giáo dục - Đào tạo tỉnh Thái Nguyên (kể từ khi tách tỉnh, đặc biệt qua 3 năm thực hiện Nghị quyết Trung ương 2 của Đảng về giáo dục - đào tạo. Phương hướng và giải pháp cơ bản từ 2001 đến 2005 và các đề nghị của Ngành...* Tlđđ, tr. 4.

⁽²⁾ Tỉnh ủy Thái Nguyên: *Báo cáo Tình hình khai giảng và triển khai năm học 1999 - 2000. Số 41-BC/TU, ngày 28/9/1999, tr. 3.*

nơi tổ chức đại hội lần thứ 3). Nhờ đẩy mạnh công tác xã hội hóa giáo dục, cơ sở vật chất trường học trong những năm 1997 - 2000 được tăng cường. Hằng năm, bằng nguồn vốn các chương trình mục tiêu và nhân dân đóng góp, ngành Giáo dục tỉnh Thái Nguyên đã xây dựng và sửa chữa hàng trăm phòng học mới. Vào thời điểm tháng 9/1999, toàn tỉnh có 6.420 phòng học, tăng 137 phòng so với năm trước⁽¹⁾. Đến năm 2000, toàn Ngành đã xây dựng mới 328 phòng học, sửa chữa 200 phòng học bằng các nguồn vốn đóng góp của nhân dân và vốn vay của Ngân hàng Phát triển châu Á (ADB). Với kết quả này, ngành Giáo dục tỉnh Thái Nguyên “*đã thực hiện vượt mức mục tiêu xoá phòng học tạm, đưa số phòng học tạm trong toàn tỉnh xuống còn 17,8%*”⁽²⁾, chấm dứt hoàn toàn tình trạng học ca 3.

Việc tăng cường cơ sở vật chất trường học cùng với việc xây dựng đội ngũ, bồi dưỡng giáo viên chính là những nhân tố có tính quyết định dẫn đến chất lượng và hiệu quả đào tạo được nâng lên rõ rệt. Tại hai thời điểm: Năm 1997 và năm 2000, tỉ lệ học sinh giỏi bậc Tiểu học từ 3%, tăng lên 5,5%; cấp Trung học cơ sở từ 1,5%, tăng lên 3,3%; cấp Trung học phổ thông từ 2%, tăng lên 4,1%. Số học sinh giỏi đoạt giải Quốc gia cũng đều tăng qua các năm: Năm 1997 có 13 giải (3 giải Nhì, 1 giải Ba, 9 giải Khuyến khích), năm 1998 có 32 giải (2 giải Nhì, 14 giải Ba, 16 giải Khuyến khích), năm 1999 có 31 giải (1 giải Nhất, 3 giải Nhì, 15

⁽¹⁾ Tỉnh ủy Thái Nguyên: *Báo cáo Tình hình khai giảng và triển khai năm học 1999 - 2000*. Số 41-BC/TU, ngày 28/9/1999, tr. 3.

⁽²⁾ Tỉnh ủy Thái Nguyên: *Báo cáo Công tác năm 2000*. Số 667-BC/TU, ngày 2/1/2001, tr. 7.

giải Ba, 12 giải Khuyến khích), năm 2000 có 32 giải (7 giải Nhì, 9 giải Ba, 16 giải Khuyến khích)⁽¹⁾.

Khỏi các trường chuyên nghiệp do Ngành quản lý cũng được đầu tư nâng cấp cơ sở vật chất. Trường Trung học Y tế Thái Nguyên được đầu tư 370 triệu đồng để cải tạo cơ sở vật chất và môi trường sư phạm. Trường Trung học Kinh tế Thái Nguyên được đầu tư 1,7 tỉ đồng xây dựng thêm 1 giảng đường 3 tầng và 30 triệu đồng xây dựng nhà thể thao. Trường Cao đẳng Sư phạm Thái Nguyên⁽²⁾ được đầu tư 3,3 tỉ đồng xây dựng khu kí túc xá học sinh⁽³⁾.

Được sự quan tâm của Ủy ban Nhân dân tỉnh, của Viện Răng - Hàm - Mặt Trung ương, sự phối hợp chặt chẽ của Sở Y tế và Bảo hiểm y tế Thái Nguyên, công tác y tế học đường cùng với chương trình nha học đường được triển khai. Đến năm 2000, công tác này đã đạt được những kết quả quan trọng. Ngoài việc kiện toàn Ban Chỉ đạo công tác y tế từ tỉnh xuống các huyện, thành, thị, công tác đào tạo cán bộ y tế học đường và nha học đường được xúc tiến. Toàn tỉnh đã đào tạo được 194 cán bộ chuyên trách công tác y tế học đường. Trong 2 năm học (1998 - 1999 và 1999 - 2000), 970 giáo viên phổ thông các cấp được bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ về công tác y tế học đường, nha học đường; 462 giáo viên được tập

⁽¹⁾ Sở Giáo dục và Đào tạo tỉnh Thái Nguyên: *Báo cáo đánh giá về những thành tích và khuyết điểm chủ yếu của ngành Giáo dục - Đào tạo tỉnh Thái Nguyên (kể từ khi tách tỉnh, đặc biệt qua 3 năm thực hiện Nghị quyết Trung ương 2 của Đảng về giáo dục - đào tạo. Phương hướng và giải pháp cơ bản từ 2001 đến 2005 và các đề nghị của Ngành...* Tlđđ, tr. 4.

⁽²⁾ Trường Cao đẳng Sư phạm Thái Nguyên được thành lập trên cơ sở nâng cấp Trường Trung học Sư phạm Thái Nguyên theo Quyết định số 101-1998/QĐ-TTg ngày 30/5/1998 của Thủ tướng Chính phủ.

⁽³⁾ Sở Giáo dục và Đào tạo tỉnh Thái Nguyên: *Báo cáo thực hiện chỉ tiêu công tác giáo dục chuyên nghiệp năm học 1998 - 1999*. Số 713/GDCN, ngày 14/6/1999, tr. 2.

huấn bồi dưỡng kỹ thuật chuyên môn nghiệp vụ về nội dung chăm sóc sức khỏe trường học và cộng đồng⁽¹⁾. Trên địa bàn tỉnh, 255 trong tổng số 393 trường học có phòng y tế học đường, 209 trường có trang bị ghế nha khoa cố định, 228 trường đã tổ chức khám sức khỏe định kỳ và lập hồ sơ sức khỏe; 100% các trường từ tiểu học đến trung học phổ thông được trang bị tủ thuốc phòng và sơ cứu thông thường...⁽²⁾. Ngoài hàng chục công trình vệ sinh, nước sạch được các chương trình tài trợ, nhân dân địa phương đã đóng góp cùng ngành Giáo dục tỉnh xây dựng nhiều công trình vệ sinh hiện đại, công trình nước sạch và môi trường sạch cho các nhà trường⁽³⁾.

Bước vào năm 2001 - năm đầu của thế kỉ XXI, ngành Giáo dục tỉnh Thái Nguyên có những chuyển biến mới. Thời gian này, Ban Giám đốc Sở Giáo dục và Đào tạo gồm 4 đồng chí (xem *Phụ lục*) và 8 phòng chuyên môn: Giáo dục Mầm non, Giáo dục Tiểu học, Giáo dục Trung học, Giáo dục Chuyên nghiệp - Giáo dục Thường xuyên, Thanh tra, Kế hoạch - Tài chính, Văn phòng, Tổ chức cán bộ. Thực hiện *Đề án phát triển giáo dục và đào tạo của tỉnh (giai đoạn 2001 - 2005)*, các ngành học, bậc học và cấp học đều phát triển về quy mô đào tạo cũng như về cơ sở vật chất trường học.

Hướng vào mục tiêu phát triển hệ thống giáo dục mầm non phù hợp với các điều kiện kinh tế - xã hội và nhu cầu của nhân dân địa phương theo 4 loại hình trường lớp: Công lập, bán công, dân lập, tư thực; ưu tiên cho trẻ 5 tuổi được hưởng chương trình giáo dục mẫu giáo để chuẩn bị vào lớp 1, ngành học Mầm non tích cực

⁽¹⁾ Báo cáo công tác y tế học đường. Số 1015/PT-YTHĐ, ngày 12/9/2000, tr. 2.

^{(2), (3)} Báo cáo công tác y tế học đường... Tlđd, tr. 3.

tuyên truyền cho các bậc phụ huynh việc nuôi dạy trẻ bằng phương pháp khoa học. Nhờ đó, sau 1 năm thực hiện Đề án, đến cuối năm 2001, số trẻ suy dinh dưỡng trong các nhà trẻ và trường mầm non được chăm sóc đã giảm xuống còn 22,3%⁽¹⁾. Số trẻ đi nhà trẻ trong độ tuổi (0 - 2 tuổi) đạt 15% (tăng 2% so với năm trước); số trẻ đi mẫu giáo trong độ tuổi (3 - 5 tuổi) đạt 50% (tăng 5% so với năm trước). Số trẻ 5 tuổi được hưởng chương trình giáo dục mẫu giáo để chuẩn bị vào lớp 1 đạt 96%⁽²⁾.

Bậc Tiểu học tích cực huy động học sinh đi học, thực hiện phổ cập giáo dục tiểu học đúng độ tuổi và đẩy mạnh việc xây dựng trường đạt chuẩn Quốc gia. Kết quả trong năm 2001, học sinh vào lớp 1 đạt 99,07%. Đến cuối năm 2001, toàn tỉnh có 128 trong tổng số 180 xã, phường, thị trấn (71,1%) đạt tiêu chuẩn phổ cập giáo dục tiểu học đúng độ tuổi; 24 trường trong tổng số 221 trường tiểu học (10,85%) đạt chuẩn quốc gia⁽³⁾.

Việc huy động học sinh tiểu học vào học trung học cơ sở (lớp 6) được thực hiện nghiêm túc và có hiệu quả, đạt từ 98% đến 100%. Công tác điều tra công nhận phổ cập giáo dục trung học cơ sở được chú ý chỉ đạo. Đến cuối năm 2001, toàn tỉnh có 86 trong tổng số 180 xã, phường, thị trấn (47,77%) đạt chuẩn phổ cập giáo dục trung học cơ sở⁽⁴⁾.

Đối với bậc Trung học phổ thông, ngành Giáo dục tỉnh đặt ra các mục tiêu: Thực hiện đa dạng hóa các loại hình trường lớp, tiến tới xây dựng được nhiều trường lớp ngoài công lập; đẩy mạnh công

(1), (2), (3), (4) Sở Giáo dục và Đào tạo: *Báo cáo kiểm điểm sau một năm thực hiện Đề án phát triển giáo dục và đào tạo của tỉnh (giai đoạn 2001 - 2005)*. Số 175/BC-GD&ĐT, ngày 8/3/2002, tr. 1, 2, 3.

tác xã hội hóa giáo dục; xúc tiến việc phân luồng học sinh để thực hiện việc đào tạo nghề ngày càng nhiều hơn và có chất lượng hơn. Thực hiện các mục tiêu này, trong năm 2001, kết quả tuyển sinh vào lớp 10 đạt 80%; huy động học sinh trong độ tuổi đi học đạt 42,5%. Số học sinh hệ bán công chiếm 34,73%⁽¹⁾.

Cùng với việc phát triển về quy mô, cơ sở vật chất trường học cũng được tăng cường một bước. Trong năm 2001, được sự quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo của Tỉnh ủy, Hội đồng Nhân dân, Ủy ban Nhân dân tỉnh; sự ủng hộ của các ban, ngành, đoàn thể trong và ngoài tỉnh..., bằng nguồn kinh phí khoảng 50 tỉ đồng (bao gồm vốn Nhà nước, vốn viện trợ, vốn vay ADB, vốn ODA, vốn vay xóa phòng học tạm, vốn *Chương trình 135*, vốn dân đóng góp), ngành Giáo dục tỉnh Thái Nguyên đã xây mới 792 phòng học (gồm 543 phòng học cấp 4 và 249 phòng học kiên cố)⁽²⁾. Như vậy, vào thời điểm cuối năm 2001, toàn Ngành có 83% số phòng học kiên cố và bán kiên cố (trong đó có trên 21% phòng học kiên cố)⁽³⁾. Chưa bao giờ việc đầu tư xây dựng cơ sở vật chất các trường học được đẩy mạnh như trong thời gian này.

Bên cạnh những thành tích đạt được, việc thực hiện *Đề án phát triển giáo dục và đào tạo của tỉnh* trong năm 2001 vẫn còn một số hạn chế. Việc xây dựng trường chuẩn Quốc gia ở các bậc học, cấp học còn chậm. Công tác phổ cập giáo dục tiểu học đúng độ tuổi ở các huyện: Đại Từ, Định Hóa, Đông Hỷ, Phú Bình có lúc chưa được quan tâm chỉ đạo sát sao, nên tốc độ chuyển biến chậm.

(1), (2), (3) *Sở Giáo dục và Đào tạo: Báo cáo kiểm điểm sau một năm thực hiện Đề án phát triển giáo dục và đào tạo của tỉnh (giai đoạn 2001 - 2005)...* Tlđđ, tr. 2, 3, 7

Tại một số địa phương, số phòng học tạm còn chiếm tỉ lệ lớn (Võ Nhai: 46%, Định Hóa: 40%, Phú Lương: 20%).

Tuy còn một số hạn chế, nhưng kết quả đạt được trong năm đầu thực hiện *Đề án phát triển giáo dục và đào tạo của tỉnh (giai đoạn 2001 - 2005)* đã tạo đà cho toàn Ngành tiếp tục phát triển đạt kết quả cao hơn vào những năm tiếp theo.

Năm học 2002 - 2003 là năm học đặc biệt quan trọng đối với ngành Giáo dục - Đào tạo cả nước nói chung và Thái Nguyên nói riêng. Đây là năm học toàn Ngành triển khai thực hiện *Chiến lược phát triển giáo dục 2001 - 2010*⁽¹⁾, *Chương trình hành động thực hiện Kết luận Hội nghị Trung ương lần thứ 6 (khóa IX)*, Nghị quyết số 40/2000/NQ-QH10 ngày 9/12/2000 của Quốc hội (khóa X) *Về đổi mới chương trình giáo dục phổ thông* và Nghị quyết số 41/2000/NQ-QH10 ngày 9/12/2000 của Quốc hội (khóa X) *Về thực hiện phổ cập giáo dục trung học cơ sở*.

Trong năm học này, ngành Giáo dục tỉnh đã thành lập thêm 8 trường mầm non tại các xã vùng cao của huyện Võ Nhai. Nhờ đó, tình trạng “xã trắng” về giáo dục mầm non trên địa bàn tỉnh đã được xóa bỏ. Thực hiện Quyết định số 161/2002/QĐ-TTg ngày 25/2/2003 của Thủ tướng Chính phủ về chính sách phát triển giáo dục mầm non, Sở Giáo dục và Đào tạo đã xây dựng đề án trình Ủy ban Nhân dân tỉnh, xác định cụ thể các giải pháp và bước đi cho phù hợp với tình hình thực tế của từng địa phương. Các huyện: Định Hóa, Phú Lương, Võ Nhai, Đại Từ, Đồng Hỷ đã đầu tư xây dựng cơ sở vật chất và điều tiết giáo viên ngành học Mầm non cho

⁽¹⁾ *Chiến lược phát triển giáo dục 2001 - 2010* được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 201/2001/QĐ-TTg, ngày 28/12/2001.

các xã đặc biệt khó khăn, vùng sâu, vùng xa theo đúng tinh thần Quyết định 161/2002/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ.

Đối với giáo dục Mầm non, Ngành tập trung chỉ đạo nâng cao chất lượng nuôi dạy trẻ thông qua việc đẩy mạnh thực hiện các chuyên đề: *Nâng cao chất lượng giáo dục dinh dưỡng và vệ sinh an toàn thực phẩm, Nâng cao chất lượng giáo dục làm quen với văn học chữ viết*. Ngành tiếp tục chỉ đạo triển khai đổi mới hình thức tổ chức giáo dục trẻ 5 tuổi và thí điểm ở diện hẹp đối với trẻ 3 - 4 tuổi; từng bước ứng dụng công nghệ thông tin trong giáo dục Mầm non, giáo dục an toàn giao thông, giáo dục hòa nhập trẻ khuyết tật.

Tính đến năm học 2003 - 2004, toàn Ngành có 197 trường mầm non phủ kín tất cả các xã, phường, thị trấn, đáp ứng nhu cầu nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục con em nhân dân các dân tộc trong tỉnh. Tuy nhiên, cơ sở vật chất và trang thiết bị trường học của các trường mầm non nhìn chung còn nhiều hạn chế, thiếu thốn về số lượng, xuống cấp về chất lượng, nhất là ở khu vực nông thôn, miền núi. Nhiều trường chưa được quy hoạch đất, hoặc đã quy hoạch nhưng không đủ diện tích, vị trí không thuận tiện. Mặc dù vậy, kết quả huy động số cháu trong độ tuổi đi nhà trẻ (kể cả nhóm trẻ gia đình) từ 18,57% (năm học 2002 - 2003), tăng lên 19,46% (năm học 2003 - 2004); số trẻ 5 tuổi được huy động đến trường đạt tỉ lệ 99,66%⁽¹⁾. Công tác nuôi dạy, chăm sóc trẻ tốt hơn trước. Nhờ đó, tỉ lệ trẻ suy dinh dưỡng ở nhà trẻ từ 20,15% (năm học 2001 - 2002), giảm xuống còn 15,92% (năm học 2002 - 2003), 14,38% (năm học 2003 - 2004), 10,97% (năm học 2004 - 2005). Chất lượng

⁽¹⁾ Báo cáo Tổng kết năm học 2002 - 2003 và phương hướng nhiệm vụ năm học 2003 - 2004. Số 63/BC-GD&ĐT, ngày 10/8/2003, tr. 5; và Báo cáo 9 tháng năm 2004 của ngành Giáo dục - Đào tạo tỉnh Thái Nguyên. Số 951/BC-GD&ĐT, ngày 5/10/2004, tr. 1.

đội ngũ giáo viên ngành học Mầm non cũng được nâng lên rõ rệt, thể hiện ở tỉ lệ giáo viên đạt chuẩn và trên chuẩn tăng nhanh. Năm học 2002 - 2003, số giáo viên đạt chuẩn là 76% (trong đó trên chuẩn là 6%)⁽¹⁾; đến năm học 2003 - 2004, số giáo viên đạt chuẩn tăng lên 91,15% (trong đó trên chuẩn là 12,68%)⁽²⁾. Hệ thống trường mầm non trọng điểm cấp tỉnh, cấp huyện được củng cố và phát triển về quy mô. Chất lượng các phong trào thi đua hằng năm được nâng lên; nhiều trường đạt danh hiệu *Trường Tiên tiến xuất sắc*; 8 trường đạt chuẩn Quốc gia (4,06%)⁽³⁾.

Quán triệt Nghị quyết số 40/2000/NQ-QH10 ngày 9/12/2000 của Quốc hội (khóa X) *Về đổi mới chương trình giáo dục phổ thông*, từ năm học 2002 - 2003 đến năm học 2004 - 2005, ngành Giáo dục tỉnh Thái Nguyên triển khai thực hiện chương trình, sách giáo khoa mới từ lớp 1 đến lớp 3 và từ lớp 6 đến lớp 8. Để làm tốt việc này, Sở Giáo dục và Đào tạo tỉnh tổ chức tập huấn cho tất cả cán bộ quản lý của Sở, phòng giáo dục - đào tạo, giáo viên Tiểu học và Trung học cơ sở ở các trường. Ngoài ra, công tác bồi dưỡng giáo viên được tiến hành thường xuyên trong năm học thông qua các buổi dự giờ rút kinh nghiệm, mở hội nghị chuyên đề, tổ chức thao giảng, học tập kinh nghiệm giảng dạy ở các tỉnh bạn... Hằng năm, ngành Giáo dục tỉnh đều dành một khoản kinh phí thích đáng cho việc thay sách. Riêng năm học 2003 - 2004, Ngành trích hơn 10 tỉ

⁽¹⁾ Sở Giáo dục & Đào tạo: *Quy hoạch phát triển giáo dục - đào tạo tỉnh Thái Nguyên đến năm 2010*, tr. 27.

⁽²⁾ Sở Giáo dục và Đào tạo: *Báo cáo Tổng kết năm học 2003 - 2004 và phương hướng nhiệm vụ năm học 2004 - 2005*. Số 737/BC-GD&ĐT, ngày 10/8/2004, tr. 8.

⁽³⁾ Sở Giáo dục và Đào tạo: *Báo cáo 6 tháng đầu năm 2005 và phương hướng 6 tháng cuối năm của ngành Giáo dục - Đào tạo tỉnh Thái Nguyên*. Số 282/BC-GD&ĐT, ngày 16/6/2005, tr. 2.

đồng để mua sắm trang, thiết bị phục vụ kịp thời cho việc đổi mới chương trình giáo dục phổ thông.

Những kết quả trên đây có sự đóng góp to lớn của tổ chức Công đoàn ngành Giáo dục tỉnh Thái Nguyên. Là một tổ chức đại diện quyền và lợi ích hợp pháp cho 15.902 cán bộ, công chức và lao động, Công đoàn ngành Giáo dục tỉnh luôn phát huy vai trò tổ chức, động viên đoàn viên tích cực tham gia các hoạt động chuyên môn của Ngành. Năm học 2002 - 2003 là năm học đầy mạnh thực hiện Nghị quyết 40, 41 của Quốc hội, Công đoàn Ngành phối hợp với chuyên môn đẩy mạnh công tác giáo dục chính trị tư tưởng nhằm nâng cao nhận thức chính trị cho đoàn viên. Công đoàn đã phát động đoàn viên hưởng ứng tham gia các phong trào thi đua, các cuộc vận động nhằm nâng cao chất lượng giáo dục - đào tạo. Trong đó, đáng chú ý là phong trào *Thi đua Dạy tốt - Học tốt* với 3 nội dung: 1- Phân đấu chuẩn hóa, nâng chuẩn và bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ; 2- Rèn luyện nâng cao tay nghề qua dự giờ kết hợp với hoạt động thanh tra, kiểm tra và quản lý hồ sơ chuyên môn của giáo viên; 3- Phân đấu trở thành giáo viên dạy giỏi. Ngoài phong trào *Thi đua Dạy tốt - Học tốt*, tổ chức Công đoàn còn động viên đoàn viên tích cực tham gia các cuộc vận động: *Dân chủ - Kỷ cương - Tình thương - Trách nhiệm, Xã hội hóa giáo dục, Xây dựng gia đình Nhà giáo văn hóa* và phong trào *Giải việc trường - Đảm việc nhà* trong nữ giáo viên, công nhân viên.

Thông qua các phong trào và cuộc vận động, tinh thần trách nhiệm của cán bộ, giáo viên, công chức, lao động trong Ngành được nâng cao, mọi mặt hoạt động của Ngành được đẩy mạnh.

Những năm 2001 - 2005, công tác phát triển Đảng được đẩy mạnh hơn trước. Trong 6 tháng cuối năm 2004, toàn Ngành kết nạp 290 đảng viên mới. Đến 6 tháng đầu năm 2005, có 349 quần chúng ưu tú được kết nạp vào Đảng, nâng tổng số đảng viên lên 5.993 đồng chí, chiếm tỉ lệ 36,39% tổng số cán bộ, giáo viên, công nhân viên toàn ngành Giáo dục tỉnh⁽¹⁾. Tuy nhiên, đến năm 2005, trên địa bàn tỉnh vẫn còn 6 trường phổ thông chưa có đảng viên (4 trường ở huyện Võ Nhai và 2 trường ở huyện Đại Từ)⁽²⁾. Như vậy, cho đến thời điểm này, công tác phát triển Đảng trong ngành Giáo dục chưa đạt chỉ tiêu do Ban Thường vụ Tỉnh ủy đề ra tại Nghị quyết số 02-NQ/TU, ngày 30/5/1997 *Về xây dựng và củng cố tổ chức Đảng trong Giáo dục - Đào tạo đến năm 2000* là “... tất cả các trường phổ thông đều có chi bộ”⁽³⁾. Hạn chế này từng bước được khắc phục trong những năm sau.

Trong quá trình thực hiện chương trình, sách giáo khoa mới, toàn Ngành tích cực chuẩn bị các điều kiện để thực hiện chương trình giáo dục phổ thông năm học tiếp theo. Hằng năm, Ban Giám đốc Sở đều cử giáo viên cốt cán (gồm giáo viên Tiểu học và giáo viên Trung học cơ sở) tham dự lớp tập huấn do Bộ Giáo dục và Đào tạo tổ chức để tập huấn cho giáo viên trong tỉnh. Nhiều hoạt động thiết thực chuẩn bị cho việc thực hiện chương trình, sách giáo khoa mới được xúc tiến thông qua hội nghị rút kinh nghiệm sau 1 năm sử dụng thiết bị dạy học, đồng thời phát động các đơn vị sản xuất thiết bị phục vụ năm học tiếp theo. Ban Chuyên môn được thành lập, có

(1), (2) Theo: *Báo cáo Tổng kết hoạt động Công đoàn năm học 2004 - 2005 và phương hướng hoạt động năm học 2005 - 2006*. Số 49/BC-CĐN, ngày 20/8/2005, tr. 1.

(3) Theo: *Nghị quyết của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về xây dựng và củng cố tổ chức Đảng trong Giáo dục - Đào tạo đến năm 2000...* Tlđđ, tr. 4

nhiệm vụ xem xét các thiết bị mới để tư vấn giúp Ban Giám đốc Sở chọn đơn vị cung cấp thiết bị phục vụ cho toàn Ngành.

Ngành Phổ thông có những chuyển biến mới không chỉ về số lượng, mà cả về chất lượng và hiệu quả giáo dục. Tính đến năm học 2004 - 2005, toàn Ngành có 226 trường tiểu học với tổng số 86.972 học sinh, 179 trường trung học cơ sở với tổng số 90.799 học sinh và 27 trường trung học phổ thông với tổng số 38.295 học sinh⁽¹⁾. Ban Giám đốc Sở lúc này vẫn gồm 4 đồng chí tiếp tục lãnh đạo toàn Ngành nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện, đổi mới cách đánh giá đảm bảo chính xác, khách quan.

Hầu hết các trường tiểu học sau khi tách khỏi trung học cơ sở đã được đầu tư xây dựng mới. Mỗi lớp có 1 bộ đồ dùng học tập theo chương trình đổi mới. Tính đến tháng 6/2005, toàn Ngành có 61 trường (gần 27% tổng số trường) đạt chuẩn quốc gia. Tuy nhiên, đa số các trường tiểu học chưa được quy hoạch chi tiết tổng thể theo 5 khu hoạt động: Khu hiệu bộ và đa năng, khu lớp học, khu sân chơi, khu bãi tập và khu dinh dưỡng. Hệ thống phòng học chủ yếu là nhà cấp 4.

Hệ thống mạng lưới các trường trung học cơ sở được bố trí hợp lý và khoa học. Các trường được xây dựng theo các đơn vị hành chính; mỗi xã, phường, thị trấn có 1 trường trung học cơ sở (trừ một số phường, thị trấn nhỏ không đủ quy mô để thành lập trường, như phường Lương Châu của thị xã Sông Công; các thị trấn: Bãi Bông, Bắc Sơn của huyện Phổ Yên; thị trấn Quân Chu của huyện Đại Từ). Quy mô các trường khá hợp lý, bình quân mỗi trường có 15 lớp; mỗi lớp bình quân có 38 học sinh. Do được tiếp nhận cơ sở

⁽¹⁾ Sở Giáo dục và Đào tạo: *Báo cáo Tổng kết năm học 2004 - 2005 và phương hướng nhiệm vụ năm học 2005 - 2006*. Số 800/BC-GD&ĐT, ngày 19/8/2005, tr. 1, 2.

vật chất từ trường phổ thông cơ sở, lại được các địa phương quan tâm đầu tư theo hướng kiên cố hóa, đặc biệt là được hưởng dự án trung học cơ sở của Ngân hàng Phát triển châu Á (ADB) cho 46 trường, nên cơ sở vật chất hầu hết các trường trung học cơ sở ngày càng khang trang. Vào thời điểm tháng 6/2005, toàn Ngành có 4 trường trung học cơ sở đạt chuẩn quốc gia (2,23%⁰)⁽¹⁾.

Trong số 27 trường trung học phổ thông, có 23 trường công lập (4 trường ghép trung học cơ sở - cấp II+III), 2 trường bán công, 2 trường dân lập; được phân bố ở khu vực thành phố Thái Nguyên 11 trường, thị xã Sông Công 1 trường, các huyện còn lại có từ 2 đến 3 trường. Đa số các trường đều có nhà cao tầng, kiên cố, có nhà hiệu bộ, phòng thí nghiệm, thư viện, phòng rèn luyện thể chất, phòng máy tính. Nhiều trường có cảnh quan và khuôn viên đẹp. Đến tháng 6/2005, toàn Ngành có 1 trường trung học phổ thông (chiếm 0,37%) đạt chuẩn quốc gia⁽²⁾.

Nhìn chung, ngành Giáo dục tỉnh Thái Nguyên tích cực thực hiện đề án kiên cố hóa trường lớp theo chỉ đạo của Chính phủ và Bộ Giáo dục và Đào tạo. Đến hết tháng 3/2005, toàn tỉnh đã khởi công xây dựng 1.549 phòng thay thế cho 1.198 phòng học tạm và bổ sung cho 351 phòng còn thiếu trước đó⁽³⁾. Việc tăng cường các thiết bị dạy học cũng được Ngành chú ý thường xuyên. Riêng trong năm học 2004 - 2005, Sở Giáo dục và Đào tạo giao cho Công ty Sách - Thiết bị trường học mua sắm đồ dùng dạy, học với tổng kinh phí hơn 10 tỉ đồng. Ngành đặc biệt coi trọng việc xây dựng phòng thí nghiệm, thư viện trong các nhà trường. Công tác giáo dục hướng

^{(1), (2)} Sở Giáo dục và Đào tạo: *Báo cáo 6 tháng đầu năm 2005 và phương hướng 6 tháng cuối năm của ngành Giáo dục - Đào tạo tỉnh Thái Nguyên...* Tlđd, tr. 3.

⁽³⁾ Theo: *Báo cáo tình hình thực hiện các chương trình đề án kinh tế - xã hội giai đoạn 2001 - 2005* của Sở Giáo dục và Đào tạo gửi Ủy ban Nhân dân tỉnh theo Công văn số 424/CV/GD&ĐT, ngày 9/5/2005, tr. 5.

ngiệp và dạy nghề cũng được chú trọng. Trong năm học 2004 - 2005, toàn Ngành có 22.570 học sinh học nghề phổ thông, trong đó có 11.320 học sinh Trung học cơ sở (47,28% là học sinh lớp 9), 11.250 học sinh Trung học phổ thông (93,75% là học sinh lớp 12)⁽¹⁾. Công tác tư vấn hướng nghiệp được đầu tư và quan tâm hơn trước. Toàn Ngành có 153 trường (74%) tổ chức sinh hoạt hướng nghiệp⁽²⁾.

Quy mô đào tạo ngành học Phổ thông tăng dần qua các năm (trừ bậc Tiểu học có xu hướng giảm do tác động tích cực của việc thực hiện kế hoạch hóa gia đình, dần dần đi vào thế ổn định). Số lượng học sinh Trung học cơ sở trong năm học 2002 - 2003 tăng 4% và Trung học phổ thông tăng 7% so với năm học 2001 - 2002; đến năm học 2003 - 2004, số học sinh Trung học cơ sở tăng 3,5% và Trung học phổ thông tiếp tục tăng so với năm học 2002 - 2003⁽³⁾.

Chất lượng đội ngũ giáo viên các bậc học, cấp học được nâng cao về trình độ chuyên môn, nghiệp vụ. Đến tháng 9/2004, số giáo viên đạt chuẩn bậc Tiểu học chiếm 99,64% (trong đó: 32,42% đạt trên chuẩn), Trung học cơ sở 97,16% (trong đó: 33,12% đạt trên chuẩn), Trung học phổ thông 98,12% (trong đó: 4,88% đạt trên chuẩn)⁽⁴⁾.

Những tiến bộ về trình độ chuyên môn, nghiệp vụ của đội ngũ cán bộ quản lý và giáo viên là một trong những nhân tố quan trọng góp phần nâng cao chất lượng đào tạo của Ngành. Số học sinh bỏ học và lưu ban ở các bậc học, cấp học giảm dần qua các năm học:

(1), (2) Sở Giáo dục và Đào tạo: *Báo cáo Tổng kết năm học 2004 - 2005 và phương hướng nhiệm vụ năm học 2005 - 2006...* Tlđd, tr. 3.

(3) Theo: *Báo cáo Tổng kết năm học 2002 - 2003 và phương hướng nhiệm vụ năm học 2003 - 2004...* Tlđd và *Báo cáo Tổng kết năm học 2003 - 2004 và phương hướng nhiệm vụ năm học 2004 - 2005...* Tlđd.

(4) Sở Giáo dục và Đào tạo: *Báo cáo 9 tháng năm 2004 của ngành Giáo dục - Đào tạo tỉnh Thái Nguyên*. Số 951/BC-GD&ĐT, ngày 5/10/2004, tr. 6.

Năm học	Tiểu học		Trung học cơ sở		Trung học phổ thông	
	H/s bỏ học	H/s lưu ban	H/s bỏ học	H/s lưu ban	H/s bỏ học	H/s lưu ban
2002 - 2003	0,3%	0,82%	3,5%	0,85%	3,85%	1%
2003 - 2004	0,25%	0,62%	1,35%	0,82%	3,31%	1%

Số học sinh tốt nghiệp các bậc học, cấp học trong các năm học đều đạt tỉ lệ khá cao:

Năm học	Tiểu học	Trung học cơ sở	Trung học phổ thông	Bổ túc văn hóa
2002 - 2003	99,94%	96,5%	94,4%	99,01%
2003 - 2004	99,99%	95,76%	96,63%	99,14%

Việc tổ chức thi học sinh giỏi vẫn được duy trì và đạt kết quả tốt: Bậc Tiểu học: 35,09%, Trung học cơ sở: 40,96%, Trung học phổ thông: 44,31%. Trong kì thi học sinh giỏi Quốc gia lớp 12 năm 2004, toàn tỉnh có 11 đội tham dự và đoạt 34 giải (2 giải Nhì, 12 giải Ba và 20 giải Khuyến khích), tăng 4 giải so với năm trước; có 1 giải Khuyến khích châu Á - Thái Bình Dương môn Vật lí⁽¹⁾. Đặc biệt, trong năm học 2002 - 2003, Sở Giáo dục và Đào tạo tỉnh Thái Nguyên được sự ủy quyền của Bộ Giáo dục và Đào tạo đã tổ chức thành công cuộc thi giải Toán bằng máy tính Casio khu vực các tỉnh miền núi phía Bắc. Ngành Giáo dục tỉnh Thái Nguyên cử 15 em dự thi, trong đó có 12 em đoạt giải (4 giải Ba, 8 giải Khuyến

⁽¹⁾ Sở Giáo dục và Đào tạo: *Báo cáo 9 tháng năm 2004 của ngành Giáo dục - Đào tạo tỉnh Thái Nguyên...* Tlđđ, tr. 5.

khích). Ngoài ra, Sở Giáo dục và Đào tạo còn phối hợp với ngành Bưu điện và Đoàn Thanh niên tổ chức tốt cuộc thi UPU⁽¹⁾. Toàn tỉnh có 91.247 bài dự thi. Ban Tổ chức cuộc thi đã trao giải cho 10 cá nhân (1 giải Nhất, 2 giải Nhì, 2 giải Ba, 5 giải Khuyến khích) và 6 tập thể (2 giải Nhất, 2 giải Nhì, 2 giải Ba cho mỗi cấp học).

Được sự quan tâm lãnh đạo của Tỉnh ủy, sự chỉ đạo trực tiếp của Ủy ban Nhân dân tỉnh, ngành Giáo dục tỉnh thường xuyên chú trọng phát triển giáo dục vùng đồng bào các dân tộc ít người, vùng khó khăn và thực hiện công bằng trong giáo dục. Ngành chỉ đạo các trường, các địa phương ở những vùng dân tộc, vùng đặc biệt khó khăn xây dựng lớp bán trú đảm bảo chất lượng; đồng thời bố trí hệ thống trường lớp các cấp học một cách hợp lí để tạo điều kiện thuận lợi cho trẻ được đến trường. Các xã vùng cao, miền núi đều có các trường tiểu học được xây dựng hoàn chỉnh. Trong năm học 2003 - 2004, nhiều xã vùng cao huyện Võ Nhai có từ 2 đến 3 trường tiểu học⁽²⁾. Cũng trong năm học này, ngành Giáo dục Thái Nguyên cho mở hệ dân tộc nội trú tại Trường Trung học phổ thông Bình Yên (huyện Định Hóa), gồm 30 học sinh lớp 6.

Việc giáo dục trẻ em khuyết tật cũng được chú ý nhiều hơn. Cùng với việc củng cố Trung tâm Giáo dục trẻ khuyết tật của tỉnh, Sở Giáo dục và Đào tạo đã cử cán bộ, giáo viên đi dự các lớp tập

⁽¹⁾ Cuộc thi UPU: Là cuộc thi sáng tác các tác phẩm văn học dưới hình thức lá thư do Liên minh Bưu chính quốc tế (gọi tắt là UPU) phối hợp với Tổ chức Giáo dục, Khoa học và Văn hóa Liên hợp quốc (gọi tắt là UNESCO) và một số tổ chức chuyên môn khác của Liên hợp quốc (tùy theo chủ đề hằng năm) tổ chức thường niên dành cho thiếu niên trên toàn thế giới.

⁽²⁾ Sở Giáo dục và Đào tạo: *Báo cáo 9 tháng năm 2004 của ngành Giáo dục - Đào tạo tỉnh Thái Nguyên...* Tlđđ, tr. 7.

huấn của Bộ; đồng thời mở các lớp tập huấn giáo viên cốt cán, giáo viên dạy hòa nhập cho trẻ khuyết tật tại các địa phương. Trung tâm Giáo dục trẻ em khuyết tật tỉnh Thái Nguyên được Bộ và tổ chức PSBI của Mĩ⁽¹⁾ đánh giá cao về công tác dạy học hòa nhập trẻ khuyết tật. Đội ngũ giáo viên của Trung tâm ngày càng vững tay nghề, cơ sở vật chất từng bước được tăng cường.

Cũng như các trường phổ thông, khối các trường chuyên nghiệp do ngành Giáo dục tỉnh trực tiếp quản lí có những chuyển biến mới.

Trường Cao đẳng Sư phạm được đầu tư xây dựng theo chương trình hiện đại hóa các trường sư phạm của Bộ Giáo dục và Đào tạo. Cơ sở vật chất Nhà trường từng bước được hoàn chỉnh, bao gồm các khu giảng đường, khu hiệu bộ, nhà thư viện, thí nghiệm, khu kí túc, khu rèn luyện thể chất, hội trường, sân đường nội bộ. Chất lượng đội ngũ giảng viên Nhà trường được nâng lên. Vào thời điểm tháng 9/2004, số giảng viên đạt chuẩn chiếm 97%, trong đó có 43,33% đạt trên chuẩn. Cùng với toàn Ngành, Nhà trường đã có những đóng góp to lớn trong việc thực hiện đổi mới chương trình giáo dục phổ thông, đặc biệt là công tác bồi dưỡng giáo viên về phương pháp giảng dạy mới.

Trường Trung học Kinh tế và Trường Trung học Y tế được đầu tư xây dựng theo hướng kiên cố. Hầu hết các phòng cấp 4 đều

⁽¹⁾ Tổ chức PSBI: Là tổ chức phi chính phủ quốc tịch Mĩ, được cấp Giấy đăng kí số 60/CNV-VPDA lập Văn phòng tại Dự án Việt Nam trong lĩnh vực giúp đỡ trẻ em khuyết tật, cải tạo trường học và cung cấp thiết bị học đường.

được thay thế bằng các nhà cao tầng; các thiết bị thí nghiệm từng bước được bổ sung.

Thái Nguyên có 1 trung tâm giáo dục thường xuyên cấp tỉnh và 8 trung tâm giáo dục thường xuyên cấp huyện. Trung tâm Giáo dục thường xuyên tỉnh được đầu tư xây dựng cơ bản, nên cơ sở vật chất, thiết bị hoàn chỉnh, đáp ứng yêu cầu đào tạo của Ngành và tỉnh. Từ năm học 2002 - 2003, Trung tâm không những đi vào thể ổn định, mà còn phát triển mạnh, vừa làm tốt công tác liên kết đào tạo trên chuẩn, vừa bồi dưỡng giáo viên và cán bộ quản lý cho Ngành, cho xã hội. Lưu lượng bình quân tại Trung tâm có khoảng 4.500 học viên và sinh viên theo học với nhiều loại hình đào tạo, bồi dưỡng⁽¹⁾. Các trung tâm giáo dục thường xuyên cấp huyện cũng được kiện toàn, củng cố; hoạt động có nền nếp và hiệu quả.

Ngoài Trung tâm Giáo dục thường xuyên, trên địa bàn tỉnh còn có 4 trung tâm giáo dục kỹ thuật tổng hợp - hướng nghiệp (1 trung tâm cấp tỉnh, 3 trung tâm cấp huyện), 20 trung tâm học tập cộng đồng.

Trung tâm Giáo dục hướng nghiệp - Dạy nghề của tỉnh và các huyện được kiện toàn, có sự phát triển đi lên cả về số lượng và chất lượng. Trong năm học 2003 - 2004, toàn tỉnh có 17.152 học viên dự thi ở 22 nghề; 17.096 học viên đã tốt nghiệp và được cấp chứng chỉ (đạt 99,67%), trong đó số học viên đạt loại giỏi chiếm trên 35%, loại khá 45%, loại trung bình 19,6%⁽²⁾. Tuy nhiên, cơ sở vật chất

⁽¹⁾ Sở Giáo dục và Đào tạo: *Báo cáo 9 tháng năm 2004 của ngành Giáo dục - Đào tạo tỉnh Thái Nguyên...* Tlđđ, tr. 3.

⁽²⁾ Sở Giáo dục và Đào tạo: *Báo cáo 9 tháng năm 2004 của ngành Giáo dục - Đào tạo tỉnh Thái Nguyên...* Tlđđ, tr. 3.

của Trung tâm Giáo dục hướng nghiệp - Dạy nghề còn nghèo nàn, phòng học hầu hết là cấp 4 đã xuống cấp; thư viện, thí nghiệm, đồ dùng dạy học, thiết bị đều chưa có, nên chủ yếu là dạy chay.

Thực hiện chương trình quốc gia giáo dục cho mọi người, ngành Giáo dục Thái Nguyên lập đề án trình Ủy ban Nhân dân tỉnh và được phê duyệt vào tháng 12/2003 về việc thành lập trung tâm học tập cộng đồng. Đây là mô hình giáo dục của cộng đồng, do cộng đồng và vì cộng đồng; là đầu mối liên kết, phối hợp để triển khai các chương trình giáo dục, học tập khác nhau của người lớn; là trường học suốt đời của người lớn ở cộng đồng, đảm bảo sự công bằng, bình đẳng xã hội về giáo dục. Từ 2 trung tâm đầu tiên được thực hiện thí điểm ở xã Sơn Cẩm (huyện Phú Lương) và phường Thắng Lợi (thị xã Sông Công), đến tháng 8/2005, toàn tỉnh đã có 120 trung tâm học tập cộng đồng, tăng 27 trung tâm so với tháng 12/2004⁽¹⁾.

Nhằm góp phần đẩy mạnh sự nghiệp phát triển giáo dục - đào tạo, Hội Khuyến học tỉnh Thái Nguyên được thành lập (theo Quyết định số 3585/QĐ-UB ngày 18/9/2001 của Ủy ban Nhân dân tỉnh). Chỉ sau 2 năm, đến năm 2003, tổ chức Hội đã phát triển rộng khắp 180/180 xã, phường, thị trấn. Từ năm 2005, các thôn, xóm, bản, tổ dân phố trong tỉnh đều có tổ chức chi hội khuyến học. Sau khi thành lập, Hội Khuyến học Thái Nguyên tích cực động viên học sinh học giỏi, hỗ trợ giúp đỡ học sinh nghèo vượt khó, xây dựng các gia đình hiếu học, dòng họ hiếu học. Các hoạt động của Hội

⁽²⁾ Sở Giáo dục và Đào tạo: *Báo cáo Tổng kết năm học 2004 - 2005 và phương hướng nhiệm vụ năm học 2005 - 2006*. Số 800/BC-GD&ĐT, ngày 19/8/2005, tr. 2.

đã góp phần thiết thực vào việc duy trì và phát triển sự nghiệp giáo dục - đào tạo của tỉnh Thái Nguyên.

Nhìn chung trong 10 năm (1996 - 2005), ngành Giáo dục tỉnh Thái Nguyên “... *phát triển cả về loại hình và quy mô, từng bước nâng dần chất lượng. Quy mô giáo dục phổ thông, mạng lưới trường lớp tiếp tục phát triển đáp ứng được nhu cầu học tập của con em nhân dân các dân tộc trong tỉnh. Cũng cố vững chắc kết quả phổ cập giáo dục tiểu học đúng độ tuổi và hoàn thành sớm một năm phổ cập giáo dục trung học cơ sở trong phạm vi toàn tỉnh. Cơ sở vật chất, trường lớp được quan tâm đầu tư, thực hiện có hiệu quả chương trình kiên cố hoá trường lớp và đề án xoá phòng học tạm*”⁽¹⁾. Từ tháng 10/2004, tỉnh Thái Nguyên được Bộ Giáo dục và Đào tạo công nhận đạt chuẩn phổ cập giáo dục trung học cơ sở. Đến năm học 2004 - 2005, ngành Giáo dục Thái Nguyên đã đạt 11/11 chỉ số thi đua, trong đó có 10 chỉ số vượt chỉ tiêu, được Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo tặng Bằng khen *Đơn vị hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ*.

Bên cạnh những thành tích đạt được, ngành **Giáo dục tỉnh** còn có một số mặt hạn chế, yếu kém. Công tác quản lý của các phòng giáo dục, sau khi phân cấp về huyện, còn lúng túng; sự phối, kết hợp giữa các cấp, các ngành chưa chặt chẽ và thiếu đồng bộ. Một số cơ quan quản lý trường học chưa chấp hành nghiêm các quy định, có nơi còn buông lỏng quản lý. Cơ sở vật chất trường lớp, trang thiết bị ở các vùng dân tộc, vùng đặc biệt khó khăn tuy được quan tâm đầu tư, nhưng còn bất cập, chưa đáp ứng được yêu cầu giáo dục. Việc đầu tư xây dựng trường chuẩn Quốc gia các bậc học

⁽¹⁾ Theo: *Văn kiện Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh lần thứ XVII*. Tháng 1/2006, tr. 17.

còn khó khăn... Đó là những vấn đề đặt ra cho toàn Ngành phấn đấu khắc phục trong các năm tiếp theo.

II- Ngành Giáo dục tỉnh trong những năm tiếp tục thực hiện đường lối đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước (2005 - 2015)

Từ năm học 2005 - 2006, đặc biệt là từ sau khi thực hiện Nghị quyết Hội nghị lần thứ 8 (4/11/2013) Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khóa XI) *Về đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo*, ngành Giáo dục tỉnh Thái Nguyên tiếp tục có nhiều chuyển biến theo hướng tích cực.

Quy mô đào tạo các ngành học, cấp học được giữ vững và mở rộng với nhiều loại hình.

Quy mô đào tạo một số năm học

Năm học	Tổng số trường			
	Mầm non	Tiểu học	Trung học cơ sở	Trung học phổ thông
2005 - 2006	197	225	180	27
2008 - 2009	202	228	181	30
2011 - 2012	210	225	181	32
2014 - 2015	223	226	187	31

Tính đến tháng 8/2015, trong tổng số 223 trường mầm non, có 12 trường ngoài công lập; trong tổng số 226 trường tiểu học, có 1 trường phổ thông dân tộc bán trú, 1 trường tư thục; trong tổng số 187 trường trung học cơ sở, có 4 trường dân tộc nội trú, 8

trường dân tộc bán trú, 1 trường phổ thông cơ sở; trong tổng số 31 trường trung học phổ thông, có 1 trường chuyên, 1 trường phổ thông dân tộc nội trú, 2 trường phổ thông trung học và 2 trường ngoài công lập ⁽¹⁾.

Công tác chỉ đạo chuyên môn thường xuyên được chú trọng. Ngay từ đầu các năm học, cùng với việc đầu tư mua sắm trang thiết bị, xây mới, cải tạo các phòng học, nhà bếp, nhà vệ sinh, ngành học Mầm non đã làm tốt công tác tuyên truyền kiến thức nuôi dạy trẻ theo phương pháp khoa học cho phụ huynh dưới nhiều hình thức để nâng cao chất lượng chăm sóc. Việc bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ cho cán bộ quản lí và giáo viên được tiến hành thường xuyên. Ngoài việc tập trung bồi dưỡng trong dịp hè, ngành học Mầm non đều duy trì các kì sinh hoạt chuyên môn hằng tháng, hằng tuần; tổ chức thao giảng các tiết dạy, hội thảo, hội thi giáo viên dạy giỏi.

Thực hiện Đề án *Phát triển giáo dục mầm non giai đoạn 2006 - 2015*, ngành học Mầm non có bước phát triển mới. Trong năm học 2008 - 2009, toàn Ngành có 155 nhóm lớp thực hiện chương trình thí điểm ở tất cả 9 huyện, thành, thị; 100% các trường mầm non thực hiện chương trình đổi mới hình thức tổ chức giáo dục trẻ. Mạng lưới trường mầm non đa dạng phủ khắp các xã trong tỉnh, thu hút trẻ đến trường đạt và vượt chỉ tiêu (nhà trẻ 21%, mẫu giáo 85,21%, mẫu giáo 5 tuổi ra lớp đạt 100%). 100% trường mầm non thực hiện chương trình đổi mới và thí điểm. Chất lượng chăm sóc và nuôi dưỡng trẻ được nâng cao. Đến năm học 2010 - 2011, tỉ lệ

⁽¹⁾ Sở Giáo dục và Đào tạo: *Báo cáo Tổng kết năm học 2014 - 2015. Phương hướng nhiệm vụ năm học 2015 - 2016*, ngày 18/8/2015, tr. 2.

trẻ được ăn bán trú ở nhà trẻ đạt 100% (toàn quốc 87%), ở mẫu giáo đạt 98,98% (toàn quốc 72%); tỉ lệ suy dinh dưỡng thấp còi là 5,48%, tỉ lệ duy dinh dưỡng nhẹ cân là 5,24%⁽¹⁾.

Ở cấp Tiểu học⁽²⁾, vào đầu các năm học, cùng với việc chỉ đạo có kết quả *Ngày toàn dân đưa trẻ đến trường*, tất cả Hiệu trưởng và cán bộ chỉ đạo chuyên môn được tập huấn, quán triệt đầy đủ hệ thống văn bản hướng dẫn thực hiện nhiệm vụ năm học của Bộ Giáo dục và Đào tạo. Các trường tiểu học đều thực hiện nghiêm túc kế hoạch dạy học theo đúng phân phối chương trình đổi mới giáo dục phổ thông do Bộ quy định. Chương trình, sách giáo khoa mới lớp 4 được triển khai thực hiện có chất lượng. Các trường đều đẩy mạnh việc cải tiến phương pháp dạy học; thực hiện nghiêm túc việc kiểm tra, khảo sát đầu năm đối với 2 môn: Toán và Tiếng Việt ở tất cả các khối lớp để phân loại học sinh, làm cơ sở điều chỉnh phương pháp dạy học phù hợp với từng đối tượng học sinh trong mỗi lớp; thường xuyên tổ chức dự giờ, thao giảng rút kinh nghiệm dạy tốt của từng môn học.

Ở cấp Trung học, mọi hoạt động giáo dục đều gắn với các cuộc vận động và phong trào thi đua bằng những việc làm thiết thực, phù hợp với điều kiện của địa phương và nhà trường. Sở Giáo dục và Đào tạo chỉ đạo các nhà trường thực hiện chương trình, kế hoạch giáo dục, dạy học theo chuẩn kiến thức, kĩ năng; thực hiện

⁽¹⁾ Sở Giáo dục và Đào tạo: *Báo cáo Tổng kết năm học 2010 - 2011. Phương hướng nhiệm vụ trọng tâm năm học 2011 - 2012*, ngày 10/8/2011, tr. 10.

⁽²⁾ Vụ Công tác lập pháp: *Những nội dung mới của Luật Giáo dục năm 2005: “Trong hệ thống giáo dục quốc dân có các cấp học và trình độ đào tạo (bỏ khái niệm bậc học) gồm giáo dục mẫu giáo, giáo dục phổ thông, giáo dục nghề nghiệp, giáo dục đại học”*. Nxb. Tư pháp, Hà Nội, 2005, tr. 14.

ting giản nội dung dạy học, đồng thời xây dựng và triển khai dạy học các chủ đề tích hợp.

Thực hiện Công văn số 3535/BGDĐT-GDTrH (27/5/2013) của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc *Hướng dẫn triển khai thực hiện phương pháp “Bàn tay nặn bột” và các phương pháp dạy học tích cực khác*, ngành Giáo dục Thái Nguyên chỉ đạo các nhà trường đổi mới phương pháp giảng dạy nhằm phát huy tính tích cực, chủ động, sáng tạo, giúp học sinh biết vận dụng kiến thức, kỹ năng vào thực tiễn. Phương pháp dạy học theo lối truyền thụ áp đặt một chiều, ghi nhớ máy móc từng bước được khắc phục. Trong các nhà trường, giáo viên đều chú ý rèn luyện cho học sinh về kỹ năng thực hành, vận dụng kiến thức; dạy học sinh cách học, cách nghĩ, khuyến khích tự học. Các nhà trường tích cực đổi mới sinh hoạt chuyên môn của tổ/nhóm chuyên môn thông qua hoạt động nghiên cứu bài học, tăng cường dự giờ thăm lớp; đổi mới phương pháp dạy học, đổi mới kiểm tra đánh giá...

Nhằm nâng cao chất lượng giáo dục, đào tạo, theo sự chỉ đạo của Ban Giám đốc Sở Giáo dục và Đào tạo, hằng năm các phòng giáo dục và đào tạo tổ chức thi giáo viên dạy giỏi cấp huyện, tham gia giao lưu giáo viên dạy giỏi cấp quốc gia. Riêng tháng 11/2011, Sở Giáo dục và Đào tạo tổ chức Hội thi giáo viên dạy giỏi cấp tỉnh các môn khoa học xã hội và các môn năng khiếu cấp Trung học cơ sở, đảm bảo an toàn, nghiêm túc, đúng quy chế, có tác dụng thúc đẩy nâng cao chất lượng giảng dạy trong các nhà trường. Kết quả, 131/154 giáo viên dự thi đạt danh hiệu *Giáo viên dạy giỏi cấp tỉnh*, trong đó có 7 giáo viên đạt danh hiệu *Giáo viên dạy giỏi xuất sắc*.

Tiếp đó, tháng 4/2012, Sở Giáo dục và Đào tạo tổ chức Hội thi giáo viên - tổng phụ trách Đội giỏi cấp tỉnh. Kết quả, 76/85 giáo viên dự thi đạt danh hiệu *Giáo viên - Tổng phụ trách Đội giỏi cấp tỉnh* (trong đó có 2 giáo viên đạt danh hiệu *Giáo viên - Tổng phụ trách Đội giỏi xuất sắc*). Đến tháng 2/2015, Sở Giáo dục và Đào tạo tổ chức Hội thi giáo viên dạy giỏi các môn khoa học tự nhiên và môn Thể dục cấp Trung học phổ thông. Kết quả, 212/314 giáo viên dự thi đạt danh hiệu *Giáo viên dạy giỏi cấp tỉnh* (bằng 67,52%), trong đó có 9 giáo viên đạt danh hiệu *Giáo viên dạy giỏi xuất sắc*⁽¹⁾. Cùng năm này, cuộc thi *Dạy học theo chủ đề tích hợp* cũng được tổ chức dành cho giáo viên Trung học. Tại vòng thi cấp tỉnh, 314/620 bài dự thi đoạt giải; trong đó có 14 giải Nhất, 39 giải Nhì, 118 giải Ba, 143 giải Khuyến khích. Sở Giáo dục và Đào tạo tỉnh đã chọn 30 bài dự thi cấp quốc gia. Kết quả, 21 bài đoạt giải, gồm 3 giải Nhì, 7 giải Ba và 10 giải Khuyến khích; 3 giải Toàn cuộc (1 giải Nhì, 2 giải Ba)⁽²⁾.

Kết quả các cuộc thi giáo viên giỏi nói trên tuy chưa hoàn toàn phản ánh đúng thực chất, nhưng đã tạo được những chuyển biến tích cực trong các nhà trường. Thông qua các cuộc thi, giáo viên các nhà trường có ý thức thường xuyên tự phấn đấu vươn lên về chuyên môn, nghiệp vụ.

Cùng với việc tổ chức thi giáo viên giỏi, vấn đề bồi dưỡng cán bộ quản lý và giáo viên được ngành Giáo dục tỉnh đặc biệt quan tâm, coi đây là một trong những mặt công tác quan trọng có tính quyết định đến chất lượng giáo dục, đào tạo. Để đảm bảo chất

⁽¹⁾ Sở Giáo dục và Đào tạo: *Báo cáo Tổng kết năm học 2014 - 2015*... Tlđđ, tr. 13.

⁽²⁾ Sở Giáo dục và Đào tạo: *Báo cáo Tổng kết năm học 2014 - 2015*... Tlđđ, tr. 14.

lượng, Sở Giáo dục và Đào tạo tập trung chỉ đạo sát từ nội dung bồi dưỡng, quy mô lớp học đến hình thức tổ chức. Trước khi mở lớp, Sở tiến hành khảo sát nhu cầu bồi dưỡng đối với giáo viên, cán bộ quản lý các cấp học. Do đó, các chuyên đề đưa ra bồi dưỡng là những vấn đề thiết thực nhất đối với công tác quản lý, giảng dạy ở các nhà trường và phù hợp đối với từng cấp học. Hằng năm, Sở Giáo dục và Đào tạo dành một phần kinh phí trong kinh phí chi thường xuyên được cấp để chi cho công tác đào tạo, bồi dưỡng giáo viên và cán bộ quản lý về chuyên môn, nghiệp vụ.

Nội dung bồi dưỡng cho giáo viên bao gồm những vấn đề về chuyên môn, về đổi mới phương pháp giảng dạy và các công tác kiêm nhiệm (công đoàn, đoàn, đội, thanh tra nhân dân...), đảm bảo tính cập nhật theo từng cấp học, môn học. Cán bộ quản lý được bồi dưỡng những kiến thức quản lý nhà nước về giáo dục và đào tạo, kỹ năng, nghiệp vụ quản lý giáo dục, về lý luận chính trị, quản lý tài chính, quản lý nhân sự, quản lý chuyên môn cấp học; về vấn đề thực hiện chế độ chính sách và về tin học, ngoại ngữ... Chỉ tính riêng trong năm học 2012 - 2013, Sở Giáo dục và Đào tạo tổ chức 61 lớp bồi dưỡng, tập huấn cho 7.982 lượt cán bộ quản lý và giáo viên cốt cán. Ở cấp huyện, các phòng Giáo dục và Đào tạo tổ chức 378 lớp tập huấn cho 24.080 lượt cán bộ quản lý, giáo viên các cấp học⁽¹⁾.

Đội ngũ cán bộ quản lý và giáo viên của các trung tâm được tập huấn bồi dưỡng về chuyên môn, nghiệp vụ. Riêng trong năm học 2010 - 2011, Ngành đã đã tổ chức 10 lớp bồi dưỡng cho 185 giáo viên về chuẩn kiến thức kỹ năng các môn học cấp Trung học

⁽¹⁾ Sở Giáo dục và Đào tạo Thái Nguyên: *Báo cáo Tổng kết công tác năm học 2012 - 2013. Phương hướng nhiệm vụ năm học 2013 - 2014*, ngày 10/8/2013, tr. 18.

phổ thông hệ Giáo dục thường xuyên; đồng thời mở 4 lớp bồi dưỡng về đổi mới phương pháp giảng dạy và ứng dụng công nghệ thông tin vào dạy học. Ngoài ra, các trung tâm giáo dục thường xuyên đã tổ chức được 26 chuyên đề về đổi mới phương pháp dạy học.

Nhờ thường xuyên được Ngành quan tâm bồi dưỡng, cùng với sự nỗ lực tự phấn đấu vươn lên, nên trình độ chuyên môn, nghiệp vụ của đội ngũ cán bộ quản lý và giáo viên trong tỉnh không ngừng được nâng cao. Tính đến ngày 31/7/2015, 100% cán bộ quản lý và giáo viên đạt chuẩn, trong đó 54,9% đạt trên chuẩn. Số cán bộ quản lý và giáo viên đạt trên chuẩn, ở cấp học Mầm non là 66,72%, cấp Tiểu học: 85,43%, cấp Trung học cơ sở: 77,86%, cấp Trung học phổ thông: 23,09%, Giáo dục thường xuyên và Kỹ thuật tổng hợp - Hướng nghiệp: 15,12%⁽¹⁾. Tính riêng cán bộ quản lý và giáo viên các trường từ cấp học Mầm non đến Trung học phổ thông, toàn ngành Giáo dục tỉnh Thái Nguyên có 664 Thạc sĩ và 1 Tiến sĩ; trong đó, cấp học Mầm non: 3 Thạc sĩ, cấp Tiểu học: 10 Thạc sĩ, cấp Trung học cơ sở: 75 Thạc sĩ, cấp Trung học phổ thông: 576 Thạc sĩ và 1 Tiến sĩ.

Việc tổ chức thi học sinh giỏi các cấp được duy trì thường xuyên và thuộc nhiều lĩnh vực. Riêng trong năm học 2011 - 2012, Ngành tổ chức kì thi học sinh giỏi cấp tỉnh đối với các lớp 9, 10, 11, 12 theo đúng kế hoạch, đúng quy chế, bảo đảm an toàn. Kết quả: Lớp 9 có 503/1.024 học sinh dự thi đoạt giải (trong đó: 13 giải Nhất, 74 giải Nhì, 161 giải Ba, 225 giải Khuyến khích); Lớp

⁽¹⁾ Sở Giáo dục và Đào tạo: *Báo cáo Tổng kết năm học 2014 - 2015. Phương hướng nhiệm vụ năm học 2015 - 2016*, ngày 18/8/2015, tr. 17.

10 có 1.319/2.702 học sinh dự thi đoạt giải (trong đó: 28 giải Nhất, 189 giải Nhì, 448 giải Ba, 649 giải Khuyến khích); Lớp 11 có 1.388/2.839 học sinh dự thi đoạt giải (trong đó: 39 giải Nhất, 243 giải Nhì, 460 giải Ba, 646 giải Khuyến khích); Lớp 12 có 1.391/2.452 học sinh dự thi đoạt giải (trong đó: 47 giải Nhất, 251 giải Nhì, 462 giải Ba, 631 giải Khuyến khích)⁽¹⁾.

Điều đáng chú ý là cuộc thi giải Toán và tiếng Anh qua mạng Internet thu hút ngày càng đông đảo học sinh các cấp tham gia. Trong năm học 2011 - 2012, cuộc thi IOE⁽²⁾ cấp tỉnh từ lớp 3 đến lớp 9 có 1.632 học sinh tham dự và cuộc thi giải Toán qua mạng cấp tỉnh từ lớp 3 đến lớp 12 có 1.998 học sinh tham dự. Trên cơ sở đó, ngành Giáo dục tỉnh cử 80 học sinh ở 2 khối (lớp 5, lớp 9) tham dự cuộc thi IOE cấp quốc gia và 90 học sinh ở 3 khối (lớp 5, 9, 11) tham dự cuộc thi giải Toán qua mạng cấp quốc gia. Kết quả, trong cuộc thi IOE có 51 học sinh đoạt giải (gồm: 1 *Huy chương Vàng*, 5 *Huy chương Bạc*, 12 *Huy chương Đồng*, 33 *Bằng Danh dự*); trong cuộc thi giải Toán qua mạng, có 32 học sinh đoạt giải (gồm: 3 *Huy chương Vàng*, 4 *Huy chương Bạc*, 15 *Huy chương Đồng*, 10 giải Khuyến khích)⁽³⁾. Đến năm học 2014 - 2015, số lượng học sinh tham gia cuộc thi Olympic tiếng Anh trên Internet tăng lên nhiều so với các năm học trước: Tiểu học có 31.836 học sinh, Trung học cơ sở có 24.981 học sinh, Trung học phổ thông có 3.931 học sinh. Cuộc thi giải Toán trên Internet có 2.135 học sinh đoạt giải ở cấp

⁽¹⁾ Sở Giáo dục và Đào tạo: *Báo cáo Tổng kết năm học 2011 - 2012. Phương hướng nhiệm vụ năm học 2012 - 2013*, ngày 10/8/2012, tr. 12.

⁽²⁾ Đây là cuộc thi Olympic tiếng Anh dành cho học sinh tiểu học, trung học cơ sở và trung học phổ thông trên toàn quốc do Bộ Giáo dục và Đào tạo đứng tổ chức.

⁽³⁾ Sở Giáo dục và Đào tạo: *Báo cáo Tổng kết năm học 2014 - 2015...* Tlđđ, tr. 13.

tỉnh; 92 trong tổng số 218 học sinh các khối lớp: 4, 5, 8, 9, 11 tham gia giải Toán trên Internet cấp quốc gia đoạt Huy chương. Cuộc thi tiếng Anh trên Internet có 1.888 học sinh đoạt giải ở cấp tỉnh; 180 trong tổng số 357 học sinh các khối lớp 5, 9, 11 tham gia cuộc thi tiếng Anh trên Internet cấp quốc gia đoạt giải⁽¹⁾.

Đặc biệt, trong năm học 2011 - 2012, Sở Giáo dục và Đào tạo Thái Nguyên được Bộ Giáo dục và Đào tạo chọn làm đơn vị đăng cai tổ chức cuộc thi giải toán trên máy tính cầm tay CASIO - VINACAL toàn quốc, gồm 15 tỉnh khu vực 1 tham gia. Kết quả, tỉnh Thái Nguyên có 26/30 học sinh dự thi đoạt giải (gồm: 6 giải Nhất, 9 giải Nhì, 5 giải Ba, 6 giải Khuyến khích)⁽²⁾. Cũng trong năm học này, tỉnh Thái Nguyên có 86 học sinh tham dự kì thi học sinh giỏi quốc gia. Kết quả, 52 học sinh đoạt giải (gồm: 1 giải Nhất, 10 giải Nhì, 20 giải Ba, 21 giải Khuyến khích), đứng thứ 11 về số lượng giải trong 63 tỉnh, thành phố và là đơn vị đứng thứ 14 trong số 71 đơn vị dự thi⁽³⁾.

Không dừng lại ở việc tổ chức các cuộc thi về kiến thức văn hóa, trong năm học 2014 - 2015, Sở Giáo dục và Đào tạo Thái Nguyên tổ chức thành công cuộc thi Khoa học kĩ thuật cấp tỉnh, có sự tham gia của 40 đơn vị (9 phòng Giáo dục & Đào tạo, 30 trường Trung học phổ thông và Trường Phổ thông dân tộc nội trú Nguyễn Bình Khiêm) với 105 dự án (11 dự án cá nhân và 94 dự án tập thể) thuộc 15 lĩnh vực. Kết quả, vòng chấm thi các lĩnh vực, có 8 giải Nhất, 20 giải Nhì, 42 giải Ba và 30 giải Khuyến khích. Vòng chấm thi toàn cuộc, có 10 dự án thuộc các đơn vị: Trường Trung học phổ

(1), (2) Sở Giáo dục và Đào tạo: *Báo cáo Tổng kết năm học 2014 - 2015...* Tlđđ, tr. 13.

(3) Sở Giáo dục và Đào tạo: *Báo cáo Tổng kết năm học 2011 - 2012...* Tlđđ, tr. 12.

thông Chuyên (3 dự án), Trường Trung học phổ thông Lương Ngọc Quyến (2 dự án), Trường Trung học phổ thông Đào Duy Từ (1 dự án), Phòng Giáo dục và Đào tạo Sông Công (2 dự án), Phòng Giáo dục và Đào tạo Đình Hóa (1 dự án), Phòng Giáo dục và Đào tạo Phổ Yên (1 dự án). Kết quả: 1 giải Nhất, 2 giải Nhì, 3 giải Ba, 4 giải Khuyến khích⁽¹⁾. Trường Trung học phổ thông Chuyên Thái Nguyên và Trường Trung học phổ thông Lương Ngọc Quyến là những đơn vị có truyền thống và kinh nghiệm trong việc hướng dẫn học sinh nghiên cứu khoa học.

Cũng trong năm học 2014 - 2015, Sở Giáo dục và Đào tạo Thái Nguyên tổ chức cuộc thi *Vận dụng kiến thức liên môn để giải quyết các tình huống thực tiễn* dành cho học sinh cấp Trung học. Tại vòng thi ở cấp tỉnh, 340/720 bài dự thi đoạt giải; trong đó có 16 giải Nhất, 44 giải Nhì, 130 giải Ba, 150 giải Khuyến khích. Sở đã chọn 40 bài dự thi ở cấp quốc gia; kết quả có 27 giải lĩnh vực (4 giải Nhất, 4 giải Nhì, 7 giải Ba, 12 giải Khuyến khích); 7 giải Toàn cuộc (5 giải Nhì, 2 giải Ba)⁽²⁾.

Ngoài các cuộc thi về kiến thức và vận dụng kiến thức liên môn để giải quyết các tình huống thực tiễn, ngành Giáo dục Thái Nguyên còn thường xuyên tổ chức Hội khỏe Phù Đổng, thu hút nhiều học sinh trong tỉnh tham gia. Trong năm 2012, tỉnh Thái Nguyên thành lập đội tuyển tham gia thi đấu 12 môn tại Hội khỏe Phù Đổng toàn quốc khu vực 1 do Bộ Giáo dục và Đào tạo tổ chức tại thành phố Việt Trì (tỉnh Phú Thọ) vào tháng 3/2012. Kết quả, đội tuyển tỉnh Thái Nguyên chiếm giải Ba toàn đoàn (7 Huy chương Vàng, 9 Huy chương Bạc, 27 Huy chương Đồng)...

(1), (2) Sở Giáo dục và Đào tạo: *Báo cáo Tổng kết năm học 2014 - 2015...* Tlđd, tr. 13.

Kết quả các cuộc thi trong học sinh những năm 2005 - 2015 chứng tỏ chất lượng giáo dục toàn diện của ngành Giáo dục tỉnh Thái Nguyên từng bước được nâng lên. Điều này cũng được phản ánh ở tỉ lệ học sinh tốt nghiệp Trung học phổ thông qua các năm đều đạt loại khá, giỏi: Từ 79,64% (năm 2007) đến 99,69% (năm 2012); các năm 2013 - 2015 đều đạt trên 90%.

Phát huy kết quả các thời kì trước, trong những năm 2005 - 2015, công tác xóa mù chữ, phổ cập giáo dục và xây dựng trường chuẩn quốc gia thường xuyên được chú ý. Trên cơ sở duy trì và củng cố vững chắc kết quả đã đạt được, các huyện, thành phố, thị xã trên địa bàn tỉnh tiến hành khảo sát điều tra, lập kế hoạch để nâng cao tỉ lệ người biết chữ trong độ tuổi. Đến tháng 6/2009, tỉ lệ người biết chữ trong độ tuổi (15 - 35) đạt 99,9%.

Ban Chỉ đạo phổ cập giáo dục trung học cơ sở của tỉnh tiếp tục chỉ đạo các đơn vị giữ vững kết quả đạt được; đồng thời cập nhật số liệu và các quy trình công nhận đạt chuẩn hằng năm để nâng cao chất lượng đạt chuẩn. Tính đến tháng 12/2008, toàn bộ 180 xã, phường, thị trấn của 9 huyện, thành phố, thị xã trong tỉnh đều nâng cao được các tiêu chuẩn và chất lượng phổ cập giáo dục tiểu học đúng độ tuổi. Vào thời điểm này, toàn tỉnh có 14.480/15.102 trẻ 11 tuổi (95,88%) đã hoàn thành chương trình tiểu học; trẻ 6 tuổi được huy động vào lớp 1 đạt trên 99%⁽¹⁾.

Lãnh đạo Ngành chỉ đạo tiếp tục giữ vững kết quả phổ cập giáo dục trung học cơ sở. Đến cuối năm 2007, Ban Chỉ đạo, Ban Điều hành phổ cập giáo dục trung học được thành lập ở tất cả các huyện, thành phố, thị xã trên địa bàn tỉnh và đi vào hoạt động có

⁽¹⁾ Sở Giáo dục và Đào tạo: *Báo cáo Tổng kết năm học 2008 - 2009 của ngành Giáo dục - Đào tạo tỉnh Thái Nguyên...* Tlđd, tr. 8.

hiệu quả. Các đơn vị đều tiến hành điều tra để nắm vững số liệu từng độ tuổi ở từng xã, phường, thị trấn; lập hồ sơ, kế hoạch phổ cập giáo dục trung học ở từng đơn vị theo từng năm, từng giai đoạn. Kết quả đến năm học 2008 - 2009, toàn bộ 180 xã, phường, thị trấn trong tỉnh đã đạt chuẩn quốc gia phổ cập giáo dục trung học cơ sở⁽¹⁾.

Từ những kết quả trên, vào tháng 6/2014, theo Quyết định số 5085/QĐ-BGDĐT ngày 3/11/2014 của Bộ Giáo dục và Đào tạo, tỉnh Thái Nguyên đạt chuẩn quốc gia về phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em 5 tuổi. Đến tháng 12/2014, theo Quyết định số 516/QĐ-BGDĐT ngày 14/2/2015 của Bộ Giáo dục và Đào tạo, tỉnh Thái Nguyên được công nhận đạt chuẩn quốc gia về phổ cập giáo dục tiểu học đúng độ tuổi mức độ 2. Công tác phổ cập giáo dục trung học cơ sở tiếp tục giữ vững và duy trì chuẩn một cách vững chắc với 180/180 xã, phường, thị trấn và 9/9 huyện, thị, thành, đạt tỉ lệ 100%. Toàn tỉnh có 40 xã trong tổng số 180 xã, phường, thị trấn (22,22%) đạt chuẩn phổ cập giáo dục trung học⁽²⁾.

Việc xây dựng trường chuẩn quốc gia là một trong những mặt công tác được các cấp chính quyền quan tâm chỉ đạo. Tất cả các huyện, thành, thị đều có đề án và cơ chế, chính sách để đẩy nhanh tiến độ xây dựng trường chuẩn. Mặc dù cơ sở vật chất của các trường gặp nhiều khó khăn do điều kiện kinh tế - xã hội và nguồn ngân sách Nhà nước đầu tư cho giáo dục còn hạn chế, việc xây dựng trường chuẩn quốc gia vẫn thu được kết quả. Trong năm học

⁽¹⁾ Sở Giáo dục và Đào tạo: *Báo cáo Tổng kết năm học 2008 - 2009 của ngành Giáo dục - Đào tạo tỉnh Thái Nguyên...* Tlđd, tr. 8.

⁽²⁾ Sở Giáo dục và Đào tạo: *Báo cáo Tổng kết năm học 2014 - 2015...* Tlđd, tr. 5.

2005 - 2006, toàn tỉnh có 10 trường trung học cơ sở và 2 trường trung học phổ thông đạt chuẩn quốc gia⁽¹⁾. Mười năm sau, tính đến ngày 31/7/2015, số trường đạt chuẩn quốc gia đã tăng lên 485 trong tổng số 667 trường, đạt 72,71% và tăng 33 trường so với cùng kì năm trước. Trong số 485 trường đạt chuẩn quốc gia, ngành học Mầm non có 154/223 trường, tăng 15 trường (13 trường đạt chuẩn mức độ 2); cấp Tiểu học có 210/226 trường, tăng 4 trường (24 trường đạt chuẩn mức độ 2); Trung học cơ sở có 108/187 trường, tăng 9 trường; Trung học phổ thông có 13/31 trường, tăng 1 trường so với cùng kì năm trước⁽²⁾.

Cơ sở vật chất, trang thiết bị trường học là một trong những nhân tố có tính quyết định đối với việc nâng cao chất lượng đào tạo. Nhận thức rõ điều này, Ngành đã xây dựng kế hoạch phát triển giáo dục - đào tạo giai đoạn 2005 - 2010; huy động các tổ chức xã hội đẩy mạnh việc đầu tư xây dựng kiên cố hóa trường học. Năm 2005, toàn tỉnh xây dựng mới 604 phòng học; năm 2008, xây mới 687 phòng (vượt 243 phòng so với kế hoạch 444 phòng)⁽³⁾. Trong những năm sau đó, cơ sở vật chất trường học tiếp tục được đầu tư xây dựng. Tính đến tháng 8/2015, toàn tỉnh có 8.433 phòng học; trong đó số phòng học kiên cố và bán kiên cố chiếm 91,8%⁽⁴⁾.

⁽¹⁾ Sở Giáo dục và Đào tạo: *Báo cáo sơ kết học kì I năm học 2005 - 2006 của ngành Giáo dục - Đào tạo tỉnh Thái Nguyên...* Tlđđ, tr. 8.

⁽²⁾ Sở Giáo dục và Đào tạo: *Báo cáo Tổng kết năm học 2014 - 2015...* Tlđđ, tr. 17.

⁽³⁾ Sở Giáo dục và Đào tạo: *Báo cáo Tổng kết năm học 2008 - 2009 của ngành Giáo dục - Đào tạo tỉnh Thái Nguyên...* Tlđđ, tr. 17.

⁽⁴⁾ Sở Giáo dục và Đào tạo: *Báo cáo Tổng kết năm học 2014 - 2015...* Tlđđ, tr. 17.

Cùng với việc đầu tư xây dựng cơ sở vật chất, thiết bị trường học cũng được tăng cường, đáp ứng ngày càng tốt hơn yêu cầu của sự nghiệp giáo dục - đào tạo. Trong năm học 2014 - 2015, Sở Giáo dục và Đào tạo đã sử dụng nguồn vốn Chương trình mục tiêu quốc gia về giáo dục, đào tạo và nguồn vốn sự nghiệp với tổng kinh phí trên 27,7 tỉ đồng để mua sắm thiết bị dạy học cho ngành Mầm non, các thiết bị tin học, phòng học bộ môn cho khối Trung học phổ thông; mua 41 bộ thiết bị dạy học trong lớp, 26 bộ thiết bị đồ chơi ngoài trời, trị giá trên 5,6 tỉ đồng phục vụ cho phổ cập giáo dục mầm non trẻ em 5 tuổi. Ngoài ra, ngành Giáo dục tỉnh còn trang bị hệ thống phòng tin học cho các đơn vị trực thuộc Sở trên 1.470 máy tính và 46 máy chiếu với tổng trị giá hơn 15 tỉ đồng; trang bị 3 bộ thiết bị dạy học tối thiểu từ lớp 6 đến lớp 9 cho các trường phổ thông dân tộc nội trú cấp Trung học cơ sở, trị giá 1,7 tỉ đồng; trang bị phòng học bộ môn, thư viện, phòng học thực hành cho các trường trung học phổ thông và Trung tâm Giáo dục thường xuyên, Hướng nghiệp - Dạy nghề, trị giá trên 4 tỉ đồng; trang bị hơn 1.000 đầu sách giáo khoa, sách tham khảo cho thư viện dùng chung ở các trường tiểu học, trung học cơ sở, trung học phổ thông thuộc vùng đặc biệt khó khăn, trị giá 500 triệu đồng⁽¹⁾.

Chấp hành Thông tư liên tịch số 21/2004/TTLT/BGD&ĐT-BNV ngày 23/7/2004 của Bộ Giáo dục và Đào tạo - Bộ Nội vụ về việc *Hướng dẫn chức năng nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của cơ quan chuyên môn giúp Ủy ban nhân dân quản lý nhà nước về giáo dục - đào tạo ở địa phương*, Sở Giáo dục và Đào tạo đã xây dựng đề án thực hiện, tham mưu cho Ủy ban Nhân dân tỉnh quyết

⁽¹⁾ Sở Giáo dục và Đào tạo: *Báo cáo Tổng kết năm học 2014 - 2015...* Tlđđ, tr. 17.

định cơ cấu tổ chức bộ máy Sở Giáo dục và Đào tạo. Theo đó, Ban Giám đốc Sở có 3 đồng chí; cơ cấu tổ chức bộ máy gồm có: Văn phòng, 9 phòng, ban chuyên môn: Giáo dục Mầm non, Giáo dục Tiểu học, Trung học phổ thông, Giáo dục chuyên nghiệp, Tổ chức cán bộ, Kế hoạch - Tài vụ, Hành chính - Tổng hợp, Thanh tra Ngành và Thường trực Công đoàn Ngành. Đội ngũ cán bộ quản lý ở cơ quan Sở và cán bộ quản lý các đơn vị trực thuộc được bổ sung, kiện toàn. Riêng trong năm 2005, toàn Ngành đã bổ nhiệm 37 cán bộ quản lý các cấp; trong đó có 28 cán bộ mới được bổ nhiệm và 9 cán bộ được bổ nhiệm lại, không có miễn nhiệm. Hầu hết cán bộ quản lý đều có phương pháp làm việc khoa học; quản lý và điều hành có hiệu quả, có chất lượng mọi hoạt động của các cơ sở giáo dục, các trường học.

Công tác quản lý giáo dục được đổi mới. Chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của Sở Giáo dục và Đào tạo được đảm bảo theo quy định tại Thông tư liên tịch số 47/2011/TTLT-BGDĐT-BNV ngày 19/10/2011 của Bộ Giáo dục & Đào tạo và Bộ Nội vụ. Chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, cơ cấu tổ chức của các phòng giáo dục và đào tạo trực thuộc Sở về cơ bản được thực hiện theo tinh thần Thông tư số 47/2011/TTLT-BGDĐT-BNV của Bộ Giáo dục và Đào tạo - Bộ Nội vụ. Riêng việc bổ nhiệm cán bộ quản lý các trường mầm non, tiểu học, trung học cơ sở vẫn do Chủ tịch ủy ban nhân dân cấp huyện thực hiện.

Trong quá trình chỉ đạo thực hiện nhiệm vụ chính trị, ngành Giáo dục tỉnh luôn chú trọng công tác thanh tra, coi đó là một bộ phận cấu thành hữu cơ của cơ quan quản lý nhà nước, là phương tiện nhận thức của quá trình quản lý nhà nước. Quản lý nhà nước, quản lý xã hội mà không có thanh tra, kiểm tra, thì coi như không có

quản lí. Chính vì vậy, hằng năm, Ban Giám đốc Sở và các phòng Giáo dục và Đào tạo đều tổ chức các đợt thanh tra. Riêng trong năm học 2005 - 2006, cùng với việc thanh tra toàn diện 7 trong tổng số 11 đơn vị, Sở đã tiến hành thanh tra 134 giáo viên Trung học phổ thông. Kết quả thanh tra cho thấy: 85 giáo viên đạt loại tốt (63,4%), 29 giáo viên đạt loại khá (21,6%) và 2 giáo viên đạt yêu cầu (1,5%). Ngoài ra, Sở còn thanh tra nghiệp vụ sư phạm đối với giáo viên dạy lớp 4 và lớp 9. Trong số giáo viên được thanh tra, có 1.379 giáo viên được xếp loại, 446 giáo viên không xếp loại, 7 giáo viên được đề nghị tiếp tục bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ do tay nghề yếu ⁽¹⁾.

Cùng thời gian trên, các phòng Giáo dục và Đào tạo thanh tra toàn diện các đơn vị trực thuộc. Kết quả, trong số 32 trường mầm non được thanh tra, có 9 trường đạt loại tốt (28,1%), 18 trường loại khá (56,2%), 5 trường đạt yêu cầu (15,6%); trong số 43 trường tiểu học được thanh tra, có 19 trường đạt loại tốt (44,1%), 19 trường loại khá (44,1%), 4 trường đạt yêu cầu (0,93%); trong số 25 trường trung học cơ sở được thanh tra, có 7 trường đạt loại tốt (28%), 16 trường loại khá (64%), 2 trường đạt yêu cầu (0,8%)⁽²⁾.

Từ năm học 2010 - 2011, công tác thanh tra càng được đẩy mạnh. Trong năm học này, ngành Giáo dục tỉnh tiến hành hàng loạt các cuộc thanh tra: Thanh tra toàn diện 10 cơ sở giáo dục, đạt 22,73% (vượt 7,73%); thanh tra hoạt động sư phạm của 299 giáo viên, đạt 14,46% (vượt 2,46%); thanh tra hành chính 16 cuộc (3 cuộc riêng biệt, 13 cuộc lồng ghép); thanh tra chuyên ngành Giáo

^{(1), (2)} Sở Giáo dục và Đào tạo: *Báo cáo sơ kết học kì I năm học 2005 - 2006 của ngành Giáo dục - Đào tạo tỉnh Thái Nguyên...* Tlđđ, tr. 13.

dục và Đào tạo đối với 48 đơn vị (xếp loại tốt 39, xếp loại khá 9); thanh tra 158 giáo viên (xếp loại tốt 91, loại khá 57, loại trung bình 10); thanh tra các chuyên đề quản lý dạy thêm, học thêm tại 13/44 đơn vị, đạt 29,54%⁽¹⁾. Ngoài ra, Ngành còn tổ chức 15 cuộc thanh tra công tác tuyển sinh và liên kết đào tạo (trong đó có 8 cuộc thanh tra liên kết đào tạo đối với các trường đại học, cao đẳng và trung học chuyên nghiệp; 7 cuộc thanh tra công tác tuyển sinh tại các trường cao đẳng, trung học chuyên nghiệp); 12 cuộc thanh tra tuyển sinh đầu cấp và các khoản thu đầu năm⁽²⁾...

Từ năm học 2014 - 2015, công tác thanh tra, kiểm tra tiếp tục đổi mới theo tinh thần Nghị định số 42/2013/NĐ-CP ngày 9/5/2013 của Chính phủ *Về tổ chức và hoạt động thanh tra giáo dục*. Sở Giáo dục và Đào tạo tổ chức các hội nghị tập huấn cho thủ trưởng, Chủ tịch Công đoàn cơ sở và cộng tác viên thanh tra để triển khai các văn bản về công tác thanh tra, kiểm tra; đồng thời phối hợp với Công đoàn Ngành tổ chức bồi dưỡng nghiệp vụ cho Trưởng ban Thanh tra nhân dân các đơn vị trực thuộc. Các cuộc thanh tra được thực hiện đúng tiến độ theo kế hoạch, các chỉ tiêu đều đạt và vượt so với kế hoạch. Ngoài việc thanh tra hành chính 10/46 đơn vị trực thuộc (vượt 42,9% kế hoạch), thanh tra chuyên ngành 3/9 phòng Giáo dục và Đào tạo (đạt 100% kế hoạch)..., Sở Giáo dục và Đào tạo đã tiến hành nhiều cuộc thanh tra, kiểm tra theo các chuyên đề.

Hoạt động thanh tra, kiểm tra đã thực sự đổi mới và có tác dụng tích cực trong việc giữ vững kỉ cương, nề nếp tại các nhà trường, các cơ sở giáo dục, góp phần đổi mới quản lý, nâng cao chất lượng giáo dục, đào tạo.

(1), (2) Sở Giáo dục và Đào tạo: *Báo cáo Tổng kết năm học 2010 - 2011. Phương hướng nhiệm vụ trọng tâm năm học 2011 - 2012*, ngày 10/8/2011, tr. 2, 3.

Cùng với các hoạt động thanh tra, kiểm tra, công tác kiểm định chất lượng giáo dục được thực hiện nghiêm túc. Tính đến ngày 31/5/2011, toàn Ngành có 330 trường phổ thông hoàn thành báo cáo tự đánh giá; 22 trường hoàn thành đánh giá ngoài, trong đó 20 trường đạt tiêu chuẩn chất lượng cấp độ 3 là cấp độ cao nhất, 2 trường đạt tiêu chuẩn chất lượng cấp độ 2⁽¹⁾. Thái Nguyên là một trong những tỉnh có số trường hoàn thành đánh giá ngoài cao nhất nước. Phòng Khảo thí và Kiểm định chất lượng giáo dục trực thuộc Sở Giáo dục và Đào tạo được bố trí đủ cán bộ, đáp ứng được yêu cầu nhiệm vụ của Ngành. Cơ sở vật chất, các thiết bị và nguồn kinh phí được đầu tư đảm bảo cho hoạt động khảo thí và kiểm định chất lượng giáo dục.

Việc triển khai ứng dụng công nghệ thông tin trong đổi mới phương pháp dạy, học ở từng cấp học được đẩy mạnh và thu nhiều kết quả rõ rệt. Trong năm học 2010 - 2011, toàn bộ 207 trường mầm non đều ứng dụng công nghệ thông tin, với tổng số 1.156 máy tính, trong đó có 650 máy cái đặt phần mềm chăm sóc giáo dục trẻ, số còn lại phục vụ công tác quản lý trong các cơ sở giáo dục mầm non; 89,89% số trường nối mạng Internet⁽²⁾.

Ở cấp Tiểu học, các trường bước đầu ứng dụng công nghệ thông tin phục vụ cho công tác quản lý và dạy học. Mỗi trường có ít nhất 2 bộ máy tính, nhiều trường được trang bị máy chiếu Projecter và một số thiết bị hỗ trợ khác. Đến tháng 6/2009, bằng nguồn ngân sách của Nhà nước và nguồn vốn do nhân dân đóng góp, 36 trường

⁽¹⁾ Sở Giáo dục và Đào tạo: *Báo cáo Tổng kết năm học 2010 - 2011. Phương hướng nhiệm vụ trọng tâm năm học 2011 - 2012*, ngày 10/8/2011, tr. 3, 10.

được trang bị mỗi trường 1 phòng máy tính, có 8.467 học sinh học tin học⁽¹⁾.

Ở cấp Trung học cơ sở và Trung học phổ thông, việc ứng dụng công nghệ thông tin được triển khai theo đúng sự chỉ đạo của Bộ Giáo dục và Đào tạo. Từ cuối năm học 2008 - 2009, 100% các trường trung học phổ thông đã có phòng máy tính; 100% cán bộ, giáo viên được tập huấn và sử dụng bài giảng điện tử trong giờ dạy theo quy định.

Ngành đã chỉ đạo hoàn thành kết nối mạng giáo dục, hoàn thiện trang thông tin điện tử www.thainguyen.edu.vn; tiếp tục triển khai hệ thống email @moet.edu.vn.@thainguyen.edu.vn phục vụ công tác quản lý chung của Ngành. Việc đưa tin bài trên trang web đảm bảo chính xác, kịp thời, phản ánh đầy đủ các hoạt động và kết quả đạt được của toàn Ngành.

Thực hiện chính sách phát triển giáo dục nói chung, phát triển giáo dục cho đồng bào dân tộc ít người nói riêng, tỉnh Thái Nguyên rất quan tâm đến sự phát triển loại hình các trường chuyên biệt, trong đó có trường dân tộc nội trú. Ngay từ năm 1997, theo Quyết định số 2216/QĐ-UB ngày 6/9/1997 của Ủy ban Nhân dân tỉnh, Thái Nguyên đã thành lập Trường Phổ thông dân tộc nội trú, đặt tại huyện vùng cao Võ Nhai, làm nhiệm vụ dạy học sinh cấp Trung học cơ sở.

Để học sinh dân tộc nội trú có điều kiện học tập, được chăm sóc tốt hơn, có điều kiện tiếp xúc với khoa học công nghệ tốt hơn,

⁽¹⁾ Sở Giáo dục và Đào tạo: *Báo cáo Tổng kết năm học 2008 - 2009 của ngành Giáo dục - Đào tạo tỉnh Thái Nguyên*. Số 884/BC-GDĐT, ngày 24/6/2009, tr.15.

theo đề nghị của Sở Giáo dục và Đào tạo, ngày 24/5/2005, Ủy ban Nhân dân tỉnh ra Quyết định số 932/QĐ-UB chuyển địa điểm Trường Phổ thông dân tộc nội trú tỉnh Thái Nguyên từ huyện Võ Nhai, về thành phố Thái Nguyên trên cơ sở nâng cấp cơ sở vật chất của Trường Trung học phổ thông bán công Việt Bắc. Cơ sở vật chất của Trường Phổ thông dân tộc nội trú tỉnh tại huyện Võ Nhai được giữ lại để thành lập Trường Phổ thông dân tộc nội trú huyện Võ Nhai, làm nhiệm vụ dạy học sinh cấp Trung học cơ sở. Trong những năm tiếp theo, tỉnh cho xây dựng thêm một số trường phổ thông dân tộc nội trú và bán trú ở các huyện: Võ Nhai, Đại Từ, Phú Lương, Đồng Hỷ. Tính đến thời điểm tháng 8/2015, không kể hệ Nội trú cấp Trung học cơ sở tại Trường Trung học phổ thông Bình Yên (huyện Định Hóa), ngành Giáo dục tỉnh Thái Nguyên có 5 trường phổ thông dân tộc nội trú và 9 trường phổ thông dân tộc bán trú từ cấp Tiểu học đến cấp Trung học phổ thông.

Trong quá trình chỉ đạo chuyên môn, ngành Giáo dục Thái Nguyên triển khai thực hiện có kết quả nhiều cuộc vận động. Nổi bật là cuộc vận động *Học tập và làm theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh* gắn với cuộc vận động *Mỗi thầy, cô giáo là một tấm gương đạo đức, tự học và sáng tạo*; cuộc vận động *Quyên góp sách vở, quần áo, đồ dùng học tập giúp đỡ học sinh, giáo viên vùng khó khăn*; cuộc vận động *Nói không với tiêu cực trong thi cử và bệnh thành tích trong giáo dục*, gọi tắt là cuộc vận động *Hai không*.

Hưởng ứng cuộc vận động *Nói không với tiêu cực trong thi cử và bệnh thành tích trong giáo dục*, Công đoàn ngành Giáo dục phối hợp với chuyên môn thực hiện phương châm *3 cùng* (cùng phát hiện vấn đề, cùng đề xuất giải pháp, cùng tổ chức thực hiện). Công

đoàn thường xuyên phát huy vai trò tổ chức, động viên cán bộ, giáo viên tích cực hưởng ứng các phong trào thi đua: “*Dạy tốt - Học tốt*”, “*Giỏi việc trường - Đảm việc nhà*”; thực hiện có hiệu quả các cuộc vận động: “*Dân chủ - Kỷ cương - Tình thương - Trách nhiệm*”, “*Xã hội hóa giáo dục*”, “*Nói không với tiêu cực trong thi cử và bệnh thành tích trong giáo dục*”, “*Mỗi thầy, cô giáo là một tấm gương đạo đức, tự học và sáng tạo*”, “*Xây dựng cơ quan văn hóa, gia đình văn hóa*”. Công đoàn còn phối hợp với chuyên môn thực hiện “*3 đủ*” (đủ ăn, đủ mặc, đủ sách vở và đồ dùng học tập) cho học sinh vùng khó khăn, vùng núi cao, học sinh có hoàn cảnh khó khăn; hỗ trợ xây dựng nhà công vụ cho giáo viên... Do có nhiều thành tích trong hoạt động, Công đoàn ngành Giáo dục Thái Nguyên đã được các cấp khen thưởng: Bộ Giáo dục và Đào tạo tặng Bằng khen về thành tích xuất sắc tiêu biểu trong hoạt động công đoàn giai đoạn 2003 - 2008; Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam tặng Bằng khen về thành tích xuất sắc trong phong trào *Giỏi việc trường - Đảm việc nhà*, v.v...

Kết quả thực hiện các phong trào thi đua và các cuộc vận động đã tạo được sự chuyển biến mạnh mẽ trong ý thức trách nhiệm của đội ngũ cán bộ, giáo viên toàn Ngành; giúp họ tự hoàn thiện mình về chuyên môn, về đạo đức, lương tâm nghề nghiệp. Ý thức tự học, học thực chất, dạy thực chất được đẩy lên trong các nhà trường. Đặc biệt, tại Hội nghị tổng kết năm học 2007 - 2008 và triển khai nhiệm vụ năm học 2008 - 2009, ngành Giáo dục tỉnh đã sơ kết 2 năm thực hiện cuộc vận động *Hai không*; đồng thời tổ chức

kí giao ước thi đua trong cán bộ quản lí các cấp về việc thực hiện có hiệu quả Chỉ thị số 33/2006/CT-TTg (ngày 8/9/2006) của Thủ tướng Chính phủ *Về chống tiêu cực và khắc phục bệnh thành tích trong giáo dục*. 100% các đơn vị đã tổ chức lễ phát động và kí cam kết trong cán bộ, giáo viên, học sinh; đồng thời triển khai thực hiện nghiêm túc có hiệu quả ở từng nhà trường.

Ngoài việc tổ chức các phong trào thi đua, các cuộc vận động, Công đoàn ngành Giáo dục còn tích cực tham gia xây dựng Đảng, xây dựng chính quyền trong sạch vững mạnh, coi đó là một trong những hoạt động thường xuyên của mình. Công đoàn luôn tham gia các kì lấy phiếu tín nhiệm bầu Tổ trưởng chuyên môn và cán bộ quản lí từ cơ sở đến cấp ngành; vận động, tổ chức cho đoàn viên đóng góp ý kiến xây dựng chi bộ và đảng viên ở cơ sở; chủ động giới thiệu đoàn viên ưu tú với tổ chức Đảng để xem xét kết nạp. Từ năm 2003 đến năm 2008, toàn Ngành có 3.346 quần chúng ưu tú được kết nạp vào Đảng, nâng tổng số đảng viên trong Ngành lên 7.167 đồng chí (chiếm 42,4% tổng số cán bộ, giáo viên, công nhân viên)⁽¹⁾. Đến tháng 1/2008, tất cả các trường học trên địa bàn tỉnh đều có đảng viên. Đây là một kết quả quan trọng, góp phần tăng cường vai trò lãnh đạo của Đảng đối với mọi mặt hoạt động trong các trường học trên địa bàn tỉnh.

Vấn đề khảo sát, phân loại học sinh là một trong những biện pháp cần thiết để dạy đúng đối tượng, từng bước nâng cao chất lượng dạy và học. Nhận thức rõ điều này, vào đầu các năm học, Sở

⁽¹⁾ Theo: Báo cáo của Ban Chấp hành Công đoàn Giáo dục tỉnh Thái Nguyên khóa XV tại Đại hội XVI Công đoàn Giáo dục tỉnh nhiệm kì 2008 - 2013. Số 15/CĐN, ngày 4/3/2008, tr. 10.

Giáo dục và Đào tạo đều chỉ đạo các trường trung học phổ thông, trung học cơ sở tiến hành khảo sát, phân loại học sinh để sắp xếp lớp và bố trí giáo viên giảng dạy. Trong thời gian này, tình trạng học sinh bỏ học vẫn xảy ra, tuy đã giảm hơn so với những năm trước. Tính đến thời điểm 30/5/2009, số học sinh bỏ học ở cấp Trung học cơ sở chiếm 0,72%, ở cấp Trung học phổ thông là 1,8% so với tổng số học sinh⁽¹⁾.

Để khắc phục triệt để tình trạng học sinh bỏ học, toàn Ngành đã thực hiện nhiều biện pháp tích cực. Ban Giám đốc Sở chỉ đạo các đơn vị trong toàn Ngành làm tốt công tác tuyên truyền; phối hợp chặt chẽ giữa nhà trường với Hội Cha mẹ học sinh và các cơ quan, đoàn thể đóng trên địa bàn để tổ chức quản lý giáo dục các em. Các thầy, cô giáo trong nhà trường tổ chức phụ đạo cho học sinh yếu kém, mở rộng nhiều mô hình giúp những học sinh yếu kém, rỗng kiến thức có thể theo kịp chương trình. Cùng với việc chỉ đạo Đoàn Thanh niên tổ chức các hoạt động văn hóa, văn nghệ, thể dục thể thao nhằm tạo ra sân chơi lành mạnh, bổ ích, thu hút đông đảo học sinh tham gia, các nhà trường thường xuyên phát động phong trào quyên góp ủng hộ, giúp đỡ những học sinh có hoàn cảnh khó khăn; đồng thời kết hợp với Hội Cha mẹ học sinh, Đoàn Thanh niên tạo lập quỹ học bổng, quỹ khen thưởng đối với những học sinh nghèo vượt khó...

Nhận rõ công tác thi đua khen thưởng là động lực của sự phát triển tích cực, ngay từ đầu các năm học, Ban Giám đốc Sở Giáo dục và Đào tạo đã chỉ đạo Thường trực thi đua xây dựng kế hoạch và

⁽¹⁾ Sở Giáo dục và Đào tạo: *Báo cáo Tổng kết năm học 2008 - 2009 của ngành Giáo dục - Đào tạo tỉnh Thái Nguyên...* Tlđđ, tr. 3.

phương án hoạt động thi đua trong toàn Ngành. Cùng với việc ban hành kịp thời các văn bản chỉ đạo công tác thi đua khen thưởng, Sở Giáo dục và Đào tạo tổ chức tập huấn về công tác thi đua khen thưởng cho cán bộ quản lý và cán bộ phụ trách thi đua các đơn vị. Hằng năm, 100% các trường đều tổ chức phát động thi đua một cách nghiêm túc theo chủ đề, có sơ kết đánh giá, khen thưởng kịp thời; các đơn vị đều tổ chức Hội nghị cán bộ công chức, viên chức nhằm phát huy tinh thần dân chủ xây dựng nội dung và kế hoạch thi đua.

Đặc biệt, ngày 1/7/2011, ngành Giáo dục tỉnh Thái Nguyên đã tổ chức thành công Hội nghị Tổng kết thi đua vùng 1 năm học 2010 - 2011, được Lãnh đạo Bộ và các sở giáo dục & đào tạo 15 tỉnh đánh giá cao. Ngành đã tổ chức tổng kết 5 năm điển hình tiên tiến giai đoạn 2005 - 2010; sơ kết 3 năm cuộc vận động *Mỗi thầy, cô giáo là một tấm gương đạo đức, tự học và sáng tạo*; tổng kết 10 năm công tác xây dựng trường học đạt chuẩn quốc gia, 10 năm công tác phổ cập giáo dục giai đoạn 2001 - 2010; sơ kết 2 năm phong trào thi đua *Xây dựng trường học thân thiện, học sinh tích cực*.

Trong phong trào thi đua, toàn Ngành có 5 tập thể, 1 cá nhân được nhận *Huân chương Lao động hạng Ba*; 1 tập thể nhận *Cờ thi đua xuất sắc* của Chính phủ; 9 tập thể, 3 cá nhân nhận Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ; 19 tập thể, 13 cá nhân được đề nghị Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo tặng Bằng khen; 64 cá nhân, 50 tập thể được Ủy ban Nhân dân tỉnh tặng Bằng khen; 178 cá nhân và 212 tập thể được Giám đốc Sở Giáo dục và Đào tạo tặng Giấy khen.

Với những thành tích đặc biệt xuất sắc, năm 2011, ngành Giáo dục tỉnh Thái Nguyên đã được Đảng và Nhà nước trao tặng *Huân chương Độc lập hạng Ba*.

Phát huy thành tích đã đạt được, từ năm học 2010 - 2011, ngành Giáo dục tỉnh Thái Nguyên tiếp tục thực hiện cuộc vận động *Mỗi thầy giáo, cô giáo là một tấm gương đạo đức, tự học và sáng tạo*. Kết quả, trong tổng số 16.797/18.071 (92,95%) cán bộ, giáo viên, nhân viên được đánh giá, có 13.473 người loại tốt (80,2%); 2.927 người loại khá (17,42%); 416 người đạt yêu cầu (2,47%) và 2 người cần cố gắng. Trong số 661 tập thể được đánh giá, có 596 đơn vị loại tốt (90,17%); 61 đơn vị loại khá (9,23%) và 4 đơn vị đạt yêu cầu (0,6%)⁽¹⁾.

Phong trào thi đua *Xây dựng trường học thân thiện, học sinh tích cực* được phát động từ năm 2008 theo tinh thần Chỉ thị số 40/2008/CT-BGD&ĐT ngày 22/7/2008 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo, tiếp tục được đẩy mạnh, coi đó là giải pháp đột phá và lâu dài để nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện, đặc biệt là giáo dục đạo đức, nhân cách cho học sinh. Phong trào được triển khai từ cấp tỉnh tới cấp cơ sở nhằm huy động sức mạnh tổng hợp của các lực lượng trong và ngoài nhà trường để thực hiện nhiệm vụ giáo dục. Phong trào thi đua có sức lan tỏa mạnh mẽ, 100% các trường tham gia phần đầu. Theo kết quả kiểm tra đánh giá, năm học 2010 - 2011 có 415 trường xuất sắc, 206 trường đạt loại tốt, 39 trường đạt loại khá, không có trường đạt trung bình, 1 trường cần cố gắng⁽²⁾. Tất cả các trường đều xây dựng quy tắc ứng xử văn hoá và tổ chức nhiều hoạt động vui tươi

^{(1), (2)} Sở Giáo dục và Đào tạo: *Báo cáo Tổng kết năm học 2010 - 2011...* Tlđd, tr. 5.

lành mạnh. Tính riêng năm học 2010 - 2011, trong tổng số 661 trường, 412 trường có khuôn viên cây xanh đẹp (đạt 62,3%), 541 trường có công trình vệ sinh mới (đạt 81,8%); 99% số trường có công trình hợp vệ sinh; 98,9% số trường có công trình nước hợp vệ sinh. Lớp học đủ ánh sáng, bàn ghế phù hợp với lứa tuổi học sinh. Tính từ tháng 9/2008 đến 31/5/2011, toàn Ngành đã trồng được 111.498 cây xanh các loại phù hợp với điều kiện nhà trường⁽¹⁾. Các trò chơi dân gian, như đá cầu, kéo co, bịt mắt bắt dê, nhảy dây, ô ăn quan, đánh chuyền, thả đĩa ba ba, vật dân tộc... và hát, múa theo các làn điệu dân ca 3 miền, được đưa vào trường học.

Ngoài việc tập trung chỉ đạo thực hiện phong trào thi đua *Xây dựng trường học thân thiện, học sinh tích cực*, ngành Giáo dục tỉnh còn tham gia các hoạt động xã hội: Chăm sóc *Bà mẹ Việt Nam anh hùng* và các gia đình thương binh, liệt sĩ; quyên góp tiền ủng hộ gia đình thương binh, liệt sĩ, gia đình khó khăn; ủng hộ, giúp đỡ học sinh nghèo⁽²⁾, v.v...

Cùng với ngành Giáo dục phổ thông, các cơ sở giáo dục thường xuyên phát triển ổn định, phù hợp với điều kiện của địa phương. Trong năm học 2010 - 2011, tỉnh đã đầu tư xây dựng thêm cơ sở vật chất cho 5 trung tâm giáo dục thường xuyên, tạo điều kiện thuận lợi cho việc hoàn thành nhiệm vụ năm học.

⁽¹⁾ Sở Giáo dục và Đào tạo: *Báo cáo Tổng kết năm học 2010 - 2011*... Tlđd, tr. 6.

⁽²⁾ Riêng trong năm học 2008 - 2009: Số tiền quyên góp của giáo viên và học sinh cho học sinh vùng sâu, vùng xa, vùng khó khăn đợt 1 là 22 triệu đồng; đợt 2 là 60 tấn giấy vụn (150 triệu đồng); Công đoàn ngành Giáo dục tỉnh quyên góp, ủng hộ 634.512.000 đồng để xây dựng nhà công vụ cho giáo viên vùng sâu. Ngoài ra, các trường còn phát động từng lớp quyên góp, ủng hộ giúp đỡ học sinh nghèo có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn ở chính lớp mình để có điều kiện tiếp tục học tập.

Công tác đào tạo từ xa, liên kết, bồi dưỡng ngoại ngữ, tin học được thực hiện có kết quả tại các trung tâm giáo dục thường xuyên cấp tỉnh và cấp huyện. Số người theo học tại các trung tâm ngày càng nhiều. Trung tâm Giáo dục thường xuyên tỉnh đã liên kết phối hợp đào tạo với các trường đại học, cao đẳng Hà Nội và Thái Nguyên. Riêng trong năm học 2008 - 2009, Trung tâm Giáo dục thường xuyên tỉnh có 61 lớp gồm 4.043 học viên, góp phần nâng cao trình độ dân trí của địa phương, đồng thời cung cấp nguồn nhân lực cho tỉnh.

Cùng với việc tích cực đổi mới phương pháp giảng dạy, từ năm học 2013 - 2014, các trung tâm giáo dục thường xuyên phát động việc ứng dụng công nghệ thông tin trong giờ giảng, khai thác thông tin trên mạng Internet làm cho bài giảng phong phú và hấp dẫn. Hầu hết các giờ dạy thao giảng của những đơn vị có ứng dụng công nghệ thông tin đều đạt hiệu quả cao. Công tác kiểm tra, đánh giá kết quả học tập, xây dựng ma trận đề, ứng dụng công nghệ thông tin vào kiểm tra, đánh giá được chỉ đạo chặt chẽ, khoa học...

Phong trào *Thi đua Dạy tốt - Học tốt* được duy trì và đẩy mạnh trong các trung tâm giáo dục thường xuyên. Bên cạnh việc tổ chức sinh hoạt chuyên đề, thi giáo viên dạy giỏi, hằng năm các trung tâm giáo dục thường xuyên đều tổ chức thi chọn học viên giỏi giải Toán trên máy tính cầm tay. Riêng năm học 2013 - 2014, trong tổng số 9 trung tâm giáo dục thường xuyên, có 33 học viên của 8 trung tâm dự thi cấp tỉnh. Kết quả, 16 học viên đoạt giải (gồm 1 giải Nhất, 4 giải Nhì, 4 giải Ba và 7 giải Khuyến khích). Trên cơ sở đó, 4 trong 5 học viên được chọn dự thi khu vực đã đoạt giải, gồm: 1 giải Nhì (Trung tâm Giáo dục thường xuyên thị xã Sông Công), 2 giải Ba (Trung tâm Giáo dục thường xuyên thành phố Thái Nguyên và

huyện Định Hóa), 1 giải Khuyến khích (Trung tâm Giáo dục thường xuyên huyện Phú Bình).

Các trường chuyên nghiệp tiếp tục thực hiện đổi mới chương trình, nội dung, phương pháp giảng dạy nhằm không ngừng nâng cao chất lượng đào tạo. Công tác nghiên cứu khoa học, biên soạn tài liệu giáo trình được đẩy mạnh. Lãnh đạo Ngành chỉ đạo các nhà trường tổ chức đánh giá xếp loại học sinh, sinh viên; phối hợp chặt chẽ với các sở, ban, ngành để xây dựng kế hoạch triển khai có hiệu quả đào tạo theo nhu cầu của xã hội.

Trong quá trình chỉ đạo chuyên môn, ngành Giáo dục tỉnh luôn coi trọng công tác giáo dục đạo đức, nhân cách, lối sống cho học sinh, sinh viên. Thực hiện sự chỉ đạo của Ngành, tất cả các trường học đều có nội quy quy định cụ thể đối với học sinh. Trong các giờ chào cờ đầu tuần, Ban Giám hiệu nhà trường đều có nhận xét, đánh giá cụ thể về quá trình học tập, rèn luyện của học sinh; nhắc nhở và khen thưởng, động viên kịp thời. 100% đơn vị nhà trường triển khai nghiêm túc công tác phổ biến giáo dục pháp luật và phòng chống các tệ nạn xã hội dưới nhiều hình thức phong phú, đa dạng: Thông qua giờ giảng trên lớp, thi tìm hiểu về pháp luật, lập câu lạc bộ, hội thảo các chuyên đề về lứa tuổi, về giới tính, giao lưu văn nghệ, thể dục thể thao, tổ chức trò chơi dân gian phù hợp với từng địa phương... Lãnh đạo Ngành luôn quan tâm chỉ đạo các đơn vị thường xuyên tăng cường giáo dục học sinh có ý thức tự giác thực hiện nội quy, quy định của nhà trường và các mối quan hệ trong ứng xử, giao tiếp giữa thầy với trò, trò với trò một cách có văn hoá, tạo thành tiềm thức, thói quen trong sinh hoạt, học tập hằng ngày...

Những thành tích về chuyên môn những năm 2010 - 2015 là kết quả của công tác xây dựng Đảng trong ngành Giáo dục. Số đảng viên

trong Ngành tăng dần qua các năm học. Năm học 2010 - 2011, toàn Ngành có 8.804 đảng viên (chiếm 48,36% tổng số cán bộ, giáo viên, công nhân viên), tăng 2,92% so với năm học trước⁽¹⁾. Từ năm học này, 100% số đơn vị trong ngành Giáo dục tỉnh Thái Nguyên đều có đảng viên. Đến năm học 2014 - 2015, số đảng viên toàn Ngành là 10.442 đồng chí (chiếm 50,58% tổng số cán bộ, giáo viên, công nhân viên), tăng 2,35% so với năm học 2013 - 2014⁽²⁾. Nhìn chung, đội ngũ đảng viên trong các trường học đã phát huy được tính tiên phong, gương mẫu; nhiều đảng viên kiên trì tâm huyết gắn bó với sự nghiệp, phấn đấu trở thành giáo viên giỏi, có tác động tích cực đối với đồng nghiệp. Sự phát triển Đảng tại các đơn vị, trường học là một trong những nhân tố quan trọng, có tính quyết định đến việc thực hiện thắng lợi nhiệm vụ chính trị của Ngành. Cùng với việc đẩy mạnh công tác phát triển Đảng, tổ chức Công đoàn ngành Giáo dục cũng ngày càng lớn mạnh. Năm học 2010 - 2011, Công đoàn Ngành có 660 công đoàn cơ sở, với 17.921 đoàn viên trong tổng số 18.203 cán bộ, giáo viên, công nhân viên⁽³⁾. Đến năm học 2014 - 2015, số công đoàn cơ sở đã tăng lên 679, với 20.239 đoàn viên trong tổng số 20.643 cán bộ, giáo viên, công nhân viên⁽⁴⁾. Hoạt động của Công đoàn không ngừng được đổi mới và ngày càng có

⁽¹⁾ Công đoàn ngành Giáo dục Thái Nguyên: *Báo cáo Tổng kết hoạt động Công đoàn năm học 2010 - 2011 và phương hướng nhiệm vụ năm học 2011 - 2012*. Số 38/BC-CĐN, ngày 2/8/2011, tr. 1.

⁽²⁾ Công đoàn ngành Giáo dục Thái Nguyên: *Báo cáo Tổng kết hoạt động Công đoàn năm học 2014 - 2015 và phương hướng nhiệm vụ năm học 2015 - 2016*. Số 43/BC-CĐN, ngày 29/6/2015, tr. 1.

⁽³⁾ Công đoàn ngành Giáo dục Thái Nguyên: *Báo cáo Tổng kết hoạt động Công đoàn năm học 2010 - 2011*... Tlđđ, tr. 1.

⁽⁴⁾ Công đoàn ngành Giáo dục Thái Nguyên: *Báo cáo Tổng kết hoạt động Công đoàn năm học 2014 - 2015*... Tlđđ, tr. 1.

hiệu quả, góp phần nâng cao chất lượng giáo dục - đào tạo. Với tư cách là một tổ chức chính trị - xã hội rộng lớn, Công đoàn luôn chăm lo đời sống, bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp, chính đáng của người lao động; tham gia quản lý, xây dựng mối quan hệ lao động hài hòa, ổn định. Công đoàn thường xuyên làm tốt công tác tuyên truyền, vận động đội ngũ cán bộ, giáo viên và lao động thực hiện đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước. Hằng năm, Công đoàn đều tổ chức các phong trào thi đua và các cuộc vận động mang tính xã hội rộng lớn trong đội ngũ cán bộ, giáo viên và lao động khác. Thông qua đó, đội ngũ cán bộ, giáo viên và lao động có thêm chuyển biến về nhận thức tư tưởng, hành động, về ý thức trách nhiệm, lương tâm nghề nghiệp.

Như vậy, trải qua 20 năm kể từ khi đất nước bước vào thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa, ngành Giáo dục tỉnh Thái Nguyên tiếp tục phát triển. Các mục tiêu, nhiệm vụ chủ yếu của Ngành được Ủy ban Nhân dân tỉnh phê duyệt đều hoàn thành về căn bản. Quy mô đào tạo ngày càng mở rộng với nhiều loại hình trường lớp. Cơ sở vật chất và trang thiết bị trường học ngày càng được tăng cường. Công tác quản lý giáo dục cũng như phương pháp giảng dạy trong các nhà trường được đổi mới. Công tác xây dựng trường học đạt chuẩn quốc gia được các cấp và Sở Giáo dục và Đào tạo quan tâm chỉ đạo, nên đạt hiệu quả cao. Các cuộc vận động và phong trào thi đua của ngành Giáo dục được chỉ đạo triển khai nghiêm túc, đồng bộ, tạo được sự ủng hộ của các cấp, các ngành. Đặc biệt, nhờ có sự hưởng ứng tích cực, đầy trách nhiệm của cán bộ, giáo viên, học sinh và phụ huynh học sinh, ngành Giáo dục

Thái Nguyên đã tạo được môi trường sư phạm thực sự thân thiện giữa thầy với thầy, giữa thầy với trò và giữa trò với trò...

Bên cạnh những kết quả đạt được, ngành Giáo dục tỉnh Thái Nguyên vẫn còn nhiều mặt hạn chế. Chất lượng giáo dục toàn diện tuy có nhiều chuyển biến rõ rệt, nhưng chưa đồng đều giữa các vùng, miền trong tỉnh. Chất lượng đào tạo mũi nhọn chưa tương xứng với tiềm năng. Phong trào thi đua *Xây dựng trường học thân thiện, học sinh tích cực* dù đã được triển khai sâu rộng trong nhiều năm, “*nhưng cách xử sự có văn hoá trong giải quyết mâu thuẫn với bạn bè ở một số trường chưa tốt*”⁽¹⁾. Năng lực quản lý chỉ đạo của một số đơn vị còn hạn chế. Nội bộ cán bộ giáo viên ở một vài đơn vị chưa thực sự đoàn kết. Trang thiết bị dạy học chưa phát huy hết hiệu quả, việc bảo quản và sử dụng còn hạn chế, nhất là ở cấp Trung học cơ sở. Tiến độ xây dựng trường chuẩn quốc gia ở một số huyện còn chậm so với yêu cầu; cơ sở vật chất trang thiết bị cho giáo dục còn thiếu, nhất là giáo dục mầm non ở các xã vùng cao...

Đó là những vấn đề đặt ra cho ngành Giáo dục tỉnh có chủ trương, biện pháp giải quyết trong các năm học tiếp theo.

⁽¹⁾ Sở Giáo dục và Đào tạo: *Báo cáo Tổng kết năm học 2014 - 2015*... Tlđđ, tr. 19.

KẾT LUẬN

Ra đời từ sau ngày Cách mạng Tháng Tám thành công đến năm 2015, ngành Giáo dục tỉnh Thái Nguyên đã trải qua 70 năm. Đó là một chặng đường phát triển liên tục, vượt qua bao khó khăn, trở ngại để đáp ứng yêu cầu của sự nghiệp cách mạng trong từng giai đoạn lịch sử.

Từ trong khó khăn, gian khổ của thời kì kháng chiến chống thực dân Pháp (1945 - 1954), ngành Giáo dục tỉnh kiên trì tổ chức tốt phong trào bình dân học vụ, thanh toán nạn mù chữ cho trên 72% số dân toàn tỉnh; đồng thời tích cực xây dựng và phát triển hệ thống giáo dục phổ thông bao gồm cả 3 cấp học với số trường, lớp, giáo viên, học sinh ngày càng tăng. Nội dung, phương pháp giảng dạy trong các trường phổ thông không ngừng được cải tiến trên cơ sở bảo đảm những nguyên tắc cơ bản của nền giáo dục dân chủ nhân dân: *Dân tộc - Khoa học - Đại chúng*.

Trong thời kì kháng chiến chống Mỹ, cứu nước (1954 - 1975), ngành Giáo dục tỉnh tiếp tục duy trì những kết quả đạt được, chỉ đạo các trường đẩy mạnh phong trào thi đua *Hai tốt*, từng bước nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện. Cùng với việc chỉ đạo các trường thực hiện tốt các hoạt động chuyên môn, ngành Giáo dục tỉnh đã làm tròn nghĩa vụ quốc tế, giúp đỡ nước bạn Lào; hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ chi viện ngành Giáo dục trong vùng giải

phóng cũng như việc động viên tuyển quân chi viện chiến trường miền Nam⁽¹⁾.

Từ sau ngày giải phóng hoàn toàn miền Nam, thống nhất đất nước, ngành Giáo dục tỉnh đã vượt qua khó khăn, trở ngại, đạt nhiều kết quả quan trọng. Đặc biệt, từ khi thực hiện đường lối đổi mới do Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng toàn quốc lần thứ VI (12/1986) đề ra và chủ trương của Bộ Giáo dục là đa dạng hóa các loại hình trường, lớp, các hình thức đào tạo, ngành Giáo dục tỉnh có nhiều chuyển biến tích cực, không chỉ về quy mô và các loại hình trường lớp, mà cả về chất lượng giáo dục.

Trong thời kì đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước, ngành Giáo dục tỉnh Thái Nguyên tiếp tục phát triển. Quy mô đào tạo ngày càng mở rộng với nhiều loại hình trường lớp. Cơ sở vật chất và trang thiết bị trường học ngày càng được tăng cường. Chất lượng đội ngũ cán bộ quản lí và giáo viên ngày càng được nâng cao. Công tác quản lí giáo dục cũng như phương pháp giảng dạy trong các nhà trường được đổi mới. Công tác xây dựng trường học đạt chuẩn quốc gia được quan tâm chỉ đạo và thu nhiều kết quả quan trọng. Các cuộc vận động và phong trào thi đua được toàn Ngành triển khai nghiêm túc, tạo nên những chuyển biến rất căn bản trong các trường học.

Từ những năm đầu khi mới thành lập, ngành Giáo dục tỉnh chỉ có 2 cơ quan chuyên trách: Ty Bình dân học vụ và Ty Tiểu học vụ; 1 trường trung học với hơn 40 học sinh, vài trường tiểu học, với vài trăm học sinh. Sau 70 năm xây dựng, đến năm 2015, ngành Giáo dục tỉnh Thái Nguyên đã có 1 cơ quan chuyên trách cấp tỉnh (Sở

⁽¹⁾ Trong thời gian 1961 - 1973, ngành Giáo dục tỉnh Thái Nguyên đã cử 27 cán bộ, giáo viên làm nhiệm vụ tại các chiến trường B (miền Nam), C (Lào), K (Campuchia); trong đó: 14 giáo viên đi B, 6 giáo viên đi C, 7 giáo viên đi K.

Giáo dục và Đào tạo), 9 cơ quan chuyên trách cấp huyện (Phòng Giáo dục và Đào tạo); cùng với mạng lưới giáo dục 667 trường, gồm 8.499 lớp thuộc các ngành học, cấp học rộng khắp, với tổng số 250.578 học sinh; 10 trung tâm giáo dục thường xuyên, 3 trung tâm giáo dục hướng nghiệp, kỹ thuật tổng hợp, với tổng số 64 lớp⁽¹⁾. Chất lượng đội ngũ cán bộ quản lý và giáo viên không ngừng được nâng cao: 100% đạt chuẩn; trong đó có 54,9% đạt trên chuẩn⁽²⁾.

Trải qua 70 năm xây dựng và phát triển, ngành Giáo dục tỉnh Thái Nguyên đã đúc kết được nhiều bài học kinh nghiệm quý báu.

Bài học thứ nhất, phải luôn luôn quán triệt nguyên lý, phương châm giáo dục của Đảng và Nhà nước

Nền Giáo dục nước ta ra đời sau thắng lợi Cách mạng Tháng Tám là nền giáo dục kháng chiến và kiến quốc. Công cuộc cải cách giáo dục lần thứ nhất (1950) đã nêu rõ mục tiêu đào tạo của nhà trường phổ thông là giáo dục thế hệ trẻ thành những công dân lao động tương lai, trung thành với chế độ dân chủ nhân dân, có đủ năng lực và phẩm chất phục vụ kháng chiến, phục vụ nhân dân. Phương châm giáo dục là học đi đôi với hành, lý luận gắn liền với thực tiễn.

Trên tinh thần đó, trong những năm kháng chiến chống thực dân Pháp, theo sự chỉ đạo của ngành Giáo dục tỉnh, học sinh lớp 4 (tiểu học) đã tham gia cùng với cán bộ, nhân viên các cơ quan trong tỉnh làm giáo viên, dạy các lớp dự bị bình dân học vụ. Nhiều giáo viên, học sinh các trường tích cực tham gia công tác tuyên truyền, phổ biến, vận động nhân dân thực hiện chính sách

⁽¹⁾ Sở Giáo dục và Đào tạo Thái Nguyên: *Báo cáo Tổng kết năm học 2014 - 2015. Phương hướng nhiệm vụ năm học 2015 - 2016*. Ngày 18/8/2015, tr. 1, 2.

⁽²⁾ Sở Giáo dục và Đào tạo Thái Nguyên: *Báo cáo Tổng kết năm học 2014 - 2015...* Tlđđ, tr. 17.

thuế nông nghiệp; giúp đỡ các địa phương đo đạc ruộng đất, tính toán mức đóng thuế đảm bảo đúng, đủ, công khai, minh bạch.

Từ sau năm 1954 trở đi, nhìn chung trong mọi thời kì, ngành Giáo dục tỉnh Thái Nguyên luôn quán triệt nguyên lí: *Học đi đôi với hành, giáo dục kết hợp với lao động sản xuất, lí luận gắn liền với thực tiễn, giáo dục nhà trường kết hợp với giáo dục gia đình và giáo dục xã hội*. Ngoài việc duy trì và đẩy mạnh phong trào thi đua *Hai tốt*, nâng cao chất lượng giáo dục, các trường phổ thông thường tổ chức cho học sinh tham gia công tác xã hội, giúp đỡ nhân dân địa phương nơi trường đóng.

Từ những năm 70 của thế kỉ XX, Ngành chỉ đạo đưa lao động sản xuất vào các trường học, lấy lao động sản xuất làm khâu trung gian để phát triển giáo dục toàn diện. Theo đó, các nhà trường đều xây dựng kế hoạch lao động sản xuất gắn với các hoạt động lao động cụ thể ở từng địa phương. Lao động của giáo viên và học sinh đã đóng góp tích cực vào việc xây dựng cơ sở vật chất trường học. Giáo viên, học sinh các trường còn tích cực tham gia làm thủy lợi, giao thông, làm phân bón, gặt hái thu hoạch mùa màng giúp dân, trồng cây gây rừng, tặng gia tư túc lương thực, thực phẩm, thu nhặt giấy vụn. Mỗi năm, giáo viên và học sinh toàn tỉnh tham gia trồng hàng trăm ngàn gốc sắn, hàng chục hécta lúa, ngô, khoai lang, hàng trăm ngàn cây lấy gỗ.

Công tác giáo dục kĩ thuật tổng hợp, giáo dục lao động, hướng nghiệp, dạy nghề được các đơn vị triển khai có hiệu quả. Hầu hết các trường sư phạm, phổ thông trung học đã tự đóng gạch, nung vôi xây dựng trường lớp. Các loại hình trường thanh niên dân tộc vừa học vừa làm, trường cấp 3 phổ thông công nghiệp được mở, cũng là một trong những nội dung thực hiện nguyên lí: *Học đi đôi*

với hành, giáo dục kết hợp với lao động sản xuất, lí luận gắn liền với thực tiễn.

Giáo dục không chỉ là trách nhiệm của nhà trường mà của cả gia đình và xã hội. Để đào tạo ra những con người phát triển toàn diện cả đức - trí - thể - mỹ, không chỉ có vai trò của nhà trường, mà còn rất cần sự phối hợp, kết hợp chặt chẽ của gia đình và toàn xã hội. Nhà trường, gia đình và xã hội là ba môi trường giáo dục quan trọng để cùng giáo dục, hình thành nhân cách và vun đắp sự trưởng thành của học sinh. Giáo dục trong nhà trường chỉ là một phần, còn cần có sự giáo dục ngoài xã hội và trong gia đình để giúp cho việc giáo dục trong nhà trường được tốt hơn. Giáo dục trong nhà trường dù tốt đến mấy, nhưng thiếu giáo dục trong gia đình và ngoài xã hội thì kết quả sẽ bị hạn chế.

Trong tất cả các thời kì, ngành Giáo dục tỉnh Thái Nguyên luôn coi trọng sự phối hợp với gia đình và các tổ chức đoàn thể. Sự phối hợp giữa nhà trường và gia đình được thể hiện cụ thể trong tổ chức và hoạt động của Hội Phụ huynh hay Ban Đại diện cha mẹ học sinh. Thông qua tổ chức này, nhà trường và gia đình kịp thời nắm bắt những thông tin về tình hình học tập của học sinh để có biện pháp giáo dục, động viên, khích lệ học sinh học tập.

Các tổ chức xã hội giám sát, kiểm tra, phản biện đối với hoạt động giáo dục, góp phần khắc phục những hạn chế, tiêu cực, tạo nên sự cạnh tranh bình đẳng, lành mạnh trong hoạt động giáo dục. Các tổ chức xã hội, cá nhân, nhân dân vì là người cung ứng và hưởng thụ các dịch vụ giáo dục nên cần hiểu rõ những kết quả, hạn chế, tiêu cực trong các hoạt động giáo dục. Đây là lực lượng quan trọng để giám sát, kiểm tra, phản biện đối với các hoạt động giáo dục.

Bài học thứ hai, thường xuyên quan tâm vấn đề xây dựng, bồi dưỡng đội ngũ cán bộ quản lý và giáo viên

Cán bộ quản lý và giáo viên là một trong những nhân tố có tính quyết định đến chất lượng giáo dục - đào tạo. Giáo dục phổ thông và nhân vật trung tâm của giáo dục phổ thông chính là người thầy giáo. Cố Thủ tướng Phạm Văn Đồng đã từng nói: “*Không có thầy giáo tốt thì không có nhà trường tốt, không có giáo dục tốt, không có chất lượng cao*”⁽¹⁾. Nhận thức rõ điều này, ngành Giáo dục tỉnh luôn coi trọng vấn đề xây dựng, bồi dưỡng đội ngũ cán bộ quản lý và giáo viên, đặc biệt là từ sau khi thực hiện đường lối đổi mới toàn diện đất nước. Ngoài việc triển khai bồi dưỡng thay sách giáo khoa của các ngành học, cấp học, Ngành đã tổ chức có hiệu quả việc bồi dưỡng theo chu kì thường xuyên do Bộ Giáo dục và Đào tạo đề ra. Để đảm bảo chất lượng, Sở Giáo dục và Đào tạo chỉ đạo sát từ nội dung bồi dưỡng, quy mô lớp học đến hình thức tổ chức. Sở tiến hành điều tra nắm bắt nhu cầu bồi dưỡng đối với giáo viên, cán bộ quản lý các cấp học. Nhờ đó, hầu hết các chuyên đề bồi dưỡng đều là những vấn đề thiết thực nhất đối với công tác quản lý, giảng dạy ở các nhà trường và phù hợp đối với từng cấp học.

Nội dung bồi dưỡng cho giáo viên chủ yếu bao gồm những vấn đề về chuyên môn và đổi mới phương pháp giảng dạy, đảm bảo tính cập nhật theo từng cấp học, môn học. Cán bộ quản lý được bồi dưỡng những kiến thức quản lý nhà nước về giáo dục và đào tạo, kỹ năng, nghiệp vụ quản lý giáo dục; về lý luận chính trị,

⁽¹⁾ Dẫn theo *Bài nói chuyện của Thủ tướng Phạm Văn Đồng tại Trại Nghiên cứu cải cách giáo dục*, tháng 4/1966. Xem: *Đào tạo thế hệ trẻ của dân tộc thành những người chiến sĩ cách mạng dũng cảm, thông minh, sáng tạo*. Nxb Giáo dục, Hà Nội, 1969, tr. 159, 160.

quản lí tài chính, quản lí nhân sự, quản lí chuyên môn cấp học; về vấn đề thực hiện chế độ chính sách và về tin học, ngoại ngữ...

Ngoài việc tổ chức các lớp bồi dưỡng, từ nửa sau những năm 90 của thế kỉ XX, ngành Giáo dục tỉnh còn mở các lớp đại học tại chức cho giáo viên Mầm non, Tiểu học và Trung học cơ sở theo học nhằm chuẩn hóa đội ngũ.

Cùng với việc bồi dưỡng để không ngừng nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ, ngành Giáo dục tỉnh hết sức coi trọng nâng cao trình độ cho đội ngũ cán bộ quản lí và giáo viên về lí luận chính trị, lập trường quan điểm, đạo đức tư cách, tác phong; về lòng yêu nghề, yêu trẻ. Sinh thời, Thủ tướng Phạm Văn Đồng đã từng căn dặn những người làm công tác giáo dục: *“Phải hết sức thương yêu các em. Phải có tình cảm đối với các em... Chúng ta đang xây dựng, sẽ xây dựng một xã hội không những có cơ sở vật chất tốt, có đời sống vật chất cao mà còn có cả một đời sống tinh thần, tư tưởng và tình cảm tốt đẹp, một đời sống có quan hệ xã hội, quan hệ giữa người và người thật sự bình đẳng, thật sự yêu thương lẫn nhau. Vậy đối với các cháu nhỏ còn ngồi trên ghế nhà trường, chúng ta càng phải quán triệt tinh thần, tư tưởng đó. Phải thông qua mối quan hệ tốt đẹp giữa thầy và trò mà xây dựng tình cảm đẹp để cho các em đối với xã hội, đối với con người. Thương yêu học sinh, đó là đạo lí của người thầy giáo”*⁽¹⁾.

Nhờ thường xuyên được các cấp đảng bộ và chính quyền lãnh đạo, chỉ đạo, sự quan tâm sâu sát của Ngành đối với công tác bồi dưỡng, cùng với sự nỗ lực tự phấn đấu vươn lên, nên đội ngũ cán

⁽¹⁾ Bài nói chuyện của Thủ tướng Phạm Văn Đồng ngày 20/7/1959 tại lễ Tổng kết năm học 1958 - 1959 của Trường Đại học Sư phạm Hà Nội: *Nghề dạy học là nghề sáng tạo bậc nhất vì nó sáng tạo những con người sáng tạo*. Xem: *Đào tạo thế hệ trẻ của dân tộc thành những người chiến sĩ cách mạng dũng cảm...*, Sđd, tr. 63.

bộ quản lí và giáo viên trong tỉnh không ngừng nâng cao trình độ chính trị, chuyên môn, nghiệp vụ. Đó là một đội ngũ cán bộ vừa đỏ vừa chuyên; đỏ để mà chuyên, chuyên để phát huy cái đỏ, từng bước đáp ứng yêu cầu của sự nghiệp phát triển giáo dục - đào tạo của địa phương. Đây là một kinh nghiệm rất quý giá mà hiện nay ngành Giáo dục tỉnh Thái Nguyên đang tiếp tục vận dụng và phát huy, nhằm không ngừng nâng cao chất lượng giảng dạy, học tập.

Bài học thứ ba, cần đẩy mạnh công tác xã hội hóa giáo dục

Công tác xã hội hóa giáo dục là một trong những nhân tố quan trọng có tác dụng thúc đẩy sự nghiệp giáo dục phát triển. Xã hội hoá giáo dục không phải là một giải pháp tình thế nhất thời, mà là một chủ trương có tính chiến lược của Đảng và Nhà nước ta. Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VII của Đảng (6/1991) đã thông qua *Chiến lược ổn định và phát triển kinh tế - xã hội đến năm 2000*; trong đó xác định: “*Khai thác mọi tiềm năng của toàn xã hội tham gia giáo dục và đào tạo*”.

Chủ trương xã hội hóa giáo dục tiếp tục được nêu rõ trong Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng toàn quốc lần thứ VIII (6/1996): “*Các vấn đề chính sách xã hội được giải quyết theo tinh thần xã hội hóa, Nhà nước giữ vai trò nòng cốt, đồng thời động viên mỗi người dân, mỗi doanh nghiệp, các tổ chức trong xã hội, các cá nhân và các tổ chức nước ngoài cùng tham gia giải quyết những vấn đề xã hội*”⁽¹⁾; “*động viên đúng mức sự đóng góp của mỗi nhà, mỗi người, đồng thời thu hút nguồn đầu tư từ các cộng đồng, các giới trong và ngoài nước cho giáo dục và đào tạo*”⁽²⁾.

(1), (2) Đảng Cộng sản Việt Nam, *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VIII*, Nxb. Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 1996, tr. 110, 114.

Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ XV (11/1997) đề ra chủ trương “*Đẩy mạnh xã hội hoá giáo dục - đào tạo, đa dạng hoá các loại hình trường, lớp trên cơ sở bảo đảm hệ công lập giữ vai trò chủ đạo. Mở rộng đào tạo nghề, quản lý tốt các lớp dạy nghề, tại chức, các trung tâm tin học và ngoại ngữ... Điều chỉnh, bố trí, nâng cấp mạng lưới các trường phổ thông, các trung tâm đào tạo, các trường trung, đại học trên địa bàn phù hợp và đáp ứng được yêu cầu phát triển của giáo dục - đào tạo...*”⁽¹⁾.

Ngày 14/6/2005, tại kì họp lần thứ 7, Quốc hội (khóa XI) nước Cộng hòa Xã hội chủ nghĩa Việt Nam đã thông qua *Luật Giáo dục năm 2005* thay thế *Luật Giáo dục năm 1998*. Điều 12, *Luật Giáo dục 2005* ghi rõ: “*Phát triển giáo dục, xây dựng xã hội học tập là sự nghiệp của Nhà nước và của toàn dân... Mọi tổ chức, gia đình và công dân có trách nhiệm chăm lo sự nghiệp giáo dục, phối hợp với nhà trường thực hiện mục tiêu giáo dục, xây dựng môi trường giáo dục lành mạnh và an toàn*”⁽²⁾.

Thấm nhuần đường lối, quan điểm của Đảng và Nhà nước về xã hội hóa giáo dục, vào nửa sau những năm 80 của thế kỉ XX, ngành Giáo dục tỉnh đã triển khai thực hiện đa dạng hoá các loại hình trường, các hình thức giáo dục; khuyến khích, huy động và tạo điều kiện để tổ chức, cá nhân tham gia phát triển sự nghiệp giáo dục.

Từ những năm 90 của thế kỉ XX, ngành Giáo dục tỉnh tiếp tục mở rộng quy mô, nâng cao chất lượng và hiệu quả của hệ thống giáo dục quốc dân, thực hiện đa dạng hóa các hình thức đào tạo

⁽¹⁾ Đảng bộ tỉnh Thái Nguyên: *Văn kiện Đại hội Đảng bộ tỉnh Thái Nguyên lần thứ XV...* Tlđd, tr. 40, 41.

⁽²⁾ *Những nội dung mới của Luật Giáo dục năm 2005*. Nxb. Tư pháp, Hà Nội, 2005, tr. 68, 69.

chính quy và không chính quy. Ngoài hệ thống các loại trường công lập và các trung tâm hướng nghiệp - dạy nghề trực thuộc Sở Giáo dục và Đào tạo, các trường dân lập, bán công và các lớp hệ B của ngành học Phổ thông cũng được mở nhằm thỏa mãn yêu cầu phổ cập, nâng cao trình độ văn hóa, đào tạo nghề cho thanh niên.

Trong những năm cuối thập kỉ 90 của thế kỉ XX, đầu thế kỉ XXI, công tác xã hội hóa giáo dục tiếp tục được đẩy mạnh, với sự quan tâm và đồng thuận của toàn xã hội. Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ XV (11/1997) nhấn mạnh cần *“Đẩy mạnh xã hội hoá giáo dục - đào tạo, đa dạng hoá các loại hình trường, lớp trên cơ sở bảo đảm hệ công lập giữ vai trò chủ đạo. Mở rộng đào tạo nghề, quản lí tốt các lớp dạy nghề, tại chức, các trung tâm tin học và ngoại ngữ... Điều chỉnh, bố trí, nâng cấp mạng lưới các trường phổ thông, các trung tâm đào tạo, các trường trung, đại học trên địa bàn phù hợp và đáp ứng được yêu cầu phát triển của giáo dục - đào tạo...”*⁽¹⁾.

Nhờ đó, ngành Giáo dục tỉnh đã tranh thủ được nhiều nguồn vốn trong cộng đồng để đầu tư cho giáo dục. Quy mô mạng lưới, loại hình giáo dục không ngừng được mở rộng, đáp ứng nhu cầu học tập của con em nhân dân. Ngành đã tăng cường đầu tư cơ sở vật chất trường học; cải tạo, nâng cấp từng bước xóa bỏ các phòng học tạm, đồng thời xây dựng hàng trăm phòng học mới, chấm dứt tình trạng học ca 3 từ năm 2000.

Cũng thông qua xã hội hóa giáo dục, hàng trăm giáo viên và hàng ngàn học sinh có hoàn cảnh khó khăn được hỗ trợ hàng trăm triệu đồng, góp phần động viên thầy, trò an tâm giảng dạy, học tập. Cuộc vận động *Hũ gạo tình thương, Áo ấm mùa đông* để hỗ trợ cho

⁽¹⁾ Đảng bộ tỉnh Thái Nguyên: *Văn kiện Đại hội Đảng bộ tỉnh Thái Nguyên lần thứ XV...* Tlđđ, tr. 40, 41.

học sinh nghèo và có hoàn cảnh khó khăn do Ngành phát động, cùng với các cuộc vận động quyên góp từ thiện khác (*Quyĩ Vì người nghèo, Quyĩ Vì trẻ thơ...*) đã được xã hội và nhân dân ủng hộ.

Bài học thứ tư, cần tăng cường đầu tư xây dựng cơ sở vật chất trường học

Cơ sở vật chất là một trong những yếu tố có tính quyết định đến chất lượng giáo dục - đào tạo. Nhận thức rõ điều này, Tỉnh ủy, Ủy ban Nhân dân tỉnh thường xuyên quan tâm đến việc xây dựng cơ sở vật chất và trang thiết bị cho ngành Giáo dục. Mặc dù kinh tế còn nhiều khó khăn, hằng năm tỉnh vẫn dành ngân sách thỏa đáng từ nguồn vốn ngân sách địa phương để đầu tư cơ sở vật chất cho giáo dục - đào tạo. Các cấp chính quyền thường xuyên chỉ đạo cơ quan quản lí giáo dục, các cơ sở giáo dục rà soát, điều chỉnh, bố trí, sắp xếp nhằm nâng cao hiệu quả sử dụng cơ sở vật chất hiện có của các cơ sở giáo dục; kiểm tra, giám sát việc lập kế hoạch, tổ chức quản lí sử dụng, sửa chữa và bảo quản cơ sở vật chất ở các cơ sở giáo dục để đảm bảo khai thác, sử dụng có hiệu quả cơ sở vật chất nhằm nâng cao chất lượng giảng dạy, học tập.

Từ các nguồn vốn được cấp, hằng năm ngành Giáo dục tỉnh đầu tư cho việc xây dựng cơ sở vật chất trường học. Số phòng học kiên cố và bán kiên cố không ngừng tăng lên. Tính đến tháng 8/2015, trên địa bàn tỉnh, số phòng học kiên cố và bán kiên cố chiếm 91,8% trong tổng số phòng học.

Cùng với việc đầu tư xây dựng cơ sở vật chất, thiết bị trường học cũng được tăng cường, đáp ứng ngày càng tốt hơn yêu cầu của sự nghiệp giáo dục - đào tạo. Hằng năm, ngành Giáo dục tỉnh đã sử dụng nguồn vốn Chương trình mục tiêu quốc gia về giáo dục - đào

tạo và nguồn vốn sự nghiệp với tổng kinh phí hàng chục tỉ đồng để mua sắm thiết bị dạy học cho ngành Mầm non, các thiết bị tin học, phòng học bộ môn cho khối Trung học phổ thông; mua hàng chục bộ thiết bị dạy học trong lớp, hàng chục bộ thiết bị đồ chơi ngoài trời phục vụ cho phổ cập giáo dục mầm non trẻ em 5 tuổi. Ngoài ra, ngành Giáo dục tỉnh còn trang bị hệ thống phòng tin học cho các đơn vị trực thuộc Sở hàng nghìn máy tính, hàng chục máy chiếu; trang bị phòng học bộ môn, thư viện, phòng học thực hành cho các trường trung học phổ thông và Trung tâm Giáo dục thường xuyên, Hướng nghiệp - Dạy nghề; trang bị hàng ngàn đầu sách giáo khoa, sách tham khảo cho thư viện dùng chung ở các trường tiểu học, trung học cơ sở, trung học phổ thông thuộc vùng đặc biệt khó khăn...

Bài học thứ năm, thường xuyên duy trì công tác thanh tra, kiểm tra

Thanh tra, kiểm tra là một bộ phận cấu thành hữu cơ của cơ quan quản lý nhà nước. Hoạt động thanh tra giáo dục góp phần quan trọng trong việc bảo đảm nền nếp, kỉ cương, nâng cao chất lượng giáo dục của toàn Ngành.

Từ sau khi Ban Thanh tra giáo dục được thành lập (1972), công tác thanh tra, kiểm tra từng bước được đẩy mạnh và đi dần vào nền nếp. Hằng năm, Ban Thanh tra đều tổ chức các đợt thanh tra; bao gồm thanh tra toàn diện các cơ sở, các đơn vị giáo dục, thanh tra hành chính, thanh tra chuyên ngành Giáo dục và Đào tạo đối với các phòng Giáo dục và Đào tạo, thanh tra hoạt động chuyên môn, thanh tra nghiệp vụ sư phạm đối với giáo viên; thanh tra các chuyên đề quản lý dạy thêm, học thêm tại các đơn vị. Ngoài ra,

Ngành còn tổ chức các cuộc thanh tra công tác tuyển sinh và liên kết đào tạo...

Các cuộc thanh tra được thực hiện đúng tiến độ theo kế hoạch, các chỉ tiêu đều đạt và vượt so với kế hoạch. Hoạt động thanh tra, kiểm tra đã thực sự đổi mới và có tác dụng tích cực trong việc giữ vững kỉ cương, nề nếp tại các nhà trường, các cơ sở giáo dục, góp phần đổi mới quản lí, nâng cao chất lượng toàn diện của ngành Giáo dục tỉnh Thái Nguyên.

Trên chặng đường xây dựng và phát triển 70 năm (1945 - 2015), ngành Giáo dục tỉnh Thái Nguyên đã góp phần quan trọng vào việc nâng cao dân trí, đào tạo nhân lực, bồi dưỡng nhân tài, đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ chính trị của địa phương.

Trên chặng đường phát triển phía trước, ngành Giáo dục tỉnh có nhiều thuận lợi rất cơ bản, nhưng cũng phải đối mặt với không ít khó khăn, thách thức. Đó là: 1- Nguồn kinh phí đầu tư cho giáo dục còn hạn hẹp, không đáp ứng được yêu cầu áp dụng phương pháp dạy học tích cực có hiệu quả đòi hỏi cơ sở vật chất, trang thiết bị phải đầy đủ, đồng bộ; 2- Một bộ phận cán bộ quản lí, giáo viên còn lúng túng, không hiểu các phương pháp dạy học hiện đại, phát triển năng lực học sinh; mơ hồ về mục tiêu, cách thức thực hiện bài học minh họa, sinh hoạt theo chủ đề, dạy học tích hợp đa môn, liên môn; dạy học theo dự án, phương pháp “bàn tay nặn bột”; 3- Chương trình giáo dục phổ thông hiện hành đã bộc lộ những hạn chế, bất cập, nặng về trang bị kiến thức lí thuyết, chưa coi trọng kĩ năng thực hành, kĩ năng vận dụng kiến thức; 4- Phương pháp giảng dạy thiên về việc truyền đạt kiến thức, chưa chú trọng dạy cách học và phát huy tính chủ động, khả năng sáng tạo của học sinh; cũng chưa coi trọng hướng nghiệp; 5- Hình thức tổ chức giáo dục chủ

yếu là dạy học trên lớp, chưa tăng cường tổ chức các hoạt động xã hội, hoạt động trải nghiệm...

Với bề dày kinh nghiệm được đúc kết qua hoạt động thực tiễn trên 70 năm, có một đội ngũ cán bộ quản lý và giáo viên giàu lòng yêu nghề, yêu trẻ, trình độ chuyên môn, nghiệp vụ không ngừng được nâng cao, trên chặng đường đi tới, ngành Giáo dục tỉnh Thái Nguyên chắc chắn sẽ vượt qua mọi khó khăn, thách thức để đạt được nhiều thành tựu to lớn hơn.

PHỤ LỤC

Phụ lục 1

**DANH SÁCH NHÀ GIÁO NHÂN DÂN,
NHÀ GIÁO ƯU TÚ**

TT	HỌ VÀ TÊN	CHỨC VỤ ĐƠN VỊ KHI ĐƯỢC PHONG TẶNG	NĂM
1	Trịnh Trúc Lâm	Hiệu trưởng Trường Phổ thông vừa học vừa làm Quan Triều Thái Nguyên (thành phố Thái Nguyên)	NGƯT 1990 NGND 1996
2	Nguyễn Dung	Trưởng phòng Giáo dục Sông Công	NGƯT 1988
3	Nguyễn Phi Bá	Hiệu trưởng Trường Trung học phổ thông Phổ Yên, nay là Trường Trung học phổ thông Lê Hồng Phong (thị xã Phổ Yên)	NGƯT 1988
4	Nguyễn Ngọc Nhưòng	Nguyên Trưởng ty Giáo dục tỉnh Bắc Thái	Truy tặng NGƯT 1990

TT	HỌ VÀ TÊN	CHỨC VỤ ĐƠN VỊ KHI ĐƯỢC PHONG TẶNG	NĂM
5	Lục Văn Vận	Giám đốc Sở Giáo dục và Đào tạo các tỉnh Bắc Thái.	NGŨT 1992
6	Nguyễn Văn Nga	Nguyên Hiệu trưởng Trường Bỏ túc Văn hóa cán bộ tỉnh Bắc Thái	NGŨT 1992
7	Đỗ Đức Long	Tổ trưởng Tổ Toán, Trường Trung học phổ thông Lê Hồng Phong (thị xã Phổ Yên)	NGŨT 1994
8	Nguyễn Doãn Thuyết	Nguyên Trưởng ty Giáo dục tỉnh Thái Nguyên, nguyên Giám đốc Sở Giáo dục Khu Tự trị Việt Bắc	Truy tặng NGŨT 1994
9	Vũ Thị Hương Mai	Phó Trưởng phòng Giáo dục huyện Phú Lương	NGŨT 1996
10	Nguyễn Đăng Kèn	Hiệu trưởng Trường Trung học phổ thông Lương Ngọc Quyến (thành phố Thái Nguyên)	NGŨT 1997

TT	HỌ VÀ TÊN	CHỨC VỤ ĐƠN VỊ KHI ĐƯỢC PHONG TẶNG	NĂM
11	Nguyễn Đình Đài	Hiệu trưởng Trường Phổ thông cơ sở Tân Cương (thành phố Thái Nguyên)	NGŨT 1997
12	Phạm Thị Tâm	Hiệu trưởng Trường Trung học phổ thông Gang Thép (thành phố Thái Nguyên)	NGŨT 1998
13	Trần Ngọc Tảo	Phó Hiệu trưởng Trường Trung học phổ thông Lê Hồng Phong (thị xã Phổ Yên)	NGŨT 1998
14	Bùi Chung	Hiệu trưởng Trường Trung học phổ thông Chuyên Thái Nguyên	NGŨT 1998
15	Bùi Kính Hùng	Bí thư Chi bộ Trường Trung học phổ thông Chuyên Thái Nguyên	NGŨT 1998
16	Vũ Đình Toàn	Tổ trưởng Tổ Ngữ văn Trường Trung học phổ thông Chuyên Thái Nguyên	NGŨT 1998

TT	HỌ VÀ TÊN	CHỨC VỤ ĐƠN VỊ KHI ĐƯỢC PHONG TẶNG	NĂM
17	Lưu Thị Toan	Chủ tịch Công đoàn Trường Trung học phổ thông Lương Ngọc Quyến (thành phố Thái Nguyên)	NGŨT 1998
18	Vũ Tiên Dung	Hiệu trưởng Trường Tiểu học Đội Cấn (thành phố Thái Nguyên)	NGŨT 1997
19	Giang Văn Đức	Trưởng phòng Tiểu học Sở Giáo dục và Đào tạo Thái Nguyên	NGŨT 2000
20	Trần Thị Vượng	Hiệu trưởng Trường Tiểu học Nha Trang (thành phố Thái Nguyên)	NGŨT 2000
21	Nông Thị Ngọc Lan	Hiệu trưởng Trường Tiểu học thị trấn Đại Từ (huyện Đại Từ)	NGŨT 2000
22	Nguyễn Đắc Kinh	Hiệu trưởng Trường Trung học phổ thông Gang Thép (thành phố Thái Nguyên)	NGŨT 2000

TT	HỌ VÀ TÊN	CHỨC VỤ ĐƠN VỊ KHI ĐƯỢC PHONG TẶNG	NĂM
23	Hoàng Thị Yên	Hiệu trưởng Trường Tiểu học Cù Vân (huyện Đại Từ)	NGŨT 2002
24	Vũ Tuấn Phương	Tổ trưởng Tổ Toán Trường Trung học phổ thông Chuyên Thái Nguyên	NGŨT 2002
25	Lê Thị Vân Khanh	Tổ trưởng Tổ Ngoại ngữ Trường Trung học phổ thông Chuyên Thái Nguyên	NGŨT 2006
26	Nguyễn Thị Ngọc Lan	Tổ trưởng Tổ Lí - Thể dục Trường Trung học phổ thông Chuyên Thái Nguyên	NGŨT 2008
27	Phạm Thị Liên	Hiệu trưởng Trường Giáo dục và Hỗ trợ trẻ em thiệt thòi tỉnh Thái Nguyên	NGŨT 2008
28	Nguyễn Quang Thuấn	Hiệu trưởng Trường Trung học phổ thông Chu Văn An (thành phố Thái Nguyên)	NGŨT 2010

TT	HỌ VÀ TÊN	CHỨC VỤ ĐƠN VỊ KHI ĐƯỢC PHONG TẶNG	NĂM
29	Nguyễn Thúc Lương	Nguyên Hiệu trưởng Trường Phổ thông Cơ sở thị trấn Đình Cả (huyện Võ Nhai)	NGŨT 2010
30	Phạm Việt Đức	Phó Hiệu trưởng Trường Đại học Sư phạm - Đại học Thái Nguyên	NGŨT 2012
31	Cao Văn Tiến	Hiệu trưởng Trường Trung học Phổ thông Gang Thép (thành phố Thái Nguyên)	NGŨT 2012
32	Mạc Thị Chung	Phó Hiệu trưởng Trường Trung học Phổ thông Chuyên Thái Nguyên	NGŨT 2014
33	Trần Thị Nguyệt	Giáo viên Trường Trung học Phổ thông Chuyên Thái Nguyên	NGŨT 2014
34	Trần Văn Hưng	Hiệu trưởng Trường Trung học phổ thông Đại Từ	NGŨT 2014

TT	HỌ VÀ TÊN	CHỨC VỤ ĐƠN VỊ KHI ĐƯỢC PHONG TẶNG	NĂM
35	Nguyễn Thị Quốc Hòa	Hiệu trưởng Trường Trung học phổ thông Chu Văn An (thành phố Thái Nguyên)	NGŨT 2014
36	Trần Quốc Đạt	Chuyên viên Sở Giáo dục và Đào tạo Thái Nguyên	NGŨT 2014
37	Lê Thị Việt Hoa	Hiệu trưởng Trường Trung học cơ sở Yên Đỗ (huyện Phú Lương)	NGŨT 2014
38	Trần Thị Thúy Hương	Hiệu trưởng Trường Tiểu học Bình Thuận (huyện Đại Từ)	NGŨT 2014
39	Trịnh Thị Vân	Hiệu trưởng Trường Tiểu học thị trấn Sông Cầu (huyện Đồng Hỷ)	NGŨT 2014
40	Thái Văn Cương	Trưởng phòng Giáo dục và Đào tạo Định Hóa	NGŨT 2017
41	Lương Thị Thu Hằng	Hiệu trưởng Trường Phổ thông Dân tộc nội trú Nguyễn Bình Khiêm (huyện Võ Nhai)	NGŨT 2017

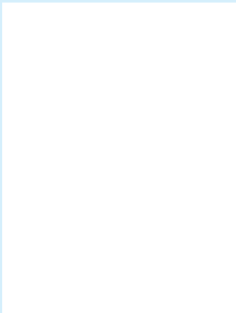
TT	HỌ VÀ TÊN	CHỨC VỤ ĐƠN VỊ KHI ĐƯỢC PHONG TẶNG	NĂM
42	Chu Thị Hoa	Chuyên viên Phòng Giáo dục và Đào tạo thành phố Thái Nguyên	NGŨT 2017
43	Nguyễn Thị Phương Lan	Hiệu trưởng Trường Trung học cơ sở Nha Trang (thành phố Thái Nguyên)	NGŨT 2017
44	Phạm Thị Thu Nga	Giáo viên Trường Trung học phổ thông Chuyên Thái Nguyên	NGŨT 2017
45	Nguyễn Thị Thanh Nhân	Hiệu trưởng Trường Trung học cơ sở Trung Lương (huyện Định Hóa)	NGŨT 2017
46	Ngô Thị Quyên	Hiệu trưởng Trường Trung học phổ thông Gang Thép (thành phố Thái Nguyên)	NGŨT 2017
47	Trịnh Đức Thảo	Giáo viên Trường Trung học cơ sở Độc Lập (thành phố Thái Nguyên)	NGŨT 2017

TT	HỌ VÀ TÊN	CHỨC VỤ ĐƠN VỊ KHI ĐƯỢC PHONG TẶNG	NĂM
48	Phan Thị Bích Thủy	Giáo viên Trường Trung học cơ sở Đỗ Cận (thị xã Phổ Yên)	NGŨT 2017
49	Trần Thị Tiến	Hiệu trưởng Trường Tiểu học phường Phú Xá (thành phố Thái Nguyên)	NGŨT 2017
50	Nguyễn Thị Hồng Vân	Hiệu trưởng Trường Mầm non Quang Trung (thành phố Thái Nguyên)	NGŨT 2017

Phụ lục 2
TRƯỞNG TY, PHÓ TY VÀ GIÁM ĐỐC,
PHÓ GIÁM ĐỐC SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO TỈNH



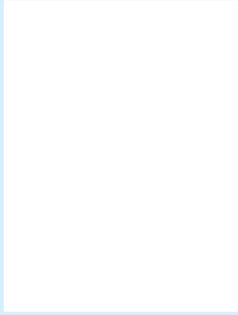
Đồng chí: Phạm Duy Nhuận
Trưởng ty Bình dân học vụ tỉnh Thái Nguyên
(1945 - 1950)



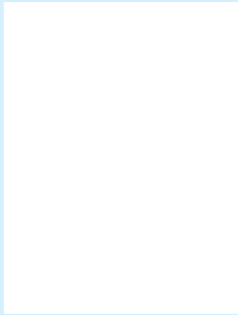
Đồng chí: Nguyễn Minh Tụng
Trưởng ty Tiểu học tỉnh Thái Nguyên
(1946 - 1950)



Đồng chí: Dương Xuân Nghiên
(1921 - 1999)
Trưởng ty Giáo dục tỉnh Thái Nguyên
(Giữa năm 1951 - 4/1953)



Đồng chí: Vũ Hữu Phan
Phó ty Giáo dục tỉnh Thái Nguyên
(1950 - 1952)



Đồng chí: Trần Đình Long
Phó ty Giáo dục tỉnh Thái Nguyên
(1952 - 1953)



Đồng chí: Nguyễn Doãn Thuyết
(1913 - 2012).

Quê quán xã Ngọc Mỹ, huyện Quốc Oai, tỉnh Hà Tây (nay thuộc thành phố Hà Nội); trú quán của gia đình phường Hoàng Văn Thụ, thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên; Trưởng ty Giáo dục tỉnh Thái Nguyên (4/1953 - 8/1957); được tặng thưởng *Huân chương Kháng chiến chống Pháp hạng Nhì, Huân chương Kháng chiến chống Mĩ cứu nước hạng Nhất, Huân chương Lao động hạng Ba, Huy hiệu 60 năm tuổi Đảng*. Được phong tặng danh hiệu *Nhà giáo Ưu tú* năm 1994.



Đồng chí: Đặng Đức Thái
(1904 - 1983)

Quê quán xã Trung Lập, huyện Mỹ Hào, tỉnh Hưng Yên; trú quán phường Quang Trung, thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên; Phó ty Giáo dục tỉnh Thái Nguyên (1950 - 1957).



Đồng chí: Phạm Đức Tuệ
(1906 - 1991)

Quê quán xã Xuân Hòa, huyện Xuân Trường, tỉnh Nam Định; trú quán xã Cù Vân, huyện Đại Từ, tỉnh Thái Nguyên; Phó ty Giáo dục tỉnh Thái Nguyên (1957 - 1965); Trưởng phòng Bồi dưỡng văn hóa - Ty Giáo dục; được tặng thưởng *Huân chương Kháng chiến chống Pháp hạng Ba*, *Huân chương Kháng chiến chống Mỹ cứu nước hạng Nhì*.



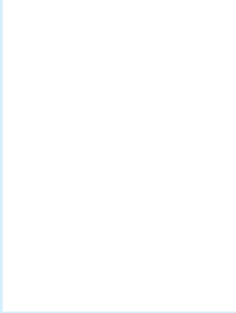
Đồng chí: Nguyễn Ngọc Nhưòng

(1909 - 1990): Quê quán xã Hiến Nam, huyện Kim Động, tỉnh Hưng Yên; trú quán phường Hoàng Văn Thụ, thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên; Trưởng ty Giáo dục tỉnh Thái Nguyên (1958 - 1965), Phó ty Giáo dục tỉnh Bắc Thái (1965 - đầu 1968), Trưởng ty Giáo dục tỉnh Bắc Thái (đầu 1968 - 1972); được tặng thưởng *Huân chương Kháng chiến chống Pháp hạng Ba*, *Huy chương Kháng chiến chống Mỹ cứu nước hạng Nhất*, truy tặng *Danh hiệu Nhà giáo Ưu tú* năm 1990.



Đồng chí: Ma Khánh Bằng
(1929 - 2009)

Quê quán, trú quán xã Định Biên, huyện Định Hóa, tỉnh Thái Nguyên; Phó ty Giáo dục tỉnh Thái Nguyên (1957 - 10/1962); được tặng thưởng *Huy chương Kháng chiến chống Pháp hạng Nhất, Huân chương Kháng chiến chống Mỹ cứu nước hạng Nhất.*



Đồng chí: Đinh Quang Nhiễu
Phó ty Giáo dục tỉnh Thái Nguyên
(1961 - 1965)



Đồng chí: Nguyễn Quang Hiệu
(1923 - 1980)

Quê quán, trú quán xã Nam Tiến, huyện Phổ Yên, tỉnh Thái Nguyên; Phó ty Giáo dục tỉnh Thái Nguyên (1962 - 1965); được tặng thưởng *Huân chương Kháng chiến chống Pháp hạng Ba, Huy chương Kháng chiến chống Mỹ cứu nước hạng Nhất, Huy hiệu 30 năm tuổi Đảng.*



Đồng chí Ma Quang Thuộc
(1929 - 1989)

Quê quán, trú quán xã Bình Yên, huyện Định Hóa, tỉnh Thái Nguyên; Phó ty, Phó Giám đốc sở Giáo dục các tỉnh Thái Nguyên, Bắc Thái (1963 - 1985); được tặng thưởng *Huân chương Kháng chiến chống Mỹ cứu nước hạng Ba*.



Đồng chí: Hoàng Khai Tung
(1913 - 2007)

Quê quán thị trấn Phủ Thông, huyện Bạch Thông, tỉnh Bắc Kạn; trú quán của gia đình phường Quang Trung, tp Thái Nguyên; Trưởng ty Giáo dục tỉnh Bắc Thái (7/1965 - đầu năm 1968); được tặng thưởng *Huân chương Kháng chiến chống Pháp hạng Ba, Huy chương Kháng chiến chống Mỹ cứu nước hạng Nhất*.



Đồng chí: Nông Văn My
(1916 - 1996)

Quê quán, trú quán xã Đông Viên, huyện Chợ Đồn, tỉnh Bắc Kạn; Phó ty Giáo dục tỉnh Bắc Thái (1965 - 1970); được tặng thưởng *Huân chương Kháng chiến chống Pháp hạng Ba*. danh hiệu *Nhà giáo Ưu tú*



Đồng chí: Nguyễn Thị Phương Hảo
(1933 - đã từ trần)

Trú quán nhà số D5, ngách 299/24, đường Hoàng Mai, quận Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội; Phó ty Giáo dục tỉnh Bắc Thái (1971 - 1976).



Đồng chí: Chu Thế Kỳ

Bí danh Nguyễn Việt Kim (1925 - 2018)
Quê quán phố Quang Trung, thị xã Hải Dương, tỉnh Hải Dương; trú quán của gia đình phường Quang Trung, thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên; Trưởng ty, Giám đốc Sở Giáo dục tỉnh Bắc Thái (1972 - 1983); được tặng thưởng Huân chương Kháng chiến chống Mỹ cứu nước hạng Ba, Huy hiệu 40 năm, 50 năm, 60 năm, 70 năm tuổi Đảng; danh hiệu Nhà giáo Ưu tú.



Đồng chí: La Văn Ngâm

Sinh năm 1932, quê quán xã Ngọc Phái, huyện Chợ Đồn, tỉnh Bắc Kạn; trú quán phường Huyền Tung, thành phố Bắc Kạn, tỉnh Bắc Kạn; Phó Giám đốc, Giám đốc sở Giáo dục tỉnh Bắc Thái (1983 - 1987); được tặng thưởng Huân chương Kháng chiến chống Mỹ cứu nước hạng Nhì; danh hiệu Nhà giáo Ưu tú.



Đồng chí: Bùi Điệp

Sinh năm 1942, quê quán xã Yên Bắc, huyện Duy Tiên, tỉnh Hà Nam; trú quán phường Hoàng Văn Thụ, thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên; Phó ty, Phó Giám đốc sở Giáo dục tỉnh Bắc Thái (1980 - 1986).



Đồng chí: Lương Đình Lũng

Sinh năm 1938, quê quán, trú quán Phường Hoàng Văn Thụ, thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên; Phó ty, Phó Giám đốc Sở Giáo dục tỉnh Bắc Thái (1980 - 1983); được tặng thưởng *Huân chương Kháng chiến chống Mỹ cứu nước hạng Ba*.



Đồng chí: Hoàng Văn Pao

(1939 - 2003) Quê quán xã Yên Phúc, huyện Văn Quan, tỉnh Lạng Sơn; trú quán phường Hoàng Văn Thụ, thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên; Phó Giám đốc (1983 - 1987), Giám đốc Sở Giáo dục tỉnh Bắc Thái (1987 - 1991).



Đồng chí: Nguyễn Thị Thịnh

(Sinh năm 1941 - đã từ trần)

Quê quán xã Đức Hợp, huyện Kim Động, tỉnh Hưng Yên; trú quán phường Hoàng Văn Thụ, thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên; Phó Giám đốc Sở Giáo dục tỉnh Bắc Thái (1985 - 1989).



Đồng chí: Nguyễn Văn Bền

Sinh năm 1949, quê quán xã Phượng Tiến, huyện Định Hóa, tỉnh Thái Nguyên; trú quán phường Thịnh Đán, thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên; Phó Giám đốc Sở Giáo dục tỉnh Bắc Thái (1990 - 1996); được tặng thưởng *Huân chương Kháng chiến chống Mỹ cứu nước hạng Ba*; danh hiệu *Nhà giáo Nhân dân*.



Đồng chí: Long Thị Minh Hòa

(1951 - 2007)

Quê quán xã Quế Phong, huyện Quảng Hòa, tỉnh Cao Bằng; trú quán phường Hoàng Văn Thụ, thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên; Phó Giám đốc Sở Giáo dục và Đào tạo các tỉnh Bắc Thái, Thái Nguyên (1991 - 1998).



Đồng chí: Lục Văn Vận

Sinh năm 1935; quê quán xã Phương Viên, huyện Chợ Đồn, tỉnh Bắc Cạn; trú quán phường Đông Quang, thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên; Phó ty Giáo dục tỉnh Bắc Thái (1974 - 1980), Giám đốc Sở Giáo dục và Đào tạo các tỉnh Bắc Thái, Thái Nguyên (1991 - 7/1998); được tặng thưởng *Huân chương Kháng chiến chống Mỹ cứu nước hạng Nhì, Huân chương Lao động hạng Ba, Huy hiệu 55 năm tuổi Đảng.*



Đồng chí: Lê Duy Vỹ

Sinh năm 1949; quê quán xã Nhã Lộng, huyện Phú Bình, tỉnh Thái Nguyên; trú quán phường Hoàng Văn Thụ, thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên; Phó Giám đốc (9/1997 - 6/1998), Giám đốc Sở Giáo dục và Đào tạo Thái Nguyên (7/1998 - 2009); được tặng thưởng *Huân chương Lao động hạng Nhì; Huy hiệu 40 năm, 45 năm tuổi Đảng.*



Đồng chí: Vũ Thị Nga

Sinh năm 1959, quê quán tỉnh Tuyên Quang; trú quán phường Quang Trung, thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên; Phó Giám đốc Sở Giáo dục và Đào tạo Thái Nguyên (2008 - 2014).



Đồng chí: Nguyễn Quang Hiền
(1947 - 2006)

Quê quán xã Dân Tiến, huyện Việt Yên, tỉnh Bắc Giang; trú quán phường Hoàng Văn Thụ, thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên; Phó Giám đốc Sở Giáo dục và Đào tạo Thái Nguyên (1998 - 2006); được tặng thưởng *Huân chương Lao động hạng Ba*.



Đồng chí: Ngô Thượng Chính

Sinh năm 1958; quê quán xã Tân Phú, huyện (nay là thị xã) Phổ Yên, tỉnh Thái Nguyên; trú quán phường Hoàng Văn Thụ, thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên; Phó Giám đốc Sở Giáo dục và Đào tạo Thái Nguyên (1998 - 2018).



Đồng chí: Nguyễn Mạnh Sơn

Sinh năm 1960; quê quán xã Văn Hội, huyện Ninh Giang, tỉnh Hải Dương; trú quán phường Phan Đình Phùng, thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên, Phó Giám đốc Sở Giáo dục và Đào tạo Thái Nguyên (2010 - 2020).



Đồng chí Bùi Đức Cường
(1958 - 2014)

Quê quán, trú quán phường Trưng Vương, thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên; Giám đốc Sở Giáo dục và Đào tạo Thái Nguyên (4/2009 - 12/2014).



Đồng chí: Phạm Việt Đức

Sinh năm 1968; quê quán xã Nghĩa Hòa, huyện Tư Nghĩa, tỉnh Quảng Ngãi; trú quán phường Hoàng Văn Thụ, thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên; Phó Giáo sư, Tiến sĩ - Giám đốc Sở Giáo dục và Đào tạo Thái Nguyên từ tháng 5/2015; được tặng thưởng *Huân chương Lao động hạng Ba*; Danh hiệu *Nhà giáo Ưu tú*.



Đồng chí: Nguyễn Văn Hưng

Sinh năm 1976; quê quán và trú quán xã Tiên Hội, huyện Đại Từ, tỉnh Thái Nguyên; Phó Giám đốc Sở Giáo dục và Đào tạo Thái Nguyên từ tháng 5/2015.



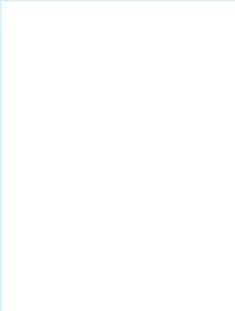
Đồng chí: Nguyễn Đức Thịnh

Sinh năm 1973; quê quán xã Văn Nhuê, huyện Ân Thi, tỉnh Hưng Yên; trú quán xã Lâu Thượng, huyện Võ Nhai, tỉnh Thái Nguyên; Phó Giám đốc Sở Giáo dục và Đào tạo Thái Nguyên từ tháng 11/2018.

Phụ lục 3
THƯ KÍ, PHÓ THƯ KÍ VÀ CHỦ TỊCH,
PHÓ CHỦ TỊCH CÔNG ĐOÀN NGÀNH GIÁO DỤC TỈNH



Đồng chí: Bùi Quang Nhưong
Thư kí Công đoàn ngành Giáo dục tỉnh Thái Nguyên (? - ?).



Đồng chí: Đặng Náo
Thư kí Công đoàn ngành Giáo dục tỉnh Thái Nguyên (? - ?).



Đồng chí: Nguyễn Huy Khánh
(1927 - 2008)

Quê quán xã Thượng Đình, huyện Thanh Trì, thành phố Hà Nội; trú quán phường Tân Thịnh, thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên; Thư kí Công đoàn ngành Giáo dục tỉnh Thái Nguyên (1956 - 1959); được tặng thưởng *Huân chương Kháng chiến chống Pháp hạng Ba*, *Huân chương Kháng chiến chống Mỹ cứu nước hạng Nhất*, *Huân chương Lao động hạng Ba*.



Đồng chí: Phạm Văn Kim
(1908 - 1979)

Quê quán xã Liêm Tuyền, huyện Thanh Liêm, tỉnh Hà Nam; trú quán phường Hoàng Văn Thụ, thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên; Thư kí Công đoàn ngành Giáo dục tỉnh Bắc Thái (1966 - 1968); được tặng thưởng *Huân chương Kháng chiến chống Pháp hạng Ba*, *Huân chương Kháng chiến chống Mỹ cứu nước hạng Nhất*, *Huân chương Lao động hạng Ba*.



Đồng chí: Nguyễn Văn Phúc

Thư kí Công đoàn ngành Giáo dục tỉnh Bắc Thái



Đồng chí: Lại Đức Thông
(1922 - 1987)

Quê quán xã Đông Vinh, huyện Đông Hưng, tỉnh Thái Bình; trú quán phường Trưng Vương, thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên; Thư kí Công đoàn ngành Giáo dục tỉnh Bắc Thái (1968 - 1970); được tặng thưởng *Huân chương Kháng chiến chống Mỹ cứu nước hạng Nhì*.



Đồng chí: Nguyễn Văn Nga

Thư kí Công đoàn ngành Giáo dục tỉnh Bắc Thái (1970 - 1972); được tặng thưởng *Huân chương kháng chiến chống Pháp hạng Ba*, *Huân chương Kháng chiến chống Mỹ cứu nước hạng Nhất*.



Đồng chí: Đỗ Đình Khích

Sinh năm 1934; quê quán xã Ma Lan, huyện Thanh Ba, tỉnh Phú Thọ; trú quán phường Quang Vinh, thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên; Thư kí Công đoàn ngành Giáo dục tỉnh Bắc Thái (1972 - 1982); được tặng thưởng *Huân chương Kháng chiến chống Mỹ cứu nước hạng Nhì*, *Huy hiệu 55 năm tuổi Đảng*.



Đồng chí: Lê Cao Thái

Sinh năm 1940; quê quán xã Thanh Thủy, huyện Thanh Liêm, tỉnh Hà Nam; trú quán phường Hoàng Văn Thụ, thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên; Phó Thư kí Công đoàn ngành Giáo dục tỉnh Bắc Thái (1977 - 1980); được tặng thưởng *Huân chương Kháng chiến chống Mỹ cứu nước hạng Ba*, *Huy chương Vì sự nghiệp giáo dục*, *Huy hiệu 50 năm tuổi Đảng*.



Đồng chí: Nguyễn Thanh Phong

Sinh năm 1940; quê quán xã Xuân Sơn, huyện Đô Lương, tỉnh Nghệ An; trú quán phố Trịnh Hoài Đức, thành phố Hà Nội; Thư kí Công đoàn ngành Giáo dục tỉnh Bắc Thái (1982 - 1986); được tặng thưởng *Huân chương Kháng chiến chống Mỹ cứu nước hạng Ba*.



Đồng chí: Trần Thị Thủy

Sinh năm 1942; quê quán xã Phương Viên, huyện Chợ Đồn, tỉnh Bắc Kạn; trú quán phường Đông Quang, thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên; Chủ tịch Công đoàn ngành Giáo dục tỉnh Bắc Thái (1986 - 1991); được tặng thưởng *Huân chương Kháng chiến chống Mỹ cứu nước hạng Ba, Huy hiệu 40 năm, 50 năm tuổi Đảng*.



Đồng chí: Nông Thị Lịch

Sinh năm 1945; quê quán xã Bằng Mạc, huyện Chi Lăng, tỉnh Lạng Sơn; trú quán phường Gia Sàng, thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên; Phó Chủ tịch Công đoàn ngành Giáo dục tỉnh Bắc Thái (1990 - 2001); *Huy hiệu 40 năm, 45 năm tuổi Đảng*.



Đồng chí: Nguyễn Ngọc Kim

(1949 - đã từ trần): Quê quán xã An Lão, huyện Kim Động, tỉnh Hải Dương; trú quán phường Hoàng Văn Thụ, thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên; Chủ tịch Công đoàn ngành Giáo dục các tỉnh Bắc Thái, Thái Nguyên (1990 - 1998); được tặng thưởng *Huân chương Lao động hạng Ba*.



Đồng chí: Nguyễn Thị Hòa Bình

Sinh năm 1957; quê quán xã Hồng Vân, huyện Thường Tín; trú quán phường Phúc Xá, quận Ba Đình, thành phố Hà Nội; Phó Chủ tịch Công đoàn ngành Giáo dục tỉnh Thái Nguyên (2001 - 2006).



Đồng chí: Đồng Văn Đạt

Sinh năm 1958; quê quán xã Hồng Tiến, huyện (nay là thị xã) Phổ Yên, tỉnh Thái Nguyên; trú quán phường Tân Thịnh, thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên; Chủ tịch Công đoàn ngành Giáo dục tỉnh Thái Nguyên (1998 - 2002).



Đồng chí: Ma Đình Hiếu

Sinh năm 1956; quê quán xã Định Biên, huyện Định Hóa, tỉnh Thái Nguyên; trú quán phường Hoàng Văn Thụ, thành phố Thái Nguyên; Chủ tịch Công đoàn ngành Giáo dục tỉnh Thái Nguyên (2002 - 2016).



Đồng chí: Nguyễn Thị Hồng Ngân

Sinh năm 1960; quê quán Phố Cũ, thị xã Cao Bằng, tỉnh Cao Bằng; trú quán phường Trung Thành, thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên; Phó Chủ tịch Công đoàn ngành Giáo dục tỉnh Thái Nguyên (2007 - 2015).



Đồng chí: Nguyễn Văn Hải

Sinh năm 1970; quê quán xã Kim Đồi, huyện Cẩm Giàng, tỉnh Hải Dương; trú quán phường Tích Lương, thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên; Chủ tịch Công đoàn ngành Giáo dục tỉnh Thái Nguyên (từ tháng 1/2017).



Đồng chí: Nguyễn Thị Thảo

Sinh năm 1972; quê quán xã Hưng Mỹ, huyện Hưng Nguyên, tỉnh Nghệ An; trú quán phường Hoàng Văn Thụ, thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên; Phó Chủ tịch Công đoàn ngành Giáo dục tỉnh Thái Nguyên (từ năm 2016).

MỘT SỐ HÌNH ẢNH



Trường Kiêm bị Thái Nguyên (năm 1940)



Sau ngày hòa bình lập lại (21/7/1954), nhân dân Thái Nguyên hăng hái tham gia phong trào xóa nạn mù chữ và học tập bổ túc văn hóa



Chủ tịch Hồ Chí Minh thăm Trường Lương Ngọc Quyến
(13/3/1960)



Một số đại biểu dự Liên hoan tấm gương sáng
ngành Giáo dục tỉnh Bắc Thái lần thứ nhất (3/3/1983)



Đồng chí Nguyễn Phú Trọng (ngoài cùng bên trái), Ủy viên Thường vụ Thường trực Bộ Chính trị về thăm và trồng cây lưu niệm tại Trường Trung học phổ thông Lương Ngọc Quyến, (năm 1998)



Hội nghị tổng kết 10 năm chống mù chữ và phổ cập giáo dục tiểu học tỉnh Thái Nguyên (1990 - 2000)



Đại hội thi đua ngành Giáo dục
và Đào tạo tỉnh Thái Nguyên lần thứ nhất (năm 2000)



Hội Khuyến học tỉnh Thái Nguyên tặng Bằng khen cho một số cán bộ, hội viên tiêu biểu (năm 2012)



Phó Chủ tịch nước Đặng Thị Ngọc Thịnh
thăm Trường Giáo dục trẻ em thiệt thòi tỉnh Thái Nguyên (năm 2020)



Tập thể dục giữa giờ của học sinh Trường Trung học cơ sở La Hiên,
huyện Võ Nhai (năm 2008)



Đại hội thành lập Hội Cựu giáo chức thị trấn Giang Tiên,
huyện Phú Lương (năm 2011)



Cô và trò Trường Mầm non Khe Mo, huyện Đồng Hỷ
Trường đạt Chuẩn quốc gia mức độ I (năm 2013)



Trường Mầm non Tân Khánh, huyện Phú Bình (năm 2013)



Hoạt động ngoài trời của cô và trò Trường Mầm non Cù Vân,
huyện Đại Từ (năm 2015)



Trường Tiểu học Phúc Chu, huyện Định Hóa (năm 2015)



Trường Trung học cơ sở Nam Tiến, huyện Phổ Yên
Trường chuẩn quốc gia giai đoạn 1 năm 2012



Lễ Khai giảng năm học 2015 - 2016 của Trường Tiểu học Nguyễn Huệ, thành phố Thái Nguyên,
Trường đạt chuẩn quốc gia giai đoạn 1 năm 2015



Lễ Khai giảng năm học mới của Trường Tiểu học Đội Cấn,
phường Hoàng Văn Thụ, thành phố Thái Nguyên (năm 2015)

TÀI LIỆU THAM KHẢO CHÍNH

1- Đào Duy Anh (1965), *Đất nước Việt Nam qua các đời*. Nxb Khoa học, Hà Nội.

2- Báo cáo tổng kết các năm học của Ty Giáo dục tỉnh Thái Nguyên, Bắc Thái; của Sở Giáo dục và Đào tạo tỉnh Bắc Thái, Thái Nguyên.

3- Các chỉ thị, nghị quyết, báo cáo hằng năm của Tỉnh ủy Bắc Thái, Tỉnh ủy Thái Nguyên.

4- Các báo cáo hằng năm của Ủy ban Kháng chiến - Hành chính, Ủy ban Hành chính, Ủy ban Nhân dân tỉnh Bắc Thái, Thái Nguyên.

5- *Đại Nam thực lục, Đế nhị kỷ - Tập V* (1963), Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội.

6- Đảng bộ tỉnh Thái Nguyên (1997), *Văn kiện Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh lần thứ XV*.

7- Đảng bộ tỉnh Thái Nguyên (2001), *Văn kiện Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh lần thứ XVI*.

8- Đảng bộ tỉnh Thái Nguyên (2006), *Văn kiện Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh lần thứ XVII*.

9- Đảng Cộng sản Việt Nam (1995), *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VIII*, Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội.

10- *Đào tạo thế hệ trẻ của dân tộc thành những người chiến sĩ cách mạng dũng cảm, thông minh, sáng tạo* (1969), Nxb Giáo dục, Hà Nội.

11- *Lịch sử Trường Trung học phổ thông Lương Ngọc Quyến (1946 - 2010)*, xb 2011.

12- Nguyễn Xuân Minh (Chủ biên), Phạm Tất Quynh, Nguyễn Văn Thắng, Vũ Thanh Khôi, Hà Huy Hoàng (2005), *Lịch sử Đảng bộ tỉnh Thái Nguyên - Tập II (1965 - 2000)*.

13- Đỗ Văn Ninh (2002), *Từ điển chức quan Việt Nam*, Nxb Thanh niên, Hà Nội.

14- Phạm Tất Quynh (Chủ biên), Nguyễn Xuân Minh, Nguyễn Văn Thắng, Nguyễn Thị Hương Canh, Vũ Thanh Khôi, Dương Công Nhuận, Nguyễn Thu Huyền (2003), *Lịch sử Đảng bộ tỉnh Thái Nguyên - Tập I (1936 - 1965)*.

15- Viện Mác - Lênin (2000), *Hồ Chí Minh Toàn tập - Tập 4 (1945 - 1946)*, Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội.

16- Viện Sử học (2002), *Việt Nam - Những sự kiện lịch sử (1945 - 1975)*, Nxb Giáo dục, Hà Nội.

17- Vụ Công tác lập pháp (2005), *Những nội dung mới của Luật Giáo dục năm 2005*, Nxb Tư pháp, Hà Nội.

MỤC LỤC

LỜI GIỚI THIỆU..... 3

MỘT SỐ PHẦN THƯỞNG CAO QUÝ..... 5

MỞ ĐẦU: KHÁI QUÁT TÌNH HÌNH GIÁO DỤC TỈNH THÁI NGUYÊN THỜI THUỘC PHÁP (1884 - 1945)..... 13

 I- Tỉnh Thái Nguyên: Quê hương, con người và truyền thống 13

 II- Giáo dục tỉnh Thái Nguyên thời thuộc Pháp (1884 - 1945)..... 27

Chương I: NGÀNH GIÁO DỤC TỈNH THỜI KÌ 1945 - 1954..... 32

 I- Ngành Giáo dục tỉnh trong những năm đầu kháng chiến chống thực dân Pháp (1945 - 1950) 32

 II- Ngành Giáo dục tỉnh trong những năm cuối kháng chiến chống thực dân Pháp (1950 - 1954) 56

Chương II: NGÀNH GIÁO DỤC TỈNH THỜI KÌ 1954 - 1975 66

 I- Ngành Giáo dục tỉnh trong 10 năm hòa bình xây dựng chủ nghĩa xã hội ở miền Bắc (1954 - 1965)..... 66

 II- Ngành Giáo dục tỉnh trong những năm cả nước có chiến tranh (1965 - 1975)..... 94

Chương III: NGÀNH GIÁO DỤC TỈNH THỜI KÌ 1975 - 1996.. 131

 I- Ngành Giáo dục tỉnh trong những năm trước khi thực hiện đường lối đổi mới đất nước (1975 - 1986)..... 131

II- Ngành Giáo dục tỉnh trong những năm thực hiện đường lối đổi mới đất nước (1986 - 1996)	156
Chương IV: NGÀNH GIÁO DỤC TỈNH THỜI KÌ 1996 - 2015 ..	176
I- Ngành Giáo dục tỉnh trong những năm đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước (1996 - 2005)	176
II- Ngành Giáo dục tỉnh trong những năm tiếp tục thực hiện đường lối đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước (2005 - 2015)	203
KẾT LUẬN	234
PHỤ LỤC	248
MỘT SỐ HÌNH ẢNH.....	275
TÀI LIỆU THAM KHẢO CHÍNH	284

LỊCH SỬ

NGÀNH GIÁO DỤC TỈNH THÁI NGUYÊN

(1945 - 2015)

Chịu trách nhiệm về nội dung

PGS.TS Phạm Việt Đức
Giám đốc Sở Giáo dục và Đào tạo Thái Nguyên

Trình bày

Nhâm Quốc Hưng
Lê Minh Hải
Phạm Văn Hùng

In 2.000 cuốn, khổ 16 x 24 cm tại Công ty TNHH in Tiến Dâu, Thành phố Thái Nguyên.
Giấy phép số 221/GP-STTTT do Sở Thông tin và Truyền thông Thái Nguyên Cấp ngày
11/12/2020. In xong nộp lưu chiểu năm 2020.